

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**



**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỔ
1930 - 1975**

NĂM 2005

Ảnh bìa 1:
**TƯỢNG ĐÀI KỶ NIỆM
CUỘC BIỂU TÌNH
CỦA NHÂN DÂN
ĐỨC PHỐ
CHIẾM HUYỆN ĐƯỜNG
(NGÀY 8 - 10 - 1930)**

L 3025
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI

LỊCH SỬ

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ

(1930 - 1975)

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

Kính Tặng

2005

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐỨC PHỔ

Chỉ đạo biên soạn:
Tập sách xuất bản năm 1995
NGUYỄN ĐỨC TÂM
CAO VĂN LÊ
HOÀNG NAM CHU
Tập sách tái bản năm 2005
LÊ QUANG THÍCH,
NGUYỄN THANH TÂM,
VÕ DUY TRINH.

Biên soạn:
Tập sách xuất bản năm 1995
NGUYỄN NGỌC OANH

HOÀNG VĂN BẢY
Tập sách tái bản năm 2005
VÕ VĂN HÀO.

Các đồng chí tham gia giúp đỡ biên soạn:
PHẠM NHỚ, TẠ THANH,
CAO VIẾT HẠNH, TRẦN ĐỨC MINH,
NGUYỄN THÁI BÌNH.



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)

Lời nói đầu

Bốn mươi lăm năm là một khoảng thời gian không dài trong lịch sử của một đất nước, một dân tộc. Đối với lịch sử phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ trong suốt bốn mươi lăm năm ấy (1930-1975) có biết bao biến cố đã diễn ra, biết bao sự kiện và con người làm nên lịch sử đã xuất hiện. Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ luôn tự hào là nơi ra đời của Đảng bộ Quảng Ngãi, là một trong những địa phương luôn đi đầu trong các phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để tái hiện trang sử hào hùng của Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ trong giai đoạn 1930 - 1975, từ năm 1990 đến năm 1995 Ban Thường vụ Huyện uỷ đã chỉ đạo tổ chức sưu tầm, nghiên cứu xác minh tư liệu để xuất bản tập sách Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ giai đoạn 1930-1975. Từ đó đến nay, tập sách đã được đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong, ngoài huyện đón đọc với tất cả sự trân trọng và tự hào về một giai đoạn lịch sử hào hùng của Đảng bộ và nhân dân huyện nhà. Ban Thường vụ Huyện uỷ cũng đã nhận được nhiều ý kiến góp ý, bổ sung tư liệu của đồng bào, đồng chí, của những người con quê hương Đức Phổ đang sinh sống ở mọi miền của Tổ quốc. Với lòng mong muốn tiếp tục hoàn thiện hơn tập lịch sử Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung chỉ đạo nghiên cứu, thẩm định tư liệu để chỉnh biên tập sách trên. Đến nay việc chỉnh biên tập *Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ giai đoạn 1930-1975 (tái bản có sửa chữa, bổ sung)* đã hoàn thành.

Tập sách dựa trên những tư liệu, tài liệu đã được Ban Thường vụ Huyện uỷ thẩm định, xuất bản năm 1995, đồng thời bổ sung thêm các tư liệu, tài liệu, các nhận định, đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử trong phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ từ năm 1930 đến năm 1975.

Tập sách đã được các nhân chứng lịch sử qua các thời kỳ cách mạng của Đảng bộ huyện đóng góp bổ sung tư liệu, sự kiện, giúp đỡ đánh giá, thẩm định. Tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng chắc chắn tập sách không tránh khỏi thiếu sót, hạn chế. Ban Thường vụ Huyện uỷ rất mong nhận được ý kiến góp ý của đồng chí, đồng bào để những lần xuất bản sau tập sách ngày càng hoàn thiện. Nhân dịp tập sách được tái bản, Ban Thường vụ Huyện uỷ xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo trong các thời kỳ cách mạng của huyện, các bậc lão thành cách mạng, đồng chí, đồng bào trong và ngoài huyện, Hội đồng hương Đức Phổ ở các tỉnh, thành phố trong cả nước, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu trong quá trình tổ chức biên soạn tập sách.

Chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2005 và Đại hội Đảng bộ các cấp, đặc biệt là Đại hội lần thứ XVIII của Đảng bộ huyện Đức Phổ, Ban Thường vụ Huyện uỷ trân trọng giới thiệu với cán bộ, đảng viên, nhân dân trong huyện và bạn đọc tập sách này.

Đức Phổ, tháng 9 năm 2005.

TM/ BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

BÍ THƯ

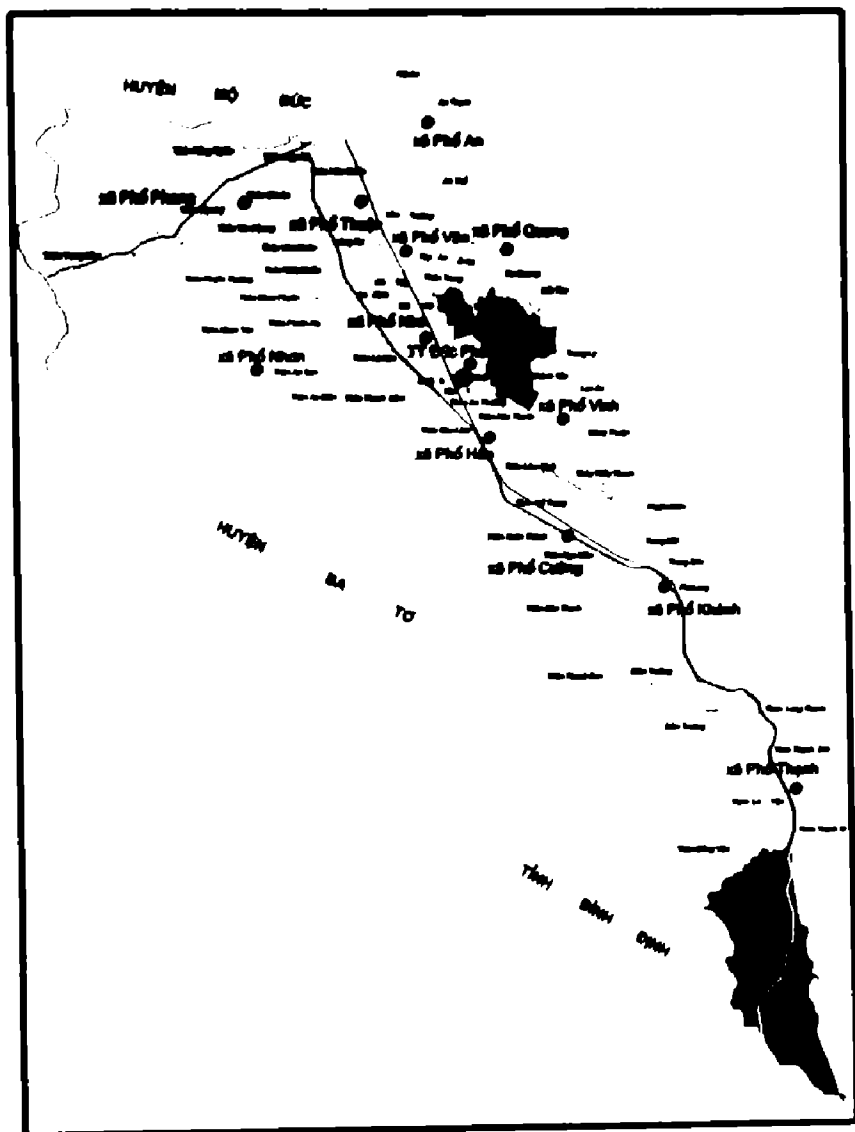
Lê Quang Thích



Huân chương phong tặng danh hiệu
“Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” huyện Đức Phổ



Bản đồ hành chính huyện Đức Phổ



Bản đồ hành chính huyện Đức Phổ

MỞ ĐẦU

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

1/ Điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế - xã hội.

Huyện Đức Phổ nằm ở phía nam tỉnh Quảng Ngãi, trải dài từ 14, 31° đến 14,60° vĩ bắc, giữa 108, 49° đến 109,05° kinh đông⁽¹⁾. Chiều dài của huyện từ bắc vào nam là 38 km, chiều ngang từ tây sang đông nơi rộng nhất là 21 km, phía bắc giáp huyện Mộ Đức, phía nam giáp huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định, phía tây giáp huyện Ba Tơ, phía đông giáp Biển Đông. Diện tích 381,86 km², dân số: 149.973 người⁽²⁾. Đức Phổ được thành lập năm 1899 gồm 3 tổng Cẩm Đức, Quý Đức và Lại Đức. Đến năm 1906, 3 tổng đổi thành Phổ Cẩm, Phổ Tri và Phổ Vân với 78 làng.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, huyện Đức Phổ lấy tên là huyện Nguyễn Nghiêm. Ba tổng: tổng Phổ Cẩm lấy tên là tổng Trần Kha, tổng Phổ Tri lấy tên là tổng Huỳnh Lâu, tổng Phổ Vân lấy tên là tổng Phan Bằng.

Đầu năm 1946, theo chủ trương của Trung ương, cấp tổng giải thể, các làng được hợp nhất thành xã. Toàn huyện có 13

⁽¹⁾ Chiều dài của huyện là khoảng cách giữa vĩ tuyến đi qua điểm cực bắc (thôn Hội An) và vĩ tuyến đi qua điểm cực nam của huyện (thôn Vĩnh Tuy). Chiều ngang chỗ rộng nhất là từ núi Cửa (Phổ Vinh) đến thôn Vực Liêm (Phổ Phong).

⁽²⁾ Theo Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2004. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi .

xã là Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ An, Phổ Nhơn, Phổ Ninh, Phổ Hoà, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Khánh, Phổ Cường, Phổ Thạnh. Các làng cũ được gọi là thôn.

Hiện nay huyện Đức Phổ có 15 xã, thị trấn, gồm thị trấn Đức Phổ và các xã Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ An, Phổ Nhơn, Phổ Ninh, Phổ Hoà, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Khánh, Phổ Cường, Phổ Thạnh và Phổ Châu.

Đức Phổ là một trong những huyện có thiên nhiên rất thơ mộng của tỉnh Quảng Ngãi. Liên Trì đục nguyệt⁽¹⁾ là một trong 12 cảnh đẹp từ nghìn xưa, là một trong những biểu tượng của mảnh đất và con người Quảng Ngãi. Sa Huỳnh, địa danh thuộc xã Phổ Thạnh, có bãi biển du lịch nổi tiếng, đồng thời là chiếc nôi của nền văn hoá lâu đời trên đất Việt⁽²⁾. Ở Sa Huỳnh vẫn còn có nhiều di tích văn hoá cổ xưa như lăng Ông Nam Hải, miếu Thiên Yana, miếu bà Thủy... Làng Tân Hội, núi Xương Rồng, sông Trà Câu, cửa Mỹ Á ... từ bao đời là những cảnh đẹp của người dân xứ Quảng, gắn liền với những sự kiện lịch sử hào hùng của dân tộc. Tân Hội, quê hương của đồng chí Nguyễn Nghiêm - Bí thư Tỉnh uỷ đầu tiên của Quảng Ngãi, nơi ra đời của Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi. Núi Xương Rồng là nơi thành lập tổ chức “Dự bị

(1) Hồ sen thuộc thôn Mỹ Thuận, xã Phổ Thuận.

(2) Sa Huỳnh là địa danh thuộc xã Phổ Thạnh. Khái niệm Văn hoá Sa Huỳnh xuất hiện từ thời Pháp thuộc. Những nghiên cứu từ sau ngày thống nhất đất nước cho biết văn hoá Sa Huỳnh cách nay khoảng 3.375 năm, thuộc sơ kỳ đồng thau, có phạm vi phân bố từ Tây Nguyên đến duyên hải miền Trung, từ Quảng Bình đến miền Đông Nam bộ và có quan hệ giao lưu với nhiều khu vực văn hoá khác trong nước và trong vùng Đông Nam Á. (Theo Đặc san Báo Quảng Ngãi Tết Giáp Tuất, năm 1994).

Cộng sản” tháng 7/1929 - làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ tỉnh. Huyện đường Đức Phổ, nơi diễn ra cuộc nổi dậy của hàng ngàn đồng bào đánh chiếm huyện, mở đầu cao trào đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đoạn sông Trà Câu, gần cửa Mỹ Á là nơi diễn ra hội nghị đại biểu liên tỉnh ngày 23/4/1935, quyết định chuyển tổ chức Địa phương chấp uỷ Trung Trung kỳ thành Ban Cán sự Trung Nam của Xứ uỷ Trung kỳ. Núi Dầu Rái (thuộc xã Phổ Phong) là một trong 2 chiến khu cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Đức Phổ cũng là nơi đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng sống thuở ấu thơ và chứng kiến cụ thân sinh Trần Văn Phổ - một viên tri huyện nổi tiếng thanh liêm - tuần tiết giữa huyện đường vì không chịu cung cấp lương thảo cho thực dân Pháp đàn áp nhân dân trong vùng. Những tên đất, tên làng ở Đức Phổ đã đi vào lịch sử như chiếc nôi nuôi dưỡng nhiều chiến sỹ cộng sản toàn tỉnh trong những năm đầu Đảng bộ mới ra đời lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi chống thực dân Pháp. Qua hai cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại của dân tộc, nhiều địa danh ở Đức Phổ đã trở thành di tích lịch sử- văn hoá được Bộ Văn hoá thông tin và Ủy ban Nhân dân tỉnh công nhận như Huyện đường Đức Phổ (Thị trấn), Quay Mỏ (Phổ Cường), chiến thắng Phổ An, Cầu Giác (Phổ Thuận)⁽¹⁾ v.v..

Địa hình Đức Phổ không thuận nhất. Vùng tây và nam chiếm phần lớn diện tích toàn huyện, mang tính chất bán sơn

⁽¹⁾ Xem: Di tích và thắng cảnh Quảng Ngãi, Sở Văn hoá-Thông tin Quảng Ngãi, 2001.

địa, tiếp giáp với vùng rừng núi của dãy Trường Sơn hùng vĩ. Nhiều dãy núi lan ra đến biển làm cho địa hình lồi lõm với những đèo dốc liên tiếp, phong cảnh thật hữu tình. Trên quốc lộ số 1 có đèo Mỹ Trang, đèo Cao, đèo Tắt. Ngoài mấy xã vùng phía đông bắc đất đai bằng phẳng với những cánh đồng lúa khá rộng, ở phía tây và nam chỉ có những lõm đồng bằng nhỏ hẹp, còn phần lớn là đất gò đồi. Ở phía bắc có sông Trà Cầu, nguồn nước tươi rất quan trọng của cả vùng. Phía tây huyện có địa thế thuận lợi để xây dựng những hồ chứa nước.

Theo số liệu thống kê, hiện nay toàn huyện có 12.261,3 ha diện tích đất nông nghiệp, chiếm 33% diện tích tự nhiên. Trong đó: diện tích đất trồng lúa có 5.752,9 ha (chiếm 46,9%), đất trồng màu và cây công nghiệp hàng năm có 3.508,4 ha (chiếm 28,6%), đất trồng rau đậu có 2.197 ha (chiếm 17,9%), đất trồng các loại cây lâu năm có 711,9 ha (chiếm 5,8%), đất có mặt nước dùng trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản có 950 ha (chiếm 10,8%), trong đó chuyên nuôi trồng thủy sản có 120 ha.

Đất lâm nghiệp toàn huyện có 6.853,9 ha, chiếm 18% diện tích đất tự nhiên. Trong đó, đất rừng tự nhiên có 1.977,8 ha (chiếm 28,8 %), đất rừng trồng có 4.876,1 ha (chiếm 71,2%).

Đất cát ven biển toàn huyện có 538 ha, chiếm 1% diện tích đất tự nhiên.

Vùng ven biển Đức Phổ có một số đầm hồ rất thích hợp trong nuôi trồng thủy sản như đầm Lâm Bình, đầm An Khê, đầm nước mặn Sa Huỳnh, đầm Bù Nú.

Đức Phổ không có núi cao. Núi cao nhất như núi Xương Rồng - nằm giữa hai xã Phổ Phong và Phổ Thuận - cũng chỉ

700 mét. Các núi còn lại như núi Chúa ở phía tây xã Phổ Khánh cao 596 mét, núi Chớp Vung ở xã Phổ Hoà cao 235 mét, núi Dầu ở giữa hai xã Phổ Cường, Phổ Khánh cao 164 mét, núi Giàng Hạ ở Phổ Minh cao 150 mét.

Đức Phổ có 4 con sông lớn là sông Trà Câu, sông Thoa, sông Trường, sông Lò Bó. Trong đó sông Trà Câu - một trong những con sông lớn của tỉnh Quảng Ngãi - bắt nguồn từ vùng núi Ngang, núi Đá Chát ở độ cao 400 mét, thuộc huyện Ba Tơ, chảy qua Đức Phổ có chiều dài 32 km, theo hướng tây - đông, nhập lưu với sông Thoa tại Sa Bình, Phổ Minh, rồi đổ ra cửa Mỹ Á. Các sông còn lại đều ngắn như sông Lò Bó dài 8 km, sông Thoa dài 8 km, sông Trường dài 4 km. Tất cả đều đổ ra cửa Mỹ Á.

Bờ biển Đức Phổ dài 42 km, với hai cửa biển là Sa Huỳnh và Mỹ Á. Việc giao lưu bằng đường biển thông qua hai cửa biển này đã phát đạt từ đầu thế kỷ XX. Các loại ghe thuyền, nhất là ghe bầu được nhân dân làm phương tiện vận chuyển trao đổi các loại hàng hoá: đường mật đi các tỉnh phía bắc, đồ nan, đồ gốm đi các tỉnh phía nam và mua về các loại hàng công nghệ và một phần lương thực. Dọc bờ biển Đức Phổ, thiên nhiên tạo nên đồng muối Sa Huỳnh, nổi tiếng khắp các vùng miền trong cả nước.

Ngoài đường biển, Đức Phổ còn có hệ thống đường bộ như: quốc lộ 1A chạy song song với đường sắt xuyên Việt kéo dài từ phía bắc đến phía nam huyện, quốc lộ 24 bắt đầu từ Thạch Trụ (Mộ Đức) qua Phổ Phong lên Ba Tơ đến giáp quốc lộ 14. Trong những năm gần đây, hệ thống giao thông liên huyện, liên xã phát triển tương đối mạnh mẽ, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc giao lưu, đi lại trao đổi hàng hoá của nhân dân. Theo thống kê, đến nay huyện Đức Phổ có 236,9 km đường liên huyện, liên xã. Trong đó, có các tuyến huyết mạch như: tuyến thị trấn Đức Phổ đi Phổ Vinh dài 6,8 km; tuyến Trà Câu đi qua Phổ Văn, Phổ Thuận, Phổ Phong giáp km7, quốc lộ 24, dài 7,6 km; tuyến thị trấn Đức Phổ đi Mỹ Á dài 4,3 km; tuyến thị trấn Đức Phổ đi nông trường 24/3 dài 11,8km; tuyến Mỹ Trang (Phổ Cường) đi Vĩnh An (Phổ Khánh) dài 6,3 km. Ngoài ra, còn có các tuyến đường khác như Thủy Thạch - Quy Thiện, Trà Câu - Đò Mốc, Trà Câu - Bến Bè, Phổ Ninh - Ba Khâm (Ba Tơ), Mỹ Trang - Phổ Vinh, Quán Vịt - Phổ Phong, Trà Câu - Thủy Triều, mỗi tuyến dài từ 3 đến 6 km.

Cũng như các tỉnh miền trung và tỉnh Quảng Ngãi, khí hậu ở Đức Phổ nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa. Mỗi năm có hai mùa mưa, nắng rõ rệt. Mùa nắng từ tháng 1 đến tháng 9, nắng nóng gay gắt, thường gây khô hạn, bất lợi cho sản xuất nông nghiệp. Mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 12, thường gây lũ lụt, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

Nhân dân Đức Phổ sống chủ yếu bằng nghề nông. Ở phía tây, một số nơi có nghề trồng và khai thác rừng. Ở phía đông, ven biển có nhiều đầm phá, nhân dân sống bằng nghề đánh cá, làm muối. Đặc biệt, vùng biển Sa Huỳnh là nơi nghỉ mát có từ thời Pháp thuộc, cũng là nơi có những sản phẩm nổi tiếng như mắm nhum, cua huỳnh đế, tôm hùm. Về thủ công, Đức Phổ có nghề mộc rải rác trong huyện, nghề làm đồ gốm ở Giếng Thí (Phổ Khánh), nghề làm nước mắm ở Sa Huỳnh,

Mỹ Á và ở thị trấn, nghề nấu đường ở nhiều nơi, nhất là ở phía tây huyện. Các nghề kéo sợi, dệt vải, nghề đan lát mây tre, chằm tơ, đan nón, cần xà cừ... là những nghề phụ, phổ biến khắp nơi trong huyện.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến, Đức Phổ chưa có điều kiện để phát triển toàn diện, nhưng có nền kinh tế đa dạng, có tiềm lực, có khả năng tự cấp, tự túc lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm phục vụ đời sống. Đồng thời, một số sản phẩm đã trở thành hàng hoá được trao đổi ở nhiều nơi trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, tính chất của nền kinh tế thuộc địa nửa phong kiến và chính sách bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp trước đây đã kìm hãm quá trình phát triển của nền kinh tế hàng hoá ở Đức Phổ.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân Đức Phổ sống dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Đế quốc Pháp vừa thực hiện chính sách thực dân vừa duy trì chế độ phong kiến phản động để cai trị nhân dân. Do đó, cơ cấu xã hội giai cấp ở Đức Phổ mặc dù phải chịu ảnh hưởng tính chất của xã hội đương thời, nhưng vẫn có nét riêng là số lượng địa chủ không nhiều, phần lớn lại là địa chủ nhỏ. Nông dân chiếm đa số dân cư, nhưng lại không có hoặc thiếu ruộng đất, phải chịu sưu cao thuế nặng, cuộc sống nghèo nàn, lạc hậu. Tầng lớp tư sản ít ỏi, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương nghiệp, vận tải hành khách. Giai cấp công nhân không đáng kể, chủ yếu là công nhân làm đường sắt. Trí thức, tiểu tư sản gồm một số giáo viên, công chức nhỏ là những người có học thức, có ảnh hưởng tốt trong nhân dân. Họ ý thức được nỗi nhục của người

dân mất nước, nên sẵn sàng đứng về phía nhân dân lao động chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

Trước Cách mạng tháng Tám, do chính sách ngu dân của thực dân Pháp, toàn huyện Đức Phổ chỉ có 2 trường tiểu học (gồm 1 trường công, 1 trường tư thực) và một số trường sơ học ở các làng. Do đó, toàn huyện có đến 90% dân số mù chữ. Mặc dù vậy, con người Đức Phổ vốn cần cù, thông minh và hiếu học, tuy không nhiều các bậc khoa bảng lớn, nhưng vẫn có những nhà hoạt động xã hội, những trí thức yêu nước lớn⁽¹⁾.

2/ Truyền thống yêu nước.

Dưới ách thống trị của các triều đại phong kiến phản động, nhân dân Đức Phổ đã tích cực đóng góp sức người, sức của cho nhiều cuộc khởi nghĩa. Trong cuộc khởi nghĩa Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII, đô đốc Trần Quang Diệu, một vị tướng tài ba của nghĩa quân Tây Sơn là người thôn Kim Giao, xã Phổ Thuận đã cùng vợ là đô đốc Bùi thị Xuân và đông đảo nhân dân Đức Phổ đã tham gia nghĩa quân. Thôn Vực Liêm (Phổ Phong) trở thành nơi tập luyện của quân sỹ, nơi luyện voi của nghĩa quân Tây Sơn.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân Đức Phổ đã tích cực tham gia phong trào Cần Vương, do các nhà yêu nước ở Quảng Ngãi như Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân⁽²⁾ khởi

⁽¹⁾ Xem: Quảng Ngãi - Đất nước - con người - văn hoá, Sử Văn hoá thông tin tỉnh Quảng Ngãi, 2001.

⁽²⁾ Lê Trung Đình (quê ở huyện Sơn Tịnh), Nguyễn Tự Tân (quê ở huyện Bình Sơn), lãnh tụ phong trào Cần Vương của tỉnh Quảng Ngãi. Hai ông đã lãnh đạo nghĩa quân Cần Vương chiếm thành Quảng Ngãi, ngày 13/7/1885.

xướng và lãnh đạo. Tiếp đó, nhân dân Đức Phổ đã tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp do Nguyễn Bá Loan⁽¹⁾ đứng đầu. Đồ Diệt, một người chỉ huy trẻ tuổi quê Đức Phổ, giữ chức phó tướng của nghĩa quân.

Đầu thế kỷ XX, cũng như khắp các tỉnh miền Nam Trung kỳ, nhân dân Đức Phổ sôi nổi tham gia phong trào Duy Tân, cự sưu khất thuế do các cụ Huỳnh Thúc Kháng và Phan Chu Trinh khởi xướng. Trong đó có các nhà hoạt động nổi tiếng như cụ tú Nguyễn Tuyên⁽²⁾, Phan Long Bằng⁽³⁾... Tham gia phong trào Duy Tân còn có ông cử Mai (thường gọi là ông Huyện Sầm) người làng Kim Giao (Phổ Thuận). Trong phong trào Duy Tân, ở các làng Tân Hội, Hùng Nghĩa (Phổ Phong), Lộ Bàn (Phổ Ninh) có các trường khai dân trí, nơi học tập của nhiều hội viên Hội Duy Tân ở các nơi trong tỉnh. Trong cuộc vận động xuất dương, một trong những thanh niên Đức Phổ

⁽¹⁾ Nguyễn Bá Loan (quê ở huyện Mộ Đức), lãnh tụ phong trào Cần Vương, Khất thuế ở tỉnh Quảng Ngãi.

⁽²⁾ Cụ Nguyễn Tuyên - thân sinh đồng chí Nguyễn Nghiêm - tham gia phong trào Duy Tân, khất thuế ở Quảng Ngãi bị thực dân Pháp bắt và đày đi Côn Đảo năm 1908. Đến năm 1917 ra tù, cụ về quê dạy học, bốc thuốc Bắc, tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ tiếp tục đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai.

⁽³⁾ Ông Phan Long Bằng, sinh 1889 tại làng Thanh Sơn, xã Phổ Cường - con cụ tú tài Phan Thắng - nổi tiếng thông minh, thông thạo cả chữ Nho và chữ Pháp. Năm 1905, khi đang dự kỳ thi Hương ở Bình Định được tin các cụ Phan Chu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng phát động phong trào Duy Tân, ông cùng một số thí sinh bỏ trường thi, tham gia phong trào Duy Tân. Năm 1908, ông được Hội Duy Tân cử vào hỗ trợ phong trào ở Bình Định, bị địch bắt và xử chém khi ông đang chỉ huy vây thành Bình Định ngày 30/4/1908.

được cử đi học nước ngoài là Võ Tùng⁽¹⁾. Trong các phong trào tiếp theo, nhân dân huyện Đức Phổ luôn có mặt trong các cuộc vận động cách mạng lớn của cả nước và trong vùng. Năm 1916, hưởng ứng phong trào Việt Nam Quang phục hội, nhân dân Đức Phổ đã quyên góp lương thực, mua sắm vũ khí, tổ chức lực lượng và lập chiến khu ở phía tây xã Phổ Cường chống thực dân Pháp và tay sai. Năm 1926, cụ tú Phạm Đình Hoè⁽²⁾ đã vận động nhân dân hưởng ứng phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh - nhà yêu nước nổi tiếng, lãnh tụ khởi xướng phong trào đòi cải cách theo xu hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam.

Cũng như nhiều địa phương khác trong tỉnh và cả nước, phong trào yêu nước của nhân dân Đức Phổ trước khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời luôn luôn nổi rõ tính chất đấu tranh chống quan lại của triều đình phong kiến phản động và thực dân Pháp xâm lược. Các phong trào đó nổ ra liên tục vì mục tiêu kinh tế là chủ yếu. Do đó, hình thức đấu tranh của các

⁽¹⁾ Năm 1910, đồng chí Võ Tùng, quê ở làng An Tây (Phổ Nhơn) được cử vào học Trường quân sự Hoàng Phố, Quảng Đông (Trung Quốc). Đồng chí có một thời gian được cử sang hoạt động ở Thái Lan. Về sau đồng chí gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tết Nguyên đán năm Canh Ngọ (1930). Võ Tùng và Đặng Thái Thuyền đi dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng, nhưng không đến kịp. Sau khi gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí được cử làm Bí thư tổ chức cộng sản Việt Nam ở Thái Lan. Không lâu sau đó, đồng chí bị thực dân Pháp bắt đưa về nước và kết án khổ sai chung thân đầy đi Lao Bảo. Sau khi thoát khỏi nhà đầy Lao Bảo, đồng chí tiếp tục hoạt động trong phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi.

⁽²⁾ Cụ Phạm Đình Hoè (quê làng An Lạc, xã Phổ Hoà) đỗ tú tài Hán học. Ông học chữ Quốc ngữ và dạy học ở trường làng. Do hoạt động yêu nước, ông bị địch bắt, tù khổ sai 9 năm.

phong trào yêu nước là chống bọn Tây đoan cướp bóc sản phẩm của nông dân làm nghề muối, nghề làm thuốc lá, chống bọn quan lại, cường hào ở các địa phương, các thôn, xã nhùng nhieu, bóc lột nông dân. Các cuộc đấu tranh đó, tuy được tầng lớp trí thức Nho học, Tây học lãnh đạo, có tổ chức chặt chẽ và lời cuốn đông đảo nhân dân tham gia, nhưng do thiếu đường lối cứu nước đúng đắn, thiếu giai cấp tiên phong lãnh đạo, thiếu hệ tư tưởng tiên tiến dẫn đường nên đã bị thất bại, bị thực dân Pháp và triều đình phong kiến nhà Nguyễn đàn áp đẫm máu.

*

* *

Đức Phổ là vùng đất có thiên nhiên giàu đẹp, nơi sinh ra những con người giàu lòng yêu quê hương, đất nước; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất xây dựng cuộc sống; dũng cảm, ngoan cường, bất khuất trong chiến đấu bảo vệ quê hương; thủy chung, trọng nghĩa tình, đạo lý... Một miền đất thời nào cũng là nơi hội ngộ của những người có chí lớn. Đặc biệt là từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đức Phổ đã được lịch sử chọn là nơi ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, là mảnh đất tôi luyện bản lĩnh, khí phách của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên của Đảng. Đức Phổ đã đi vào lịch sử và đồng hành cùng dân tộc trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, giành độc lập, tự do, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

PHẦN THỨ NHẤT

QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1929-1945)

Chương I

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỔ RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930- 1931

1/ Cuộc vận động thành lập Đảng bộ huyện. Vai trò của đồng chí Nguyễn Nghiêm.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta đến đầu thế kỷ XX, nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào yêu nước chống chế độ thực dân, phong kiến phản động của nhân dân ta liên tục diễn ra, nhưng đều thất bại. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu đường lối đúng đắn, thiếu tổ chức chặt chẽ và lực lượng cần thiết. Cách mạng Việt Nam ở trong tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước.

Trong bối cảnh đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước. Người đã đến với chủ nghĩa Mác- Lênin và khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Sau một thời gian tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức, ngày 3-2-1930 Người đã chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản,

thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, là điều kiện cơ bản quyết định tương lai phát triển của đất nước.

Ở Quảng Ngãi, những năm đầu của thế kỷ XX phong trào yêu nước theo tư tưởng cứu nước mới của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã được cụ Trần Kỳ Phong⁽¹⁾ và một số thanh niên, trí thức tiến bộ đang học ở Huế, Hà Nội tiếp thu và truyền bá, phổ biến cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Lần lượt sau đó, các tổ chức Hội thiếu niên ái quốc, Công ái xã⁽²⁾... được thành lập với mục đích tuyên truyền, phổ biến những tư tưởng cứu nước mới của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong tầng lớp thanh niên. Năm 1925, được tin Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên thành lập, Công ái xã đã cử đồng chí Nguyễn Thiệu⁽³⁾ tìm bắt liên lạc. Trải qua các cuộc đấu tranh trong nội bộ các tổ chức yêu nước ở Quảng Ngãi, năm 1926 Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên Quảng Ngãi được thành

⁽¹⁾ Cụ Trần Kỳ Phong (1872-1941), quê ở huyện Bình Sơn. Cụ tham gia phong trào Cần vương, Duy Tân, Khất thuốc, bị địch bắt và đày đi Côn Đảo. Năm 1921, cụ được phóng thích và trở về quê hương tiếp tục tuyên truyền đường lối cứu nước mới theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lê nin.

⁽²⁾ Hội thiếu niên ái quốc, Công ái xã là các tổ chức yêu nước được thành lập ở Mộ Đức.

⁽³⁾ Đồng chí Nguyễn Thiệu (1903-1989), quê huyện Mộ Đức. Đồng chí là một trong những người tham gia sáng lập An Nam Cộng sản Đảng ở Nam kỳ. Ngày 3/2/1930, đồng chí tham gia Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (Trung Quốc), Xứ uỷ viên Nam kỳ, Bí thư Liên tỉnh Bến Tre-Mỹ Tho- Cà Mau thời kỳ 1930-1931; Tỉnh uỷ viên, Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ đầu 1945-1954. Sau năm 1954, đồng chí tập kết ra Bắc. Cuối năm 1964 nghỉ hưu và mất năm 1989.

lập do đồng chí Trương Quang Trọng⁽¹⁾ làm Bí thư. Ngay sau đó Tỉnh bộ đã mở các lớp huấn luyện, truyền đạt nội dung, chương trình, điều lệ của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, xuất bản báo Dân cày, Thanh niên, thành lập cơ quan ấn loát tại Hùng Nghĩa (Phổ Phong) để tuyên truyền các bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu (Trung Quốc). Một trong những người hoạt động xuất sắc của Tỉnh bộ là đồng chí Nguyễn Nghiêm.⁽²⁾

Nhờ sự hoạt động tích cực của Ban chấp hành Tỉnh bộ mà người đại diện ở Đức Phổ là đồng chí Nguyễn Nghiêm, tổ chức của hội trong huyện phát triển mạnh. Đầu năm 1928, toàn huyện có hơn 20 hội viên chính thức và hàng chục hội viên dự bị. Huyện bộ thành lập nông hội và các tổ chức thể dục, thể thao, ái hữu, đồng canh, trợ táng. Huyện bộ còn mở

⁽¹⁾ Đồng chí Trương Quang Trọng (1905-1931), quê huyện Sơn Tịnh. Đồng chí là một trong những người tham gia thành lập Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tổ chức Dự bị Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 19/8/1929, đồng chí bị địch bắt và đày đi Kon Tum. Đồng chí hy sinh ngày 12/12/1931 trong cuộc đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc của thực dân Pháp.

⁽²⁾ Đồng chí Nguyễn Nghiêm sinh năm 1904 tại thôn Tân Hội (Phổ Phong), là con cụ tú tài Nguyễn Tuyên. Với tư chất thông minh, đồng chí Nguyễn Nghiêm học giỏi cả chữ Hán và chữ quốc ngữ. Trong những năm 1923-1924, đồng chí tiếp xúc với các nhà cách mạng trong lĩnh, tham gia thành lập Công ái xã, Việt Nam Cách mạng Đảng. Năm 1927, đồng chí tham gia thành lập Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tỉnh Quảng Ngãi và được bầu vào Ban chấp hành. Đồng chí được giao nhiệm vụ xúc tiến thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi. Tháng 3 năm 1930, Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi được thành lập và đồng chí được cử làm Bí thư. Ngày 6/3/1931 đồng chí bị địch bắt và bị xử chém vào ngày 23/4/1931.



Đồng chí

NGUYỄN NGHIÊM (1904 - 1931)

Bí thư đầu tiên Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, người có công đầu
trong việc thành lập Đảng bộ huyện Đức Phổ

một số hiệu buôn để làm cơ sở kinh tài và làm nơi liên lạc như: Kim Thạch ở Sa Huỳnh (Phổ Thạnh), Quảng Minh Đường ở Hải Môn (Phổ Minh), Nguyễn Tuyên ở Trà Câu (Phổ Văn), Mỹ Thành ở thị trấn Đức Phổ. Dưới sự lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, phong trào quần chúng được khởi dậy với những nội dung chống mê tín dị đoan, tệ cúng bái đình đám là gánh nặng đối với dân nghèo lúc bấy giờ. Hội vận động quần chúng đấu tranh đòi xây dựng trường học, đòi quyền bình đẳng ở hương thôn. Làng Liên Chiểu (Phổ Thuận), Hùng Nghĩa (Phổ Phong), Văn Trường, Tập An (Phổ Văn) có phong trào mạnh nhất. Sa Huỳnh (Phổ Thạnh), Hải Môn (Phổ Minh), Tân Hội (Phổ Phong) là những nơi có các cơ quan và cơ sở ẩn lốt của Tỉnh bộ.

Hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã mang lại cho phong trào quần chúng trong huyện một không khí chính trị sôi động, với lực lượng, nội dung và phương pháp đấu tranh mới. Thực chất của bước tiến đó là phong trào cách mạng bắt gặp chủ nghĩa Mác- Lênin. Tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên huyện Đức Phổ xứng đáng là tổ chức tiền thân của Đảng bộ huyện. Trong số 11 đảng viên của chi bộ cộng sản đầu tiên của huyện đã có 7 hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên huyện. Nhiều hội viên và quần chúng cốt cán của Hội được kết nạp vào Đảng sau đó.

Nhưng Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên chưa đủ điều kiện để giữ vai trò của một tổ chức tiền phong lãnh đạo cách mạng. Từ năm 1928, những người lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ở Quảng Ngãi đã nhất trí nêu ra yêu cầu thành lập Đảng Cộng sản. Sau tháng 5 năm 1929, với sự

ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng, yêu cầu này càng trở nên cấp bách.

Tháng 7- 1929. tại Hội nghị ở núi Xương Rồng, những người lãnh đạo của Tỉnh bộ gồm Trương Quang Trọng, Phạm Viết My, Nguyễn Nghiêm, Đặng Tông, Hồ Độ, Lê Trọng Kha tuyên bố tất cả cán bộ, hội viên của Tỉnh bộ phải hoạt động theo tinh thần của một tổ chức cộng sản. Hội nghị quyết định thành lập tổ chức dự bị cộng sản để làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi. Sau hội nghị này các chi bộ dự bị cộng sản được lần lượt ra đời trong toàn tỉnh.

Trong vụ khủng bố tháng 8 năm 1929, địch đã bắt 21 thành viên của tổ chức Dự bị cộng sản tỉnh, trong đó có Trương Quang Trọng, Hồ Độ. Đồng chí Nguyễn Nghiêm trở thành người chịu trách nhiệm phụ trách Tỉnh bộ.

Ngày 3/2/1930 tại Hương Cảng (Trung Quốc), Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Không lâu sau đó, tháng 3/1930 đồng chí Nguyễn Nghiêm đã triệu tập đại biểu các huyện và một số đồng chí ở Nam bộ về làng Tân Hội để truyền đạt nghị quyết thống nhất Đảng trong toàn quốc, đồng thời tuyên bố chính thức thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên của Đảng bộ Quảng Ngãi và chuyển những chi bộ Dự bị cộng sản thành những chi bộ cộng sản; đồng thời bầu ra Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh. Đồng chí Nguyễn Nghiêm được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời. Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đánh dấu bước ngoặt lịch sử rất quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân tỉnh nhà. Lần lượt sau đó, các tổ chức Đảng được thành lập ở nhiều huyện trong tỉnh.

Tháng 4 năm 1930, Hội nghị thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên của huyện Đức Phổ được tổ chức tại làng Tân Hội. Số đảng viên của chi bộ là 11 đồng chí⁽¹⁾.

Hội nghị bầu Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ do đồng chí Nguyễn Suyền, người thôn Hùng Nghĩa, Phổ Phong làm Bí thư⁽²⁾.

Sự ra đời của Đảng bộ huyện Đức Phổ mở ra một thời kỳ phát triển mới trong lịch sử huyện nhà. Từ đây dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Đức Phổ cùng với nhân dân trong tỉnh đoàn kết đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai, giành độc lập, tự do cho tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân.

2/ Đảng bộ huyện Đức Phổ lãnh đạo cao trào cách mạng 1930-1931.

Hai tháng sau khi chi bộ đầu tiên được thành lập, toàn huyện có 4 chi bộ, 50 đảng viên. Các làng có đủ đảng viên để xây dựng thành tổ chức cơ sở là Tân Hội, Hùng Nghĩa (Phổ Phong), An Tây, Bích Chiểu (Phổ Nhơn), Liên Chiểu (Phổ Thuận), Văn Trường, Tập An (Phổ Văn). Các làng khác có đảng viên là An Thổ (Phổ An), An Ninh (Phổ Ninh), Hải Môn (Phổ Minh), các làng ở Phổ Cường, các làng Vĩnh An, Chí

⁽¹⁾ Trong số 11 đảng viên của chi bộ đầu tiên của huyện có các đồng chí: Nguyễn Suyền (Bí thư), Trần Kha, Mai Thí, Cao Luân, Huỳnh Quyền, Huỳnh Thị Diệu, Trần Kỳ, Nguyễn Kinh, Võ Thị Cơ. Đến tháng 8/1930, Tổng ủy Phổ Văn được thành lập gồm các đồng chí: Trần Thống, Nguyễn Hữu Mô, Phạm Xuân Hoà, Tạ Mỹ Ban, Nguyễn Lượng, Huỳnh Tiên, Nguyễn Quang Phổ, do đồng chí Trần Thống làm Bí thư Tổng ủy.

⁽²⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đầu tiên gồm các đồng chí: Nguyễn Suyền, Trần Kha, Trần Kỳ, Cao Luân, Huỳnh Quyền, Võ Thị Cơ.

Trung, Phú Long, Diên Trường (Phổ Khánh). Các đoàn thể như Nông hội đỏ, Thanh niên công sản đoàn, Hội phụ nữ, Tự vệ đỏ cũng được thành lập ngay sau khi Đảng bộ huyện ra đời. Các cơ sở ẩn luyệt lập ra trong thời kỳ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tỉnh tiếp tục được củng cố. Các tờ báo Dân cày, Bạn gái, Tiến lên được in và lưu hành bí mật trong đảng viên và quần chúng cách mạng. Những bài ca, bài về cách mạng truyền miệng phổ biến những vấn đề sơ lược về chủ nghĩa công sản và đường lối chủ trương của Đảng đến đảng viên và quần chúng. Các hiệu buôn do huyện bộ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên lập ra trước đây tiếp tục được duy trì.

Vừa mới ra đời, Đảng bộ bắt tay ngay vào việc phát động phong trào quần chúng, mở đầu là đợt vận động kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5 sôi nổi trong toàn huyện.

Đêm 30-4, nhiều cuộc mít tinh của quần chúng được tổ chức ở các làng Tân Hội, Hùng Nghĩa, Vạn Lý, Liên Chiêu, Văn Trường, An Thổ, Hải Môn, Tân Tự, An Ninh, Lộ Bàn, Chợ Cung, Sa Huỳnh.

Sáng ngày 1-5, cờ đỏ búa liềm, truyền đơn, áp phích xuất hiện ở nhiều nơi trong huyện suốt quãng đường 15 km trên quốc lộ 1, từ Thạch Trụ đến đèo Mỹ Trang. Đặc biệt, cờ Đảng được treo cao trên núi Giàng Hạ (Phổ Minh), núi Xương Rồng (Phổ Phong), cây gạo (trước ga Diên Trường, Phổ Khánh).

Sau đợt đấu tranh ngày 1-5, phong trào cách mạng trong cả nước, nhất là ở Nghệ- Tĩnh phát triển thành cao trào. Khí thế cách mạng trong Đảng bộ và quần chúng tỉnh nhà cũng tăng lên nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, tháng 6/1930 Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất được tổ chức tại làng Hùng Nghĩa,

Phổ Phong. Đại hội đã đề ra chủ trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối của Đảng, phát động phong trào quần chúng đấu tranh chống chế độ thực dân, phong kiến, đòi các quyền tự do, dân chủ...

Tháng 9-1930, Tỉnh uỷ quyết định phát động đợt đấu tranh trong toàn tỉnh với nội dung: Hưởng ứng và ủng hộ Xô viết-Nghệ Tĩnh, phản đối thực dân Pháp và tay sai đàn áp dã man đồng bào Nghệ -Tĩnh, phổ biến sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng nhằm nâng cao trình độ giác ngộ và tinh thần đấu tranh cách mạng của đảng viên và quần chúng, qua đấu tranh, đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiến lên một bước mới.

Khẩu hiệu đấu tranh là:

- Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến!
- Việt Nam hoàn toàn độc lập!
- Chính quyền về tay nhân dân!
- Giao xưởng máy cho thợ thuyền, ruộng đất cho dân cày!
- Giảm thuế điền, miễn thuế đinh, thuế đò, thuế chợ, xoá nợ, bỏ xấu!
- Thực hiện nam nữ bình đẳng!
- Tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại!
- Ủng hộ Nghệ An đỏ, phản đối đế quốc Pháp!
- Ủng hộ Liên bang Xô viết!

Hình thức đấu tranh là rải truyền đơn, treo băng cờ, tổ chức những cuộc mít tinh, biểu tình của quần chúng.

Căn cứ vào những điều kiện thuận lợi của Đức Phổ là huyện có tổ chức Đảng và phong trào quần chúng mạnh, lại

có cơ quan Tỉnh uỷ đóng trong huyện trực tiếp chỉ đạo, Tỉnh uỷ quyết định lấy Đức Phổ làm huyện mở đầu cho đợt đấu tranh trong toàn tỉnh.

Đầu tháng 10-1930, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện tổ chức hội nghị ở Tân Hội. Đồng chí Nguyễn Nghiêm đã dự hội nghị và thay mặt Tỉnh uỷ, chính thức công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ về phát động đợt đấu tranh trong toàn tỉnh, hội nghị thảo luận và thông qua kế hoạch tổ chức cuộc biểu tình trong huyện. Đồng chí Nguyễn Nghiêm trực tiếp lãnh đạo cuộc biểu tình. Ban lãnh đạo gồm một số đồng chí huyện uỷ viên. Đồng chí Cao Luân, huyện uỷ viên được phân công nắm tình hình địch trong huyện lỵ. Các đồng chí huyện uỷ viên khác trực tiếp lãnh đạo các làng.

Toàn thể đảng viên được quán triệt nội dung, kế hoạch và được giao trách nhiệm đi đến từng gia đình quần chúng cách mạng tuyên truyền, động viên và hướng dẫn quần chúng chuẩn bị chu đáo cho cuộc biểu tình.

Để chi viện cho cuộc biểu tình ở Đức Phổ, Tỉnh uỷ giao nhiệm vụ cho các tổ chức Đảng ở các huyện Mộ Đức, Ba Tơ huy động quần chúng ngã cây, lăn đá làm chướng ngại vật trên quốc lộ 1A từ Thạch Trụ đến Thi Phổ và trên quốc lộ 24, từ Thạch Trụ đến gần châu lỵ Ba Tơ. Tỉnh uỷ còn cho lập các đội “phòng triệt” và “phòng ngăn” làm nhiệm vụ canh gác trên các con đường đi về tỉnh lỵ, bắt giữ bọn mật thám, lý, hương đi báo tin cho địch.

Tối ngày 7-10, theo kế hoạch thống nhất, quần chúng biểu tình từ các làng trong huyện kéo về điểm tập kết tại gò Cây

Thị, gần trường Lộ Bàn (Phổ Ninh) theo 2 hướng: quần chúng các làng thuộc Phổ Phong đi sang hướng Bích Chiêu rồi cùng quần chúng Phổ Nhơn vượt đèo Eo Gió đi về điểm tập kết; quần chúng các làng thuộc Phổ Minh, Phổ Văn, Phổ An, Phổ Thuận thì về điểm tập kết qua hướng Liên Chiêu, vượt sông Trà Câu cùng với quần chúng các làng phía đông Phổ Ninh đã chờ sẵn.

Nửa đêm ngày 7-10, lực lượng biểu tình từ hơn 20 làng trong huyện đã có mặt đông đủ tại điểm tập kết trên gò Cây Thị, gần trường Lộ Bàn. Một cuộc mít tinh được tổ chức. Đại diện của Tỉnh uỷ lên diễn thuyết vạch trần tội ác của thực dân, phong kiến, tuyên truyền đường lối của Đảng và cổ vũ tinh thần quần chúng.

Sau đó, đoàn biểu tình hàng ngũ chỉnh tề, xếp theo đoàn, đội, có đoàn trưởng, đội trưởng chỉ huy. Mọi người mang dù (gậy), dây thừng, cơm gói, một số người tay cầm cờ đỏ búa liềm. Đồng chí Lê Long (người Phổ Ninh) và đồng chí Huỳnh Long Thụy (người Phổ Phong) phát cao cờ Đảng dẫn đầu, tiếp theo là những người mang băng, biểu ngữ. Đoàn biểu tình gồm 3000 người bừng bừng khí thế tiến về huyện lỵ. Tiếng hô khẩu hiệu, tiếng hét: Tiến lên! Tới! Tới! xen lẫn tiếng trống mõ. Trong đoàn biểu tình có các đội tự vệ giữ gìn trật tự, động viên tinh thần đấu tranh của quần chúng, xử lý những trường hợp kém kỷ luật, nhụt ý chí. Đội phản gián theo dõi, phát hiện bọn phản động, mật thám, cùng với đội tự vệ trấn áp bọn phản động chống đối, bịt mắt những tên nguy hiểm dấy theo đoàn biểu tình.

Gần sáng, đoàn biểu tình đến huyện lỵ, lúc này số quần chúng tham gia lên tới 5.000 người. Hoảng sợ trước khí thế

của quần chúng, tri huyện Nguyễn Phan Lang và toàn bộ lại mục, lính tráng bỏ chạy. Những người biểu tình xông vào huyện đường, đốt cháy công văn, hồ sơ, ấn tín, giải phóng tù nhân trong trại giam, treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn... Trong tư thất của tri huyện có người biểu lộ lòng căm thù bằng hành động đập phá, nhưng tư trang vàng bạc vương vãi không ai đụng tới.

Sau khi làm chủ huyện đường, đoàn biểu tình tuần hành trong huyện lỵ và giải tán trước khi quân địch đem quân đến đàn áp.

Sự kiện này được Ban Tuyên truyền cổ động Tỉnh uỷ lúc bấy giờ viết lại bằng thơ:

Mười sáu tháng Tám (âm lịch).

Đêm thu trăng sáng,

Lúc canh hai đà thấp thoáng đông người.

Đến Gò Đa, Tân Hội,

Giục tiếng trống đầu tiên dũ dội,

Báo hiệu nhanh" giờ nổi vùng lên"

Hùng Nghĩa ba thôn

Văn Trường, Mỹ Thuận,

Trống mỗi phút, mỗi giây lan rộng

Khắp bầu trời ba tổng: Cẩm, Ca, Tri.

Chuẩn bị xong, người người kéo ra đi

Nào cơm gói,

Nào dù dây,

Nào cờ cầm tay,

Nào bãng, biểu ngữ.
Có toán phá ngõ⁽¹⁾,
Có toán vượt đồng,
Có toán phá đập⁽²⁾,
Có toán bãng sông
Tất cả về địa điểm tập trung.
Tại Lộ Bàn dăm đất bên trường,
Một giờ sáng ba nghìn người có mặt,
Một đồng chí giả người ở Bắc,
Bước lên đài diễn thuyết mọi người nghe,

Và lời kết thúc:

Giờ giải tán đoàn quân gần nửa vạn,
Phấn khởi về như thắng trận khải hoàn,
Từ đây thể đúc lá gan,
Dò lần theo Đảng lên đường đấu tranh⁽³⁾...

Cuộc biểu tình ngày 8/10/1930 của nhân dân Đức Phổ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ diễn ra hoàn toàn chủ động, với quy mô lớn, được tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ, đạt được những kết quả to lớn là một thành công xuất sắc của Đảng bộ trong điều kiện địch đang đẩy mạnh khủng bố trắng ở Nghệ Tĩnh và ráo riết đàn áp trong cả nước. Thắng lợi đó là

⁽¹⁾ Phá ngõ: Phá rào tạo thành lối đi.

⁽²⁾ Phá đập: Phá đập nước cho sông cạn để lợi qua.

⁽³⁾ Trích bài thơ về cuộc biểu tình ngày 8/10/1930 ở Đức Phổ. Bài thơ này sáng tác tập thể do đồng chí Nguyễn Hữu Mô hiệu đính và cung cấp.

kết quả phát triển của cao trào đấu tranh cách mạng của quần chúng ở một địa phương có một Đảng bộ và các tổ chức quần chúng phát triển mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin tưởng và hết lòng ủng hộ.

Đây là lần đầu tiên ở Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tầng lớp nhân dân ở Đức Phổ đã hình thành một đội quân chính trị hùng mạnh trực tiếp đánh vào bộ máy chính quyền thực dân và phong kiến tay sai và đã làm cho nó tê liệt. Cuộc đấu tranh đó báo hiệu một cao trào cách mạng mới đang dâng lên mạnh mẽ.

Thắng lợi cuộc biểu tình ngày 8/10/1930 của nhân dân Đức Phổ là kết quả phát triển cao trào đấu tranh cách mạng của quần chúng. Cuộc biểu tình đó nổ ra và thắng lợi ở Đức Phổ là do Đức Phổ sớm có một Đảng bộ mạnh với 50 đảng viên trong tổng số 80 đảng viên của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lúc bấy giờ. Đức Phổ lại là nơi có các đoàn thể quần chúng phát triển mạnh mẽ, gắn bó mật thiết với nhân dân. Khẩu hiệu mà Đảng bộ nêu ra như “Độc lập dân tộc, người cày có ruộng” có sức lôi cuốn mạnh mẽ tất cả đồng bào, đặc biệt là giai cấp nông dân.

Thành công của cuộc biểu tình còn cho thấy sự sáng tạo của Đảng bộ huyện trong việc đề ra mục tiêu đấu tranh, cách tổ chức và chỉ huy quần chúng tiến hành đấu tranh. Điều này còn ý nghĩa hơn trong điều kiện Đảng bộ vừa mới ra đời. Chính bọn cầm quyền thực dân lúc đó ở Quảng Ngãi đã phải thừa nhận rằng những người lãnh đạo cuộc biểu tình có một “uy tín rất lớn trong nhân dân”, có “trình độ tổ chức rất cao” và “rất thông minh”.



Đồng chí
HUỲNH TOÀN CẦU
Bí thư Huyện ủy 1930

Run sợ trước phong trào cách mạng của quần chúng, sau sự kiện ngày 8/10, thực dân Pháp lấy Đức Phổ làm trọng điểm đàn áp hồng uy hiếp tinh thần đảng viên và quần chúng, tiêu diệt tổ chức Đảng và phong trào cách mạng trong toàn tỉnh.

Địch điều về Đức Phổ lính Pháp và tay sai, lập ra các đoàn phu⁽¹⁾, rào làng, dựng chòi canh, bố trí tuần tra nghiêm ngặt. Chúng tổ chức các cuộc vây ráp vào các làng có phong trào cách mạng, đốt phá nhà cửa, lùng bắt đảng viên và quần chúng cách mạng.

Chính sách khủng bố trắng của địch đã làm cho Đảng bộ huyện bị tổn thất. Đồng chí Nguyễn Suyễn, Bí thư huyện uỷ và một số đồng chí huyện uỷ viên bị địch bắt. Đồng chí Cao Luân (người làng An Tây, Phổ Nhơn) đảm nhận công việc chung của Đảng bộ thay đồng chí Nguyễn Suyễn. Tuy nhiên, sau đó đồng chí Cao Luân cũng bị địch bắt.

Cuối tháng 11 năm 1930, đồng chí Nguyễn Nghiêm triệu tập cuộc họp để củng cố Ban Chấp hành Đảng bộ huyện⁽²⁾. Đồng chí Huỳnh Toàn Cầu (người thôn Văn Trường, Phổ Văn) được chỉ định làm Bí thư Huyện uỷ.

Quán triệt nội dung Nghị quyết tháng 10/1930 của Tỉnh uỷ do đồng chí Nguyễn Nghiêm truyền đạt, hội nghị vạch trần âm mưu và tội ác của địch, củng cố niềm tin, bảo vệ và củng cố tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng trước sự khủng bố

⁽¹⁾ Đoàn phu: Lực lượng bán vũ trang, được lấy từ dân làng. Cứ 10 người tổ chức thành đơn vị gọi là "thập", vì vậy còn gọi là "đoàn thập".

⁽²⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được củng cố, có thêm các đồng chí: Nguyễn Tuấn, Võ Thìn, Huỳnh Lương.

ác liệt của địch, giữ vững phong trào cách mạng. Để hạn chế tổn thất do địch khủng bố, hội nghị chủ trương cảnh cáo và trừng trị bọn tổng, lý phản động. bọn chỉ điểm chống phá cách mạng, đồng thời kết hợp với việc giáo dục, tranh thủ các hương chức, binh lính, đoàn phu đứng về phía nhân dân.

Thực hiện chủ trương trên, đầu tháng 12/1930, bắt chấp sự đàn áp của kẻ thù, quần chúng các làng phía bắc, phía đông huyện tổ chức những cuộc tuần hành thị uy, trừng trị những tên lý trưởng có hành động chống phá phong trào cách mạng như lý trưởng Lộ Bàn, xã Huê (Văn Trường, Phổ Văn).

Cũng trong tháng 12, hàng ngàn quần chúng phía bắc và phía đông huyện từ Trà Câu kéo về huyện lỵ biểu tình. Trên đường đi, đoàn biểu tình bắt một tên mật thám dẫn theo. Đến Vĩnh Bình, cách huyện lỵ 2 km, đoàn biểu tình dừng lại nghe diễn thuyết, đưa tên mật thám ra cảnh cáo trước dân. Ngoài ra, ở một số làng nhân dân còn đấu tranh chống chính sách dụ đảng viên đầu hàng do tuần vũ Nguyễn Bá Trác đưa ra, chống đi sâu, rào làng, thu thuế...

Với ý chí kiên cường bất khuất, các đảng viên của Đảng bộ đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, hy sinh, lăn lộn trong quần chúng để giữ gìn và phát triển phong trào. Do đó, trong hoàn cảnh thực dân Pháp và tay sai đàn áp dã man, trừ những làng có địch chốt giữ, còn lại phần lớn các làng trong huyện phong trào vẫn được giữ vững. Uy thế chính trị của quần chúng tiếp tục lên cao.

Cuối tháng 12/1930, đồng chí Huỳnh Toàn Cầu, Bí thư Huyện uỷ bị địch bắt, đồng chí Nguyễn Tuân (người làng An

Ninh, Phổ Ninh), được chỉ định phụ trách công việc chung của Đảng bộ huyện⁽¹⁾.

Sang đầu năm 1931, hoà nhịp với cao trào cách mạng trong tỉnh đang dâng lên mạnh mẽ, dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, nhân dân Đức Phổ bước vào cuộc đấu tranh mới.

Ngày 5/2/1931, quần chúng vũ trang kéo đến làng Tân Hội (Phổ Phong) vây bắt và đưa ra xử trị những tên phản động. Đây là nơi có phong trào mạnh nhất trong huyện. Cùng ngày, hai cuộc biểu tình của quần chúng vùng tây, vùng bắc, vùng đông huyện kéo về huyện lỵ đấu tranh. Khi hai đoàn biểu tình đến Lộ Bàn, Vĩnh Bình bị địch chặn lại và giải tán. Bà Thủ Bẫy- mẹ vợ đồng chí Nguyễn Nghiêm và một số người bị địch bắt. Ngày hôm sau (6/2), nhà đồng chí Nguyễn Nghiêm bị địch đốt lần thứ hai.

Ở một số làng, quần chúng cách mạng mit tinh tố cáo tội ác của bọn thực dân, phong kiến, đòi chia lại công điền, giảm tô, giảm tức, tăng tiền công...

Tháng 2/1931, hưởng ứng chủ trương của Tỉnh uỷ phát động “3 ngày căm thù” thực dân Pháp và tay sai tàn sát đồng bào trong cả nước, từ ngày 16 đến 18/2 nhân dân trong huyện giảm việc ăn uống, vui chơi trong dịp tết để tham gia lễ tưởng niệm, đánh trống mõ, thanh viện, treo băng, cờ, rải truyền đơn tố cáo tội ác của địch.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng được Đảng bộ chú trọng. Các tờ báo Dân cày, Bạn gái của Đảng bộ

⁽¹⁾ Cùng hoạt động với đồng chí Nguyễn Tuân, lúc này còn có các đồng chí Huỳnh Thí, Võ Ngọc Oanh, Lê Thơ, Phan Thọ, Nguyễn Sanh, Trần Quán, Nguyễn Triết, Nguyễn Chuân (tức Trừu), Mai Thí ...

tỉnh, từ Con đường sống của Đảng bộ huyện tiếp tục được phổ biến trong đảng viên và quần chúng. Các lớp huấn luyện được tổ chức để giáo dục đảng viên và quần chúng của Đảng. Thờ ca cách mạng được sáng tác để động viên tinh thần của quần chúng, tố cáo tội ác của kẻ thù.

Để đáp ứng nhu cầu bảo vệ các cuộc đấu tranh và nhu cầu tự vệ của các chiến sỹ cách mạng, một lớp huấn luyện quân sự được tổ chức tại khu rừng Liệt Sơn (tây Phổ Hoà), nhưng chỉ duy trì được một thời gian ngắn vì bị địch đàn áp.

Tháng 4/1931, Huyện uỷ họp tại Tập An. Đồng chí Trần Hường (Nguyễn Quang Bạch) cán bộ Xứ uỷ Trung Kỳ tham dự. Cuộc họp nhận định tình hình và âm mưu của địch, đề ra biện pháp củng cố và phát triển phong trào cách mạng trong huyện. Theo yêu cầu của Xứ uỷ, một số đồng chí cán bộ của huyện được hội nghị cử đi chi viện cho các tỉnh phía Nam Trung kỳ. Hội nghị quyết định bổ sung một số đồng chí vào huyện uỷ thay thế những đồng chí bị địch bắt⁽¹⁾.

Nhờ có một hệ thống tổ chức Đảng và phong trào quần chúng vững mạnh, nên Đức Phổ là địa bàn được nhiều đồng chí Xứ uỷ, Tỉnh uỷ và các tỉnh bạn chọn làm nơi đứng chân để hoạt động cách mạng. So với nhiều địa phương trong tỉnh lúc bấy giờ, ở nhiều làng vùng phía tây, phía bắc huyện, từ Phổ Minh trở ra, các cơ sở Đảng và tổ chức cách mạng của quần chúng vẫn được phát triển thêm. Một số nơi ở Phổ Cường và phía nam huyện, phong trào cách mạng vẫn được duy trì.

⁽¹⁾ Cuộc hội nghị này họp tại nhà ông Huỳnh Đồn ở Tập An do đồng chí Huỳnh Đăng Thuật bố trí. Huyện uỷ củng cố lần này gồm các đồng chí Nguyễn Tuân (Bí thư), Võ Ngọc Oanh, Lê Thơ, Huỳnh Thí, Nguyễn Sanh.

Như vậy, các cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng ở Quảng Ngãi nói chung và huyện Đức Phổ nói riêng từ khi Đảng bộ ra đời đến tháng 10/1930 đã liên tục nổ ra và thu được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng. Trong chỉ thị về thành lập Hội phản đế Đồng minh (tháng 12/1930), Trung ương Đảng đánh giá: "...Quảng Ngãi, tuy phong trào chưa bằng Nghệ Tĩnh nhưng nó vẫn là mạnh nhất trong phía Nam Trung kỳ"⁽¹⁾. Ở Đức Phổ sự đàn áp, khủng bố của địch rất ác liệt, nhưng nhờ có kinh nghiệm trong đấu tranh, nên hệ thống tổ chức Đảng từ huyện uỷ đến các chi bộ, các tổ chức quần chúng vẫn được củng cố và tăng cường. Trong thời điểm đó, một hình thái mới xuất hiện phổ biến ở các làng, xã Đức Phổ là ưu thế chính trị nghiêng hẳn về phía cách mạng, bọn tay sai của địch hoang mang dao động, số đông hương lý không dám phản ứng trước xu thế phát triển của phong trào cách mạng, bọn phản động trốn khỏi làng, đa số trong đoàn phu chỉ là danh nghĩa, có những đoàn phu đứng về phía nhân dân tham gia biểu tình, rải truyền đơn, thi hành các bản án đối với bọn phản động. Ở nhiều làng xã, bộ máy lý hương tan rã hoặc tê liệt. Quần chúng được hưởng một số quyền lợi về kinh tế. Tình hình xã hội cũng có sự thay đổi, nạn lưu manh, trộm cướp ít xảy ra. Nhân dân được sống cuộc sống tự do, tuy còn nhiều hạn chế và trong một thời gian ngắn.

Giữa lúc phong trào cách mạng đang được củng cố và phát triển, các tổ chức đoàn thể cách mạng trong tỉnh nói

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, trang 229.

chung, Đức Phổ nói riêng đang từng bước củng cố và phát triển, ngày 6/3/1931 (tức ngày 18 tháng Giêng, năm Tân Mùi, do sự phản bội của tên Nguyễn Hoà, thông qua tên Nguyễn Định (tức Chi) làm việc tại tiệm buôn Nghĩa Hiệp (Tư Nghĩa) chỉ điểm, địch bắt đồng chí Nguyễn Nghiêm tại Cấm Giám Tộ, thuộc làng Nhu Năng (nay là xã Nghĩa Hiệp, Tư Nghĩa)⁽¹⁾. Sau hơn một tháng giam cầm, Công sứ Pháp và Tuần vũ Quảng Ngãi đã nhiều lần trực tiếp dụ dỗ và dùng cực hình tra tấn rất dã man, nhưng địch không khuất phục được tinh thần anh dũng, bất khuất của đồng chí Nguyễn Nghiêm. Ngày 23/4/1931 (tức ngày 6/3 âm lịch), thực dân Pháp và tay sai đưa đồng chí Nguyễn Nghiêm ra xử chém tại bờ nam sông Trà Khúc, nơi chúng từng chém nhiều nhà yêu nước tiền bối trước đó.

Trước lúc hy sinh, đồng chí đã để lại những câu thơ động viên đồng chí, đồng bào giữ vững chí khí chiến đấu, tin tưởng vào ngày toàn thắng:

....

" Noi gương kẻ trước thờ non nước.

Tiếp chí người sau rửa hận thù.

Lá cờ giai cấp bền tay phất,

Lưỡi kiếm anh hùng cố điểm tô.

Rồi đây bão táp vùi thân giặc.

Việt Nam độc lập đẹp muôn thu".

⁽¹⁾ Đồng chí Nguyễn Nghiêm đã hai lần bị địch bắt hụt. Lần đầu vào cuối năm 1930, lợi dụng sơ hở của bọn lính áp giải, đồng chí đã trốn thoát. Lần thứ hai, đầu năm 1931, đồng chí cải trang thành một hào lý sở tại làng hoàng đi qua trước mặt bọn lính đang bao vây mình để thoát ra ngoài.

Đồng chí Nguyễn Nghiêm mất đi là một tổn thất lớn lao của Đảng bộ và phong trào cách mạng trong tỉnh. Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ mất đi người đồng chí có công đầu trong quá trình thành lập Đảng bộ và hết lòng chỉ đạo phong trào cách mạng trong huyện.

Thương tiếc người Bí thư Tỉnh uỷ đầu tiên anh dũng hy sinh, Tỉnh uỷ đã tổ chức lễ truy điệu, để tang và phát động tuần lễ căm thù địch từ ngày 25 đến 30/4/1931, kết hợp với biểu dương khí thế cách mạng kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động - 1/5. Trong diếu văn truy điệu của Tỉnh uỷ có đoạn viết:

"... Ngày 6/3 là ngày căm thù sâu sắc;

Quân dã man cướp sống bạn đồng tâm !

Năm 30-31, năm chiến đấu vẻ vang:

Đảng Cộng sản Đông Dương giương cao cờ quyết thắng !

Chúng làm tưởng: giết Anh là dập tắt phong trào.

Anh mỉm cười với chúng, càng nêu cao phẩm chất.

Nhớ lại lúc còn nằm trong ngục thất,

Vẫn tranh thủ tuyên truyền binh lính, nhắc nhở anh em.

*Cho đến khi ra pháp trường vẫn ung dung đọc bài từ trần,
ngâm thơ già bạn.*

Nhiệm vụ nặng, bản thân coi nhẹ, rất đáng kính yêu !

Giành sống chung, đành chịu thác riêng, vô cùng anh dũng.

Xác tuy chết, tinh thần không chết.

Chết đi theo Các Mác, Lênin.

*Người không còn, danh tiếng vẫn còn, còn sống mãi với Trà
giang, Bút lính.*

Một người xương, ngàn vạn người tiếp ứng, quyết phục thù, nổi chí ngày mai.

Một kẻ ngā, ức triệu người đứng lên, thề xẻ thịt, phanh thây chúng nó ! ..."⁽¹⁾

Tối ngày 25/4 khắp nơi trong tỉnh xuất hiện cờ Đảng, truyền đơn, băng khẩu hiệu với nội dung:

- Phản đối đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm và những người tham gia hoạt động chính trị !

- Chống khủng bố trắng !

- Bỏ hẳn thuế thân, thuế đò, thuế chợ !

- Chia lại và chia hết công điền cho nông dân lao động !

- Ủng hộ Xô viết - Nghệ Tĩnh !

- Ủng hộ Liên bang Xô viết !

Liên tiếp sau đó nhiều cuộc mít tinh, biểu tình phản đối thực dân Pháp, triều đình phong kiến và làm lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm được tổ chức. Đây là đợt đấu tranh diễn ra sôi nổi, quyết liệt, có quy mô lớn, nổ ra đều khắp trong toàn tỉnh, thể hiện lòng kính trọng, niềm tiếc thương đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, khiến cho kẻ thù khiếp sợ, lúng túng phải huy động quân lính đàn áp.

Ở Đức Phổ, mặc dù bị địch theo dõi, kiểm soát gắt gao hơn những nơi khác, nhưng đêm 24/4 ở các làng thuộc các xã Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Cường, Phổ Khánh ..., lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm

⁽¹⁾ Xem toàn bộ Điều văn trong phần phụ lục.

vẫn được các tổ chức Đảng và nhân dân tổ chức. Trong đêm 25/4, truyền đơn, cờ Đảng xuất hiện hầu khắp các làng trong huyện.

Sau khi đồng chí Nguyễn Nghiêm bị địch bắt và giết hại, thực dân Pháp và tay sai tăng cường các biện pháp đàn áp phong trào cách mạng mạnh hơn. Chúng tăng quân chốt giữ những nơi xung yếu, cài cắm nội gián, đưa bọn quan lại, địa chủ, cường hào trở về làng đánh phá phong trào cách mạng. Tình hình đó làm cho phong trào cách mạng trong tỉnh và huyện Đức Phổ gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Các cuộc đấu tranh của nhân dân Sơn Tịnh, Mộ Đức, Tư Nghĩa bị địch đàn áp đẫm máu, hàng trăm người bị tàn sát, hàng ngàn người bị bắt, bị giam cầm. Tháng 7/ 1931, cơ quan Tỉnh uỷ bị địch bao vây, đồng chí Phan Thái Ất⁽¹⁾, Bí thư Tỉnh uỷ và một số đồng chí uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ bị bắt. Trong tháng 8 và tháng 9 địch bắt nhiều đồng chí Tỉnh uỷ viên và phần lớn đảng viên và quần chúng cốt cán trong tỉnh. Ở Đức Phổ, các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ, nhiều đồng chí đảng viên và quần chúng cốt cán rơi vào tay giặc, nhiều cấp uỷ Đảng, các tổ chức quần chúng và cơ sở bị vỡ.

Từ đây, phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ chuyển sang giai đoạn củng cố và bảo vệ lực lượng, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới trong các giai đoạn tiếp theo.

⁽¹⁾ Đồng chí Phan Thái Ất (1894-1967), quê tỉnh Nghệ An, tham gia các hoạt động yêu nước từ năm 1923. Đầu năm 1930, đồng chí được cử vào công tác tại Phân ban Xứ uỷ Trung kỳ. Tháng 6/1930, đồng chí được cử vào công tác ở Quảng Ngãi.

Ngay từ ngày đầu thành lập, Đảng bộ Đức Phổ đã phát động các tầng lớp nhân dân trong huyện tiến hành cuộc đấu tranh sôi nổi, liên tục, mạnh mẽ và hết sức quyết liệt, bước đầu đã giành được những thắng lợi quan trọng. Từ những cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930, ủng hộ Liên bang Xô viết, đến tháng 5/1931 mà đỉnh cao là cuộc nổi dậy của hàng ngàn quần chúng có vũ trang ngày 8/10/1930 đã chứng tỏ ngay từ khi mới thành lập, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã được Tỉnh uỷ tin tưởng giao nhiệm vụ mở đầu cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân Pháp và tay sai, trực tiếp tấn công và làm tê liệt bộ máy chính quyền địch, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng bộ, nhất là nghệ thuật khởi nghĩa giành chính quyền. Những thành quả to lớn của cao trào cách mạng 1930 – 1931 ở Đức Phổ có ý nghĩa to lớn, góp phần quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển của phong trào cách mạng toàn tỉnh trong những chặng đường tiếp theo.

Chương II

CỦNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH, DÂN CHỦ (1932 - 1939)

1/ Đấu tranh chống địch khủng bố, khôi phục và phát triển tổ chức Đảng (1932-1935).

Từ giữa năm 1931, cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) của chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn trầm trọng. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản ngày càng trở nên sâu sắc. Nguy cơ chiến tranh thế giới đang đến gần. Trước tình đó, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đặt ra nhiệm vụ cấp bách là phải thành lập Mặt trận thống nhất của toàn thể giai cấp công nhân trên thế giới chống lại sự bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa tư bản, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh thế giới.

Diễn biến của tình hình thế giới trong giai đoạn này đã có những tác động trực tiếp, sâu sắc đến tình hình Đông Dương. Một mặt, thực dân Pháp tăng cường bóc lột, vơ vét của cải vật chất, đẩy nhân dân ta vào cảnh bần cùng. Mặt khác, cuộc đấu tranh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong đó có giai cấp công nhân Pháp cũng có những ảnh hưởng tích cực đến phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương.

Ở Việt Nam, hoảng sợ trước cao trào 1930-1931, thực dân Pháp điên cuồng thực hiện nhiều thủ đoạn khủng bố dã man nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản, thủ tiêu tinh thần đấu tranh của các tầng lớp nhân dân. Theo niên biểu thống kê Đông Dương, từ giữa năm 1930 đến năm 1933, thực dân Pháp đã bắt

giam 246.532 người và giết hại hàng ngàn chiến sỹ cộng sản⁽¹⁾.

Ở Quảng Ngãi, thực dân Pháp và tay sai kết hợp vừa đẩy mạnh khủng bố, tàn sát những chiến sỹ cộng sản, xây dựng mạng lưới mật thám, hội tề làng, hội đồng tộc biểu, vừa thi hành chính sách mị dân, lừa bịp, quảng bá rùm beng “Chương trình cải cách” hòng dập tắt phong trào cách mạng của quần chúng. Đặc biệt ở Đức Phổ, nơi bùng nổ cuộc biểu tình chưa từng có trong lịch sử huyện nhà (8/10/1930), thực dân Pháp và tay sai ồ ạt đưa về đủ các loại lính: lính khố xanh, lính lê dương, lính khố đỏ⁽²⁾ nhằm làm chỗ dựa cho bộ máy cai trị và là lực lượng trực tiếp tiến hành các cuộc khủng bố, đàn áp. Chúng tập trung hai trung đội lính khố xanh, xây đồn chốt giữ ở huyện lỵ, một trung đội lính khố xanh ở Nhơn Phước và một tiểu đội lính khố xanh ở Chợ Cung. Lính lê dương chốt giữ ở Thạch Trụ làm nhiệm vụ đàn áp phong trào cách mạng ở phía bắc huyện. Ở các làng, chúng lập các đội lính bang tá⁽³⁾ và đoàn phu. Ngoài ra, bọn mật thám, chỉ điểm được chúng ưa về các làng chống phá phong trào cách mạng rất quyết liệt.

Chúng tăng cường bộ máy hương lý bằng cách lập thêm hội đồng hào mục và chức tộc biểu để kiểm soát từng người trong các họ tộc. Gay gắt hơn, chúng còn bắt dân rào làng, dựng điểm canh, thường xuyên huy động lính khố xanh, khố

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (sơ thảo), Tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1994, trang 173.

⁽²⁾ Lính khố xanh: Lính người Việt, là lực lượng địa phương.

Lính lê dương: Lính tuyển từ các nước thuộc địa của Pháp.

Lính khố đỏ: Lính người Việt, là lực lượng cơ động.

⁽³⁾ Lính bang tá: Lính làm nhiệm vụ đàn áp ở các làng, xã.

đỏ, có cả đoàn phu, mật thám, chỉ điểm đi theo mở các cuộc lùng sục, bắt bớ những chiến sỹ cộng sản và quần chúng yêu nước⁽¹⁾. Chúng bắn chết ngay tại chỗ những người hoạt động cách mạng bị phát hiện. Những người chúng tình nghi tham gia cách mạng đều bị bắt ra ngủ tại các điểm canh. Chúng cấm nhân dân chữa những người lạ mặt, cấm tụ họp quá 3 người, các dịp hiếu hỉ, giỗ chạp quá 3 người phải được làng cho phép.

Bao trùm lên toàn bộ các làng trong huyện là cảnh khủng bố, đàn áp, giết hại, bắt bớ những chiến sỹ cộng sản và quần chúng yêu nước.

Cùng với việc đàn áp, bắt bớ, chính quyền thực dân Pháp và tay sai bày trò mị dân bằng cách cho cúng bái, cầu đảo, hát xướng và các trò chơi hòng xoa dịu lòng căm thù và đánh lạc hướng quần chúng, dụ dỗ các chiến sỹ cách mạng đầu thú, quy thuận. Nhưng tất cả các thủ đoạn xảo trá của chúng không đập tắt được phong trào cách mạng của nhân dân ta. Cờ Đảng, truyền đơn thỉnh thoảng vẫn xuất hiện ở một số nơi, có khi ngay tại nơi địch vừa khám nhà, bắt người ngày hôm trước, nhưng sáng hôm sau đã thấy truyền đơn.

Trong hàng ngũ đảng viên và quần chúng yêu nước, những đồng chí chưa bị địch bắt vẫn tìm cách móc nối liên lạc và liên hệ với quần chúng để bàn phương cách hoạt động. Các đồng chí bị giam hãm trong nhà tù của địch vẫn nêu cao khí

⁽¹⁾ Trong các cuộc lùng sục giữa ban ngày, tên cai Công đã bắn chết các đồng chí Nguyễn Lập (người thôn An Tây), Phan Căn (người thôn An Điền), Phạm Bá Tú (Thôn Tú), Huỳnh Bông và một số dân thường ở thôn An Lợi (Phổ Nhơn).

tiết của người chiến sỹ cách mạng, biến nhà tù đế quốc thành trường học cộng sản, tìm mọi cách liên hệ với đồng bào, đồng chí ở bên ngoài để tiếp tục chiến đấu.

Tháng 1/1932, một số hội viên Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên bị bắt năm 1929, đảng viên của Đảng bị bắt năm 1930 ở các huyện trong tỉnh mãn hạn tù trở về. Các đồng chí đã liên lạc với những đồng chí đang hoạt động, tìm cách xây dựng lại chi bộ Đảng ở Đức Phổ, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn... Với nhiều nỗ lực vượt bậc, chỉ sau một thời gian ngắn các cơ sở Đảng và quần chúng cách mạng được khôi phục. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được lập lại, do đồng chí Võ Sỹ⁽¹⁾ làm Bí thư.

Cùng thời gian đó, ban chấp hành mới của Đảng bộ huyện Đức Phổ được củng cố do đồng chí Huỳnh Toàn (người làng Hùng Nghĩa) làm Bí thư⁽²⁾. Nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ lúc này được xác định là: Trong bối cảnh phong trào cách mạng trong huyện bị địch khủng bố gắt gao, thì công tác giáo dục chính trị - tư tưởng là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm ổn định tư tưởng, tinh thần, củng cố niềm tin, tạo điều kiện khôi phục phong trào.

Ở Đức Phổ, trong thời điểm đó có rất đông công nhân đường sắt. Qua tuyên truyền, vận động và giác ngộ, ngày 12/3/1932 có 4.500 công nhân đường sắt trên đoạn từ An Thọ đến Bình Đê đã bãi công, bao vây xe chủ thầu, đòi tăng tiền

(1) Đồng chí Võ Sỹ, sinh năm 1910, quê huyện Mộ Đức.

(2) Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được củng cố gồm có các đồng chí: Huỳnh Toàn, Huỳnh Thanh, Huỳnh Long Thành, Đặng Trác, Mai Thí, Nguyễn Thị Vân.



Đồng chí
PHẠM QUÝ
Bí thư Huyện ủy 1932

công, chống cúp phạt. Chủ đầu đã buộc phải giải quyết yêu sách.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, ngày 23/3/1932, Huyện uỷ phát động “Tuần lễ kỷ niệm 3 đồng chí L” (Lê-nin, Lúcxăm-bua, Li-ép-nếch). Các làng thuộc xã Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ An, Phổ Cường đã tổ chức mít tinh để tưởng nhớ 3 đồng chí lãnh tụ của Quốc tế Cộng sản và tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng.

Tháng 1/1932 đồng chí Võ Sỹ, Bí thư Tỉnh uỷ, một số đồng chí tỉnh uỷ viên và cán bộ tỉnh bị địch bắt. Tiếp đó, một số cán bộ của huyện cũng sa vào tay giặc.

Giữa năm 1932, một số đồng chí thoát khỏi sự giam cầm của địch đã tìm cách bắt liên lạc, chuẩn bị khôi phục lại Huyện uỷ. Tại cuộc họp củng cố Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tổ chức tại làng An Thọ, đồng chí Phạm Quy (người làng An Đại, Phổ Hoà) được cử làm Bí thư Huyện uỷ. Tiếp đó các đoàn thể như Thanh niên Cộng sản đoàn, Nông hội, Hội phụ nữ được củng cố và đi vào hoạt động. Phong trào cách mạng trong công nhân làm đường xe lửa tiếp tục được duy trì và phát triển. Tuy vậy, do địch khủng bố ác liệt, Tỉnh uỷ chưa được khôi phục, nên nhiệm vụ lúc này là phải tìm cách liên lạc để củng cố lại tổ chức. Trong bối cảnh đó, tháng 3/1933, Huyện uỷ đã chủ động liên lạc với các huyện bạn như Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức tổ chức hội nghị tại nhà đồng chí Võ Đồng ở Phổ Cường để lập ra Tỉnh uỷ lâm thời. Đồng chí Phạm Quy, Bí thư Huyện uỷ Đức Phổ được hội nghị cử làm Bí thư Tỉnh uỷ. Việc Tỉnh uỷ lâm thời được thành lập lại đã có tác dụng đẩy nhanh quá trình khôi phục phong trào cách mạng

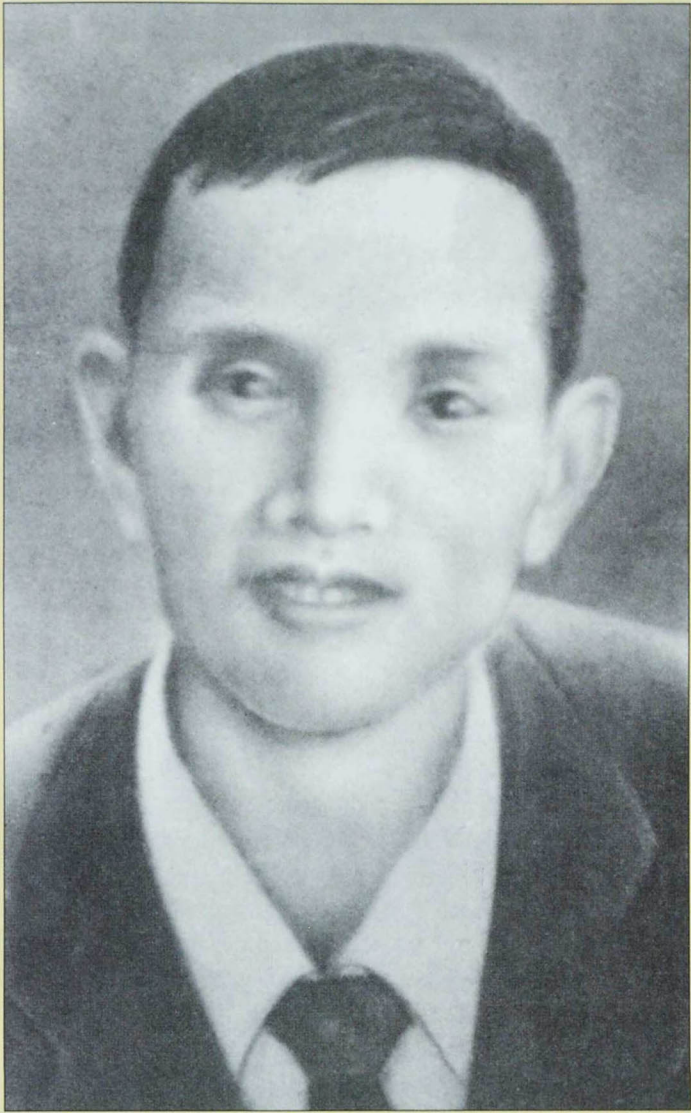
trong tỉnh, đồng thời tập hợp các lực lượng đấu tranh chống sự khủng bố của địch.

Tháng 10/1933, Huyện uỷ Đức Phổ lại được củng cố. Đồng chí Phạm Xuân Hoà (người làng Thuỷ Thạch, Phổ Cường) được cử làm Bí thư Huyện uỷ⁽¹⁾. Năm 1934, Tỉnh uỷ chính thức được khôi phục. Đồng chí Phạm Xuân Hoà, Bí thư Huyện uỷ Đức Phổ được cử làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Đầu năm 1934, đại diện 5 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà tổ chức hội nghị tại thôn Hà Trung (Tịnh Hà, Sơn Tịnh). Hội nghị đã bầu Ban địa phương chấp uỷ Trung Trung kỳ do đồng chí Phạm Xuân Hoà làm Bí thư. Cuối năm 1934, hội nghị Ban địa phương chấp uỷ Trung Trung kỳ được tổ chức tại làng Thuỷ Thạch. Hội nghị cử đồng chí Nguyễn Tùng (người Phổ Minh) - uỷ viên Ban Chấp uỷ địa phương, nguyên huyện uỷ viên Đức Phổ đi dự Đại hội lần thứ nhất của Đảng tại Ma Cao (Trung Quốc).

Ngày 23/4/1935, Thường vụ Trung ương Đảng cử đồng chí Tống Văn Trân về các tỉnh miền trung phổ biến nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ nhất. Hội nghị xác nhận: tổ chức cơ sở Đảng và các đoàn thể cách mạng ở các tỉnh Nam Trung bộ dần dần được khôi phục và mở rộng, số lượng đảng viên tăng nhanh, Đức Phổ là huyện có số đảng viên nhiều nhất tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở nhận định đó, hội nghị nhất trí quyết nghị đẩy mạnh việc củng cố tổ chức Đảng và đoàn thể cách mạng, tiếp tục phát động phong trào đấu tranh cách mạng lên

⁽¹⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm có các đồng chí: Phạm Xuân Hoà, Nguyễn Lưu, Tạ Mỹ Ban, Lê Phó, Nguyễn Sanh Châu.



Đồng chí
PHẠM XUÂN HÒA
Bí thư Huyện ủy 1933 - 1935

một bước phát triển mới. Huyện uỷ Đức Phổ được vinh dự đảm bảo vật chất và an toàn cho hội nghị. Để che mắt địch, Huyện uỷ đã tổ chức hội nghị trên một chiếc thuyền lưu động trên sông Trà Câu, từ Du Quang đến Hải Tân giống như một con thuyền chở khách thường ngày ở địa phương⁽¹⁾.

Trong thời kỳ 1932-1935, các cơ quan lãnh đạo cấp trên như Tỉnh uỷ, Ban Cán sự Trung Nam của Xứ uỷ Trung kỳ đều đóng ở Đức Phổ. Nhiều cuộc hội nghị của các cấp uỷ Đảng trong vùng đã được tổ chức tại Đức Phổ, nhiều đồng chí các huyện bạn, tỉnh bạn cũng về Đức Phổ để tạm lánh trong thời gian địch truy lùng.

Đến đầu năm 1935, các hoạt động của Đảng bộ và phong trào quần chúng trong vùng từng bước phát triển.

Ở Đức Phổ, tổ chức Đảng được củng cố. Đồng chí Tạ Mỹ Ban (người làng Nga Mân, Phổ Cường), Tỉnh uỷ viên được cử làm Bí thư Huyện uỷ⁽²⁾. Liên lạc giữa Đức Phổ với Tỉnh uỷ và nhiều huyện uỷ khác được duy trì chặt chẽ. Số lượng và chất lượng đảng viên của Đảng bộ huyện ngày càng tăng.

⁽¹⁾ Chiếc thuyền do đồng chí Nguyễn Sanh (làng Sa Bình, Phổ Minh) cầm chèo. Đồng chí Mai Văn Hào và Nguyễn Tiến (làng Sa Bình, Phổ Minh) canh gác hai bên bờ sông. Một số nhà của đảng viên và quần chúng cách mạng được bố trí làm nơi ở của đại biểu như Thợ Hiếu (Thủy Thạch), Tạ Mỹ Ban (Nga Mân), Phạm Thái (Xuân Thành) đều thuộc xã Phổ Cường.

⁽²⁾ Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm có:

- Đồng chí Tạ Mỹ Ban, Bí thư Huyện uỷ, phụ trách tổng Phổ Văn.
- Đồng chí Tô Đình Biểu, phụ trách vận động công nhân.
- Đồng chí Nguyễn Du, phụ trách tổng Phổ Tri, Bí thư đảng bộ tổng.
- Đồng chí Nguyễn Tại, phụ trách tổng Phổ Cẩm, Bí thư đảng bộ tổng.
- Đồng chí Nguyễn Sanh, phụ trách nông hội đỏ.
- Đồng chí Mai Xuân Hào, phụ trách công tác vận động thanh niên.

Báo Dân cày, cơ quan của Đảng bộ Quảng Ngãi được phát hành đến chi bộ. Riêng chi bộ An Thọ (Phổ Hoà) có tờ báo viết tay lấy tên Lao động, xuất bản được hai kỳ. Công tác vận động quần chúng dưới nhiều hình thức thích hợp đã mang lại hiệu quả rõ rệt.

Cuối tháng 4/1935, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ chuẩn bị huy động quần chúng biểu dương lực lượng nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5. Tuy nhiên, kế hoạch hành động kỷ niệm ngày 1/5 bị bại lộ. Địch tăng cường đàn áp, bắt bớ đảng viên và quần chúng cách mạng. Dựa trên những tài liệu thu được, địch khẳng định Đức Phổ là nơi tập trung các cơ quan đầu não của cộng sản. Vì vậy, chúng tiến hành khủng bố rất tàn bạo. Một số đảng viên và quần chúng cách mạng bị tra tấn đến chết. Đồng chí Nguyễn Tại (quê Phổ Thuận), huyện uỷ viên bị chúng đánh chết trên dây treo. Đồng chí Phạm Xuân Hoà, Bí thư Tỉnh uỷ cũng bị địch bắt.

Ngày 12/7/1935, tại thị xã Quảng Ngãi thực dân Pháp và tay sai mở phiên toà công khai mà chúng gọi là: “Vụ án tái tổ Đảng Cộng sản Đông Dương”⁽¹⁾. Mục đồ của chúng là dùng sự đe dọa bằng hình phạt để uy hiếp tinh thần của các chiến sỹ cách mạng, làm mất uy tín của họ trước đông đảo quần chúng. Nhưng trái với mưu đồ của chúng, các đảng viên của Đảng đã biến phiên toà thành diễn đàn tố cáo sự tàn bạo của thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai, kêu gọi đồng bào vùng lên đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến. Sự kiện này

⁽¹⁾ “Tái tổ Cộng sản”: có nghĩa là tổ chức lại cộng sản (Chữ do chính quyền thực dân dùng lúc bấy giờ).

đã gây tiếng vang lớn, có ảnh hưởng tích cực đối với phong trào cách mạng lúc bấy giờ. 44 đồng chí bị toà án thực dân kết tội, trong đó có hơn một nửa là đảng viên của Đảng bộ Đức Phổ và là người Đức Phổ⁽¹⁾. Đây là một tổn thất to lớn cho

⁽¹⁾ Danh sách cán bộ, đảng viên là người Đức Phổ bị kết án như sau:

- * Các đảng viên trong Ban Cán sự Trung nam của Xứ uỷ Trung kỳ gồm có:
 - Phạm Xuân Hoà, 20 năm tù khổ sai, 20 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.
 - Nguyễn Tùng, 20 năm tù khổ sai, 20 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.
 - Phạm Quy, 20 năm tù khổ sai, 20 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.
 - Nguyễn Lựu, 20 năm tù khổ sai, 20 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.
 - Lê Phó, 15 năm tù, 20 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.

- * Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm có:
 - Tạ Mỹ Ban, 15 năm tù, 20 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.
 - Nguyễn Sanh Châu, 15 năm tù, 15 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.

- * Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ gồm có:
 - Tô Đình Biểu, 15 năm tù, 20 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.
 - Nguyễn Du, 12 năm tù, 15 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.
 - Nguyễn Sanh, 7 năm tù, 10 năm quản thúc.

- * Các đồng chí cán bộ tổng, xã và đảng viên trong huyện gồm có:
 - Nguyễn Chánh Độ, 10 năm tù, 15 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.
 - Phạm Thấy, 10 năm tù, 15 năm quản thúc, tịch thu tài sản và bán đấu giá nộp vào tài sản nhà nước.

Các đồng chí bị kết án từ 5 đến 7 năm tù và 10 năm quản thúc gồm có: Nguyễn Khánh, Trần Mư, Phạm Cự, Huỳnh Chí, Bùi Mư, Huỳnh Cẩm, Trần Thị Toà, Nguyễn Hiền, Hà Mai, Huỳnh Hàng, Trần Thống, Trần Nhật Tiến, Võ Quy, Trần Miên, Trần Hoàng, đồng chí Dẫn, đồng chí Dậu.

phong trào cách mạng trong tỉnh nói chung, phong trào cách mạng ở Đức Phổ nói riêng.

Cuộc khủng bố này đã làm cho nhiều cán bộ, đảng viên bị địch bắt, giam cầm, tra tấn dã man và hệ thống tổ chức Đảng trong huyện bị phá vỡ, sự liên lạc với cấp trên tạm thời bị gián đoạn.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của những đảng viên cộng sản, trong đó phần lớn là đảng viên huyện Đức Phổ, trước tòa án thực dân đã nêu cao chí khí kiên cường, bất khuất, có tác dụng động viên, cổ vũ phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân tiếp tục vùng lên chống thực dân Pháp và tay sai.

Trong những năm chống địch khủng bố, khôi phục phong trào (1932-1935), Đảng bộ và phong trào cách mạng Đức Phổ phải chịu nhiều gian khổ, khó khăn và bị tổn thất to lớn do chính sách khủng bố tàn bạo, đẫm máu của thực dân Pháp và tay sai. Tuy vậy, Đảng bộ vẫn tồn tại, ảnh hưởng và uy tín của Đảng bộ trong phong trào cách mạng của nhân dân Đức Phổ vẫn không ngừng được củng cố và phát triển. Thành tích đó đã chứng tỏ điều trước mỗi bước ngoặt của cách mạng, những lúc phong trào cách mạng gặp khó khăn và bị tổn thất, bản lĩnh của đội ngũ đảng viên của Đảng bộ được sàng lọc, tôi luyện trở thành những tấm gương tiêu biểu có tác dụng thúc đẩy, cổ vũ phong trào cách mạng, tô thắm lịch sử hào hùng của Đảng bộ.

Đức Phổ tự hào là nơi ra đời của Đảng bộ Quảng Ngãi, vinh dự là nơi trụ bám của nhiều đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ tỉnh và Ban địa phương chấp uỷ Trung Trung kỳ trong những năm khó khăn, gian khổ nhất để duy trì và phát

triển phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi và các tỉnh trong miền. Nếu như “Ở Quảng Ngãi tiếp sau cao trào 1930-1931, tuy bị địch khủng bố, đàn áp dã man, phong trào có lúc bị tổn thất, nhiều cán bộ, đảng viên bị địch bắt, song không có thời gian thoái trào”, thì Đảng bộ Đức Phổ là một trong những Đảng bộ tiên phong tiêu biểu của phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi lúc bấy giờ.

Kết quả đó tạo điều kiện và tiền đề để Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân trong huyện bước vào cuộc đấu tranh mới trong những năm tiếp theo.

2/ Đảng bộ lãnh đạo phong trào đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi dân sinh, dân chủ và hoà bình (1936-1939).

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới của chủ nghĩa tư bản từ năm 1929 đến 1933 đã làm cho mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản ngày càng trầm trọng. Nguy cơ chiến tranh giữa các nước đế quốc để chia lại thị trường thế giới ngày càng rõ nét.

Trước tình hình đó, Quốc tế Cộng sản đã họp Đại hội lần thứ VII tại Mát-xcơ va (từ 25/7 đến 20/8/1935) đề ra nhiệm vụ trước mắt của các Đảng cộng sản và giai cấp công nhân lúc này chưa phải là đấu tranh để lật đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ và hoà bình, bảo vệ Liên xô. Do đó, việc trước tiên cần làm là thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi, chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hoà bình và cải thiện đời sống. Trong cuộc đấu tranh đó, việc xây dựng mặt trận thống nhất chống đế

quốc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt.

Ở nước Pháp, Mặt trận nhân dân chống phát xít do Đảng Cộng sản làm nòng cốt giành được thắng lợi lớn trong cuộc tuyển cử (tháng 4/1936) dẫn đến sự ra đời của chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp (tháng 6/1936). Ngay sau đó, Mặt trận Nhân dân Pháp đã thành lập phái đoàn của Quốc hội Pháp điều tra tình hình các thuộc địa, đặc biệt là Bắc Phi và Đông Dương, toàn xá tù chính trị, ban hành các quyền tự do, dân chủ, quyền tự do nghiệp đoàn, cải thiện điều kiện làm việc cho giới lao động.

Tình hình quốc tế và những chính sách cải cách mà Mặt trận Nhân dân Pháp đề ra ở các nước thuộc địa đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng của nhân dân ta đòi các quyền tự do, dân chủ, chống phát xít, chống bọn phản động thuộc địa.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, tháng 7/1936, hội nghị Trung ương lần thứ 6 của Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tạm thời chưa nêu khẩu hiệu đánh đổ đế quốc và giai cấp địa chủ phong kiến, giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày mà chỉ nêu mục tiêu trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hoà bình. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, bao gồm các giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo khác nhau. Đồng thời hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức đấu tranh bí mật, không hợp pháp sang hình thức tổ chức công



Đồng chí
NGUYỄN TỶ (tức Tuy)
Bí thư Huyện ủy 1936 - 1939

khai, hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm tập hợp, tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, thông qua đó giáo dục, phát triển phong trào cách mạng.

Ở Quảng Ngãi, chính sách vợ vét, bóc lột thậm tệ của thực dân Pháp và tay sai đã làm cho đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, cùng cực. Mặc dù bị chính quyền thực dân đàn áp khốc liệt, các cơ sở Đảng bị vỡ, cán bộ, đảng viên bị bắt, nhưng cuối năm 1935 Tỉnh ủy lâm thời được thành lập lại. Đồng chí Nguyễn Công Phương được cử làm Bí thư. Đầu năm 1936, các tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng cách mạng và tổ chức hợp pháp được khôi phục ở nhiều nơi.

Trong bối cảnh đó, ở Đức Phổ, nhờ một số đảng viên thoát khỏi vụ án “Tái tổ Đảng Cộng sản Đông Dương” của thực dân Pháp và nhiều đồng chí khác đã mãn hạn tù hoặc được ân xá đã bắt liên lạc với đồng chí Trần Lương, tỉnh ủy viên phụ trách cánh nam của tỉnh để tiếp thu chủ trương mới của Đảng. Giữa năm 1936, Huyện ủy Đức Phổ được lập lại, đồng chí Nguyễn Ty, người làng Liên Chiểu (Phổ Thuận) được cử làm Bí thư⁽¹⁾. Lần lượt sau đó, các chi bộ từng bước được khôi

⁽¹⁾ Đồng chí Nguyễn Ty bị địch bắt năm 1931, đày đi Buôn Ma Thuật năm 1936, mãn hạn tù trở về quê hoạt động. Các đồng chí huyện ủy viên gồm có: Huỳnh Hữu Tài, Trần Lâm (tức Trần Ruộng), Huỳnh Tư, Đặng Trác, Nguyễn Đình Thống.

Tham gia hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ của huyện còn có: Nguyễn Lương, Nguyễn Triết, Phạm Nga (Phổ Thuận), Huỳnh Liễn, Đặng Căn, Huỳnh Thường (Phổ Văn), Phan Thọ (Phổ Ninh), Nguyễn Hữu Mô, Trần Thống, Trần Nhật Tiến, Nguyễn Lương (Phổ Cường), Huỳnh Long Thành, Nguyễn Đức Trúng, Mai Thí, Nguyễn Thị Vân (Phổ Phong), Nguyễn Tường (Phổ Nhơn), Nguyễn Thắng, Nguyễn An (Phổ Minh), Nguyễn Hồng Sơn, Huỳnh Phước (Phổ An).

phục. Các làng có chi bộ được lập lại sớm là Văn Trường (Phổ Văn), An Thổ (Phổ An), Sa Bình (Phổ Minh), Kim Giao (Phổ Thuận)...

Tháng 9/1936, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về cuộc vận động Đông Dương đại hội, các đồng chí trong Đảng bộ đã vận động những người có tư tưởng tiến bộ và có uy tín đứng ra lập các Ủy ban hành động. Đồng chí Huỳnh Tư được cử viết bản dự thảo dân nguyện bày tỏ yêu sách của nhân dân đối với giới cầm quyền. Bản dân nguyện được gửi đến các làng lấy chữ ký của nhân dân. Nhiều làng lấy được trên 200 chữ ký. Chính quyền thực dân hoảng sợ trước phong trào Đông Dương đại hội đã ra lệnh giải tán các Ủy ban hành động.

Đầu năm 1937, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử một phái đoàn do G. Gôđa dẫn đầu sang Đông Dương điều tra và thu thập nguyện vọng của nhân dân. Nhân dịp này, Xứ ủy Trung kỳ chủ trương lấy danh nghĩa đón tiếp Gôđa và đưa dân nguyện cho chính phủ Pháp để biểu dương lực lượng quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh công khai tố cáo bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.

Thực hiện chủ trương trên, Tỉnh ủy đề ra nội dung, yêu cầu kế hoạch cụ thể và khẩu hiệu của cuộc đón tiếp:

- Ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, chống phát xít, chống phản động thuộc địa!

- Cải thiện đời sống nhân dân!

- Tự do đi lại, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn!

- Bãi bỏ các thứ thuế vô lý, các thứ phụ thu ngoại ngạch không hợp lý!

- Thả hết tù chính trị, xoá bỏ quản thúc đối với chính trị phạm. Cải thiện đời sống, sinh hoạt của tù nhân. Triệt phá các trại giam ở rừng núi.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ. Huyện uỷ đã thành lập ban đón tiếp, cử người thu thập dân nguyện gửi cho phái bộ.

Hoảng sợ trước phong trào cách mạng của quần chúng, thực dân Pháp và tay sai đã ra lệnh cấm hội họp, cấm biểu tình, cấm lấy dân nguyện và đón tiếp Gôđa. Chúng cho lính và mật thám về các làng canh gác đón đường, lục soát người đi lại để dò xét kế hoạch của ta. Trong ngày Gôđa đến Quảng Ngãi, chúng cản đường, đe dọa quần chúng, giải tán những nơi tụ tập đông người. Tuy gặp nhiều khó khăn trở ngại, nhưng công tác chuẩn bị đón tiếp Gôđa được tổ chức chặt chẽ và diễn ra ngoài ý muốn của địch.

Ngày 1/3/1937, hàng ngàn quần chúng Đức Phổ dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Ty và một số đồng chí khác đã kéo về thị xã Quảng Ngãi tham dự cuộc biểu tình của hàng vạn quần chúng đón Gôđa đến Quảng Ngãi. Cuộc biểu tình đón Gôđa đã làm cho nhân dân bước đầu nhận rõ được sức mạnh và khả năng to lớn của đấu tranh công khai, hợp pháp. Đảng bộ có thêm kinh nghiệm trong tổ chức, tập hợp quần chúng đấu tranh công khai, trực diện với kẻ thù. Quan hệ giữa Đảng bộ và nhân dân càng thêm bền chặt.

Cuộc biểu dương lực lượng đón phái đoàn chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp là thắng lợi đầu tiên của phong trào vận động dân chủ ở Quảng Ngãi nói chung, Đức Phổ nói riêng.

Tiếp đó, ngày 5/6/1937 hàng nghìn quần chúng kéo về huyện lỵ biểu tình và đưa yêu sách nhân dịp Bờ-rê-vi-ê, đảng

viên Đảng Xã hội Pháp sang Đông Dương nhậm chức toàn quyền, đến Quảng Ngãi

Tháng 8/1937, thực hiện chỉ thị của cấp trên về cuộc vận động tranh cử vào Viện Dân biểu Trung kỳ, Đảng bộ Đức Phổ được giao nhiệm vụ vận động một trong ba nhân sỹ có cảm tình với Đảng của tỉnh Quảng Ngãi vào Viện Dân biểu. Cử nhân Trần Thường (người làng Tân Hội, Phổ Phong) được vận động ra ứng cử và đã trúng cử vào Viện Dân biểu Trung kỳ khoá 1937-1941. Trước sự đấu tranh của quần chúng và sự vận động tích cực của các cấp uỷ Đảng, các dân biểu Quảng Ngãi , trong đó có ông Trần Thường, đã bỏ phiếu chống các dự án tăng thuế thân và thuế điền thổ của Khâm sứ Trung kỳ trong cuộc họp của Viện Dân biểu ngày 16/9/1938.

Một trong những hoạt động nổi bật của Mặt trận dân chủ là phong trào phổ biến sách, báo công khai. Ở thị trấn có Tín Thành thư xã bán sách, báo hợp pháp của Đảng và các sách, báo tiến bộ. Tờ Nhà lúa và cuốn sách Vấn đề dân cày được phát hành nhiều nhất. Ở các làng có các nhóm đọc sách báo do đảng viên và quần chúng tích cực tổ chức. Qua sinh hoạt của các nhóm đọc sách báo, chủ trương, chính sách của Đảng được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Công tác vận động quần chúng dưới nhiều hình thức cũng diễn ra rất sôi nổi. Các nhóm đi củi, đoàn cày, đoàn cấy, đoàn gặt, các tổ vòng công, đổi công, hội đồng canh, hội trợ táng... được lập ra với điều kiện gia nhập đơn giản và linh hoạt nên đã tập hợp đông đảo quần chúng tham gia. Hoạt động của hội trợ táng có tác dụng rất tốt. Mỗi khi một gia đình nghèo khó có đám tang, đảng viên và quần chúng tích cực vận động bà con

làng xóm giúp đỡ mai táng với nghi thức đơn giản nhưng tiến bộ. Việc làm này chẳng những được người nghèo hoan nghênh mà lôi kéo cả tầng lớp trung lưu. Do đó, hội trợ táng càng ngày càng có nhiều người tham gia.

Các cuộc đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, đòi chia lại công điền, chống cường hào, hương lý nhũng nhieu, bọn tây đoan, kiểm lâm ngang ngược diễn ra nhiều nơi, bước đầu đem lại quyền lợi kinh tế cho quần chúng. Các hình thức đấu tranh này thường là hợp pháp, nhưng cũng có những cuộc đấu tranh nửa hợp pháp. Tại làng Văn Trường, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Huỳnh Thường và đồng chí Nguyễn Mậu, bà con nông dân ra đồng gặt những thửa ruộng công điền đã bị tên lý trưởng chiếm đoạt. Khi bị ngăn cản, bà con đã bắt trói tên lý trưởng. Sau sự việc này, đồng chí Nguyễn Mậu bị bắt giải lên tỉnh về tội “xúi giục làm loạn”. Trước viên Tuân vũ Quảng Ngãi, đồng chí cho rằng nông dân làm như vậy là do “tức nước vỡ bờ”. Viên Tuân vũ đốit lý phải thả đồng chí Nguyễn Mậu và cách chức tên lý trưởng làng Văn Trường.

Ở những làng có phong trào quần chúng phát triển mạnh, các tổ chức Đảng và đoàn thể quần chúng vận động cải cách hương thôn. Nội dung cuộc vận động tập trung vào việc đấu tranh chống áp bức, chống chế độ hương chính mục nát, xoá bỏ hủ tục, cải cách đời sống xã hội. Tại làng Liên Chiêu, trong lễ tế làng năm 1937, các đảng viên đã vận động bà Nguyễn Thị Hoàng Tường, một người có uy tín đứng ra trông nom việc ăn uống. Trái với mọi năm, trong đám tế này xôi, thịt ở những mâm cỗ cao giành cho hạng người “ăn trên ngồi trước” bị rút bớt, những suất “kính” (biếu) cho gia đình họ

cũng bị xẻ bớt, hoặc bị truất hẳn để dành thêm cho những mâm ăn của dân làng.

Phong trào đấu tranh vì dân chủ ngày một lên cao đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác vận động các tầng lớp trên, binh lính, lý hương ngã về phía cách mạng. Do đó, nhiều hương lý đã tỏ thái độ không can thiệp, hoặc tham gia phong trào.

Trong một báo cáo của tên phó mật thám Quảng Ngãi, nhận xét về tình trạng bộ máy cai trị của chính quyền thực dân ở các làng trong huyện Đức Phổ thời bấy giờ có đoạn viết: "... Hương lý trong vùng này của tổng Phổ Cẩm chẳng làm gì cả để thay đổi tình hình và số đông trong họ, ít nhất bằng sự im lặng của mình đã là đồng lõa với bọn kích động rất nhiều và có thế lực. Đặc biệt, tên lý trưởng làng Nhơn Phước cũng không ngần ngại gì mà không có mặt trong cuộc biểu tình do Đảng Cộng sản tổ chức nhân dịp ông Gôđa đi qua. Lý trưởng làng Tân Phong đã cố bào chữa cho bọn tình nghi ... Các làng chung quanh cũng chẳng tốt đẹp gì hơn..."⁽¹⁾

Với nhiều hình thức vận động phong phú, phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ thu được nhiều kết quả lớn. Các tổ chức Đảng phát triển cả về số lượng đảng viên và số cơ sở. Năm 1937, nhiều đảng viên mới được kết nạp, nhiều chi bộ mới được thành lập ở các làng thuộc xã Phổ Thuận, Phổ Phong, Phổ Minh. Ngoài ra, còn có một số tổ chức khác như Hội Thanh niên dân chủ, Hội Ái hữu ...

⁽¹⁾ Công văn của Sở Mật thám Quảng Ngãi, ngày 11/7/1937. (Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đức Phổ).

Từ giữa năm 1938, sau khi chính phủ của thủ tướng L. Bolum sụp đổ, chính quyền Pháp ngày càng ngả sang hữu. Chúng tăng cường đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp và thuộc địa. Lợi dụng cơ hội này, thực dân Pháp ở Đông Dương siết chặt chính sách cai trị phản động, từng bước đầu hàng bọn quân phiệt Nhật. Trong khi đó, quân Nhật đã chiếm xong Trung Quốc, đang chuẩn bị nhảy vào Đông Dương.

Trước tình hình đó, thực hiện chỉ thị của Xứ uỷ, tháng 6/1938 Tỉnh uỷ Quảng Ngãi quyết định phát động đấu tranh chống chính sách của bọn phản động thuộc địa. Ở Đức Phổ các cuộc mít tinh của quần chúng nổ ra ở nhiều nơi, với các khẩu hiệu:

- Phản đối dự án thuế mới, thi hành dự án thuế đã được Viện Dân biểu Trung kỳ thông qua!

- Thi hành các quyền tự do, dân chủ!

- Chống phát xít Nhật gây chiến, phòng thủ Đông Dương!

- Ủng hộ Liên bang Xô viết!

- Ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc!

Tháng 7/1939, nhân kỷ niệm lần thứ 150 ngày cách mạng tư sản Pháp, thực dân Pháp tổ chức tại thị xã Quảng Ngãi hội “Chánh chung” nhằm tô vẽ nước Pháp và chế độ thực dân ở Đông Dương. Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chủ trương phát động quần chúng các huyện trong tỉnh biểu dương lực lượng và nêu cao các khẩu hiệu đấu tranh. Hưởng ứng chủ trương này, Huyện uỷ Đức Phổ tổ chức vận động quần chúng và chuẩn bị phương tiện đưa hàng trăm người ra thị xã phối hợp đấu tranh. Sáng ngày 14/7, một cuộc mít tinh lớn đã nổ ra ở thị xã Quảng Ngãi

đúng vào ngày chính quyền thực dân ở đây tổ chức mừng Quốc khánh. Quần chúng giương cao cờ, biểu ngữ và hô khẩu hiệu của Mặt trận dân chủ. Cuộc vui chơi của địch biến thành diễn đàn đấu tranh của quần chúng.

Đây là cuộc đấu tranh có tiếng vang lớn cuối cùng diễn ra trong toàn tỉnh trong thời kỳ Mặt trận dân chủ.

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Nước Pháp bị lôi cuốn vào cuộc chiến. Chính phủ phản động Đa-la-đi-ê thủ tiêu toàn bộ chương trình cải cách tiến bộ của Mặt trận Nhân dân Pháp. Bọn phản động thuộc địa Pháp ở Đông Dương lập tức tiến hành hàng loạt các biện pháp khủng bố nhằm giải tán các tổ chức yêu nước, xoá bỏ những quyền lợi của nhân dân giành được trong cao trào dân chủ, mở các cuộc khủng bố, bắt giam những chiến sỹ cách mạng và quần chúng yêu nước.

Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chủ trương chuyển các tổ chức Đảng vào hoạt động bí mật. Tuy vậy, nhiều đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ và các huyện bị địch bắt giam. Ở Đức Phổ, đồng chí Nguyễn Ty và nhiều đảng viên, quần chúng cốt cán bị địch bắt, nhiều cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng bị vỡ.

* * *

*

Cao trào vận động dân chủ giai đoạn 1936-1939 ở Đức Phổ thực sự là một cuộc vận động chính trị sâu rộng, mạnh mẽ, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội, các đảng phái chính trị, các thành phần xã hội tham gia, với nhiều

hình thức đấu tranh phong phú, bước đầu đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai.

Đặc biệt trong bối cảnh Đảng bộ vừa mới khôi phục được các tổ chức Đảng và các cơ sở quần chúng trong những năm bị kẻ thù đàn áp, khủng bố đẫm máu trước đó, mà đã phát động được phong trào quần chúng rộng lớn đấu tranh công khai trực diện với kẻ thù là một thành tích không phải địa phương nào cũng có được. Thành quả đó thể hiện trình độ, năng lực và kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo của một Đảng bộ được thử thách, tôi luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh.

Chương III

LÃNH ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG CỨU QUỐC KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 (1939-1945)

1/ Thực hiện chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng.

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Nước Pháp bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh và nhanh chóng đầu hàng phát xít Đức. Ở Đông Dương, tháng 9/1940 phát xít Nhật đánh vào Lạng Sơn. Theo lệnh của giới cầm quyền Pháp, thực dân Pháp ở Đông Dương ký với Nhật hiệp định chấp nhận đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật. Từ đó, nhân dân ta lâm vào cảnh “một cổ, hai tròng”. Lợi dụng chiến tranh thế giới nổ ra, hai kẻ thù Pháp, Nhật thi nhau vơ vét tài nguyên, bắt người, cướp của, tăng thuế... Khắp mọi miền đất nước lan tràn không khí chết chóc, khủng bố. Các quyền tự do, dân chủ mà nhân dân ta giành được trong những năm 1936-1939 bị địch xoá bỏ.

Trước những diễn biến nhanh chóng của tình hình trong nước và thế giới, tháng 11/1939, Hội nghị Trung ương 6 xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai. Để tập trung lực lượng đánh đổ đế quốc và tay sai, hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng.

Đây là sự chuyển hướng quan trọng nhất về chỉ đạo chiến lược của Đảng.

Lúc này ở Đức Phổ, thực dân Pháp tăng cường vợ vét thóc gạo, bắt lính, bắt phu, sung công phương tiện, vật liệu phục vụ cho hoạt động quân sự. Phát xít Nhật đóng quân ở thị trấn và cửa biển Sa Huỳnh, hai vị trí quan trọng về chính trị, quân sự của huyện. Để tập trung vợ vét sức người, sức của, bọn tay sai Nhật lập ra tổ chức “liên đoàn”, độc quyền mua hàng nông sản, đặc biệt là đậu phộng với giá ăn cướp để nộp cho quân Nhật.

Do chính sách bóc lột nặng nề của Pháp và Nhật, nên lương thực, thực phẩm thiếu thốn, hàng tiêu dùng, nhất là vải mặc hết sức khan hiếm. Đời sống của nhân dân trong huyện, kể cả tầng lớp khá giả gặp nhiều khó khăn. Nhiều người phải ăn khoai, ăn cháo thay cơm, quần áo may bằng mền thay vải.

Chính Nhật - Pháp là kẻ đã gieo tai họa cho nhân dân ta, nhưng thực dân Pháp thì giả nhân giả nghĩa, ra sức mị dân, tuyên truyền lừa bịp bằng những khẩu hiệu: Cần lao, gia đình, tổ quốc; Pháp - Việt đề huề. Còn bọn Nhật thì rùm beng cổ súy khẩu hiệu về khối Đại Đông Á, đồng văn, đồng chủng. Song, kẻ thù không thể che đậy được bộ mặt thật của chúng.

Mặc dù bị địch khủng bố gắt gao, nhưng nhờ kinh nghiệm của các thời kỳ hoạt động trước đây và sự che chở của nhân dân, một số đồng chí thoát khỏi sự bắt bớ của địch, tìm cách móc nối liên lạc để tiếp tục hoạt động cách mạng, trong đó có đồng chí Trần Lãm. Trong khi đó, các đồng chí còn bị giam cầm trong các nhà tù thực dân tích cực tìm cách liên lạc với

bên ngoài, một mặt là để tiếp thu đường lối của Đảng, mặt khác là nắm tình hình địa phương và truyền đạt những điều mình nắm được về phương hướng hoạt động trong tình hình mới.

Cuối những năm 40, thực dân Pháp tiến hành biện pháp mới để quản chế các chiến sỹ cách mạng từng bị tù đày bằng cách tập trung họ vào các căng an trí do chúng lập ra ở miền núi. Căng an trí đặt dưới sự giám sát của một đồn lính khố xanh và do sỹ quan Pháp chỉ huy. Ở căng an trí, các chiến sỹ cách mạng phải tự dựng nhà để ở, được đi lại làm ăn nhưng hàng ngày phải đến trình diện ở đồn. Tận dụng những sơ hở của địch, các chiến sỹ cách mạng đã biến căng an trí thành nơi tụ họp để bàn các biện pháp chống thực dân Pháp và tay sai.

Năm 1942, tại căng an trí Ba Tơ, Ủy ban vận động cách mạng được thành lập, làm nhiệm vụ tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh. Từ đây mối liên hệ giữa những đảng viên đang hoạt động ở Đức Phổ với Ủy ban vận động cách mạng được kết nối.

Liên sau đó, địch đưa đồng chí Huỳnh Tấu từ nhà lao Buôn Ma Thuột về quản chế tại căng an trí Ba Tơ. Đồng chí Huỳnh Tấu bắt liên lạc với đồng chí Nguyễn Đôn, thành lập chi bộ gồm 5 đảng viên do đồng chí Huỳnh Tấu làm Bí thư. Giữa năm 1943, đồng chí Phạm Kiệt cũng bị đưa từ nhà lao Buôn Ma Thuột về căng an trí Ba Tơ. Chi bộ căng an trí Ba Tơ quyết định thành lập Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi thay thế Ủy ban vận động cách mạng. Ít lâu sau, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập. Trong năm 1944, lần lượt các đồng chí

62

Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương cũng từ nhà lao Buôn Ma Thuột bị địch đưa về căn an trí Ba Tơ. Thực lực cách mạng càng được tăng cường mạnh mẽ hơn.

Việc củng cố hoạt động của cơ quan lãnh đạo tỉnh đã tạo điều kiện cho phong trào cách mạng ở Đức Phổ phát triển nhanh hơn. Hạt nhân của phong trào cách mạng trong huyện là các đồng chí Trần Lãm, Huỳnh Tư (Phổ Văn), Nguyễn Duy Phê (Phổ Phong), Châu Hàng (Phổ Cường), Nguyễn Nhân (Phổ An). Giữa năm 1943, một chi bộ ghép được thành lập ở phía bắc huyện do đồng chí Trần Lãm làm Bí thư. Đây là chi bộ duy nhất trong toàn huyện được tổ chức cho đến khi chi bộ thứ hai ra đời ở vùng Phổ Phong vào đầu năm 1944 do đồng chí Nguyễn Duy Phê làm Bí thư. Cũng giữa năm 1943, Ủy ban vận động cứu quốc huyện Đức Phổ được thành lập do đồng chí Trần Lãm làm trưởng ban⁽¹⁾.

Tháng 6/1943, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi triệu tập hội nghị cán bộ mở rộng toàn tỉnh tại Bằng Chay (Ba Động-Ba Tơ). Ủy ban vận động cứu quốc huyện cử đồng chí Nguyễn Phú và Võ Duy Bích đi dự hội nghị này.

Hội nghị chủ trương mở một đợt tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân với những hình thức như rải truyền đơn, treo cờ đỏ sao vàng, tấn phát thư kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhân ngày Quốc khánh của nước Pháp 14/7/1943 và kêu gọi quần chúng tham gia Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc.

⁽¹⁾ Ủy ban Vận động cứu quốc huyện gồm có các đồng chí: Trần Lãm, Nguyễn Duy Phê, Huỳnh Tư, Nguyễn Thoàng (Phổ Văn), Nguyễn Đình Thống (Phổ An)

Thực hiện chủ trương trên, đêm 16 rạng ngày 17/7/1943 Huyện uỷ đã tổ chức rải truyền đơn, treo cờ Đảng, cờ đỏ sao vàng ở chợ Cung (Phổ Cường), núi Dâu (Phổ Khánh). Truyền đơn in tóm tắt chương trình Mặt trận Việt Minh và lời kêu gọi đồng bào gia nhập các tổ chức Việt Minh. Dưới truyền đơn ghi: “Việt Nam độc lập đồng minh - Uỷ ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi”.

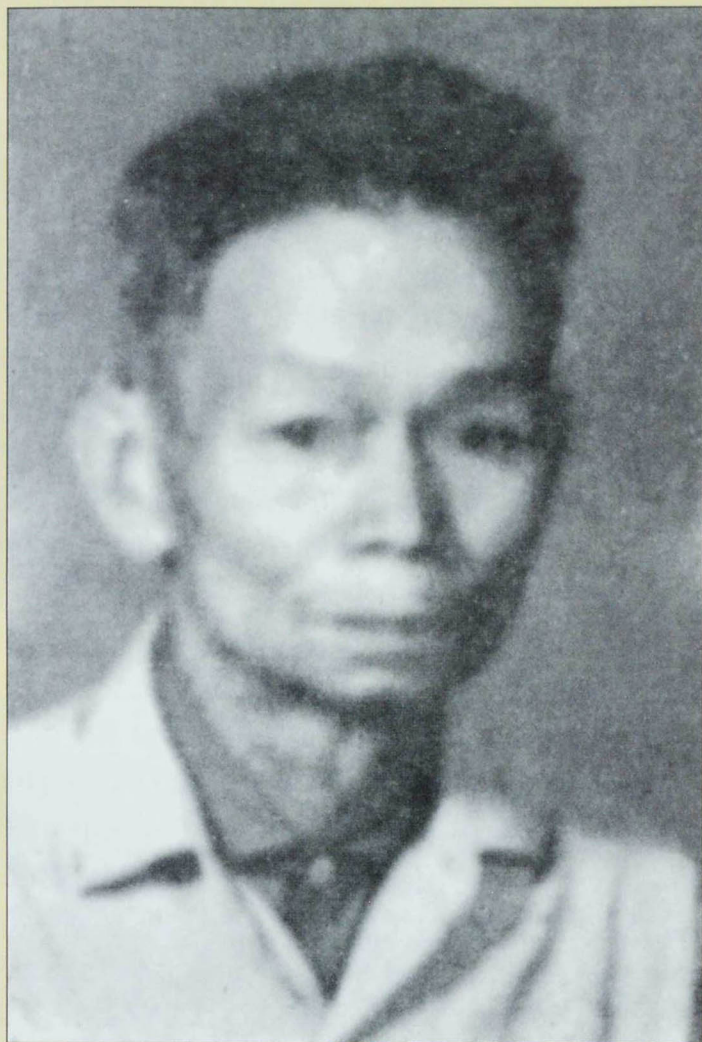
Tháng 12/1944, hội nghị đảng viên toàn huyện được triệu tập tại làng An Thổ (Phổ An) để đánh giá tình hình công tác xây dựng Đảng và hoạt động của Uỷ ban cứu quốc từ ngày thành lập. Hội nghị thảo luận và đề ra nhiệm vụ củng cố tổ chức Đảng, đẩy mạnh cuộc vận động chuẩn bị khởi nghĩa theo phương hướng của Tỉnh uỷ và quyết định thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ huyện do đồng chí Trần Lãm làm Bí thư kiêm Trưởng ban vận động cứu quốc huyện⁽¹⁾.

2/ Khởi nghĩa giành chính quyền.

Cuối năm 1944, cục diện tình hình thế giới diễn biến ngày càng có lợi cho phong trào cách mạng của nhân dân ta. Phe phát xít lâm vào thế bị động và liên tiếp bị thất bại trên các mặt trận. Ở trong nước, ảnh hưởng của Mặt trận Việt minh ngày càng lan rộng. Mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương ngày càng gay gắt. Đêm 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp. Thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền đã đến.

Mặc dù chưa nhận được lệnh của Trung ương, nhưng ngay trong đêm 10/3 và trưa ngày 11/3/1945, Tỉnh uỷ đã tổ chức

⁽¹⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm có các đồng chí : Trần Lãm, Nguyễn Duy Phê, Nguyễn Thoàng, Huỳnh Tư, Nguyễn Nhân.



Đồng chí
TRẦN LÃM (tức Trần Ruộng)
Bí thư Huyện ủy 1944 - 1945

hội nghị phân tích đánh giá tình hình và quyết định chớp thời cơ tiến hành cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ. Ngày 11/3, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ lực lượng vũ trang cách mạng ở Căng an trí Ba Tơ, kết hợp với lực lượng chính trị của quân chúng, có lực lượng nội ứng trong binh lính địch chiếm Nha kiểm lý và đồn khố xanh, giành chính quyền ở châu ly. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi, đội du kích Ba Tơ trở thành lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh.

Tại Đức Phổ, thực hiện chỉ thị của đồng chí Trần Lương, Tỉnh uỷ viên phụ trách phía nam tỉnh Quảng Ngãi, Đảng bộ nhanh chóng huy động quân chúng trong huyện phối hợp với quân chúng các huyện Mộ Đức, Ba Tơ ngả cây, lẩn đá, làm chướng ngại vật trên quốc lộ 24 ngăn quân Nhật kéo từ đồng bằng lên đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Cuộc đảo chính của quân Nhật và thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã tác động mạnh đến tình hình trong tỉnh và huyện Đức Phổ. Tận dụng cơ hội thực dân Pháp bị lật đổ, nhiều đồng chí bị địch giam giữ ở nhà lao Buôn Ma Thuột, căng an trí Ba Tơ tự giải thoát trở về tiếp tục hoạt động.

Lúc này, lợi dụng tương quan lực lượng có lợi cho quân Nhật, bọn Việt gian trong các tổ chức chính trị thân Nhật như Tân Việt, Quốc dân đảng, đảng Lập hiến, Thanh niên tiền tuyến... ra sức tuyên truyền lôi kéo công chức, giáo viên, học sinh ủng hộ quân Nhật chống lại Việt Minh.

Đại diện Tân Việt Nam ở Quảng Ngãi là Bạch Quang Ba về Đức Phổ thúc dục tri huyện Đức Phổ hợp tác chống phá phong trào cách mạng. Bọn thân Nhật đội lốt đạo Cao Đài đứng đầu là Đỗ Thành Thanh (Phổ Văn) - Khâm Châu trấn

hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định - lừa phỉnh một số người cuồng tín rèn gươm giáo để chống lại Việt Minh. Bọn phản động đội lốt đạo Thiên chúa cũng lôi kéo quần chúng tuyên truyền xuyên tạc cách mạng. Một số cựu chính trị phạm giảm sút tinh thần chiến đấu nhận định sai tình hình cũng không tin vào khả năng chống Nhật thắng lợi, giành độc lập của nhân dân ta.

Trước tình hình đó, cuối tháng 3/1945 Tỉnh uỷ đã triệu tập hội nghị tại Gò Huyện (Mộ Đức) xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ là đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động quần chúng vạch mặt bọn tay sai thân Nhật và phổ biến đường lối của Mặt trận Việt Minh, nhanh chóng phát triển các đoàn thể cứu quốc, tích cực xây dựng lực lượng cách mạng, trong đó có lực lượng tự vệ cứu quốc và các tiểu tổ tổ du kích, sẵn sàng đứng lên khởi nghĩa khi có thời cơ. Tại hội nghị đồng chí Trần Lãm, Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ được bổ sung vào Tỉnh uỷ.

Đầu tháng 4/1945, Huyện uỷ Đức Phổ tổ chức hội nghị tại thôn Văn Trường. Đồng chí Trần Lương, phụ trách phía nam của tỉnh về dự. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh huyện Đức Phổ và cử đồng chí Trần Lãm làm chủ nhiệm Mặt trận⁽¹⁾.

Sau ngày Mặt trận Việt Minh huyện thành lập, chỉ trong thời gian ngắn, từ tháng 5 đến tháng 7/1945, các đoàn thể cứu quốc huyện, thành viên của Mặt trận Việt Minh lần lượt ra đời.

⁽¹⁾ Ban Chấp hành Mặt trận Việt Minh huyện gồm có các đồng chí: Trần Lãm, Nguyễn Duy Phê, Nguyễn Nhân, Huỳnh Tư, Châu Hàng, Huỳnh Hữu Tài, Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Thoàng.

Tháng 5/1945, đại biểu thanh niên các tổng, xã về dự hội nghị tại thôn Thủy Triều (Phổ Văn) bầu Ban Chấp hành Thanh niên cứu quốc huyện, do đồng chí Huỳnh Hữu Tài làm Bí thư. Cũng trong thời gian này, đại hội nông dân cứu quốc huyện họp tại thôn An Thổ, có 30 đại biểu các tổng, xã về dự dưới sự chủ trì của đồng chí Trương Quang Giao, Bí thư Tỉnh uỷ. Đại hội bầu Ban Chấp hành hội Nông dân cứu quốc huyện do đồng chí Nguyễn Thoàng làm Bí thư. Tháng 6/1945, đại hội Phụ nữ bầu Ban Chấp hành Phụ nữ cứu quốc do đồng chí Trần Thị Phước làm Bí thư. Đồng thời Ban Chấp hành Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc được thành lập ở các tổng, xã. Việt Minh tổng Phổ Tri phát triển hội viên vào cơ quan trạm (bưu điện) của huyện để nắm tình hình địch.

Nhờ có mạng lưới Việt Minh phát triển khắp các tổng, xã, nên phong trào đấu tranh chống chính quyền tay sai và các tổ chức thân Nhật diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ, có sự lãnh đạo chặt chẽ. Nổi bật là cuộc đấu tranh tẩy chay “lẽ ra mắt” của “thủ lĩnh thanh niên” tổ chức tại huyện đường, có tri huyện Đức Phổ tham dự; cuộc đấu tranh của Thanh niên cứu quốc và quần chúng thị trấn Đức Phổ, có quần chúng vùng xung quanh tham gia, phản đối cuộc họp của Tân Việt lợi dụng danh nghĩa quyên góp giúp đỡ đồng bào miền Bắc để tuyên truyền cho Nhật. Cuộc đấu tranh làm thất bại đêm diễn kịch với nội dung cổ động “truyền bá quốc ngữ” của những phần tử thân Nhật, có sự tham dự của lính Nhật.

Các cuộc đấu tranh trên được tiến hành có tổ chức, có kế hoạch, có phân công người trực diện chất vấn, tranh luận và bố trí lực lượng nòng cốt trong quần chúng làm hậu thuẫn.

Một số cuộc đấu tranh có lực lượng thanh niên được trang bị dao găm làm vũ khí để tự vệ.

Nhằm phục vụ công tác đào tạo cán bộ và công tác tuyên truyền, tháng 6/1945 Huyện uỷ mở lớp huấn luyện cấp tốc về đường lối chống Nhật, chuẩn bị khởi nghĩa cho cán bộ trong huyện. Đồng chí Trần Tống, cán bộ Tỉnh uỷ về giúp huyện giảng bài tại các lớp huấn luyện này. Kết quả có hơn 100 cán bộ huyện, tổng và xã được huấn luyện lý luận. Báo “Chơn độc lập” (in thạch) của Mặt trận Việt Minh Quảng Ngãi được phổ biến trong cán bộ, hội viên cứu quốc. Các đội viên tuyên truyền xung phong xuất hiện những nơi đông người tuyên truyền chủ trương, chính sách của Mặt trận Việt Minh, lên án phát xít Nhật, phổ biến tin tức, có tác dụng tốt trong phong trào cách mạng.

Được sự giúp đỡ của Đội du kích Ba Tơ, các tổ du kích và tự vệ được thành lập ở các làng, xã và thị trấn. Các đội viên du kích đều được huấn luyện theo chương trình quân sự tối thiểu gồm các môn: sử dụng súng trường, dao bẫy (lưỡi dao dài 0,5m), roi (gậy), võ dân tộc. Đến đầu tháng 8/1945, các làng đều có từ 5 đến 10 du kích và từ 10 đến 20 tự vệ chiến đấu. Một số đội viên du kích và thanh niên được đưa đi tham gia Đội du kích Ba Tơ. Tính đến trước ngày khởi nghĩa, toàn huyện có hơn 100 thanh niên tham gia Đội du kích Ba Tơ.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ lấy ngày 27 (âm lịch) làm ngày “đặc quyền mua sắm khí giới”, Huyện uỷ phát động đảng viên, hội viên cứu quốc và quần chúng nhân dân góp tiền và hiện vật, mua sắm đồ dùng quân dụng để xây dựng lực lượng vũ trang. Ba lò rèn của Việt Minh do các đồng chí

ủy viên quân khí các làng phụ trách, được xây dựng ở An Khương (Phổ Văn) do đồng chí Huỳnh Thường phụ trách, ở An Thổ (Phổ An) do đồng chí Bùi Mưu phụ trách, ở An Thọ (Phổ Hoà) do đồng chí Nguyễn Xuân Ký phụ trách. Việt Minh cũng vận động công nhân xe lửa và nhân viên kho vật liệu đập Liệt Sơn phối hợp với lực lượng bên ngoài lấy sắt thép cho lò rèn.

Cho đến trước ngày khởi nghĩa, ba lò rèn vũ khí của huyện đã sản xuất hàng nghìn dao bẫy, mác, kiếm trang bị cho du kích, tự vệ các xã và gửi cho du kích Ba Tơ. Ngoài ra, Việt Minh còn giao nhiệm vụ cho mỗi hội viên cứu quốc tự tạo lấy phương tiện, trang bị. Thực hiện chủ trương sắm vũ khí tự tạo, tự vệ Tân Diêm (Phổ Thạnh) phục kích bọn lính bảo an đi tuần đêm trong sở muối Sa Huỳnh lấy hai khẩu súng trường và một khẩu súng lục.

Trong lúc này, nhân dân toàn huyện sôi nổi hưởng ứng phong trào xây dựng lực lượng vũ trang, đóng góp lương thực, tiền bạc, vận chuyển vũ khí, lúa gạo, sắt thép, đưa đón, nuôi giấu cán bộ, bảo đảm vật chất cho các lớp huấn luyện chính trị, quân sự chuẩn bị khởi nghĩa. Mặc dù, đời sống kinh tế còn khó khăn và sự đe dọa của kẻ thù, nhưng các tầng lớp nhân dân vẫn tích cực ủng hộ Mặt trận Việt Minh. Gia đình ông Hồ Nho (Phổ Quang) ủng hộ cho cách mạng 80 cây vải sita. Gạo, vải, muối của nhân dân Đức Phổ và các huyện bạn quyên góp cho du kích chẳng những đủ dùng cho chiến khu Núi Lớn (vùng giáp ranh Đức Phổ và Mộ Đức) mà còn gửi ra chiến khu Vĩnh Sơn (Sơn Tịnh). Trong đó, nhân dân vùng Tân Hội, Hùng Nghĩa ngoài những đóng góp chung, nhân dân còn đóng

góp sức người, sức của xây dựng chiến khu Dầu Rái (tức chiến khu Núi Lớn).

Trước những diễn biến mau lẹ, nhiều thuận lợi của tình hình trong nước và trên thế giới, công việc chuẩn bị khởi nghĩa trong huyện phát triển mạnh. Số hội viên các đoàn thể cứu quốc tăng lên nhanh chóng. Mỗi làng có hàng trăm hội viên, trong đó có những làng hầu hết quần chúng đều tham gia Việt Minh. Các cuộc tập luyện của du kích được tiến hành công khai. Nhân dân không nộp thuế, đi xâu. Bộ máy chính quyền địch từ xã đến huyện hầu như phải làm ngơ trước tình hình. Lý trưởng, hương chức một số làng tham gia Việt Minh. Viên chức cấp huyện hoang mang lo lắng, làm việc cầm chừng. Trừ một số ngoan cố, số đông trong hàng ngũ bọn Việt gian thân Nhật không dám hoạt động. Bọn phản động chạy trốn khỏi làng. Đến đầu tháng 8/1945, tương quan lực lượng đã hoàn toàn nghiêng về phía cách mạng. Nhân dân trong huyện đã sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Trên cơ sở Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 8 và Chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, căn cứ vào diễn biến tình hình cách mạng trong tỉnh, trưa ngày 14/8/1945 khi nhận được tin Nhật đầu hàng quân Đồng minh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triệu tập hội nghị bất thường. Hội nghị nhận định: Thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền đã đến, phải cấp tốc huy động quần chúng nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, đánh đổ toàn bộ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân. Đúng 16 giờ ngày 14/8/1945, tại làng Thi Phổ Nhất (Mộ Đức), Uỷ ban vận động cứu quốc tỉnh phát lệnh khởi nghĩa. Ngay lập tức mệnh lệnh khởi nghĩa đã lan nhanh đến các vùng trong tỉnh.

Tối ngày 14/8, dưới sự chỉ huy của Mặt trận Việt Minh huyện Đức Phổ, nhân dân tất cả các làng nhất tề nổi dậy. Các hội viên các đoàn thể cứu quốc, du kích, tự vệ được vũ trang bằng dao, gậy kéo đi bắt giam những phần tử phản động mà không gặp một sự chống đối nào của địch. Hầu hết bọn phản động đều bị bắt hoặc tìm cách chạy trốn.

Trong khi đó, ở thị trấn cuộc khởi nghĩa diễn ra hết sức quyết liệt. Ở đây, một tiểu đội lính Nhật đang chốt giữ. Tối 14/8, thông qua cơ sở của ta, Ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tổng Phổ Tri gửi cho quân Nhật bức thư yêu cầu quân Nhật không can thiệp. Quân Nhật chấp nhận yêu cầu của quân khởi nghĩa. Nhân cơ hội đó, quần chúng vũ trang xông vào chiếm huyện đường. Trước sức mạnh của lực lượng khởi nghĩa, tri huyện Trần Văn Việt phải chấp nhận đầu hàng lúc nửa đêm 14/8. Cũng trong đêm 14/8, cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi ở hầu hết các làng trong huyện.

Những ngày sau đó, khắp nơi trong huyện diễn ra các hoạt động chào mừng chiến thắng như mít tinh, biểu dương lực lượng.

Trong khi đó, ở Sa Huỳnh và Tân Diêm (cách Sa Huỳnh 2 km), cuộc khởi nghĩa diễn ra hết sức quyết liệt. Tại những nơi này, có một tiểu đội lính bảo an chốt giữ. Riêng Sa Huỳnh còn có hai tên lính Nhật được trang bị bằng súng máy và dùng hầm ngầm làm công sự, cố thủ trong đồn Thương chánh. Trưa ngày 15/8, du kích và tự vệ xã đột nhập vào trại bảo an ở Tân Diêm, bắt 10 tên bảo an, thu 10 súng. Lý trưởng Tân Diêm bị quân khởi nghĩa bắt giam và thu đồng triện. Sau đó, quân khởi nghĩa đi theo quốc lộ I phối hợp với quần chúng cách mạng

thôn La Vân tiếp tục kéo về Sa Huỳnh. Việt Minh tổng Phổ Vân được quần chúng hậu thuẫn thuyết phục buộc tiểu đội bảo an ở Sa Huỳnh đầu hàng. Quân khởi nghĩa thu 11 súng.

Chiều ngày 15/8, du kích và tự vệ tiến công đồn Thương chánh, Sa Huỳnh. Hai tên Nhật dùng súng máy chống trả làm hai du kích xã Phổ Thạnh hy sinh, rồi bỏ chạy. Trong khi đó, công nhân ga Sa Huỳnh tháo đường ray phía nam Cầu Lỗ làm một đầu tàu hoả từ trong chạy ra bị lật nhào xuống sông. Bọn Nhật từ phía nam ra quyết chiếm lại Sa Huỳnh. Du kích và tự vệ chống trả quyết liệt. Nhưng do hoả lực của quân Nhật mạnh hơn, nên tạm thời phải rút lui. Lợi dụng sự rút lui của quân khởi nghĩa, bọn Việt gian thoát khỏi nhà giam, liên lạc với quân Nhật khủng bố nhân dân, lùng bắt những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa⁽¹⁾.

Ngày 16/8, một toán lính Nhật từ thị xã Quảng Ngãi vào Đức Phổ bằng ô tô ray. Đến làng An Ninh, do đường ray xe lửa bị quân khởi nghĩa tháo dỡ trước đó, nên không đi được. Chúng vào làng bắt nhân dân khiêng những tên bị thương, nhưng bị tự vệ và nhân dân trong làng và các làng bên cạnh đón cây chặn đường, nổi trống mõ uy hiếp, buộc quân Nhật phải rút lui về thị xã. Dọc đường mặc dù bị quần chúng biểu tình, thị uy, nhưng quân Nhật không dám phản ứng. Trong khi đó, một đoàn xe chở quân Nhật cũng từ thị xã Quảng Ngãi vào Đức Phổ, đến Thuỷ Thạch đoàn xe bị chặn lại vì nhân dân đón ngã nhiều cây to nằm ngổn ngang trên đường. Quân

⁽¹⁾ Có ý kiến cho là trong đợt tiến công này, đồng chí Trần Bá Hiệp, uỷ viên Ban lãnh đạo khởi nghĩa tổng Phổ Vân bị địch bắt và giết hại. (Chúng tôi đang xác minh thêm)

Nhật dừng lại đóng quân ở Chợ Cung. Sau đó, một xe chở quân Nhật trở ra đến Cầu Vạc phải dừng lại, do cầu bị phá. Chớp được thời cơ đó, du kích nổ súng tấn công, buộc quân Nhật phải bỏ chạy. Du kích thu một khẩu trung liên và nhiều quân trang, quân dụng.

Lúc này, phía nam huyện dọc quốc lộ số I đều có quân Nhật đóng. Ở những nơi đóng quân, quân Nhật tìm cách trả thù và cướp bóc, đốt phá tài sản gây thiệt hại về người và của, một số đồng bào lo lắng phải tìm cách lẩn tránh. Ở Chỉ Trung, có hai tên Nhật vào làng liền bị nhân dân xua đuổi và đánh chết một tên.

Ngày 17/8, hai toán lính Nhật từ thị xã Quảng Ngãi vào Đức Phổ trên hai xe ô tô. Đến làng An Thọ, bị du kích và tự vệ chặn lại, chúng xả súng bắn làm hai du kích hy sinh, hai người khác bị thương.

Trước tình hình đó, thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ, Mặt trận Việt Minh tổng Phổ Vân, một mặt kiên trì giáo dục, vận động nhân dân bất hợp tác với địch, đồng thời tích cực chuẩn bị lực lượng, vạch kế hoạch đối phó bằng vũ lực khi cần thiết. Mặt khác ta chủ trương đưa cán bộ và nhân dân tìm cách tiếp xúc với quân Nhật để thương lượng, tránh xung đột không cần thiết. Việc thương lượng có một số kết quả nhất định. Phía ta đã dẫn quân Nhật thăm những nơi chôn cất những tên bị chết. Phía quân Nhật cam kết bồi thường cho những đồng bào ta bị chúng gây thương tích và chấm dứt khủng bố.

Ngày 25/8, sau nhiều lần điều đình giữa Ban lãnh đạo khởi nghĩa tỉnh với chỉ huy quân Nhật ở Quảng Ngãi hai bên đã đi đến thoả thuận để quân Nhật rút khỏi Quảng Ngãi. Mấy ngày

sau đó, toàn bộ quân Nhật ở Đức Phổ rút ra thị xã chờ ngày về nước.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Đức Phổ hoàn toàn thắng lợi. Trong niềm vui của ngày chiến thắng, hàng vạn nhân dân, các đoàn thể cứu quốc và du kích, tự vệ các làng trong toàn huyện nô nức kéo về sân vận động thị trấn dự lễ ra mắt của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện.

Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Đức Phổ gồm có: chủ tịch: đồng chí Võ Tùng, các phó chủ tịch: đồng chí Nguyễn Nhân và đồng chí Huỳnh Tư, các uỷ viên gồm có các đồng chí Huỳnh Toàn Cầu, Huỳnh Phước, Châu Hàng, Nguyễn Sanh Châu, Lê Phó, Võ Bân và Phạm Trang.

Trước đông đảo nhân dân dự lễ mit tinh, đồng chí Võ Tùng long trọng tuyên bố chương trình hành động của chính quyền cách mạng gồm những nội dung cơ bản sau đây:

- Xoá bỏ hoàn toàn bộ máy cai trị của đế quốc, phong kiến, xoá bỏ các tổ chức phản động.

- Thực hiện tự do dân chủ, tất cả mọi người đều bình đẳng, nam nữ bình quyền.

- Thi hành phổ thông đầu phiếu.

- Xoá bỏ các thứ thuế do Pháp, Nhật đặt ra.

- Tăng gia sản xuất, chăm lo đời sống của nhân dân.

- Phát triển văn hoá, giáo dục, chống nạn mù chữ.

- Xây dựng lực lượng vũ trang để bảo vệ đất nước, bảo đảm an ninh, trật tự.

Ngày 30/8/1945, các thành viên của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện và hàng ngàn nhân dân Đức Phổ kéo về

thị xã Quảng Ngãi dự lễ mít tinh chào mừng Cách mạng tháng Tám thành công và lễ ra mắt của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Lê Trung Đình (tên gọi của tỉnh Quảng Ngãi lúc đó).

Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Quảng Ngãi nói chung, Đức Phổ nói riêng đã thắng lợi hoàn toàn, góp phần mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám ở Đức Phổ đánh dấu một bước ngoặt vô cùng trọng đại trong lịch sử đấu tranh của nhân dân Đức Phổ. Chỉ trong một đêm, toàn bộ hệ thống chính quyền thực dân và phong kiến tay sai đã bị đập tan. Nhân dân lao động Đức Phổ đã xoá bỏ xiềng xích nô lệ, trở thành chủ nhân của một đất nước tự do, độc lập.

Thắng lợi to lớn đó là kết quả của quá trình vận dụng hết sức sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng vào tình hình thực tiễn suốt 15 năm, kể từ khi Đảng bộ ra đời và lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong huyện vùng lên đấu tranh chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

Cũng như các huyện trong tỉnh, sở dĩ Cách mạng tháng Tám ở Đức Phổ thắng lợi nhanh chóng và triệt để là do Đảng bộ đã chấp hành đúng đắn và vận dụng sáng tạo đường lối vận động cứu quốc của Tỉnh uỷ, Xứ uỷ Trung kỳ và của Trung ương. Song, Cách mạng tháng Tám ở Đức Phổ vẫn có những nét riêng, độc đáo. Đó là, Đức Phổ là nơi ra đời của Đảng bộ tỉnh, nơi tập trung nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước, nên ngay từ đầu Đảng bộ đã sớm biết kết hợp vận dụng

sáng tạo đường lối cứu nước của Đảng vào tình hình thực tiễn một địa phương vốn có truyền thống yêu nước và kinh nghiệm đấu tranh chống cường quyền và áp bức, bóc lột.

Khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám ở Đức Phổ là cuộc khởi nghĩa mang tính chất dân tộc rất rộng rãi. Trải qua 15 năm tiến hành cuộc đấu tranh chống thực dân và phong kiến tay sai, Đảng bộ Đức Phổ đã vận động, tập hợp tất cả các giai cấp, các tầng lớp xã hội đoàn kết, thống nhất trong mặt trận chung chống đế quốc và phong kiến. Chính sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân đã luôn tạo ra hình thái có lợi cho lực lượng cách mạng, cô lập, áp đảo kẻ thù, khởi nghĩa nổ ra và nhanh chóng giành thắng lợi.

Khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám ở Đức Phổ còn là khởi nghĩa mang tính nhân dân sâu sắc. Trong cuộc khởi nghĩa này, nhân dân lao động, mà chủ yếu là nông dân, là lực lượng cách mạng đông đảo được giác ngộ, tự giác tham gia các phong trào đấu tranh do Đảng bộ lãnh đạo. Họ trở thành nhân tố chủ yếu làm nên thắng lợi của khởi nghĩa.

Khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám ở Đức Phổ là một cuộc khởi nghĩa phong phú về phương pháp cách mạng. Đó là quá trình sử dụng lực lượng quần chúng đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với sự hỗ trợ của bạo lực vũ trang khi cần thiết nhằm đè bẹp sự kháng cự của kẻ thù, tiến lên giành thắng lợi. Sự phong phú về phương pháp cách mạng trong khởi nghĩa còn thể hiện ở tính linh hoạt, khôn khéo trong đàm phán, thương lượng với quân Nhật ở những thời điểm có lợi nhằm hạn chế sự đổ máu không cần thiết.

Ngay sau khi khởi nghĩa thắng lợi, Huyện uỷ bắt tay ngay vào việc xây dựng chính quyền cách mạng. Điều đó chứng tỏ

Đảng bộ đã sớm nhận thức được vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, nhất là trong bối cảnh phong trào cách mạng ở Đức Phổ đang đặt ra những yêu cầu bức thiết là phải dùng sức mạnh của chính quyền cách mạng để trấn áp bọn phản động, bảo vệ thành quả cách mạng mà nhân dân vừa mới giành được.

Tuy vậy, trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, sự lãnh đạo của Huyện uỷ trong Cách mạng tháng Tám vẫn không tránh khỏi những khuyết điểm, hạn chế. Đó là, Huyện uỷ thiếu nhạy bén trước tương quan lực lượng cách mạng và phản cách mạng đã có nhiều thay đổi, để có phương pháp lãnh đạo khởi nghĩa phù hợp. Trong lúc phát xít Nhật ở chính quốc đã tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, quân Nhật ở Đông Dương hoang mang dao động cực độ, chỉ chờ lệnh rút quân về nước, nhưng Uỷ ban khởi nghĩa huyện vẫn chủ trương đánh Nhật, phá đường chuyển quân của Nhật, buộc chúng phải tự vệ gây những tổn thất không đáng có. Trong khi ở thị trấn, trọng điểm khởi nghĩa của huyện, cuộc khởi nghĩa diễn ra rất thuận lợi, nhanh chóng, nhân dân giành chính quyền ngay trong ngày 14/8/1945. Một trong những nguyên nhân của thắng lợi là tổng Phổ Tri đã tìm cách thương lượng nhằm cô lập Nhật, không để chúng can thiệp vào khởi nghĩa. Ngược lại ở những nơi khác như Sa Huỳnh, Thuỷ Thạch, Chỉ Trung, An Ninh, An Thọ, khởi nghĩa diễn ra rất khó khăn, quyết liệt và chịu thương vong không đáng có, mà nguyên nhân cơ bản là quân khởi nghĩa bao vây, sử dụng vũ lực đối với quân Nhật đang đóng tại các địa điểm này. Cuối cùng, vẫn phải thực hiện giải pháp thương lượng với quân Nhật mới chấm dứt xung đột.

Cũng tương tự như vậy, việc áp dụng những biện pháp trấn áp quyết liệt đối với một bộ phận chống đối cách mạng, nhất là trong đạo Cao Đài thân Nhật đã biểu hiện tính “tả” khuynh trong xử lý các tình huống bất lợi diễn ra trong thực tiễn phong trào cách mạng.

* * *

*

Mười lăm năm (1930-1945) là một khoảng thời gian không dài trong lịch sử. Nhưng 15 năm ấy có biết bao sự kiện lịch sử trọng đại, đánh dấu bước trưởng thành và phát triển vượt bậc trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ.

Vừa mới ra đời được hơn 5 tháng, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tổ chức cuộc biểu tình có quy mô lớn trong toàn huyện, chiếm và làm chủ huyện đường, làm tê liệt hoàn toàn bộ máy chính quyền phong kiến tay sai của thực dân Pháp.

Trong hoàn cảnh bị địch đàn áp, khủng bố khốc liệt trong những năm 1932-1935, nhưng Đảng bộ vẫn duy trì được tổ chức, tiếp tục lãnh đạo các tầng lớp nhân dân dân vượt qua nhiều gian khổ, hy sinh, từng bước khôi phục và phát triển phong trào cách mạng, đóng góp một phần quan trọng vào phong trào chung của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lúc bấy giờ.

Cuộc khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Đức Phổ diễn ra quyết liệt, nhanh chóng giành thắng lợi triệt để đã để lại cho Đảng bộ nhiều bài học kinh nghiệm trong nghệ thuật khởi nghĩa, mở ra thời kỳ phát triển mới trong lịch sử cách mạng của huyện.

PHẦN THỨ HAI

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐỨC PHỐ TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

Chương IV

NĂM ĐẦU XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, TÍCH CỰC CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (1945 – 1946)

1. Tích cực xây dựng chế độ mới sau Cách mạng tháng Tám.

Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trình trọng tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Vừa mới ra đời, Nhà nước cộng hoà non trẻ đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, phức tạp. Nạn đói hoành hành đã làm cho hơn hai triệu người chết. Bọn phản động trong và ngoài nước cấu kết với nhau hòng bóp chết chính quyền nhân dân còn non trẻ. Vận mệnh của đất nước như ngàn cân treo sợi tóc. Trước tình hình đó, ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của chính phủ, Hồ Chủ tịch đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách của cả nước là : Tăng gia sản xuất đi đôi với thực hành tiết kiệm; chống nạn mù chữ; tổ chức Tổng tuyển cử; giáo dục tinh thần Cần, Kiệm, Liêm, Chính; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò; thi hành tự do tín ngưỡng. Tiếp đó, ngày 25/11/1945,

Ban chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị: “Kháng chiến, kiến quốc”, xác định nhiệm vụ trước mắt của chính quyền cách mạng Việt Nam là : củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.

Ngày 6/1/1946, cùng với nhân dân cả nước, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân huyện Đức Phổ nô nức đi bầu cử Quốc hội khoá I - Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Kết quả có 99% cử tri trong huyện đã đi bầu cử. Đồng chí Nguyễn Trí (quê xã Phổ An) là một trong 8 đại biểu của tỉnh Quảng Ngãi được bầu vào Quốc hội. Sau cuộc bầu cử Quốc hội, cùng với nhân dân trong tỉnh, nhân dân Đức Phổ đi bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được tổ chức ngày 17/2/1946. Huyện Đức Phổ có 3 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân tỉnh. Đó là các đồng chí Võ Tùng, Trần Kỳ, Phạm Xuân Hoà. Mặt trận Việt Minh huyện cũng giới thiệu hai đại biểu ra ứng cử là bà Nguyễn Thị Vinh- bác sỹ, con một nhân sỹ yêu nước và Hồ Thúc Hỷ- trí thức tân học- xuất thân trong một gia đình quan lại tham gia Việt Minh trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Sau bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, ngày 14/4/1946, cử tri trong toàn huyện đi bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã theo địa giới hành chính của xã hợp nhất. Số lượng đại biểu được bầu mỗi xã theo quy định từ 21 đến 25 đại biểu. Ngoài những đại biểu là cán bộ, hội viên Mặt trận Việt Minh từ trước ngày khởi nghĩa, trong số đại biểu Hội đồng nhân dân xã còn có các đại biểu đại diện cho giai cấp nông dân, nhân sỹ, hào lý yêu nước.

Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, chính quyền cấp huyện, xã cũng được bầu lại. Ủy ban Nhân dân các cấp được đổi thành Ủy ban Hành chính. Một số nhân sỹ được Hội đồng nhân dân bầu vào Ủy ban Hành chính. Đồng chí Võ Tùng được bầu làm chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Đức Phổ. Ông Huỳnh Tuyển (tức đốc Tuyển), một trí thức quê Phổ Minh được cử làm phó chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện.

Cùng với việc xây dựng bộ máy chính quyền, Huyện uỷ coi trọng củng cố tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Trước ngày khởi nghĩa, một số làng phía nam huyện có nhiều công chức và những người thuộc các tầng lớp trên, nhưng do Huyện uỷ chưa có biện pháp vận động phù hợp, nên chưa xây dựng được cơ sở của Mặt trận Việt Minh. Vì vậy, Huyện uỷ đã tổ chức vận động, từng bước thành lập Mặt trận Việt Minh ở những nơi này. Các đoàn thể và tổ chức quần chúng cũng được củng cố và đi vào hoạt động. Một số tổ chức quần chúng mới ra đời như: Hội thân hào - tổ chức tập hợp những người thuộc tầng lớp trên và người đứng tuổi; Liên đoàn văn hoá cứu quốc - tổ chức tập hợp giới văn học, nghệ thuật, giáo viên...

Chỉ trong vòng một tháng sau ngày khởi nghĩa thắng lợi, Mặt trận và các đoàn thể, tổ chức quần chúng được thành lập từ huyện đến cơ sở. Lúc này, các tôn giáo chưa có tổ chức quần chúng riêng, quần chúng các tôn giáo tham gia Mặt trận Việt Minh theo giới của mình.

Sau ngày khởi nghĩa, trong điều kiện chính quyền cách mạng còn non trẻ, việc quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội còn hết sức mới mẻ. Do đó, Mặt trận

Việt Minh các cấp trong huyện giữ vai trò chủ yếu trong việc vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối của Đảng.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Mặt trận Việt Minh huyện chủ động gặp các gia đình có người lầm lỡ làm tay sai cho thực dân, phong kiến, bị cách mạng xử trị trong khởi nghĩa để giải thích, vận động và trả lại cho họ của cải, vật chất bị tịch thu trước đây. Nhờ vậy, nhiều gia đình đã xoá bỏ được mặc cảm, ổn định đời sống, tích cực tham gia các hoạt động xây dựng chính quyền mới.

Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 5/1946 Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Hội Liên Việt) được thành lập, tập hợp đông đảo cá nhân, đảng phái chưa tham gia Việt Minh. Mục đích của Hội là đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị nhằm xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh. Hội Liên Việt huyện Đức Phổ được thành lập. Ông Nguyễn Thọ (xã Phổ Hoà), được bầu làm chủ tịch. Ông Nguyễn Bích (tức đốc Bích – xã Phổ Hoà) làm phó chủ tịch. Hội đã quy tụ được đa số những trí thức, nhân sỹ, những người thuộc tầng lớp trên có uy tín tham gia tổ chức Hội.

Việc xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng đi đôi với việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân đã có tác dụng rất to lớn trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng trong những ngày đầu của chế độ mới. Đặc biệt, trong hoàn cảnh của huyện Đức Phổ lúc bấy giờ, chính sách đại đoàn kết toàn dân đã giúp

đồng bào các tôn giáo, nhất là chức sắc, tín đồ đạo Cao đài xóa bỏ mặc cảm, định kiến với cách mạng là một chủ trương đúng đắn và sáng suốt của Đảng. Thông qua Mặt trận Việt Minh các cấp, nhiều gia đình địa chủ, phú nông đã tích cực hưởng ứng các chủ trương của Đảng, hăng hái tham gia các cuộc vận động nuôi quân, quyên góp vàng, giảm tô, hiến điền...

Ngay sau ngày khởi nghĩa, chính quyền cách mạng đã bãi bỏ các thứ thuế bất công, vô lý dưới chế độ thực dân, phong kiến. Ruộng công điền, công bản được chia cho nông dân theo nhân khẩu, không phân biệt già trẻ, trai gái, chính cư hay ngụ cư. Các đặc quyền của cường hào, hương lý về ruộng đất công bị xóa bỏ. Một số làng tịch thu ruộng đất của bọn Việt gian, địa chủ vắng mặt và tạm cấp cho dân nghèo. Nông dân lao động được hưởng quyền lợi chính đáng của mình. Những việc làm cụ thể và thiết thực của chính quyền cách mạng đã thổi luồng sinh khí mới vào cuộc sống của đa số nhân dân. Khắp nơi, các tầng lớp nhân dân sôi nổi đẩy lên phong trào thi đua tăng gia sản xuất.

Cuộc vận động xây dựng đời sống mới được đông đảo quần chúng hưởng ứng. Các tệ nạn như mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán, rươi chè, cờ bạc giảm đi rất nhiều. Lối sống mới được mọi người tự giác thực hiện. Đường sá được sửa sang, quét dọn sạch sẽ. Các gia đình chú ý ăn, ở hợp vệ sinh. Chị em phụ nữ trong các đội tự vệ đều cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn...

Do chính sách thống trị của thực dân Pháp, sau khởi nghĩa đa số nhân dân thất học. Do đó, một trong những nhiệm vụ

hết sức cấp bách của Đảng bộ và chính quyền huyện Đức Phổ là chống giặc đốt. Phong trào xoá nạn mù chữ được phát động sâu rộng. Khắp nơi mọi người nô nức tham gia các lớp bình dân học vụ. Người biết chữ chỉ bảo cho người chưa biết chữ, không đòi hỏi thù lao.

2/ Ủng hộ cuộc kháng chiến ở Nam bộ, thực hiện nghĩa vụ đối với cả nước, tích cực chuẩn bị kháng chiến.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp vẫn không từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Ở Nam bộ, ngày 23/9/1945 thực dân Pháp núp bóng quân Anh trắng trợn đánh chiếm Sài Gòn rồi Nam bộ hồng quay trở lại thống trị nhân dân ta.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Đức Phổ phát động toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình ủng hộ đồng bào Nam bộ, phản đối quân xâm lược với khẩu hiệu “Nước Việt Nam là của người Việt Nam”, “Phản đối phái bộ Anh ở Nam bộ xâm phạm chủ quyền Việt Nam”. Nhiều áp phích với nội dung trên được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh treo, dán khắp nơi. Theo tiếng gọi của Nam bộ kháng chiến, 10 thanh niên trong huyện tình nguyện gia nhập cảm tử quân, góp sức cùng đồng bào Nam bộ chống thực dân Pháp. Hàng trăm thanh niên gia nhập các đơn vị Nam tiến hay lực lượng vũ trang tỉnh, hàng ngàn thanh niên sẵn sàng nhập ngũ. Riêng các làng ở Phổ Phong chỉ trong một đợt có 400 thanh niên tình nguyện nhập ngũ, trong đó 35 người trúng tuyển. Những người đứng tuổi cũng tình nguyện sẵn sàng nhập ngũ, góp sức cùng đồng bào Nam bộ chống thực dân Pháp, cứu nước.

Để chuẩn bị chống Pháp, cấp uỷ các cấp xác định nhiệm vụ quan trọng lúc này là xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng vững mạnh. Do đó, từ huyện đến các làng đều thành lập Ban chỉ huy quân sự. Lực lượng du kích được hình thành từ thời kỳ bí mật, nay được củng cố và phát triển. Nam giới ở các làng đều tham gia lực lượng tự vệ, thường xuyên canh gác, giữ gìn trật tự, trị an làng xóm. Phong trào “quân sự hoá”, tập luyện quân sự diễn ra rất sôi nổi, nhất là trong nam nữ thanh niên.

Theo quyết định của Xứ uỷ và Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Đức Phổ đã cử nhiều cán bộ vào các tỉnh cực Nam Trung bộ để hỗ trợ phong trào các tỉnh bạn. Nhiều đồng chí trở thành cán bộ lãnh đạo, có công lao to lớn trong xây dựng phong trào cách mạng các tỉnh phía nam.

Để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của nhà nước và khắc phục những khó khăn về tài chính, ngày 4/9/1945 Chính phủ ban hành sắc lệnh kêu gọi các tầng lớp nhân dân tự nguyện đóng góp ủng hộ xây dựng Quỹ độc lập và tổ chức Tuần lễ vàng. Hưởng ứng chủ trương trên, khắp nơi trong huyện tổ chức nhiều hình thức vận động nhân dân ủng hộ Quỹ độc lập. Nhiều xã tổ chức sinh hoạt văn nghệ, mít tinh hưởng ứng. Nhiều áp phích, biểu ngữ được treo, dán khắp nơi. Có tờ áp phích cổ động viết: “Ai còn tiếc vàng chưa phải là người yêu nước”. Có những phụ nữ góp cả những chiếc kiềng vàng vừa được nhận trong lễ cưới. Nhiều đồ trang sức quý giá của những gia đình giàu có như: kiềng vàng, xuyến vàng, hoa tai vàng nở (vàng nạm ngọc) cũng được quyên vào Quỹ độc lập.

Riêng phụ nữ làng Thanh Sơn (nay là thôn Thanh Sơn, xã Phổ Cường) có 65 chị trong tổng số 108 chị góp được 50 chỉ

vàng, trở thành một trong những làng điển hình trong Tuần lễ vàng của tỉnh Quảng Ngãi .

Ngoài vàng, nhân dân còn góp cả đồng và bạc vào Quỹ độc lập.

Cùng với việc quyên vàng vào Quỹ độc lập, theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Mặt trận Việt Minh Đức Phổ còn vận động nhân dân hưởng ứng ngày đồng tâm, cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, đem chõ gạo ấy cứu đồng bào bị đói . Trong những ngày đó, mỗi lần lấy gạo nấu cơm, mỗi gia đình bỏ một nắm vào hũ gạo cứu đói. Toàn bộ số gạo đó được gửi lên tỉnh kịp thời ủng hộ đồng bào miền Bắc. Sau này hũ gạo cứu đói trở thành truyền thống trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ với tên gọi được thay đổi cho phù hợp với từng thời kỳ như: hũ gạo kháng chiến, hũ gạo nuôi quân, hũ gạo tiết kiệm.

Sau Cách mạng tháng Tám thắng lợi, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền. Do đó, yêu cầu cấp bách là tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 9/1945 Huyện uỷ tổ chức hội nghị để bổ sung và phân công lại ban chấp hành. Đồng chí Nguyễn Đình Thống (quê Phổ An), uỷ viên Uỷ ban vận động cứu quốc huyện trước ngày khởi nghĩa, được cử làm Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Trần Lãm, tỉnh uỷ viên được tỉnh điều động nhận công tác khác.

Trước ngày khởi nghĩa, toàn Đảng bộ huyện chỉ có 10 đảng viên. Trong bối cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền xây dựng và bảo vệ chế độ mới, nhưng đảng viên ít, hầu hết lại tập trung ở

các làng phía bắc, nên sự lãnh đạo của Đảng bộ gặp nhiều khó khăn. Nhận thức được khó khăn trên, sau ngày khởi nghĩa, Đảng bộ huyện kết nạp những cán bộ Việt Minh ưu tú vào Đảng, thành lập mới một số chi bộ. Với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, đến cuối năm 1945 tổng số đảng viên trong huyện lên đến 20 đồng chí. Các chi bộ mới được thành lập ở các xã Phổ An, Phổ Nhơn, Phổ Cường. Những đảng viên mới kết nạp hoạt động rất tích cực, có đồng chí được bổ sung vào Huyện uỷ, được phân công nhiệm vụ phát triển đảng viên, thành lập các tổ chức Đảng, nhất là các xã phía nam huyện. Đầu năm 1946, các chi bộ ở Phổ Vinh, Phổ Khánh được thành lập. Tháng 3/1946, Phổ Thạnh cũng thành lập được chi bộ. Đến lúc này tất cả các xã trong huyện đều có chi bộ.

Một thực tế là khả năng phát triển đảng viên trong thời kỳ này còn rất lớn, nhiều cán bộ Việt Minh, đảng viên hoạt động bí mật trước ngày khởi nghĩa, nhưng vẫn chưa được công nhận hoặc kết nạp lại. Thực tế đó, một phần do các nguyên nhân khách quan là sau khởi nghĩa, Huyện uỷ phải tập trung giải quyết nhiều vấn đề cấp bách để ổn định đời sống nhân dân, xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng còn non trẻ. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ quan là trong Đảng bộ huyện lúc bấy giờ có một số đồng chí xuất hiện tư tưởng hẹp hòi, kèn cựa địa vị làm ảnh hưởng đến sự phát triển của Đảng.

Cũng vào thời điểm đó, ngày 11/11/1945 Đảng ta tuyên bố tự giải tán, nhưng thực chất là Đảng rút vào bí mật để chống thù trong, giặc ngoài. Ở Đức Phổ, Đảng bộ thành lập Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác (Hội hoạt động từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1947), với khoảng 100 hội viên, tập hợp những

cán bộ cách mạng cũ, cán bộ Việt Minh, những thanh niên có học thức muốn tìm hiểu về Đảng. Hội ra đời và hoạt động theo chủ trương của Trung ương, do Đảng bộ các địa phương lãnh đạo. Tuy vậy ở Đức Phổ, Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác lại thoát ly sự lãnh đạo của Huyện uỷ. Do đó việc giới thiệu đại biểu ứng cử vào Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi năm 1946 có hiện tượng thiếu thống nhất.

Việc này tuy không lớn, nhưng Huyện uỷ đã nghiêm túc kiểm điểm, củng cố cả về tư tưởng và tổ chức, tạo sự thông cảm, hiểu biết giữa các thế hệ đảng viên. Đến cuối năm 1946 những đảng viên, cán bộ Việt Minh hoạt động trước năm 1945, bị mất liên lạc đều được công nhận hoặc kết nạp lại và được giao nhiệm vụ công tác ở huyện hoặc chuyển lên tỉnh. Đến năm 1953, trong cuộc chỉnh Đảng những khuyết điểm, sai lầm trong thời kỳ này được đưa ra kiểm điểm, tự phê bình sâu sắc.

Trong thời kỳ hoạt động bí mật, các điều kiện để thực hiện công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên gặp nhiều khó khăn. Sự hiểu biết về Đảng và đường lối cách mạng của Đảng chỉ thông qua hành động cụ thể của từng đảng viên. Sau ngày cách mạng thắng lợi, việc trang bị kiến thức lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức và phục vụ nhiệm vụ công tác của mỗi cán bộ, đảng viên trong huyện là đòi hỏi hết sức cấp bách. Tháng 10/1945 đồng chí Trần Quý Hai, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đức Phổ mở lớp huấn luyện chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cuối năm 1945, Huyện uỷ giới thiệu đồng chí Nguyễn Anh Hoài đi dự lớp đào tạo Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ tại Đà Nẵng do

Xứ uỷ Trung kỳ tổ chức trong thời gian 3 tháng. Sau lớp học ở Đà Nẵng, trên cơ sở tài liệu của xứ uỷ biên soạn để giảng dạy ở Đà Nẵng, Huyện uỷ biên soạn lại giáo trình cho phù hợp với đối tượng bồi dưỡng ở huyện và tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ các ngành ở huyện và các xã. Chương trình gồm các bài giảng về Chủ nghĩa Mác-Lênin, về Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, vấn đề nông dân, tư cách người đảng viên, phương pháp công tác của người cán bộ .v.v.. Các lớp trên tổ chức được 3 khoá, mỗi khoá có trên 20 người.

Song song với tổ chức các lớp huấn luyện lý luận chính trị, Huyện uỷ còn coi trọng việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng trong các cuộc sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt các đoàn thể quần chúng. Các hình thức tuyên truyền, cổ động trực quan cũng được cấp uỷ quan tâm như mít tinh, khẩu hiệu, áp phích, triển lãm.

Tháng 10/1946, Đại hội Đảng bộ huyện được tổ chức tại Hoà Thịnh, xã Phổ Hoà. Đây là Đại hội lần thứ nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp của Đảng bộ huyện Đức Phổ. Dự đại hội có gần 200 đảng viên sinh hoạt tại 13 chi bộ của 13 xã (đã hợp nhất) trong huyện. Đồng chí Tạ Phương, thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội nhận định, từ sau khởi nghĩa giành chính quyền trong cuộc Cách mạng tháng Tám thắng lợi, phong trào cách mạng trong huyện đã có những bước phát triển mạnh mẽ, hoàn thành các nhiệm vụ của Tỉnh uỷ giao phó, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, góp phần xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân và có những đóng góp thiết thực, làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến và các địa phương bạn.

Đảng bộ đã thực hiện có kết quả công tác huấn luyện lý luận, đào tạo cán bộ và công tác tuyên truyền trong quần chúng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của phong trào cách mạng trong giai đoạn cách mạng mới. Đảng bộ đã kết nạp lại các đồng chí đảng viên cũ có đủ tiêu chuẩn và kết nạp những quần chúng ưu tú trong phong trào cách mạng ở địa phương vào Đảng. Nhờ những biện pháp tích cực đó, tổng số đảng viên trong huyện đã tăng lên gấp 20 lần so với trước ngày khởi nghĩa. Tổ chức cơ sở Đảng đã được thành lập ở tất cả các xã trong huyện. Do đó, sự lãnh đạo của Huyện uỷ đã được tăng cường sâu sát hơn tới các địa phương, cơ sở.

Thay mặt Tỉnh uỷ, đồng chí Tạ Phương phát biểu trước đại hội, nêu rõ: Đức Phổ là huyện giàu truyền thống cách mạng, có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng trong tỉnh, nhất là trong khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945, cũng như trong thời kỳ xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng non trẻ. Về công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ Đức Phổ đã có nhiều cố gắng và đạt kết quả tốt. Song do bệnh hẹp hòi, việc kết nạp đảng viên, sắp xếp, cất nhắc cán bộ của Đảng bộ tiến hành chậm. Để đưa phong trào cách mạng trong huyện tiếp tục tiến lên, Tỉnh uỷ yêu cầu Đảng bộ huyện cần khắc phục bệnh hẹp hòi trong công tác phát triển Đảng, củng cố bộ máy và tăng cường sự hoạt động của chính quyền các cấp, củng cố và nâng cao chất lượng của dân quân, du kích.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Anh Hoà (quê xã Phổ Hoà) được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Chương V

RA SỨC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG, ĐÓNG GÓP SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO GIAI ĐOẠN ĐẦU CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (12/1946 – 12/1949)

1/ Tích cực đối phó với âm mưu mở rộng chiếm đóng của thực dân Pháp, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Để tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng, chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, Đảng và chính phủ ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã ký với thực dân Pháp Hiệp định sơ bộ (6/3), Tam ước (14/9), nhưng thực dân Pháp liên tiếp phá hoại, mở rộng sự chiếm đóng của chúng ở nhiều vùng trong cả nước.

Trong hai ngày 18 và 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng tổ chức hội nghị và nhận định thời kỳ hoà hoãn đã qua, khả năng hoà bình không còn nữa, nhân dân ta không còn con đường nào khác là phải đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Hội nghị quyết định phát động nhân dân cả nước chống thực dân Pháp xâm lược.

Để động viên toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đêm 19/12/1946, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, khẳng định ý chí quyết tâm tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Tháng 11/1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đồng chí Phạm Văn Đồng về Nam Trung bộ với cương vị là đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ trực tiếp chỉ đạo phong trào.

Sau khi thực dân Pháp bắn đại bác vào thị xã Quảng Ngãi ngày 2/1/1947, Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị dưới sự chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng. Hội nghị nhận định: Trước mắt thực dân Pháp chưa thể đánh chiếm Quảng Ngãi. Vì vậy, nhiệm vụ chủ yếu lúc này là phải tập trung xây dựng Quảng Ngãi trở thành hậu phương cho vùng tạm chiếm, phục vụ tích cực cho tiền tuyến, mà trực tiếp là mặt trận Kon Tum và Quảng Nam.

Để thống nhất chỉ huy lực lượng, tích cực chuẩn bị kháng chiến, theo chủ trương của Chính phủ, các tỉnh Nam Trung bộ thành lập Uỷ ban quân sự cùng với Uỷ ban hành chính và Uỷ ban kháng chiến trực tiếp lãnh đạo nhân dân chống thực dân Pháp.

Trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến, tương quan lực lượng nghiêng về phía thực dân Pháp, ta phải chủ động rút lui ở một số vùng để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Hơn nữa, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính. Do đó việc xây dựng căn cứ địa làm chỗ đứng chân, xây dựng thực lực cách mạng là hết sức cần thiết. Nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi nói chung, Đức Phổ nói riêng trong thời điểm ấy là sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vùng tự do, đồng thời xây dựng vùng tự do thành căn cứ địa của cuộc kháng chiến.

Thực hiện các nhiệm vụ trong thời kỳ đất nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các ban “phá hoại”, “xây dựng phòng tuyến”, “tấn - tiếp cư” được thành lập khắp các địa phương trong tỉnh.

Ở Đức Phổ, mục tiêu “phá hoại” hàng đầu được đặt ra là phá quốc lộ I và quốc lộ 24 với tổng chiều dài trên địa phận huyện là hơn 50 km. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến, nhân dân các địa phương trong huyện không kể ngày đêm khẩn trương đào hầm, đắp chướng ngại vật trên mặt đường, chỉ trừ một lối hẹp cho người đi bộ và đi xe đạp nhằm cản bước tiến của quân thù. Ở những quãng đường có đèo dốc, việc phá hoại được kết hợp với làm công sự, xây dựng phòng tuyến. Tất cả các cầu trên quốc lộ I đều bị phá sập. Cầu Trà Câu - một trong những cây cầu lớn trên quốc lộ I - được phá bằng mìn. Theo chỉ thị của đồng chí Phạm Văn Đồng, đường xe lửa được nhân dân tháo dỡ đường ray, tà vẹt đem cất, khi cần mới đem ra lắp lại. Lực lượng phá đường do Ban chỉ huy quân sự xã hướng dẫn. Tất cả các xã đều có người tham gia lực lượng phá đường.

Cùng với phá đường, cầu cống, nhân dân còn triệt để thực hiện tiêu thổ kháng chiến. Ở thị trấn, ta phá huyện đường, nhà ga, đồn cũ của thực dân Pháp, trường học, nhà làm bằng gạch của nhân dân. Ở các vùng khác, nhà cửa bằng gạch, đình làng... những nơi mà thực dân Pháp có thể làm chỗ đóng quân cũng đều bị phá.

Trên tất cả các cánh đồng, bãi đất rộng đều có cắm cọc tre để phòng địch nhảy dù.

Ở tất cả các xã đều thành lập ban tản - tiếp cư phụ trách công tác tản cư, sẵn sàng đưa dân đến nơi an toàn khi chiến sự xảy ra, đồng thời chuẩn bị việc tiếp nhận và giúp đỡ người ở địa phương khác đến trong trường hợp ngược lại. Ở các xã ven biển, những người không có nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu đều chuẩn bị tản cư. Mỗi người luôn mang sẵn bên mình, cả khi ngủ một ruột ghé (ruột tượng) gạo, một gói quần áo để mang theo khi có lệnh. Trẻ em mặc quần áo có thêu tên.

Việc đào hầm (địa đạo) chiến đấu được chuẩn bị ngay sau ngày toàn quốc kháng chiến để làm nơi trú ẩn, phòng tránh bom đạn và là công sự chiến đấu chống quân thù. Đây thực sự là những công trình tốn nhiều công sức, bằng quyết tâm kháng chiến của toàn dân, mặc dù vào thời điểm ấy công cụ, vật liệu xây dựng còn thô sơ, thiếu thốn.

Hầm chiến đấu được đào ngầm trong lòng đất, nóc hầm dày từ 5m trở lên, chiều rộng trung bình gần 1m, chiều cao trung bình từ đáy đến nóc hơn một tầm người, cách khoảng 20m đến 30m có một lỗ thông hơi xuyên qua nóc hầm. Nơi hầm gần giếng, thì lợi dụng giếng để làm miệng lỗ thông hơi. Chiều dài mỗi hầm thường 0,5 km, dài nhất là 1km. Một hầm có nhiều nhánh. Phần lớn hầm có cửa vào và ra riêng. Hầm ngầm đào ở cả vùng đồi núi. Các hầm ở núi Xương Rồng, núi Chớp Vung (Phổ Thuận), núi Nga, núi Mồ Côi, núi Dâu, núi Diễm (Phổ Khánh), núi Giàng Thượng (Phổ Ninh), núi Sâu Đâu (Phổ Minh), núi Bé (Phổ Cường), núi Cửa, núi Chà Phun, núi Làng (Phổ Vinh) là những hầm có quy mô lớn.

Hầm ngầm ở thôn Thanh Lâm (Phổ Ninh) được xây dựng công phu và có kỹ thuật nhất. Hầm ngầm này có nơi để chứa lương thực dự trữ, có giếng nước, có nơi làm việc, nơi tránh địch hun khói. Người chỉ huy đào hầm này là đồng chí Phan Thọ được Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung bộ tặng bằng khen. Cục Dân quân, Bộ Quốc phòng trong chuyến đi kiểm tra năm 1948 đã công nhận huyện Đức Phổ có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng hầm hào chiến đấu và hầm ngầm Đức Phổ được đánh giá đứng vào hạng chất lượng cao nhất. Những hầm ngầm này tồn tại cho đến thời kỳ nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đồng thời với thực hiện tiêu thổ kháng chiến, chuẩn bị kháng chiến lâu dài, Đảng bộ huyện luôn chú trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc.

Thực hiện chủ trương của Liên khu uỷ, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi tiến hành chấn chỉnh hệ thống chỉ huy quân sự và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang từ tỉnh đến các huyện, xã. Ở huyện có Ban chỉ huy quân sự huyện. Ở xã có Ban chỉ huy quân sự xã. Ban chỉ huy quân sự huyện có nhiệm vụ xây dựng và thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang ở địa phương, bao gồm lực lượng vũ trang tập trung của huyện, du kích, dân quân, tự vệ, bạch đầu quân của các xã, thôn.

Mỗi xã có từ 2 đến 3 đại đội du kích xã, mỗi thôn có một trung đội du kích thôn. Ngoài ra xã còn có lực lượng du kích rộng rãi. Du kích xã nói chung là lực lượng tập trung. Nhưng cũng có xã, thường là xã ven biển, có một trung đội du kích tập trung. Trang bị của du kích xã là gươm, dao, lựu đạn và

một vài khẩu súng trường cho mỗi trung đội. Du kích xã, thôn có nhiệm vụ bảo vệ xóm làng, sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn xã, đồng thời có nhiệm vụ phối hợp với lực lượng bạn trong toàn huyện.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ và Ban chỉ huy quân sự tỉnh, tháng 10/1948 Huyện uỷ quyết định thành lập một đơn vị du kích tập trung của huyện. Trang bị của đơn vị ngoài gươm, dao và lựu đạn còn có khoảng 10 khẩu súng trường, phần lớn là loại súng In-đô-nê-xi-a. Chi bộ Đảng mới thành lập gồm 3 đảng viên. Đồng chí Nguyễn Xuân Cảnh, Bí thư chi bộ là chính trị viên của đơn vị. Tháng 2/1949, đơn vị du kích tập trung phát triển thành đại đội, lấy phiên hiệu là đại đội 4. Đến tháng 5/1949, đại đội 4 có đủ quân số và chính thức mang danh hiệu lực lượng vũ trang địa phương huyện. Trang bị của đại đội 4 có 30 khẩu súng trường và một ít súng tiểu liên, còn lại là vũ khí thô sơ. Nhiệm vụ của lực lượng địa phương huyện là bảo vệ quê hương, bảo vệ Đảng và chính quyền, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, phối hợp chiến đấu với lực lượng vũ trang trong tỉnh, đồng thời có trách nhiệm dìu dắt dân quân, du kích trong huyện. Mặc dù lực lượng vũ trang địa phương của huyện trình độ văn hoá còn thấp, vũ khí còn thô sơ, nhưng có tinh thần kỷ luật cao, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích được huấn luyện chu đáo cả về chính trị, kỹ - chiến thuật và được tổ chức các cuộc diễn tập khá chu đáo. Trận địa giả có nhiều lớp hào, dây thép gai (giả) và bù nhìn (để tập đâm lê) đủ cho một đại đội thao diễn.

Sau quá trình tập luyện, lực lượng vũ trang địa phương và du kích trong huyện được trực tiếp tham gia chiến đấu ở các chiến trường Tây Nguyên, Quảng Nam và miền tây tỉnh Quảng Ngãi .

Cùng với việc chỉ đạo lực lượng vũ trang trong huyện tập luyện sẵn sàng chiến đấu, Huyện uỷ còn chú trọng việc chỉ huy các lực lượng vũ trang và nhân dân bố phòng đánh địch, chủ yếu là ven biển. Cơ sở của trận tuyến bố phòng là làng chiến đấu. Trong làng chiến đấu có hệ thống ổ tác chiến, giao thông hào, hàng rào, hầm bí mật, mìn chông cắm trên mặt đất và hầm chông kết hợp với nhau tạo thành trận địa của chiến tranh du kích. Một số ổ tác chiến ven biển ở những nơi xung yếu nhất được xây dựng thành “Quyết chiến điểm” với hệ thống hầm hào dày đặc, nhiều ngả, nhiều ngách, vách hầm được chắn cát bằng nhiều cành cây, với nhiều tuyến chiến đấu từ trung tâm đến ngoại vi. Mạng lưới canh gác tuần tra ven biển hoạt động suốt ngày đêm, nhất là từ khuya đến sáng. Mỗi xã có từ 5 đến 10 trạm gác, mỗi trạm gác có một tổ du kích gồm 3 người. Một trạm gác đồng thời là một ổ chiến đấu. Để nhanh chóng phát hiện địch, phối hợp các lực lượng sẵn sàng chiến đấu, ở các điểm cao như Hòn Nôm, Đá Heo (Phổ Thạnh), núi Dâu (giữa hai xã Phổ Cường và Phổ Khánh), núi Cửa (Phổ Vinh) có các trạm quan sát, được trang bị ống nhòm và máy điện thoại. Các trạm gác còn dựng cột bồ làm tín hiệu, ban đêm có đèn thấp sáng.

Cuối năm 1947, thực dân Pháp dùng 6 ca nô từ ngoài biển đổ bộ một tiểu đoàn vào vùng giáp ranh Đức Phổ và Hoài Nhơn (Bình Định). Một đại đội địch tiến vào thôn Vĩnh Tuy,

xã Phổ Thạnh. Đây là cuộc đổ bộ đầu tiên của địch kể từ khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Đức Phổ. Một trung đội du kích dựa vào làng chiến đấu đánh địch, buộc chúng phải rút lui ra biển.

Nhằm tránh thiệt hại do máy bay địch bắn phá, Huyện uỷ chủ trương sơ tán nhân dân những nơi đông dân cư, chợ búa, trường học được phân tán và ngụy trang, có hầm hào trú ẩn ngay cạnh nơi ở và làm việc. Trên đường không đi đông người và đều có hầm trú ẩn. Mạng lưới canh gác máy bay địch được bố trí khắp các làng. Nhân dân mặc áo quần màu sẫm khi ra đường hoặc đi làm đồng.

Việc phòng gian, bảo mật được tăng cường, nhất là những nơi đóng quân, đóng cơ quan, nơi có kho tàng, cơ sở sản xuất... Khẩu hiệu “ba không” (không biết, không nghe, không thấy) được phổ biến sâu rộng nhằm nêu cao tinh thần cảnh giác của nhân dân đối với bọn gián điệp, chỉ điểm của địch. Nhờ đó, trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ở Đức Phổ không có các tổ chức phản động, nội gián. Một số ít tên phản động liên lạc với địch sớm bị phát hiện và xử lý khi chúng chưa kịp gây thiệt hại cho kháng chiến.

2/ Xây dựng và bảo vệ vững chắc hậu phương, làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến.

Tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, mưu đồ của thực dân Pháp là thực hiện chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh, nhưng sau chiến thắng oanh liệt của quân và dân ta ở Việt Bắc, cục diện chiến tranh đã có những thay đổi lớn. Chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp rơi vào thế bị động, lúng túng, buộc chúng phải chuyển sang

chiến lược đánh lâu dài, thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”.

Ở Nam Trung bộ, thực dân Pháp tăng cường càn quét hòng ngăn chặn nguồn cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Là một tỉnh trong vùng tự do, cùng với nhiệm vụ chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp, Quảng Ngãi nói chung, Đức Phổ nói riêng còn có nhiệm vụ đánh bại những thủ đoạn bao vây, phá hoại của địch, bảo vệ vững chắc hậu phương, làm tròn nghĩa nghĩa vụ đối với tiền tuyến.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và của tỉnh, ngày 30/7/1949 nhân dân Đức Phổ nô nức đi bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và xã. Qua cuộc bầu cử lần này, Hội đồng nhân dân đã từng bước được củng cố vững mạnh, phục vụ tốt hơn nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Ở Đức Phổ, thành phần Hội đồng nhân dân cấp xã kỳ này đã tăng cường thêm những người thuộc các tầng lớp trên, có uy tín trong quần chúng, góp phần làm cho quần chúng thiết tha yêu mến chính quyền cách mạng.

Cũng trong năm 1949, huyện Đức Phổ thực hiện chủ trương chuyển Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến hành chính theo Sắc lệnh ngày 1/10/1949 của Hồ Chủ tịch. Trong dịp này, đồng chí Võ Tùng, chủ tịch Ủy ban hành chính huyện về tỉnh làm chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, đồng chí Nguyễn Đơn (xã Phổ An) và lần lượt sau đó là các đồng chí Nguyễn Bút, Võ Bân được cử làm chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện.

Cùng với củng cố bộ máy chính quyền, Đảng bộ huyện quan tâm xây dựng Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể

quần chúng. Các tổ chức này đóng vai trò tích cực trong việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối kháng chiến, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp cho kháng chiến. Xã Phổ Cường được tuyên dương là xã kiểu mẫu trong Liên khu V.

Nổi bật nhất trong phong trào quần chúng là hoạt động của Hội phụ nữ. Tuy đời sống của chị em còn nhiều khó khăn, nhưng các mẹ, các chị đã tích cực tham gia các cuộc vận động “Đồng tâm kháng chiến”, “Tuần lễ nuôi quân”, “Đón thương binh”, “Phụ nữ chức nghiệp”. Phụ nữ các gia đình khá giả cũng rất tích cực hưởng ứng các phong trào do Hội phụ nữ các cấp phát động. Trong thời gian này chị em phụ nữ là những người đi đầu nhận đài thọ và tiếp tế cho anh em du kích luyện tập hay bố phòng. Có gia đình nhận đài thọ cho 1 tiểu đội (từ 10 đến 12 người) trong 1 đợt luyện tập (từ 5 đến 7 ngày). Trong phong trào đón thương binh về làng, nhiều chị em đón về nhà mình chăm sóc 2-3 thương binh. Khi bộ đội về đóng trong làng, chị em quyên góp rau quả, thực phẩm, nấu ăn, khâu vá quần áo giúp bộ đội. Trong phong trào “phụ nữ chức nghiệp”, chị em đảm đương các công việc vốn là của nam giới như cày ruộng, lợp nhà...để chồng con yên tâm ra mặt trận.

Thanh niên là lực lượng xung kích trong kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, Đoàn thanh niên cứu quốc phát động cuộc vận động “kiến thiết Đoàn” (tự động công tác). Phong trào đã sáng tạo được nhiều hình thức tập hợp, vận động thanh niên, có tác dụng nâng cao các hoạt động phù hợp với tuổi trẻ như: Xây dựng Đoàn quán, mặc đồng phục - một hình thức câu lạc bộ quân sự hoá sinh hoạt của thanh

niên. Các em thiếu nhi cũng tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ kháng chiến với các phong trào nuôi “con gà kháng chiến”, trồng “cây bông kháng chiến”, dạy các lớp bình dân, các hoạt động văn nghệ. Các xã Phổ Cường, Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Hoà là những xã có phong trào thanh niên tiêu biểu.

Thông qua Mặt trận Việt Minh các cấp, Hội thân hào tập hợp các thân sỹ, gia đình khá giả và người cao tuổi. Hội đã có nhiều hoạt động tích cực, động viên con cháu tham gia công cuộc kháng chiến, kiến quốc, truyền bá kiến thức và kinh nghiệm cho thế hệ trẻ.

Chính sách tự do tín ngưỡng được tôn trọng, một số tín đồ các tôn giáo tham gia mặt trận Việt Minh, chính quyền các cấp. Các đồng chí lãnh đạo huyện quan tâm động viên, thăm hỏi đồng bào theo các tôn giáo, được bà con hoan nghênh, tin tưởng.

Nằm trong vùng tự do, hậu phương của cuộc kháng chiến, Huyện uỷ luôn quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng về việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Do đó, ngay sau ngày toàn quốc kháng chiến, ở Đức Phổ Mặt trận Việt Minh và các cấp chính quyền trong huyện đã thực hiện việc chia lại công điền, vận động hiến điền, tạm cấp ruộng đất vắng chủ và ruộng đất của bọn Việt gian cho nông dân. Nhờ đó, đời sống của nông dân, nhất là bần, cố nông bước đầu được cải thiện, trở thành nguồn động lực mạnh mẽ thúc đẩy phong trào phát triển kinh tế, động viên các tầng lớp nhân dân chi viện sức người, sức của cho kháng chiến.

Các biện pháp xây dựng hệ thống thuỷ lợi được tích cực thực hiện. Hệ thống hồ đập, kênh mương thuỷ lợi cũ như đập Liên Chiêu, La Đô, An Thọ được tu sửa chắc chắn hơn thời Pháp thuộc. Riêng đập An Thọ đủ nước tưới cho 250 ha ruộng. Các ban yểng (ban quản lý đập) được chấn chỉnh. Việc sử dụng nguồn nước tưới được thực hiện theo quy định, điều hoà được giữa các vùng. Nhân dân các xã trong huyện đẩy mạnh việc khơi vét mương rãnh, tận dụng nước mạch, nước khe, tích cực đào ao, vét giếng lấy nước phục vụ sản xuất và đời sống. Ở Phổ Ninh có gia đình đào ao đủ nước tưới cho hàng chục mẫu đất. Bằng nhiều biện pháp tích cực trong công tác thuỷ lợi, nên diện tích đất nông nghiệp được tưới nước tăng lên.

Việc khai hoang các vùng gò đồi, ven núi để mở rộng diện tích đất canh tác được các cấp chính quyền vận động nhân dân thực hiện đạt nhiều kết quả. Ở nhiều nơi, nông dân hưởng ứng chủ trương chuyển một số diện tích trồng mía sang trồng cây lương thực như lúa, khoai lang, khoai mì, rau đậu, bông vải phục vụ nhu cầu kháng chiến.

Phong trào dùng phân xanh, phân chuồng bón ruộng được nông dân hưởng ứng. Những kỹ thuật mới về ủ phân, ngâm giống, diệt sâu bọ...được áp dụng phổ biến trong huyện.

Nghề đánh cá và làm muối vốn là nghề truyền thống có từ lâu đời của nhân dân vùng biển Đức Phổ. Trong hoàn cảnh bị địch đánh phá, nhân dân đã sáng tạo nhiều cách làm mới, đảm bảo sản xuất đủ đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng và góp phần cung cấp cho kháng chiến. Trong giai đoạn này, đa số ngư dân trong huyện đã thực hiện việc chuyển khai thác hải sản từ khơi xa vào đánh bắt, khai thác trong lộng. Nhiều nơi

ngư dân làm lù (đục lỗ thoát nước) ở đáy tàu thuyền, khi có báo động địch đổ bộ thì mở lù cho nước vào để nhận chìm, bảo vệ được phương tiện làm ăn.

Đối với việc sản xuất muối, những năm đầu kháng chiến việc sản xuất bị đình trệ, nhân dân thiếu muối để ăn, có nơi phải dùng nước biển cô đặc thay muối. Càng về sau, nhờ thời tiết thuận lợi, nhân dân đã biết kết hợp giữa sản xuất và chiến đấu, bố phòng, nên nghề làm muối được khôi phục và phát triển, đáp ứng nhu cầu trong huyện và cung cấp một phần rất lớn cho các vùng trong tỉnh.

Trong hoàn cảnh bị địch bao vây, phong toả về kinh tế, nên việc sản xuất gắn với tiết kiệm là nhiệm vụ thường xuyên của tất cả mọi người, mọi nhà. Nhân dân trong huyện nghiêm túc thực hiện chủ trương không nấu rượu, làm bún bánh bằng bột gạo. Khoai, mỳ là lương thực chính, được chế biến thành các sản phẩm như bún, bánh tráng. Chẳng hạn như: củ mì được chế biến thành bột để làm bún, bánh tráng, khoai lang được thái mỏng, phơi khô vừa ngon, vừa dự trữ được lâu.

Trong kháng chiến, việc mua bán, trao đổi hàng hoá giữa các vùng trong huyện, trong tỉnh gặp nhiều khó khăn. Việc sản xuất tự cấp, tự túc hàng tiêu dùng thiết yếu là nhu cầu hết sức cấp bách, nhất là vải mặc. Nghề kéo sợi, dệt vải là nghề truyền thống của nhân dân Đức Phổ, lại được chính quyền khuyến khích, nên trở thành nghề chính và phát triển mạnh ở nhiều nơi trong huyện. Nhiều gia đình trong huyện bán bông, kéo sợi, dệt vải. Rất nhiều gia đình có khung dệt tay khổ hẹp (0,45m). Các hộ gia đình ở Phổ Minh, Phổ An, Phổ Quang, Phổ Văn dệt vải si ta theo dạng gia công cho nhà nước, dệt

vải tám để bán. Đặc biệt, các xưởng ươm tơ, dệt vải của cơ quan kinh tài Nam Trung bộ và hậu cần Quân khu V ở Phổ Văn và Phổ An phát triển rất mạnh, trở thành nguồn cung cấp vải chủ yếu cho bộ đội toàn Liên khu. Xưởng Nam Cường ở Phổ An có gần 100 công nhân, hầu hết là người Đức Phổ, chuyên dệt, nhuộm vải si ta và dệt màn – hai loại sản phẩm cung cấp cho quân đội. Ngoài ra, xưởng còn dệt vải ka ki, vải tám (loại vải gân giống vải phin). Xưởng Liên Hương và Việt Thắng ở Phổ Văn, riêng xưởng Liên Hương có 50 công nhân, cũng chuyên dệt vải si ta cung cấp cho quân đội. Do chiến tranh, nguồn bông - nguyên liệu dệt vải - trở nên khan hiếm. Hưởng ứng sáng kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng “mỗi gia đình trồng 30 cây bông quanh nhà”, các cấp chính quyền trong huyện phát động nhân dân trồng bông, giải quyết một phần nguyên liệu cho nghề dệt vải. Tuy vậy, vì nhu cầu quá lớn nên vẫn phải mua bông từ các tỉnh trong vùng với giá rất đắt và chịu nhiều tổn thất về người và của⁽¹⁾. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán trao đổi nguyên liệu, ở huyện cũng hình thành một chi điểm thương nghiệp mua sợi và giao cho nhân dân gia công, cung cấp cho các xưởng dệt.

Trong kháng chiến, lần đầu tiên ở Đức Phổ đã hình thành một nghề sản xuất mới. Đó là nghề làm giấy do hội công kỹ nghệ miền Nam Trung bộ giúp đỡ về kỹ thuật. Nguyên liệu làm giấy là tre, nứa, rơm rạ, thân cây chuối chát. Sản phẩm chủ yếu là giấy manh và giấy phơi luya. Huyện có 2 xưởng sản

⁽¹⁾ Ta phải mua bông từ các tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, vận chuyển bằng đường bộ và đường biển. Dịch phát hiện đốt cháy xe, tàu thuyền và bắn chết không ít người vận chuyển bông.

xuất giấy ở Trà Câu (sau chuyển lên Phố Phong) và Phố Thuận. Tư nhân cũng được khuyến khích làm giấy. Tuy chất lượng giấy còn kém, nhưng đã đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng trong các trường học và cơ quan.

Mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng việc trao đổi hàng hoá giữa các vùng trong huyện, trong tỉnh vẫn diễn ra bình thường. Các chợ ở các làng, xã vẫn hoạt động. Riêng các chợ ở vùng thị trấn gặp khó khăn, do chính sách bao vây kinh tế của địch. Với thủ đoạn cấm đưa hàng hoá từ vùng tự do trao đổi, mua bán ở vùng tạm chiếm, đồng thời tung hàng xa xỉ ra bán để mua vét lương thực, thực phẩm trong vùng tự do, ban đầu địch gây cho ta nhiều khó khăn, lúng túng. Về sau, nhờ sự giúp đỡ của lực lượng kinh tài, các đoàn thể và cả tư thương, nhất là vùng tạm chiếm Quảng Nam, nên ta đã chủ động phá thế bao vây kinh tế của địch.

Trong kháng chiến, Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể cũng đã chú trọng việc vận động, tổ chức, hướng dẫn nông dân hợp tác, giúp nhau trong sản xuất. Các hình thức tổ chức có từ trước ngày khởi nghĩa như vòng công, đổi công được khôi phục. Các hình thức hợp tác mới như hợp tác xã tiếp tế và tiêu thụ cũng từng bước hình thành. Mỗi địa phương áp dụng các hình thức hợp tác một cách khác nhau. Trong khi đổi công là hình thức hợp tác bình đẳng, đơn giản, được duy trì khá lâu trong các làng xã, thì hình thức hội đồng canh lại duy trì chỉ trong thời gian ngắn. Nguyên nhân là hội đồng canh - một cách tổ chức sản xuất dựa trên cơ sở đóng góp ruộng đất, trâu bò của nhiều hộ xã viên - không phù hợp với trình độ tổ chức và quản lý sản xuất lúc bấy giờ. Hợp tác xã tiếp tế và

tiêu thụ là một hình thức tổ chức hợp tác mới, chỉ hình thành và hoạt động trong việc trao đổi, gia công bông vải. Tham gia hợp tác, xã viên chỉ cần góp một cổ phần nhỏ bằng tiền. Hợp tác xã nhận bông của công ty về giao cho xã viên gia công rồi bán sản phẩm cho các xưởng dệt. Xã viên còn được hợp tác xã mua và bán lại các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu mà địa phương không đủ cung cấp.

Trong hoàn cảnh nhà nước cách mạng vừa mới ra đời, lại phải đối phó với chiến tranh nên giải quyết vấn đề tài chính phục vụ hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp trở nên cấp bách. Biện pháp được thực hiện phổ biến lúc bấy giờ là mỗi cấp chính quyền phải tự lực, trên cơ sở sự đóng góp của toàn dân. Theo đó kinh phí hoạt động của cấp xã dựa vào hoa lợi ruộng đất công điền, công bản và sự ủng hộ của nhân dân bằng tiền, lương thực hoặc cũng có khi nhân dân mời cán bộ về nhà mình ăn cơm sau buổi làm việc. Ở cấp huyện, sinh hoạt phí của cán bộ được giải quyết ở mức tối thiểu, nguồn thu chủ yếu cũng dựa vào ruộng đất công và sự đóng góp của nhân dân. Ngoài ra, huyện có Ban kinh tài với một cơ sở làm nước mắm ở Sa Huỳnh và một tổ buôn bán, mua hàng công nghiệp từ Quảng Nam về bán cho nhân dân. Từ năm 1947, khi Ủy ban hành chính miền Nam Trung bộ bắt đầu thu các loại thuế và phát hành tín phiếu, thì vấn đề tài chính cho hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp cơ bản được giải quyết. Tuy nhiên, do nguồn thu hạn chế, nên các biện pháp tài chính trước đó vẫn được duy trì. Đồng thời, nhà nước vẫn tiếp tục động viên nhân dân đóng góp vào các loại quỹ ủng hộ kháng chiến như: quỹ tham gia kháng chiến, phụ thu kháng chiến, công trái kháng chiến.

Chi phí cho các lực lượng vũ trang ở huyện và xã trong thời gian này cũng dựa vào sự đóng góp của nhân dân. Các xã đều lập quỹ nuôi quân bằng cách lập trại sản xuất do ban chỉ huy quân sự xã quản lý, ruộng đất, trâu bò, vốn sản xuất do chính quyền cấp. Bên cạnh đó, chính quyền và các đoàn thể quần chúng còn vận động nhân dân đóng góp tiền, lúa gạo bằng nhiều hình thức như con gà kháng chiến, con heo kháng chiến, buổi chợ kháng chiến; tổ chức hội chợ trưng bày, mua bán các sản phẩm đặc sắc của địa phương, vừa có tác dụng cổ vũ phong trào sản xuất, vừa động viên nhân dân đóng góp vật chất cho kháng chiến.

Phần đóng góp quan trọng nhất của nhân dân cho du kích, tự vệ xã là đài thọ cơm nước trong những đợt huấn luyện. Với sự ủng hộ nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã có hàng trăm ngàn bữa ăn được nhân dân cung cấp cho du kích xã. Có những gia đình nhận lo ăn uống cho 1 tiểu đội (10-12 người) trong 1 đợt huấn luyện từ 5-7 ngày. Ngoài ra, nhân dân còn giúp đỡ các đơn vị vũ trang tỉnh, Liên khu đóng trong địa phương.

Mặc dù những năm kháng chiến ruộng đất canh tác rất ít, lại bị kẻ thù bao vây, phá hoại, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Đức Phổ đã vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại, vươn lên xây dựng được nền kinh tế tự túc, tự cấp, giải quyết được phần lớn lương thực, thực phẩm tại chỗ. Nhờ đó, ngay cả khi thiên tai tàn phá nặng nề như năm 1948, các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống vẫn được đảm bảo không chỉ cho lực lượng vũ trang huyện, xã mà cho cả các cơ quan, đơn vị của tỉnh, liên khu đóng trên địa bàn huyện và đóng góp một phần cho tiền tuyến.

Cùng với đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định đời sống, trong những năm đầu kháng chiến, các tầng lớp nhân dân trong huyện đã tích cực thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hoá-xã hội.

Thành tựu nổi bật nhất trong sự nghiệp phát triển văn hoá là phong trào bình dân học vụ trong những năm 1947-1949. Những năm này các lớp bình dân học vụ được tổ chức ở tất cả các làng, xã. Đình, chùa, nhà dân ...đều là nơi tổ chức các lớp bình dân học vụ. Học viên bao gồm tất cả mọi người chưa biết chữ. Giáo viên là những người biết chữ tự nguyện hướng dẫn cho những người chưa biết chữ. Tuy điều kiện học tập còn nhiều khó khăn, giấy viết, bút mực, đèn dầu thiếu thốn, lớp học tạm bợ, người dạy, người học phải lao động, công tác và tập luyện sẵn sàng chiến đấu, nhưng tất cả mọi người đều tích cực tham gia học tập. Một số hình thức cưỡng bức việc học tập cũng được áp dụng nhằm thúc đẩy phong trào như chằng dây hỏi chữ dọc các con đường. Với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, đến cuối năm 1948 đã thanh toán được 75% dân số mù chữ. Riêng thanh niên hầu hết đã biết đọc, biết viết. Một số xã như Phổ Cường, Phổ An và nhiều thôn trong huyện cơ bản được thanh toán nạn mù chữ.

Năm 1946, Trường bổ túc văn hoá của Liên khu được mở tại xã Phổ An. Nhiều cán bộ, đảng viên trong huyện được tham gia các khoá học của trường. Năm 1948, huyện bắt đầu tự lực mở một số lớp bổ túc văn hoá tập trung. Tham gia các lớp học này là cán bộ huyện và các xã. Mỗi khoá 50 người, học trong thời gian 1 năm, bồi dưỡng chương trình cấp I và một phần chương trình cấp II.

Cùng với thành tích đạt được trong phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hoá, ngành giáo dục phổ thông cũng có những bước phát triển vượt bậc. Các trường mới được xây dựng ở nhiều làng, xã. Trước đây, toàn huyện chỉ có 2 trường cấp I, nay tất cả các xã đều có trường cấp I. Đặc biệt, lần đầu tiên ở Đức Phổ đã có trường trung học. Đó là trường Trung học dân lập Nguyễn Nghiêm. Trường được thành lập và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện, được Ủy ban Mặt trận Liên Việt đỡ đầu và Ban sáng lập bảo trợ. Chương trình giảng dạy dựa trên chương trình cao đẳng tiểu học thời Pháp thuộc (tương đương với chương trình phổ thông cơ sở ngày nay). Trường khai giảng khoá đầu năm 1947-1948. Đến năm học 1951-1952, Trường trung học Nguyễn Nghiêm mở thêm phân hiệu ở xã Phổ Thuận. Đến năm học 1953-1954, trường có 12 lớp đủ các lớp của cấp II. Các trường học ở Đức Phổ không chỉ đào tạo cán bộ cho các địa phương trong huyện và các huyện bạn, mà còn đào tạo cán bộ cho các tỉnh như Phú Yên, Khánh Hoà.

Sự nghiệp văn hoá, nhất là cuộc vận động “Đời sống mới” được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Các tập tục lạc hậu bị bãi bỏ, ma chay, cưới xin được tổ chức đơn giản, một số phần tử xấu bị đem cảnh cáo trước dân. Các sinh hoạt văn hoá, thể thao diễn ra sôi nổi ở tất cả các làng xã, các cơ quan, đơn vị. Các xã có Ban tuyên truyền làm nhiệm vụ phổ biến đường lối chính sách của Đảng, các tin chiến thắng. Báo Cứu quốc của Ủy ban Mặt trận Nam Trung Bộ, tờ Thông tin của Tỉnh uỷ là các tài liệu sinh hoạt của các chi bộ, các đoàn thể ở cơ sở. Các hình thức tuyên truyền cổ động như mít tinh, khẩu hiệu, phát

thanh được vận dụng linh hoạt. Đài phát thanh là một chòi cao, tin tức được phát bằng loa miệng. Khẩu hiệu được viết bằng vôi, hoặc mực trên các tấm vỉ (cốt) hoặc nong, nia.

Hưởng ứng phong trào thi đua do Trung ương Đảng phát động trong toàn quốc ngày 23/7/1948, cùng với toàn tỉnh, các tổ chức, cá nhân trong huyện sôi nổi thi đua làm nhiều việc tốt. Trong ngành nông nghiệp, các chiến sỹ thi đua đi đầu trong việc chống hạn, gieo cấy giống lúa tứ quý, làm phân, ngâm ủ giống theo kỹ thuật mới, diệt sâu bọ hại lúa... Trong cuộc vận động diệt sâu, có chiến sỹ thi đua trong một vụ lúa bắt được 8 bầu sâu bọ, có chiến sỹ thi đua bắt được 9 ang.⁽¹⁾ Hàng năm ngành nông nghiệp Đức Phổ đều có các điển hình tiên tiến đi dự Đại hội nông nghiệp toàn tỉnh. Tiêu biểu như ông Nguyễn Đến (xã Phổ Ninh) được bầu là chiến sỹ thi đua ngành nông nghiệp toàn tỉnh, ông Lê Mười (xã Phổ Thạnh) được bầu là chiến sỹ thi đua ngành ngư nghiệp toàn tỉnh. Ngành giáo dục huyện có 3 chiến sỹ thi đua, trong đó có ông Huỳnh Tấn Ích, cán bộ giáo dục huyện và ông Hồ Cơ, giáo viên trung học. Riêng ông Hồ Cơ được bầu là chiến sỹ thi đua ngành công đoàn tỉnh⁽²⁾. Xã Phổ Cường được tuyên dương là xã xuất sắc trong giáo dục bình dân toàn đồng bằng Liên khu V. Trường trung học Nguyễn Nghiêm nhiều năm liền được giữ cờ luân lưu của Mặt trận Liên Việt tỉnh. Tại Đại hội luyện quân của tỉnh năm 1949, đơn vị đại diện của huyện Đức Phổ được tặng bằng khen, cờ luân lưu và một con ngựa.

⁽¹⁾ Bầu, đơn vị đo lường, tương đương với ang. Một ang tương đương 5 kilôgam.

⁽²⁾ Theo cách tổ chức lúc bấy giờ, giáo dục thuộc ngành công đoàn.

Công tác xây dựng Đảng cũng đạt nhiều thành tích. Tư tưởng hẹp hòi trong Đảng bộ từng bước được khắc phục. Hầu hết những đảng viên cũ được kết nạp lại hoặc khôi phục. Nhiều cán bộ trẻ, có thành tích xuất sắc trong các phong trào được kết nạp Đảng. Có xã như Phổ Cường, Phổ Minh đảng viên chiếm 1/8 dân số. Cấp uỷ chú trọng công tác giáo dục lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Một số chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị được quy định khá cụ thể như cán bộ, đảng viên cơ sở học tập các tài liệu: Chủ nghĩa cộng sản, Điều lệ Đảng, kháng chiến nhất định thắng lợi, đạo đức cách mạng. Riêng cán bộ cấp xã được học thêm các bài: Sửa đổi lối làm việc, cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, công tác quần chúng. Các đồng chí huyện uỷ viên được dự các lớp do tỉnh và liên khu mở, học các bài: Tuyên ngôn Đảng cộng sản, nguyên lý Chủ nghĩa Lênin, Chính phong, quan điểm quần chúng... Những lớp học này thường được đồng chí Phạm Văn Đồng trực tiếp giảng dạy. Các ban tham mưu của Đảng bộ như Tuyên huấn, Đảng vụ, Tổ chức, Văn phòng được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng được tăng cường. Cấp uỷ Đảng đã giới thiệu đảng viên vào nắm giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền các cấp. Do đó các chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện một cách nhanh chóng, kịp thời.

Đại hội Đảng bộ tỉnh tháng 3/1950 đề ra chủ trương xây dựng các chi bộ đạt tiêu chuẩn chi bộ "tự động công tác". Đó là chi bộ có năng lực đề ra và lãnh đạo thực hiện kế hoạch công tác trong phạm vi trách nhiệm của Đảng bộ cấp mình, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, các chỉ thị,

ng nghị quyết của cấp trên, ứng phó thắng lợi trước mọi tình huống. Căn cứ vào những tiêu chuẩn trên, Hội nghị Liên khu uỷ tại La Vuông, Hoài Nhơn, Bình Định đã công nhận Đảng bộ Đức Phổ có nhiều thành tích và kinh nghiệm tốt về xây dựng chi bộ “tự động công tác”. Liên khu uỷ đã điều động đồng chí Nguyễn Duân, Bí thư Huyện uỷ đi xây dựng chi bộ “tự động công tác” của Liên khu.

Từ năm 1946 đến năm 1949, do nhu cầu công tác, Đảng bộ Đức Phổ có nhiều lần thay đổi đồng chí Bí thư Huyện uỷ. Đó là đồng chí Nguyễn Đình Thống (quê xã Phổ An), đồng chí Nguyễn Anh Hoài (quê xã Phổ Hoà), Huỳnh Phước (quê xã Phổ An), đồng chí Võ Trung Thành (quê xã Phổ Cường). Do yêu cầu của việc huy động sức người, sức của phục vụ kháng chiến nên trong giai đoạn này Huyện uỷ đã đề ra và thực hiện một số chủ trương vượt quá khả năng thực tế của địa phương như xây dựng hợp tác xã, huy động nhân dân đóng góp các quỹ kháng chiến, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng trong công tác phát triển đảng viên...

*

* *

Như vậy, trong 3 năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (12/1946- cuối năm 1949), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ Đức Phổ đã quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng trong nhận định, đánh giá tình hình thực tiễn của địa phương để đề ra chủ trương và biện pháp cụ thể, thiết thực, tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng ở Đức Phổ, tham gia bảo vệ vùng tự do, xây dựng hậu phương của cuộc kháng chiến. Thành quả to lớn

nhất mà Đảng bộ đạt được là đã lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn do chế độ cũ để lại, đoàn kết tất cả các lực lượng xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng non trẻ ngày càng vững mạnh, ổn định và phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và trình độ dân trí, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Nhờ đó, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ ngày càng được khẳng định vững chắc trong đời sống chính trị-xã hội huyện nhà, tạo cơ sở thuận lợi để Đảng bộ huyện xây dựng địa phương trở thành hậu phương vững chắc, tiếp tục cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến, đập tan âm mưu phá hoại, lấn chiếm của địch.



Chương VI

ỔN ĐỊNH, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN, GÓP PHẦN DẨY MẠNH CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP THẮNG LỢI (1950 - 1954)

1/ Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tiến hành các cuộc vận động lớn nhằm góp phần chi viện cho tiền tuyến.

Đến giữa năm 1949, tương quan lực lượng giữa ta và địch trên các chiến trường trong cả nước đã có lợi cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta. Đặc biệt, chiến dịch Biên giới năm 1950 đã mở ra bước ngoặt chuyển cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ hình thái chiến tranh du kích sang chiến tranh chính quy. Trên mặt trận ngoại giao, cách mạng nước ta giành được thắng lợi lớn. Liên xô, Trung quốc và nhiều nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận chính phủ và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta.

Tháng 2/1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã nhất trí thông qua Chính cương, Điều lệ của Đảng và Nghị quyết đưa Đảng ta ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Lần đầu tiên, trên cơ sở Chủ nghĩa Mác Lê nin và thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã đề ra một cách có hệ thống lý luận, phương châm, chiến lược và sách lược của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Trung ương do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư.



Đại biểu dự một hội nghị cán bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp

Lúc này, trên các chiến trường, thắng lợi trong chiến dịch Biên giới của quân và dân ta đã đẩy thực dân Pháp vào thế bị động, lúng túng. Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ tăng cường giúp đỡ thực dân Pháp và trực tiếp can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

Ở Nam Trung bộ, địch đẩy mạnh bình định vùng tạm chiếm, đánh phá ác liệt vùng tự do. Ở Quảng Ngãi, chúng đánh phá miền núi, gây vụ Sơn Hà, giết chết hàng trăm đồng bào, tiến công lực lượng vũ trang, đánh phá trụ sở, gây mất an ninh ở nhiều xã trong các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Chúng chiếm đảo Lý Sơn để làm bàn đạp tấn công, đánh phá vùng ven biển, ngăn cản việc làm ăn của ngư dân. Chúng dùng máy bay ném bom đánh phá sâu vào nội địa, cho quân đổ bộ từ biển lên đất liền giết hại đồng bào ta, phá hoại sự nghiệp kháng chiến.

Ở Đức Phổ, từ năm 1950 địch đẩy mạnh cường độ đánh phá bằng máy bay và đổ bộ bằng đường biển. Mục tiêu đánh phá của chúng là cầu cống, chợ búa, các cơ sở sản xuất, nhất là các xưởng dệt, các điểm dân cư, các đập nước, những nơi chúng nghi là kho tàng, cơ quan...Thị trấn Đức Phổ và Trà Câu là nơi tập trung đông dân cư và các đầu mối giao thông quan trọng, nên chúng đánh phá nhiều lần. Cầu xe lửa qua sông Trà Câu và sông Lò Bó, đập An Thọ cũng nhiều lần bị máy bay ném bom hoặc bị pháo kích từ biển vào.

Đồng thời với các thủ đoạn đánh phá bằng máy bay, pháo kích, địch liên tục đổ bộ bằng đường biển vào sâu trong nội địa. Tháng 5/1950, một tiểu đoàn địch đổ bộ vào Quy Thiện, Vĩnh An, núi Dâu (giữa hai xã Phổ Cường và Phổ Khánh) rồi

kéo lên Chợ Cung. Tháng 6/1950, một đại đội địch đổ bộ vào Tân Diêm (Phổ Thạnh). Cuối năm 1950, chúng lại đổ bộ tiếp vào Tân Diêm...Mục tiêu của chúng là đánh phá hệ thống giao thông, phá hoại kinh tế, tập kích lực lượng vũ trang.

Trước những âm mưu đánh phá của thực dân Pháp, từ ngày 14 đến 20/3/1950 tại Rừng Dê (Tịnh Sơn, Sơn Tịnh), Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đã đề ra những công tác cụ thể trên tất cả các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục...nhằm ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến.

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội lần thứ III của Đảng bộ tỉnh đề ra, một mặt Đảng bộ Đức Phổ chỉ đạo tập trung chuẩn bị lực lượng đánh trả âm mưu của địch đổ quân càn quét, đánh phá dọc tuyến ven biển, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, mặt khác động viên nhân dân đóng góp của cải vật chất cho tiền tuyến. Trong năm 1950, Đảng bộ đã tổ chức động viên đóng góp vào quỹ "Chuyển mạnh sang tổng phản công". Đây là một trong những đợt động viên vật chất lớn nhất trong kháng chiến. Thực hiện cuộc động viên này, Đảng bộ huyện phân bổ chỉ tiêu đóng góp cụ thể cho từng xã và chỉ đạo các ban tuyên truyền vận động, giải thích cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực đóng góp. Có gia đình khá giả bán ruộng đất, trâu bò, tài sản lấy tiền đóng góp, gia đình ít ruộng đất phải bán tài sản để thực hiện nghĩa vụ. Nhờ tinh thần yêu nước của đông đảo quần chúng, tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nên công tác động viên vật chất chi viện cho tiền tuyến đã hoàn thành.

Tuy vậy, quá trình tổ chức tổng động viên vật chất cho tiền tuyến không tránh khỏi khuyết điểm, sai lầm. Đó là huy động

mức đóng góp quá khả năng hiện có của các tầng lớp dân cư, động viên không đi đôi với bồi dưỡng sức dân. Ở một số nơi có những gia đình địa chủ không tự giác đóng góp hoặc đóng góp rất ít so với khả năng của mình, trong khi đó những gia đình trung nông, bần nông phải bán tài sản để đóng góp.

Ngày 14/11/1950, trong điện gửi cán bộ, chính quyền và đoàn thể miền Nam Trung bộ, Hồ Chủ tịch nêu rõ: “Việc động viên vét đến tài sản gốc, sinh kế của dân như ruộng đất, trâu bò, vốn liếng. Dùng thói quan liêu chỉ ra mệnh lệnh, ép buộc dân chúng đóng góp”⁽¹⁾

Trước tình hình đó, Đảng bộ tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, rút kinh nghiệm. Đảng bộ khẳng định thành tích đạt được, đồng thời nêu rõ khuyết điểm và đề ra kế hoạch, biện pháp sửa chữa, động viên nhân dân đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống.

Để bồi dưỡng sức dân, đáp ứng một cách tốt hơn nhu cầu về vật chất cho kháng chiến, ngày 15/7/1951, Chính phủ ban hành sắc lệnh quy định tạm thời về thuế nông nghiệp. Đây là chủ trương lớn, kịp thời của Đảng làm cho đông đảo bà con nông dân phấn khởi, tin tưởng, gắn bó hơn với chế độ mới, hăng hái thi đua sản xuất, đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến. Cùng với cuộc tổng động viên vật chất trong năm 1950, việc Chính phủ ban hành thuế nông nghiệp là một cuộc vận động lớn, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 6. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995. Trang 118.

Điểm mới trong chính sách thuế của Chính phủ là thuế được tính theo diện tích ruộng đất và năng suất thu hoạch của từng hộ gia đình. Những hộ có thu nhập bình quân từ 60 kg mỗi nhân khẩu trở xuống được miễn thuế. Đối với những hộ giàu, có nhiều ruộng đất và thu nhập cao được tính theo lũy tiến. Thu nhập càng cao thì thuế suất càng lớn.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, Huyện uỷ đã tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực đóng thuế. Mức thuế được đưa ra để nhân dân bình nghị dân chủ. Với những biện pháp đó, nhân dân nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa và tính công bằng, hợp lý của sắc lệnh thuế, nên hăng hái tham gia bình nghị, nộp nhanh, nộp đủ, góp sức vào các việc giao lương, vận chuyển, xây dựng kho tàng và bảo quản lúa mà các hộ nông dân đã nộp thuế.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng xuất hiện một số thiếu sót như: nâng diện tích, sản lượng để ép thuế; vận dụng điều lệ thuế một cách máy móc đối với những người nương tựa lâu dài trong gia đình làm cho một số người phải đóng thuế nặng nề, chịu nhiều khó khăn trong đời sống. Tình trạng này diễn ra ở những nơi chạy theo thành tích, coi nhẹ tính hợp lý, công bằng, dân chủ trong bình nghị. Ngược lại ở một số nơi lại buông lỏng quản lý, lãnh đạo thiếu kiên quyết, nên những gia đình khá giả lẩn át bản, cố nông, kéo dài các cuộc bình nghị, dây dưa không chịu nhận mức thuế phải đóng góp. Hiện tượng che giấu diện tích, khai sọt sản lượng, phân tán ruộng đất, khai tăng nhân khẩu cũng xảy ra. Một số địa chủ, phú nông không tự nguyện nộp thuế, buộc chính quyền phải cưỡng bức thu thuế ngay khi đang gặt.

Trước tình hình đó, Đảng bộ tiến hành kiểm điểm, chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, tích cực đấu tranh khắc phục khuyết điểm. Do đó năm 1953, huyện Đức Phổ đã thực hiện thuế nông nghiệp trong kháng chiến đạt mức cao nhất. Tổng số thuế thu được cả năm là 2000 tấn thóc trong tổng sản lượng toàn huyện là 15.500 tấn.

Nhờ thực hiện đúng chính sách thuế của Chính phủ, nên việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của bộ máy các cấp trong huyện từng bước đi vào ổn định, không còn tình trạng phải động viên nhân dân đóng góp bất thường như trước đây.

Bước sang năm 1952, thực dân Pháp tăng cường chính sách bao vây, xâm chiếm, phá hoại vùng tự do, hậu phương của cuộc kháng chiến. Chúng mở nhiều cuộc tiến công, đánh phá vùng ven biển, cướp phá tàu thuyền và tài sản của nhân dân. Quyết liệt hơn, thực dân Pháp đổ bộ, càn quét vào đất liền, gây không ít khó khăn cho đời sống và sinh hoạt của nhân dân trong huyện.

Tháng 5/1952, địch huy động máy bay ném bom, bắn phá ác liệt vào Vinh Hiển (Phổ Thuận) yểm trợ cho hơn 1 tiểu đoàn bộ binh ngụy do bọn sỹ quan Pháp chỉ huy, có sự yểm trợ của xe tăng, xe lội nước đổ bộ lên Phổ An, tiến sâu vào nội địa theo hai hướng, một hướng tiến ra Mộ Đức, một hướng tiến qua Hội An lên Thạch Trụ theo quốc lộ 24 lên Phổ Phong. Tại nơi đổ bộ và trên đường hành quân, địch lùng tìm cơ sở sản xuất, kho tàng, đốt phá, giết người, giày xéo ruộng vườn. Chúng giết 30 người, đốt cháy hơn 20 nóc nhà ở các xã Phổ An, Phổ Thuận, Phổ Phong. Tại Vinh Hiển (Phổ Thuận), máy bay địch đánh trúng lớp học của dân quân xã và một số

nhà dân có chứa thóc của nhà nước. Ở Phổ An, nhiều nhà cửa và đồ nghề đi biển của ngư dân bị đốt cháy.

Tuy vậy, mưu đồ của địch là phá huỷ các xưởng dệt và kho quân nhu, cũng như kéo quân chủ lực của ta đang ở phía tây Quảng Ngãi không thực hiện được. Lực lượng du kích xã tuy bị bất ngờ, nhưng đã kịp thời đánh trả, tiêu diệt một số lính địch, buộc chúng phải rút lui ra biển.

Trong những năm 1951-1952, tất cả các xã ven biển của huyện bị địch đánh phá ác liệt. Ở thôn Thạch Bi (Phổ Thạnh) hàng trăm ngôi nhà bị đốt cháy bằng bom na-pan, hoặc bị đánh sập, đánh hỏng bằng bom pháo. Nhiều tài sản của nhân dân bị tàn phá. Nhân dân phải tản cư, đời sống gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa trong những năm này, tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh Liên khu V lại bị thiên tai nặng nề. Bình quân lương thực đã thấp lại phải giành một phần đóng góp cho nhu cầu kháng chiến, nên nạn đói đã xảy ra.

Ở Đức Phổ, nạn đói hoành hành ở tất cả các vùng trong huyện, nhưng nặng nề nhất là các xã vùng biển. Cuối năm 1952, toàn huyện có 7000 người bị đói, riêng xã Phổ Vinh đã có 900 người thuộc diện “đói kiệt”, trong đó có người đã chết đói. Ngoài ra, còn có những người bị “đói đợt”⁽¹⁾. Nhiều gia đình nhà cửa bị đổ nát, phương tiện sản xuất, quần áo... thiếu thốn, dẫn đến tình trạng phù thũng, ghẻ lở, bệnh tật. Ở những nơi được coi là không đói cũng giảm bữa ăn đến mức tối thiểu. Lương thực, thực phẩm được dùng phổ biến lúc này là mít non, củ chuối, lõi cây đu đủ, củ bị, trái gắm.

(1) Đói kiệt: Đói trong thời gian dài bị kiệt sức.

Đói đợt: Đói không thường xuyên.

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch: “cứu đói như cứu lửa”, tháng 10/1952, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã tổ chức hội nghị bàn biện pháp chống đói với khẩu hiệu :“Tự lực cánh sinh, dựa vào sức dân để giải quyết nạn đói”. Ở Đức Phổ, Huyện uỷ xuất quỹ dự trữ của huyện để cứu đói cho đồng bào. Riêng đợt cứu đói đầu năm 1953, quỹ dự trữ của huyện đã xuất hơn 24 tấn thóc và 250.000 đồng tiền mua thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Các xã xuất quỹ dự trữ cứu đói cho nhân dân mượn 50 tấn thóc. Ngân hàng tỉnh cho Đức Phổ vay 148 triệu đồng. Ty Y tế tỉnh cử cán bộ đem thuốc cứu chữa bệnh cho đồng bào bị đau ốm. Huyện uỷ giao nhiệm vụ cho những xã vùng đồng bằng giúp đỡ các xã vùng biển chống đói và giúp công tác bố phòng. Các hội đoàn thể, trong đó Nông hội làm nòng cốt chịu trách nhiệm vận động nhân dân giúp đỡ nhau trong hoạn nạn, khó khăn với tinh thần tương thân , tương ái, lá lành đùm lá rách. Các đoàn thể còn lập quỹ cứu trợ, bằng cách vận động hội viên mỗi người góp một số ngày công đi lấy củi, đi cấy, đi gặt lấy tiền góp vào quỹ. Quỹ Đồng tâm kháng chiến được chuyển thành Quỹ đồng tâm cứu đói. Nhân dân còn giúp nhau dựng lại nhà, trồng rau, khoai, góp tiền bạc, quần áo, làm bánh cám (để chống đói và bệnh phù thủng). Nhờ thực hiện tích cực những biện pháp chống đói, nên nạn đói dần dần được đẩy lùi. Cuối năm 1952, toàn huyện có 7000 người bị đói, nhưng đến giữa năm 1953 chỉ còn 3200 người, cuối năm còn 1600 người, phần lớn là “đói đợt”.

Qua đợt vận động nhân dân chống đói, Huyện uỷ rút được nhiều kinh nghiệm quý, nhất là tác phong lãnh đạo sâu sát, tạo được phong trào quần chúng rộng lớn, giúp nhau vượt qua hoạn nạn khó khăn.

Để động viên tinh thần và quyết tâm kháng chiến của nông dân trong cả nước, tháng 1/1953 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương đề ra chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất. Quán triệt chủ trương của Trung ương, tháng 4/1953 Tỉnh uỷ đề ra nhiệm vụ: “ Phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất nhằm đáp ứng nhiều hơn nữa những yêu cầu kinh tế, chính trị của quần chúng ở nông thôn, củng cố hội và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất ở nông thôn. Đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến, tất cả các công tác đều phải kết hợp và phục vụ cho công tác giảm tô và cải cách ruộng đất”⁽¹⁾.

Đây là một bước phát triển cao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chống phong kiến, một trong hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong điều kiện nhiệm vụ chống đế quốc chưa hoàn thành, việc thực hiện nhiệm vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc, phục vụ yêu cầu kháng chiến. Do đó quá trình thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất phải tiến hành trên cơ sở dựa vào bản cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông, phát động quần chúng có lãnh đạo, có kế hoạch từng bước, có phân biệt với các loại địa chủ, có yêu cầu và biện pháp cụ thể đối với từng vùng.

Rút kinh nghiệm các cuộc vận động quần chúng trước đây, tuy ban đầu mới phát động, quần chúng còn bỡ ngỡ, ngại đấu tranh với địa chủ, có nơi cán bộ quy định mức giảm tô thay cho tá điền, nhưng nhìn chung Huyện uỷ đã tổ chức việc phát

⁽¹⁾ Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ tháng 4/1953, tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.

động quần chúng giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất lần này khá chặt chẽ. Tất cả cán bộ Đảng, chính quyền, nông hội từ huyện đến xã đều được học tập nội dung chỉ thị, thống nhất quan điểm và biện pháp thực hiện. Vì vậy kết quả đợt đầu đã có 1643 chủ ruộng thực hiện giảm tô, với diện tích 2800 mẫu; 2563 tá điền được giảm tô; tỷ lệ giảm tô thấp nhất 10%, cao nhất là 70%; số tô được giảm là 26.443 ang (tương đương 130 tấn thóc).

Sau đợt đầu giảm tô thắng lợi, huyện chủ trương tiếp tục đưa cuộc vận động lên cao hơn bằng cách tổ chức học tập bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh: “Phóng tay phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất”. Huyện uỷ tổ chức thí điểm ở Thuỷ Triều (Phổ Văn) rút kinh nghiệm và áp dụng đại trà ở tất cả các địa phương khác trong huyện. So với đợt đầu, nông dân đấu tranh mạnh mẽ hơn, đạt yêu cầu cao hơn. Bần cố nông tin đồ đạo Thiên chúa cũng đưa yêu sách giảm tô đối với điền chủ là người theo đạo Thiên chúa. Kết quả, tỷ lệ giảm tô đợt 2 được thực hiện trung bình từ 30% đến 60%, có nơi 70, 80%.

Cuộc vận động giảm tô ở Đức Phổ diễn ra thuận lợi, đi đúng đường lối của Đảng, một phần là do cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang giành được nhiều thắng lợi, mặt khác do số địa chủ ở Đức Phổ không nhiều, trong đó có một số người là đảng viên của Đảng⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo báo cáo của Nông hội huyện: Lúc này toàn huyện có 85 hộ địa chủ trong tổng số 19.800 hộ nông dân. Tổng số ruộng đất của địa chủ là 892 mẫu trong tổng số 30.000 mẫu ruộng của huyện. Toàn huyện chỉ có 2 hộ địa chủ có từ 30 mẫu ruộng trở lên.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, cuộc vận động cũng có những khuyết điểm. Đó là, nhận thức của cán bộ, đảng viên về chủ trương giảm tô chưa sâu sắc, dẫn đến ở một số nơi diễn ra hiện tượng “thành phần chủ nghĩa”, quy kết, đưa ra khỏi Ban chấp hành nông hội cả những người thuộc thành phần trung nông khá; hoặc nông dân đòi mức giảm tô quá cao so với thực tế. Thậm chí có nơi nông dân bắt trời diên chủ để buộc thực hiện yêu sách. Ngược lại, cũng có nơi thiếu kiên quyết, nể nang chứng nhận cho địa chủ phân tán ruộng đất. Ngoài ra, một số đảng viên xuất thân từ tầng lớp trên dao động vì quyền lợi riêng bị đụng chạm, nên thiếu gương mẫu trong tổ chức thực hiện cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất. Tuy không nhiều nhưng những hiện tượng trên đã làm ảnh hưởng đến kết quả cuộc vận động.

2/ Tăng cường công tác xây dựng Đảng bộ, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chống thực dân Pháp.

Cùng với việc lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong huyện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ xây dựng, củng cố chính quyền, phát triển kinh tế, văn hoá, ổn định cuộc sống, trong những năm 1950 – 1954, Huyện uỷ Đức Phổ luôn luôn đặt lên hàng đầu công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt, cán bộ, đảng viên là tấm gương sáng để quần chúng noi theo trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

Từ cuối năm 1949, do thiếu sót trong nhận thức chủ trương phát triển đảng viên, nên ở một số tổ chức cơ sở Đảng trong huyện đã nặng về khuynh hướng chạy theo số lượng, coi nhẹ các tiêu chuẩn về trình độ giác ngộ chính trị, thử thách trong

hoạt động thực tiễn. Do đó, có chi bộ đề nghị kết nạp một lúc 120 quần chúng vào Đảng. Huyện uỷ có những lúc chuẩn y kết nạp một lúc 800 người. Cuối năm 1950, toàn Đảng bộ có hơn 13.000 đảng viên. Có xã như Phổ Cường, số lượng đảng viên lên đến 1.650 người, chiếm 13% dân số. Các xã Phổ Hoà, Phổ Khánh cũng có tỷ lệ đảng viên cao so với dân số trong xã. Do số lượng đảng viên đông, nên hầu hết các xã đều xây dựng hội trường, lập đảng hiệu, tổ chức trại sinh hoạt Đảng. Cũng vì chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng, nên công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên thiếu biện pháp cụ thể, thiếu kịp thời.

Tình trạng trên dẫn đến một thực tế là đảng viên đông, nhưng tổ chức Đảng không mạnh. Nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng trong nhiều đảng viên mới kết nạp thấp kém. Một số đảng viên thuộc tầng lớp trên dao động về chính sách thuế nông nghiệp, giảm tô. Một số đảng viên khác thiếu gương mẫu hoặc vi phạm kỷ luật. Tình trạng đó đã làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng bộ.

Ngày 14/9/1950, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị tạm ngừng kết nạp đảng viên mới, tập trung sức củng cố Đảng. Tháng 3/1951, Liên khu uỷ ban hành chỉ thị yêu cầu các cấp uỷ thực hiện chủ trương của Trung ương.

Quán triệt chủ trương của Trung ương và Liên khu uỷ, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Đức Phổ chú trọng công tác củng cố Đảng. Trong củng cố Đảng, Huyện uỷ tập trung củng cố từ tổ Đảng. Nội dung củng cố trước hết là đẩy mạnh việc học tập lý luận, kết hợp với tự phê bình và phê bình. Nội dung học tập lý luận ngoài những vấn đề chung về chủ nghĩa Mác

Lênin, cán bộ, đảng viên còn học tập, quán triệt Văn kiện Đại hội lần thứ II của Đảng, Huấn thị của Hồ Chủ tịch, các bài viết Đạo đức cách mạng, Tư cách người đảng viên của Hồ chủ tịch và chính sách ruộng đất. Từ năm 1951, các chi bộ tiến hành xét tư cách đảng viên gắn với kiểm điểm tinh thần chấp hành chính sách và thực hiện các công tác lớn như: chính sách ruộng đất, thuế nông nghiệp, dân công, sản xuất, cứu đói... Với những biện pháp trên, Đảng bộ đã khắc phục được tình trạng kiểm điểm chung chung, không rõ trách nhiệm của đảng viên, do đó chất lượng đảng viên từng bước được nâng cao.

Năm 1950, Đảng bộ tổ chức Đại hội. Đồng chí Nguyễn Duân (quê Phổ Minh) quyền Bí thư Huyện uỷ từ năm 1949, bước bầu làm Bí thư. Hai tháng sau, do nhu cầu công tác đồng chí được chuyển về Liên khu uỷ. Đồng chí Mai Xuân Đình (quê Phổ Khánh) được bầu làm Bí thư. Ngay sau đó, đồng chí được điều động về tỉnh công tác. Đầu năm 1951, Đại hội Đảng bộ huyện, bầu đồng chí Nguyễn Duy Ấn (quê xã Phổ Hoà) thay đồng chí Mai Xuân Đình làm Bí thư. Giữa năm 1951, Tỉnh uỷ chỉ định đồng chí Nguyễn Trực (quê Phổ Phong) Phó Bí thư Huyện uỷ làm Bí thư.

Từ năm 1952, việc củng cố Đảng được gắn liền với tăng cường bản chất giai cấp của Đảng nhằm giúp Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Trên cơ sở đó, đầu năm 1952 Đại hội Đảng bộ huyện bầu Ban chấp hành mới, gồm đa số các đồng chí đã có nhiều kinh nghiệm trong các cuộc đấu tranh trước đây. Đồng chí Lê Phó (quê Phổ Ninh), từng là cán bộ Ban Cán sự Trung Nam của Xứ uỷ Trung Kỳ thời kỳ 1932-126



Đồng chí
MAI XUÂN ĐÌNH
Bí thư Huyện ủy 1950

1935, được bầu làm Bí thư. Sau Đại hội, công tác củng cố Đảng được Huyện uỷ tập trung lãnh đạo là chỉnh Đảng đối với cán bộ Đảng, chỉnh huấn đối với cán bộ ngoài Đảng, gắn củng cố Đảng với củng cố chính quyền và các đoàn thể.

Công tác chỉnh Đảng có mục đích là nâng cao lập trường giai cấp, phân biệt rõ bạn thù, nhận thức sâu sắc hơn tính chất cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi. Từ nâng cao nhận thức, đội ngũ đảng viên phải đề cao tinh thần trách nhiệm, sửa chữa tác phong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực hoàn thành nhiệm vụ. Chỉnh Đảng phải lấy việc học tập, giáo dục nâng cao nhận thức là chính, kết hợp với tự phê bình và phê bình, góp ý của tập thể để sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, sai lầm. Với nhiều biện pháp tích cực, năm 1953, tất cả các đồng chí trong Huyện uỷ, một số đồng chí cán bộ ở các ban, ngành tương đương huyện uỷ viên và các đồng chí chi uỷ viên có nhiều thành tích được đi dự lớp chỉnh Đảng do Liên khu uỷ tổ chức. Các đối tượng khác được dự các lớp chỉnh Đảng do Tỉnh uỷ tổ chức.

Sau khi chỉnh Đảng, đội ngũ cán bộ các cấp trong huyện được củng cố, kiện toàn. Tỷ lệ cấp uỷ viên thuộc thành phần nông cốt của Đảng tăng lên. Trong tổng số 260 chi uỷ viên các chi bộ trong toàn huyện, số uỷ viên thuộc thành phần bản cố nông có 90 đồng chí, trung nông có 149 đồng chí, phú nông có 18 đồng chí, địa chủ có 3 đồng chí. Cán bộ nông hội đều là bản cố nông hoặc trung nông lớp dưới.

Cùng với việc củng cố chi uỷ chi bộ, Huyện uỷ chỉ đạo và giúp đỡ các chi uỷ bồi dưỡng, rèn luyện 260 cán bộ phụ trách

tổ Đảng. Đảng bộ kiên quyết áp dụng những biện pháp về tổ chức để thi hành kỷ luật hoặc đưa ra khỏi Đảng đối với những đảng viên không tích cực sửa chữa khuyết điểm, không chấp hành đường lối, chính sách của Đảng. Năm 1953, số lượng đảng viên bị thi hành kỷ luật bằng 5% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ, đảng viên bị khai trừ là 321 người, trong đó có 171 người bị khai trừ không thời hạn. Đến cuối năm 1953, tổng số đảng viên trong huyện còn 11.410 đồng chí.

Cuộc chỉnh Đảng, củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, bản lĩnh và ý thức trách nhiệm người đảng viên được nâng cao hơn, nhất là ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần, thái độ làm việc của người cán bộ đảng viên trong giai đoạn cuộc kháng chiến của nhân dân ta đang bước vào thời kỳ quyết định. Cuộc chỉnh Đảng, củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên đã góp phần sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm của tổ chức Đảng và đảng viên. Thông qua tự phê bình và phê bình, những hiện tượng không chấp hành chủ trương, đường lối hoặc cầu an, tiêu cực, cá nhân chủ nghĩa được phê phán và nêu rõ biện pháp khắc phục. Đó là nhân tố quyết định làm nên thắng lợi trong bối cảnh quân và dân ta đang chuyển sang giai đoạn tổng phản công, quyết chiến, quyết thắng thực dân Pháp xâm lược.

Tuy vậy, quá trình thực hiện công tác củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng đã mắc một số khuyết điểm như: việc học tập lý luận chưa gắn chặt với liên hệ thực tiễn; tự phê bình và phê bình thiếu khách quan, chưa mang tính xây dựng và

thường nặng về vạch khuyết điểm, gây không khí nặng nề, đảng viên thuộc các thành phần trung nông khá, phú nông, địa chủ bán khoán, lo lắng. Mặt khác, trong củng cố tổ chức, có nơi coi nhẹ trình độ, năng lực của đội ngũ đảng viên, có xu hướng thành phần chủ nghĩa. Ở một số xã, cán bộ nông hội phải nghỉ công tác, nhưng chưa kịp bố trí cán bộ mới thay thế.

3/ Bảo vệ vững chắc hậu phương, chỉ viện cho tiền tuyến, góp phần đánh bại thực dân Pháp trên chiến trường Nam Trung bộ.

Giữa năm 1953, thực dân Pháp liên tiếp thất bại trên các chiến trường. Để cứu vãn tình thế, thực dân Pháp đưa Na va làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Ngay từ khi đặt chân đến Đông Dương, được sự trợ giúp của đế quốc Mỹ, Na va đưa ra kế hoạch đầy tham vọng là bình định miền Nam, xoá bỏ vùng tự do Liên khu V, tập trung lực lượng tiến công miền Bắc nhằm tìm lối thoát bằng chính trị, tạo ra những điều kiện quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có danh dự.

Thực hiện kế hoạch Na va, thực dân Pháp mở chiến dịch Ất lãng hòng đánh chiếm lấy Phú Yên, Bình Định làm bàn đạp kết hợp với các cánh quân ở Quảng Nam, Tây Nguyên tập trung đánh chiếm Quảng Ngãi. Mở chiến dịch Ất lãng, Na va ôm mộng tưởng xoá bỏ vùng tự do Liên khu V mà chúng cho là một hiểm hoạ rất lớn, thương xuyên đe doạ miền nam Đông Dương.

Trước mưu đồ của thực dân Pháp, thực hiện phương châm chiến lược của Trung ương đề ra là: “Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh chắc thắng”, Liên khu uỷ quyết định huy động

toàn bộ sức người, sức của tiến công Tây Nguyên, đồng thời đề cao cảnh giác đánh địch, bảo vệ vùng tự do. Quán triệt chủ trương trên, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi xác định nhiệm vụ của Đảng bộ là: “ huy động nỗ lực cao độ của Đảng bộ và quân dân trong tỉnh ra sức chiến đấu bảo vệ, giữ vững vùng tự do, đồng thời tập trung sức phục vụ đắc lực cho chiến dịch bắc Tây Nguyên”.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ mới, Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ có nhiều thuận lợi. Đó là, nạn đói được đẩy lùi, qua chỉnh Đảng, chỉnh huấn, cán bộ đảng viên nâng cao về tinh thần trách nhiệm, tinh thần phục vụ kháng chiến, sẵn sàng chấp hành chủ trương của Đảng, phấn đấu vượt qua gian khổ, hy sinh, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Cuộc vận động giảm tô có tác dụng động viên mạnh mẽ nhân dân hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến giành thắng lợi.

Phát huy mặt thuận lợi cơ bản đó, Huyện uỷ tập trung quán triệt, tạo sự thống nhất cao trong đội ngũ cán bộ, đảng viên về các nhiệm vụ do Tỉnh uỷ đề ra, đồng thời cử cán bộ xuống cơ sở hướng dẫn, đôn đốc và cùng với nhân dân thực hiện công tác bố phòng và phục vụ tiền tuyến.

Về công tác bố phòng, Huyện uỷ chủ trương lấy lực lượng du kích làm nòng cốt, huy động toàn dân tham gia củng cố, tăng cường tuyến chiến đấu ven biển. Dọc các xã ven biển, toàn huyện xây dựng 115 chòi gác biển. Mỗi chòi đều có du kích và dân quân canh gác, tuần tra suốt ngày đêm. Đến tháng 9/1953, toàn huyện đã làm được 6.600 bàn chông và 3.800 hầm bí mật; 35.000 hầm hào tránh bom đạn. Nhân dân tự làm 13.600 hầm giấu tài sản, 12.000 mét rào trong làng chiến đấu.

Một số gia đình còn làm cả hầm trú ẩn cho trâu bò. Trong đợt này, xã Phổ An là xã làm công tác bố phòng tốt nhất trong toàn huyện và cũng là xã xuất sắc trong tỉnh. Toàn xã Phổ An có 325 hầm chông, 90% gia đình có hầm bí mật. Cũng trong thời gian này theo quyết định của tỉnh, đại đội 4 lực lượng vũ trang địa phương huyện được chuyển thành đại đội 26 lực lượng vũ trang địa phương tỉnh. Du kích xã được tổ chức thành tổ chiến đấu. Toàn huyện có 937 tổ du kích, trong đó nữ có 452 người; dân quân có 11.000 người, trong đó có 560 lão dân quân.

Từ giữa năm 1953, thực hiện kế hoạch Na va, địch tăng cường tung vào địa bàn Đức Phổ các toán gián điệp giả làm người buôn bán hoặc bộ đội để điều tra tình hình. Chúng còn rải truyền đơn vu cáo, xuyên tạc kháng chiến, ca ngợi Bảo Đại. Đồng thời, chúng huy động lực lượng đổ bộ đánh phá vùng ven biển. Chỉ tính từ tháng 5 đến tháng 9/1953, trên địa bàn Đức Phổ địch đã 5 lần đổ bộ. Trong đó đáng chú ý là đợt tháng 7/1953, địch đổ bộ lên 2 xã Phổ Vinh và Phổ Quang tàn sát 56 người, bắn bị thương 132 người, bắt 40 người, đốt cháy 361 ngôi nhà, làm chết 35 con trâu bò; đợt ngày 25/5/1953, địch huy động 1 tiểu đoàn, có máy bay và pháo binh yểm trợ đổ bộ lên Phổ Thạnh và Hoài Châu, thị trấn Tam Quan (Bình Định). Tất cả các đợt đổ bộ của địch đều bị quân và dân Đức Phổ chặn đánh. Ở Phổ Vinh, du kích và lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh buộc chúng phải tháo chạy mang theo xác của 30 tên và nhiều tên bị thương. Trong trận đánh này có 4 du kích thôn Khánh Bắc được bầu chiến sỹ thi đua giết giặc là Phạm Dừa, Huỳnh Thuộc, Võ Sắc, Nguyễn Chứng. Ở Phổ

Thanh, đại đội 26 lực lượng vũ trang địa phương của tỉnh và du kích xã dũng cảm đánh địch, được Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi tặng cờ ⁽¹⁾ và giấy khen.

Ngoài ra, thực dân Pháp còn cho máy bay đánh phá gây nhiều thiệt hại cho nhân dân. Tính chung năm 1953, địch ném xuống Đức Phổ hơn 400 quả bom, trong đó có hơn 20 quả bom nổ chậm, 35 quả bom xăng, làm chết 59 người, bị thương 70 người, đốt cháy, đánh sập 75 ngôi nhà, làm chết 150 con trâu bò.

Cùng với làm tốt công tác bố phòng, đánh trả các cuộc đổ bộ của địch, bảo vệ vùng tự do, Huyện uỷ còn thành lập Ban Dân công để động viên những người trong độ tuổi lao động vận chuyển lương thực, quân nhu ra mặt trận. Ban dân công huyện do một đồng chí huyện uỷ viên làm trưởng ban, một đồng chí trong ban chỉ huy quân sự huyện và đồng chí bí thư nông hội làm uỷ viên. Đi dân công là một công việc nặng nhọc, phải gánh nặng, đi xa, trèo đèo lội suối, lại bị máy bay địch ném bom, biệt kích địch truy lùng⁽²⁾. Dân công được chia thành 3 loại với mức độ công việc và thời gian khác nhau. Phục vụ chiến dịch Đông Xuân 1953-1954, là đợt huy động dân quân đông nhất, dài nhất. Trong đợt này, huyện Đức Phổ huy động 2 vạn lượt người, vận chuyển 248 tấn lương thực, quân dụng ra mặt trận. Trong đó đoàn dân công hoả tuyến của Đức Phổ đã lập thành tích xuất sắc, vì sau khi hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển gạo lên Măng Đen (Kon Tum) đã cùng

⁽¹⁾ Lá cờ này hiện đang trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội.

⁽²⁾ Ở dốc Ui, mỗi gánh gạo phải chia ra nhiều phần, mỗi phần 5 kg. Dân công công gạo trên lưng, leo núi đưa qua đân.

bộ đội hành quân lên Đắc Tô, tham gia giải phóng tỉnh lỵ Kon Tum. Đồng chí Nguyễn Anh Liên, một dân công hoả tuyến của huyện được bầu là chiến sỹ thi đua dân công toàn Liên khu. Đoàn thanh niên huyện Đức Phổ là một trong 2 đơn vị thanh niên xung phong được tuyên dương toàn Liên khu.

Do chiến tranh ác liệt, điều kiện hoạt động gian khổ, trong đợt phục vụ chiến dịch Đông Xuân 1953-1954 đoàn dân công huyện Đức Phổ đã có 9 đồng chí hy sinh anh dũng, 18 đồng chí khác bị bệnh tật, ốm đau và mất khi đã hoàn thành nhiệm vụ trở về quê hương.

Để chi viện cho chiến dịch tiến công địch ở Tây Nguyên, ngoài lực lượng dân công, huyện Đức Phổ còn huy động 87 đồng chí tái ngũ, 101 du kích bổ sung vào bộ đội chủ lực Liên khu V góp phần giải phóng Kon Tum ngày 15/2/1954. Sau khi Kon Tum giải phóng, Đảng bộ Đức Phổ đã cử 600 cán bộ làm nhiệm vụ tiếp quản vùng mới giải phóng.

Ngày 7/5/1954, quân và dân ta làm nên chiến thắng Điện Biên phủ chấn động địa cầu, buộc thực dân Pháp phải ký hiệp định Giơ ne vơ, cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, ngừng bắn trên toàn cõi Đông Dương, rút quân khỏi phía bắc vĩ tuyến 17. Với sự kiện lịch sử vĩ đại này nhân dân Đức Phổ cũng như toàn miền Nam chuẩn bị bước vào một thời kỳ mới.

Theo hiệp định Giơ ne vơ, nước Việt Nam tạm thời chia làm 2 miền, lấy sông Bến Hải (Quảng Trị) làm ranh giới, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam do đối phương kiểm soát, tháng 7/1956 thực hiện hiệp thương tuyển cử thống nhất nước nhà.

Cũng như nhân dân toàn miền Nam, nhân dân Đức Phổ vui mừng vì Hiệp định Giơ ne vợ được ký kết, nhưng với lòng thiết tha với độc lập, tự do mà nhân dân trong huyện băn khoăn, lo lắng về việc chuyển quân tập kết. Huyện Đức Phổ từ chỗ có chính quyền, có cơ sở đều khắp, có Đảng bộ vững mạnh buộc phải bàn giao cho đối phương quản lý.

Nắm bắt được tâm trạng đó, ngày 22/7/1954, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sỹ cả nước, khẳng định: Trung - Nam - Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng, đồng bào miền Nam vì lợi ích của cả nước, lợi ích lâu dài, ra sức cùng đồng bào cả nước phấn đấu để củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, Huyện uỷ Đức Phổ một mặt tiến hành công tác giáo dục tư tưởng, động viên nhân dân tin tưởng vào đường lối của Đảng, mặt khác tranh thủ những ngày sau hiệp định để chăm lo ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Huyện đã xuất quỹ công cứu tế cho những người gặp khó khăn, khám bệnh, cấp thuốc cho đồng bào, đào đắp, tu bổ kênh mương thuỷ lợi, trả trước tiền phụ cấp cho thầy giáo, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ...Đồng thời, Đảng bộ khẩn trương tiến hành việc bố trí, sắp xếp, đưa cán bộ, đảng viên chuẩn bị tập kết, chuyển các tổ chức và những người ở lại vào hoạt động bí mật.

Chuyển quân tập kết là một công tác lớn trong thời gian này. Thuộc diện tập kết gồm tất cả cán bộ thoát ly của huyện, cán bộ chủ trì các xã, phụ trách các ngành ở cấp xã và các đồng chí chủ chốt ở thôn; lực lượng vũ trang tập trung ở

huyện, cán bộ chỉ huy lực lượng bán vũ trang ở xã, thôn. Ngoài ra, thuộc diện đi tập kết còn có một số đối tượng khác và một số học sinh trung học. Toàn huyện có gần 5000 cán bộ và gia đình đi tập kết. Việc chuyển quân tập kết hoàn thành ngày 23/5/1955⁽¹⁾.

Cùng với việc khẩn trương chuẩn bị chuyển quân tập kết, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ gấp rút bố trí một số đồng chí cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt ở lại duy trì các hoạt động của phong trào cách mạng ở địa phương. Những đồng chí ở lại chủ yếu là những người trung kiên đã qua thử thách, hoạt động bất hợp pháp trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Một số đồng chí được chọn vào các hoạt động trong các “chi bộ chuyển hướng”. Đa số các đồng chí đảng viên ở lại đều ngừng sinh hoạt Đảng. Toàn huyện có 39 đồng chí được bố trí ở lại hoạt động trong vùng đối phương kiểm soát.

Trong thời gian trước và trong quá trình chuyển quân tập kết, bọn phản động các loại, bọn lưu manh ngóc đầu dậy chống phá Hiệp định, tiếp tay với kẻ thù thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Lịch sử Đảng bộ và phong trào cách mạng của nhân dân Đức Phổ chuyển sang một bước ngoặt mới, vô cùng khó khăn, gian khổ.

*

* * *

⁽¹⁾ Ở Quảng Ngãi, từ ngày 10/10/1954, ta rút quân khỏi khu vực 80 ngày ở bắc sông Trà Khúc. Tháng 11/1954, ta rút quân khỏi khu vực 100 ngày từ nam sông Trà Khúc đến bắc sông Vệ. Tháng 4/1955, ta rút quân đợt cuối khỏi khu vực 300 ngày ở phía nam Quảng Ngãi. Đến giữa tháng 5/1955, việc chuyển quân tập kết hoàn thành theo quy định của Hiệp định.

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), Đảng bộ Đức Phổ tiếp tục được tôi luyện và trưởng thành, đạt được nhiều thành tích to lớn trong xây dựng và bảo vệ quê hương, cùng với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đóng góp xứng đáng vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc của dân tộc.

Vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, hy sinh, chỉ trong chín năm Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân phát huy cao độ truyền thống cách mạng của quê hương, hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ trung tâm là bảo vệ vững chắc vùng tự do, phục vụ đắc lực cho tiền tuyến, góp phần tích cực vào sự thắng lợi của nhân dân trong tỉnh và các tỉnh Nam Trung bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đạt được những thành tích to lớn đó chính là nhờ Đảng bộ đã chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng sáng tạo đường lối chủ trương của Đảng và Tỉnh uỷ Quảng Ngãi vào tình hình thực tiễn của phong trào cách mạng ở địa phương. Suốt chín năm kháng chiến trường kỳ, gian khổ, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào Đảng bộ cũng đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh cách mạng vững vàng, anh dũng, ngoan cường trong chiến đấu bảo vệ quê hương. Đồng thời, Đảng bộ luôn chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên tất cả các lực lượng xã hội tham gia cuộc kháng chiến. Tuy không tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo nhân dân xây dựng hậu phương, cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến, nhưng Đảng bộ đã kịp thời, nghiêm khắc rút kinh nghiệm và nghiêm túc khắc

phục, sửa chữa. Chính vì vậy, phong trào cách mạng càng phát triển, Đảng bộ ngày càng trưởng thành, dày dặn trong tổ chức và lãnh đạo, được nhân dân tin cậy, yêu mến, nhiều cán bộ, đảng viên của Đảng bộ được cấp trên tin tưởng, giao phó những trọng trách to lớn trong các thời kỳ phát triển của cách mạng Việt Nam sau này.

Cùng với các huyện trong tỉnh, huyện Đức Phổ xứng đáng là hậu phương, căn cứ địa vững chắc của Liên khu V. Thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ đạt được trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp là tiền đề quan trọng để Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân giành nhiều thắng lợi hơn nữa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

PHẦN THỨ BA

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐỨC PHỔ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

Chương VII

ĐẤU TRANH ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIỜ NE VƠ, CHỐNG CHÍNH SÁCH “TỐ CỘNG”, “DIỆT CỘNG” CỦA ĐỊCH, DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (1954-1959)

1/ Chuyển hướng hoạt động, tiến hành đấu tranh chính trị, chống chính sách “tố cộng”, “diệt cộng”, đòi địch thi hành Hiệp định Giơ ne vơ (7/1954-7/1956).

Hiệp định Giơ ne vơ được ký kết, nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Từ vĩ tuyến 17 trở ra được hoàn toàn giải phóng, từ vĩ tuyến 17 trở vào do đối phương kiểm soát, tháng 7/1956, thực hiện hiệp thương tuyển cử, thống nhất nước nhà. Tuy vậy, sau khi hiệp định được ký kết, đế quốc Mỹ đã thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Ngày 7/7/1954, đế quốc Mỹ dựng lên chính quyền tay sai, do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng kiêm Tổng trưởng quốc phòng. Tiếp đó, tháng 4/1955, phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ vào miền Nam, mở đầu giai đoạn đế quốc Mỹ trực tiếp xâm lược Việt Nam.

Trước mưu đồ đen tối của đế quốc Mỹ, Hội nghị Trung ương 6 của Đảng (7/1954) đã đánh giá tình hình và vạch ra

những chuyển hướng trong đường lối của Đảng. Nghị quyết vạch rõ: “Ngày nay do tình hình mới, ta phải thay đổi phương châm, chính sách và sách lược đấu tranh cốt để thực hiện một cách thuận lợi mục đích trước mắt. Đây là sự thay đổi quan trọng về phương châm và sách lược cách mạng, nhưng mục đích của cách mạng vẫn là một”⁽¹⁾.

Ở Quảng Ngãi, tình hình diễn biến cũng rất mau lẹ. Tháng 10/1954, Ngô Đình Diệm gạt Phạm Đình Nghị, là lãnh đạo Quốc dân Đảng, đưa trung tá Tôn Thất Xứng - một tên có hận thù với cách mạng - lên làm tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng. Chúng gấp rút xây dựng hệ thống cai trị theo chế độ quân quản và khủng bố những người tham gia kháng chiến hết sức tàn bạo.

Trong bối cảnh đó, cũng như các huyện khác trong tỉnh, huyện Đức Phổ trong 9 năm kháng chiến chống Pháp là vùng tự do, Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ có truyền thống cách mạng kiên cường, được thành quả của Cách mạng tháng Tám mang lại những lợi ích thiết thực trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội... Tuy nhiên, sau hiệp định Giơ-ne-vơ, Đức Phổ phải chuyển từ trạng thái có chính quyền, có cơ sở đều khắp, có Đảng bộ vững mạnh sang trạng thái phải bàn giao quyền quản lý hành chính cho địch, chuyển quân tập kết; từ đấu tranh vũ trang, hoạt động công khai, sang đấu tranh chính trị và hoạt động bí mật.

Ngày 23/5/1955 là ngày đối phương tiếp nhận quyền quản lý hành chính trong huyện. Lợi dụng cơ hội này, bọn phản

⁽¹⁾ Một số văn kiện của Đảng về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1985, trang 52.

động và lưu manh góc đầu dậy móc nối với bọn địch ở vùng ta đã bàn giao trước từ bắc sông Vệ trở ra chuẩn bị thành lập bộ máy cai trị, tập trung tuyên truyền chống phá cách mạng một cách quyết liệt. Chúng rải truyền đơn, phát loa hù dọa quần chúng, lập danh sách cán bộ, đảng viên để chuẩn bị đàn áp, khủng bố. Khắp nơi nhân dân rất căm thù địch và lo ngại trước âm mưu chống phá của địch. Không lâu sau ngày địch tiếp quản, Mỹ - Diệm đã hình thành được bộ máy cai trị trong huyện theo chế độ quân quản.

Trong việc xây dựng bộ máy thống trị, Mỹ-Diệm muốn tập hợp những phần tử chống cộng đặc lực, nhưng ít lộ liễu để mị dân. Tuy nhiên, những người thức thời không muốn hợp tác với chúng. Vì vậy, thành phần tham gia bộ máy nguy quyền đa số là những phần tử lưu manh, côn đồ, những phần tử cơ hội, bất mãn trong kháng chiến. Ở quận và một số xã, chúng đưa những tên phản động lưu vong từ vùng tạm chiếm trong kháng chiến về.

Từ cuối năm 1955, Mỹ nguy tập trung khủng bố hết sức tàn bạo nhằm tiêu diệt Đảng ta và phong trào cách mạng, lấy “tổ cộng” làm quốc sách nhằm tiêu diệt con người, đồng thời làm nhục ý chí, tinh thần, tư tưởng và cuối cùng là làm cho những người cộng sản hoặc bị tiêu diệt hoặc chịu thuần phục quốc gia, làm cho quần chúng hoặc chết hoặc trở thành người quốc gia.

Thuộc đối tượng “tổ cộng” có 3 loại : loại A gồm đảng viên và những người tham gia kháng chiến; loại B là những gia đình có người đi tập kết, những người có liên quan đến cách mạng; loại C là công dân hợp pháp, những thành phần còn lại.

Phương châm của chúng là: dựa vào C để đánh A, làm cho B khiếp sợ và khuất phục. Sau khi phân loại, địch buộc những người tham gia kháng chiến phải ra trình diện, nhận giấy chứng nhận “cán bộ hồi chánh”. Chúng bắt mỗi gia đình chụp chung một tấm ảnh, khai rõ họ tên, nghề nghiệp treo trước nhà

Chúng tổ chức các lớp học “tố cộng” với nội dung tuyên truyền, xuyên tạc Đảng, xuyên tạc các chính sách trong kháng chiến như chính sách giảm tô, chính sách dân công..., bắt nhân dân phải khai báo các tổ chức của ta trước ngày tập kết, ai đi tập kết, ai ở lại. Chúng tổ chức các buổi lễ “ly khai”, bắt cán bộ, đảng viên xé cờ Đảng, ảnh lãnh tụ, bắt chị em tuyên bố ly dị chồng đi tập kết. Thậm chí ở Trà Cầu, chúng bắt chị em ở nhiều xã trong huyện tập trung làm “lễ ly dị” điển hình. Chúng phao tin, gây nghi ngờ chia rẽ, hiềm khích lẫn nhau giữa người này với người khác, hoặc ngay trong gia đình, họ tộc. Việc học tập cứ tiếp tục cho đến khi được coi là “tẩy não” xong mới thôi. Nhà giam được chúng lập đến các xã để đánh đập, tra tấn những người bị bắt. Trong các cuộc tra tấn, bọn đầu sỏ, gian ác “thử thách lập trường” cấp dưới bằng cách giao cho bọn này đánh đập tàn nhẫn nạn nhân. Thâm độc hơn, chúng bắt đảng viên và quần chúng cách mạng đánh đập những người mà chúng bắt được. Chúng giết hại những cán bộ ở lại rồi phao tin thất thiệt, gây hoang mang dư luận. Tại quận lỵ, bọn cảnh sát bắn chết những người bị giam rồi tạo hiện trường giả, vu cáo họ vượt ngục. Chúng ráo riết lùng bắt, bao vây, lục soát, xăm hằm những nơi mà chúng nghi có cán bộ được bố trí ở lại. Chúng quy định mỗi người dân phải sắm gậy

dài 2 mét, dây, đèn đuốc, mỗi khi có tín hiệu trống nổi lên là mang đi “bắt Việt cộng”.

Bọn tay sai ở thôn, xã lợi dụng “tố cộng” để cướp bóc của cải các gia đình có người đi tập kết và quân chúng kháng chiến, bắt những người trước đây làm công tác tài chính phải nộp “quỹ của Việt cộng” cho chúng. Một số người giàu có bị chúng vu cáo giữ “quỹ Việt cộng” để lấy tiền đút lót. Ở Phổ Thuận, chúng trắng trợn đòi các gia đình có người đi tập kết phải nộp “thóc vắng chủ” của Việt cộng. Chúng bắt những gia đình nghèo khổ phải trả lại thóc và tiền được chính quyền cách mạng cứu tế trước ngày tập kết. Chúng đem đấu giá đất mà chính quyền cách mạng cấp cho cán bộ tập kết và dân nghèo trong kháng chiến để sung “quỹ”.

Chỉ trong mấy tháng đầu của chế độ Mỹ-Diệm, tất cả những quyền lợi mà chính quyền cách mạng đem lại cho nhân dân Đức Phổ đều bị xoá bỏ. Bọn tay sai của Mỹ - Diệm cướp đoạt 1.921 mẫu đất công điền, công bản, tước quyền giảm tô trên diện tích 456 mẫu, lấy lại 547 mẫu ruộng lĩnh canh. Riêng đợt đầu năm 1957, huyện Đức Phổ bị Mỹ - nguỵ cưỡng bức 3.000 người rời bỏ quê hương đi “dinh điền” ở Tây Nguyên.

Do sự đàn áp, khủng bố điên cuồng của địch, phong trào cách mạng ở Đức Phổ cũng như tỉnh Quảng Ngãi lâm vào tình trạng khó khăn và chịu nhiều tổn thất chưa từng thấy. Hàng ngàn đảng viên và quân chúng yêu nước ở Đức Phổ bị địch bắt bớ, giam giữ, tra tấn, hàng chục cán bộ chủ chốt bị địch bắt và giết hại. Tương quan lực lượng nghiêng hẳn về phía địch.



Đồng chí
LÊ PHÓ
Bí thư Huyện ủy 1952 - 1955

Trước tình hình đó, tháng 10/1955 Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị ở Trà Bù (Trà Bông). Hội nghị đề ra nhiệm vụ: phát động toàn dân đấu tranh đòi Mỹ-Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi dân sinh, dân chủ; củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, xây dựng các chi bộ bí mật, cơ quan bí mật, phục hồi và phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp, đẩy mạnh công tác binh, địch vận, lợi dụng các đảng phái chống Diệm để hạn chế sự chống phá cách mạng của chúng.

Ở Đức Phổ, sau chuyển quân tập kết, Huyện uỷ xây dựng chi bộ bí mật gồm những đảng viên được chọn lọc để hoạt động sau ngày địch tiếp quản. Chi bộ cũ ngừng hoạt động. Cuối năm 1954, một số cán bộ huyện được đi dự các lớp học của Liên khu và tỉnh về nội dung và phương pháp làm công tác tuyên truyền và xây dựng cơ sở trong tình hình mới. Cùng với việc chuyển quân tập kết, Huyện uỷ chọn những đồng chí trung kiên đã qua thử thách, có kinh nghiệm hoạt động bí mật trong các thời kỳ trước làm hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng trong huyện. Nhờ việc chuyển quân tập kết sau và rút kinh nghiệm từ các huyện bạn, lại được đồng chí Quyền Bí thư Tỉnh uỷ (lúc này là đồng chí Phạm Xuân Hoà) chỉ đạo cụ thể, nên Huyện uỷ Đức Phổ đã thực hiện tốt công tác này.

Ban chấp hành Đảng bộ huyện được củng cố do đồng chí Lê Phó (quê xã Phổ Ninh) làm Bí thư⁽¹⁾. Tổng cộng số lượng cán bộ huyện và phụ trách các xã lúc này là 39 đồng chí đều bám cơ sở hoạt động bất hợp pháp. Ngoài ra còn một số đồng

⁽¹⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được củng cố gồm các đồng chí Lê Phó, Bùi Công Thắng, Lê Trung Nguyên, Nguyễn Lương (tức Đoàn Nhật Nam), Trần Quán, Võ Vinh, Lê Bôi...

chỉ được huyện và các xã bố trí hoạt động hợp pháp. Các ngành quân sự, công an, kinh tài của tỉnh và Liên khu đều có người ở lại hoạt động trong huyện. Liên khu và tỉnh còn chọn một số cán bộ trong huyện cho chuyển vùng đến các tỉnh, thành phố phía nam tạo danh nghĩa công khai để hoạt động. Huyện uỷ có quỹ hoạt động, một phần giao cho đảng viên bí mật giữ, một phần làm vốn hoạt động kinh tài do những người có danh nghĩa hợp pháp phụ trách. Việc tiếp tế cho cơ quan huyện được quần chúng cơ sở mua sắm và bí mật chuyển lên căn cứ. Cơ quan huyện hoạt động di động trong vùng giáp ranh giữa Đức Phổ và Ba Tơ.

Các đoàn thể trong kháng chiến đều giải thể trước ngày tập kết. Cán bộ liên hệ với quần chúng đều thông qua nòng cốt hoạt động hợp pháp theo nguyên tắc đơn tuyến. Nhiều cán bộ và quần chúng cách mạng được tổ chức cài cắm vào chính quyền và các đoàn thể của địch. Có một số người ta cài cắm trên tỉnh trước khi đối phương tiếp quản. Người được giao việc thường là người xuất thân từ tầng lớp trên, có khi đã từng vi phạm kỷ luật để tránh sự nghi ngờ của địch. Ở cấp thôn, xã và cả cấp quận đều có người do ta cài cắm. Trong bộ máy lãnh đạo “phong trào cách mạng quốc gia”, trong nghiệp đoàn huyện cũng có người của ta. Nhờ có cơ sở trong lòng địch, nên các tổ chức cách mạng nắm được một số âm mưu, thủ đoạn, nhất là âm mưu khủng bố của địch để đối phó và thực hiện có kết quả việc phân hoá kẻ thù. Đồng thời, thông qua cơ sở hoạt động trong các tổ chức của địch và sự giúp đỡ của tỉnh và các huyện bạn, một số đồng chí cán bộ huyện và tỉnh được cấp giấy tờ hợp pháp để tiếp tục hoạt động.

Với những chủ trương đúng đắn, kịp thời của cấp uỷ và sự tận tụy, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước, phong trào cách mạng trong huyện tuy gặp rất nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng vẫn được duy trì. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, hầu hết nhân dân nhận thức rõ bộ mặt phản động của Mỹ - Diệm, đảng viên, nhắc nhở nhau không làm tay sai cho địch, không phản bội bà con, cố chờ hai năm đến ngày hoà bình, thống nhất đất nước. Bằng tuyên truyền, ta đã tranh thủ binh sỹ, cô lập và hạn chế sự hung hăng của bọn ác ôn, khơi gợi tâm lý nhớ quê hương, gia đình của binh sỹ ngụy, chỉ cho họ thấy Mỹ - Diệm là kẻ chia cắt đất nước. Các thông tin trên báo chí miền Nam cũng được ta tận dụng để vạch trần bản chất xấu xa, tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm. Chị em phụ nữ có những hình thức tuyên truyền thích hợp, khiến cho bọn ác ôn và binh lính địch giảm bớt sự hung hăng chống phá cách mạng.

Khi Mỹ-Diệm cự tuyệt hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước và tuyên bố ngày 20/7 là ngày “quốc hận”, Huyện uỷ phát động cuộc đấu tranh công khai, đòi thi hành Hiệp định. Ngày 29/7/1955, truyền đơn được rải tại 7 xã Phổ Thạnh, Phổ Cường, Phổ Nhơn, Phổ Phong, Phổ Quang, Phổ Minh, Phổ Vinh kêu gọi nhân dân đấu tranh đòi Ngô Đình Diệm hiệp thương với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Các bản công hàm của chính phủ ta gửi chính quyền Diệm đề nghị mở hội nghị hiệp thương được bí mật truyền tay trong nhân dân. Tháng 8/1955, truyền đơn được rải ở xã Phổ Thuận, đồn Đức Phổ và trên quốc lộ I từ thị trấn đến giáp Mộ Đức, ra tận thị xã Quảng Ngãi kêu gọi nhân dân đấu tranh đòi hiệp thương và kêu gọi binh sỹ miền Nam đứng về phía nhân

dân. Ngày 4/10/1955, cùng với truyền đơn được rải ở nhiều xã trong huyện, ở Phổ Vinh nhân dân căng một tấm băng mang dòng chữ “Nhà cầm quyền miền Nam phải cùng chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà mở hội nghị hiệp thương”. Ở các thôn, xã, cơ sở cách mạng vận động nhân dân tổ chức mít tinh để đấu tranh phản đối các luận điệu quanh co của Mỹ-Diệm bào chữa cho hành động phá hoại hiệp định hoà bình, thống nhất đất nước. Trong cuộc “trưng cầu dân ý” tổ chức ngày 23/10/1955, địch ép buộc cử tri “con xanh bỏ giỏ, con đỏ bỏ thùng”, cơ sở của ta vận động nhân dân “bỏ xanh vô giỏ, bỏ đỏ ra ngoài”⁽¹⁾.

Cuộc đấu tranh chống “tố cộng” là cuộc đấu tranh diễn ra rất gay go, quyết liệt. Cuộc đấu tranh này thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất và khả năng ứng phó trước kẻ thù của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Mọi người tìm đủ các lý do để không đi dự, hoặc đi dự nhưng làm mất trật tự các buổi “tố cộng” của địch, không tố cáo, vu khống theo gợi ý của địch. Nhiều chị em phụ nữ dùng tình cảm tranh thủ những người còn có lương tâm trong hàng ngũ địch để hạn chế sự chống phá của quân thù. Có người dùng gậy ông đập lưng ông, vạch mặt những tên phản bội. Trong những năm 1955 – 1956, phần lớn đảng viên đều bị địch tra tấn, giam cầm.

Trong thời gian sau ngày chuyển quân tập kết, một vài nơi trong huyện diễn ra việc dùng bạo lực đánh trả địch như một số đồng chí ở Phổ Văn tổ chức đánh một tên ác ôn lên mặt đe dọa quần chúng. Ở Phổ Thuận một đồng chí đập cửa xông vào

⁽¹⁾ Phiếu có hai tấm hình, hình Bảo Đại màu xanh, hình Ngô Đình Diệm màu đỏ, bỏ vào thùng là tín nhiệm, bỏ vào giỏ hoặc bỏ ra ngoài là không tín nhiệm.

nhà tên phó chủ tịch Hội đồng cảnh cáo hấn về ý đồ cướp lúa của các gia đình có người đi tập kết.

Tháng 10/1955, Tỉnh uỷ thông qua phương hướng tổ chức và hoạt động trong tình hình mới. Đầu năm 1956, Huyện uỷ tổ chức hội nghị với sự tham gia của các đồng chí phụ trách các xã để quán triệt Nghị quyết của Tỉnh uỷ. Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ trước mắt là: đấu tranh đòi địch thi hành hiệp định Giơ ne vợ, đòi dân sinh, dân chủ, chống địch tổ chức cuộc bầu cử quốc hội bù nhìn (3/1956), xây dựng chi bộ bí mật thay cho chi bộ chuyển hướng phần lớn đã bị lộ, xây dựng hạt nhân trung kiên và các tổ chức biến tướng của quần chúng. Hội nghị bổ sung một số đồng chí vào Huyện uỷ thay cho các đồng chí bị địch bắt hoặc hy sinh.

Hoảng sợ trước phong trào đấu tranh của quần chúng, chính quyền tay sai của địch ở Đức Phổ tìm mọi cách đối phó. Lợi dụng ngày hiệp thương tuyển cử thống nhất đất nước theo quy định của hiệp định Giơ ne vợ (20/7/1956), Mỹ nguy tăng cường lực lượng từ tỉnh về tận các xã, lấy cớ thực hiện các biện pháp an toàn để đàn áp các cuộc đấu tranh có thể xảy ra. Tuy đã tìm mọi cách để phòng, nhưng chúng vẫn không ngăn được làn sóng đấu tranh của phong trào quần chúng.

Đêm 9/6/1956, ở xã Phổ Minh xuất hiện nhiều truyền đơn kêu gọi cảnh sát, dân vệ đứng canh gác, bảo vệ cho bọn phản động. Quần chúng đánh trọng thương tên giãng viên tại cuộc mít tinh “tố cộng”. Trong thời gian này, nhiều thư cảnh cáo được gửi đến chi cảnh sát quận. Gần ngày 20/7, quần chúng tổ chức nhiều phiên “chợ nhồi” và “ngày đồng phục”(mặc quần áo trắng) để biểu thị ý chí đấu tranh đòi thống nhất đất nước.

Ở Phổ Thuận, truyền đơn xuất hiện cùng một lúc ngay giữa ban ngày và ở nhiều nơi, mặc dù bọn dân vệ có khắp mọi nơi để canh gác và tìm cách đối phó.

Sau hơn một năm kể từ ngày Hiệp định Giơ ve vợ được ký kết, phong trào cách mạng của nhân dân huyện Đức Phổ đứng trước nhiều khó khăn và chịu nhiều tổn thất lớn, do không lường hết được tính chất và mức độ của sự phản kích và chống phá tàn bạo của kẻ thù. Tuy vậy, trong thử thách ác liệt đã nổi rõ lòng trung thành và niềm tin tưởng lớn lao của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Vượt qua nhiều gian khổ, hy sinh, Đảng bộ vẫn bình tĩnh, sáng tạo, bằng mọi biện pháp để cài cán bộ, đảng viên vào bộ máy chính quyền địch, tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh công khai chống chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” của địch. Thành tích đó của Đảng bộ huyện Đức Phổ được Tỉnh uỷ đánh giá là một trong những địa phương xuất sắc nhất tỉnh.

2/ Tiếp tục đấu tranh chính trị, giữ gìn lực lượng, góp phần làm thất bại chiến lược “chiến tranh một phía” của địch (từ tháng 7/1956 đến cuối năm 1959).

Sau ngày 20/7/1956, Mỹ-Diệm tiến xa hơn trên con đường phá hoại hoà bình, thống nhất đất nước, tiến hành phát xít hoá bộ máy chính quyền, hô hào “lấp sông Bến Hải”, “Bắc tiến”. Ở tỉnh ta, chúng thực hiện âm mưu “vừa đả phá, vừa xây dựng”, “tố cộng đả nhân tâm”, “lành mạnh hoá bộ máy chính quyền” chuyển mạnh đánh phá cách mạng theo chiều

sâu và ráo riết thanh trừng nội bộ, loại bỏ người không tích cực chống phá cách mạng ra khỏi bộ máy. Ở Đức Phổ, chúng tiến hành đưa cán bộ, đảng viên bị bắt và quần chúng “tố cộng”, dùng những phần tử đã bị mua chuộc đầu hàng địch làm giảng viên. Chúng tổ chức dò la, truy tìm, vây bắt, treo giải thưởng cho những ai bắt được cán bộ thoát ly, sử dụng những hình thức tra tấn dã man thời trung cổ đối với những người bị chúng cho là liên quan với kháng chiến như đổ nước sôi, ớt vào miệng và mũi nạn nhân cho đầy bụng rồi dẫm lên hoặc bỏ rấn trong quần...

Đứng trước sự đánh phá ngày càng tàn bạo và khốc liệt của kẻ thù, một số cán bộ, đảng viên và quần chúng trong huyện hoang mang, dao động. Thực tiễn tình hình đặt ra một vấn đề hết sức cấp bách lúc này là đấu tranh để giữ gìn lực lượng, tổ chức Đảng và phong trào quần chúng cần phải tinh gọn, mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng cần bí mật và linh hoạt hơn. Nhận thức sâu sắc tình hình đó, Huyện uỷ chủ trương đưa những cán bộ, đảng viên và quần chúng được thử thách qua đấu tranh vào đội ngũ cốt cán của Đảng bộ. Các đồng chí cốt cán tìm cách móc nối tổ chức thành “cơ sở”. Cứ 3 cơ sở hợp thành một tổ, có tổ trưởng chịu trách nhiệm liên hệ với cấp trên. Từ một cơ sở phát triển thành nhiều cơ sở khác. Hình thức này gọi là “3-3 nứt nhánh”. Trong hoàn cảnh địch khủng bố gắt gao, để bảo đảm tuyệt đối bí mật, quan hệ giữa cán bộ thoát ly với cán bộ cốt cán, giữa cốt cán với tổ trưởng, giữa tổ trưởng với cơ sở đều theo nguyên tắc đơn tuyến, mỗi người chỉ quan hệ với một người cấp trên của mình. Các cơ sở trong quần chúng, chủ yếu là trong thanh niên và phụ nữ, hoạt động

hợp pháp tuyên truyền các chủ trương của Đảng, tập hợp quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực hàng ngày.

Do khả năng thống nhất đất nước bằng con đường hoà bình không còn nữa, các hình thức đấu tranh trước đây như “chợ nhồi”, đồng phục, các khẩu hiệu đòi hiệp thương tổng tuyển cử không còn thích hợp và dễ bị địch lợi dụng khủng bố, đàn áp. Vì vậy, Huyện uỷ chủ trương chuyển hình thức đấu tranh với các yêu sách về dân chủ, dân sinh như tổ chức cho quần chúng làm đơn tố cáo những hành động sách nhiễu nhân dân của bọn tề xã, tề ấp, đòi chia công điền, đòi được nguyên canh với mức tô hợp lý, đấu tranh không chịu đi dinh điền. Đối với thanh niên, ta tổ chức đấu tranh chống quân dịch hoặc tuyên truyền, giác ngộ thanh niên, tạo điều kiện xây dựng cơ sở trong binh lính. Tuy nhiên, theo chủ trương của Tỉnh uỷ và Liên khu, các tài liệu của Đảng và của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà như Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công hàm của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gửi nhà cầm quyền Sài Gòn vẫn được học tập trong nội bộ Đảng và phổ biến trong nhân dân.

Với những hình thức tổ chức đấu tranh linh hoạt và sáng tạo, phong trào cách mạng của quần chúng vẫn liên tục nổ ra, bất chấp sự kiểm soát gắt gao của kẻ thù. Ngày 22/8/1957, truyền đơn viết tay được rải ở thôn Bàn Thạch (Phổ Cường) với nội dung đòi tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân, đòi giảm tô, chia lại công điền, đòi giảm thuế, bãi bỏ quyền góp, bài trừ những nhiễu, chống bắt lính, đòi nhà đương cục miền Nam hiệp thương với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tháng 10/1957, truyền đơn với những nội dung trên được rải

đọc đường Trà Câu- Liên Chiểu (Phổ Thuận) và một biểu ngữ “Đấu tranh cho một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, giàu mạnh” được treo ngang đường qua đồng Bến Nứa (Phổ Thuận).

Thực hiện chủ trương của Liên khu uỷ, cuối năm 1956 Huyện uỷ đưa một số đồng chí ra hoạt động hợp pháp. Đồng chí Mai Xuân Ba được đưa vào Nam Bộ, tập hợp bà con quê Đức Phổ hình thành tổ chức. Đến năm 1959, đồng chí và một số đồng bào trở về quê hương hoạt động, xây dựng phong trào. Ở một số nơi, có đồng chí tự động chuyển vùng để tránh địch khủng bố hoặc thoát ly lên miền núi tiếp tục hoạt động.

Trong thời gian này, do bị địch đàn áp khốc liệt, nhiều cán bộ, đảng viên bị địch bắt, sát hại. Để duy trì phong trào cách mạng, năm 1958 Tỉnh uỷ cử đồng chí Trần Lãm, Tỉnh uỷ viên về phụ trách phong trào của huyện và chỉ định bổ sung một số đồng chí vào Huyện uỷ, nâng tổng số huyện uỷ viên lên 7 đồng chí. Nếu tính cả các đồng chí thoát ly, số lượng cán bộ huyện thời gian này là 11 đồng chí. Các tổ chức Đảng ở các thôn Thanh Sơn, Nga Mân, Xuân Thành, Mỹ Trang (xã Phổ Cường), Thanh Lâm, Hải Môn và một số làng ở Phổ Ninh, Phổ Khánh, Phổ An, Phổ Thuận, Phổ Thạnh vẫn duy trì được phong trào hoạt động.

Giữa lúc phong trào cách mạng trong huyện và các huyện bạn đang gặp nhiều khó khăn, ngày 18/4/1957 đồng chí Phạm Xuân Hoà, Phó Bí thư Tỉnh uỷ đang hoạt động ở thôn Lâm An (Phổ Minh), bị địch phát hiện. Đồng chí thoát sang núi Đông Ôn (Phổ Vinh). Địch huy động lực lượng bao vây, đồng chí đã ngoan cường chống trả và hy sinh anh dũng, để lại

niềm tiếc thương vô hạn trong lòng đồng chí, đồng bào toàn tỉnh nói chung, Đức Phổ nói riêng. Cũng trong năm 1957, các cơ sở cách mạng trong thanh niên các xã Phổ Cường, Phổ Ninh, Phổ Vinh, Phổ Hoà, Phổ Văn, Phổ Quang bị địch phát hiện, tan vỡ. Nhiều đảng viên và quần chúng cốt cán được cài vào hàng ngũ địch bị lộ, bị địch bắt. Phong trào cách mạng ở Đức Phổ gặp nhiều khó khăn, bị tổn thất lớn.

Trong gian nan, nguy hiểm, tình nghĩa thuỷ chung, son sắt của quần chúng đối với Đảng, với đội ngũ cán bộ, đảng viên càng bền chặt. Nhân dân đã không quản ngại gian khổ, hiểm nguy làm tường nhà 2 lớp, đào hầm bí mật trong nhà để nuôi giấu cán bộ. Địch theo dõi cả việc chợ búa, mua sắm của từng gia đình. Cơ sở cách mạng phải giấu từng mớ khoai, con cá ủng hộ cán bộ cơ sở. Khi cán bộ ở, nhân dân nuôi nấng, che chở. Khi bị địch phát hiện, nhiều người chịu hy sinh cả tính mạng và tài sản để giải thoát cán bộ. Khi cán bộ bị địch đánh bật ra đồng thì quần chúng giấu cơm trong rơm, giấu muối trong ống tre đưa ra đồng tiếp tế. Cán bộ cần lương khô, thuốc men, trang bị, cơ sở sẵn sàng tiếp ứng.

Thực tiễn tình hình lúc bấy giờ ở Đức Phổ cũng như toàn miền Nam xuất hiện tình trạng kẻ địch hung hãn và tàn bạo dùng vũ lực để đánh phá phong trào cách mạng, trong khi đó ta lại chủ trương chỉ dùng đấu tranh chính trị, đòi Mỹ- Diệm thi hành hiệp định, đòi dân sinh, dân chủ, hoà bình. Kẻ thù càng điên cuồng đánh phá, cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng càng bị chúng giết hại, cơ sở Đảng và đoàn thể càng bị phá vỡ. Tình hình tư tưởng diễn biến phức tạp. Có quần chúng khóc vì biết mình có lỗi khi không dám cho cán

bộ vào ở nhà mình. Có đảng viên không chịu nổi tra tấn phải khai với địch, rồi hối hận tự sát. Có người lờ khai với địch liền tìm cách báo cho đồng chí mình trốn thoát.

Trước hành động khủng bố ngày càng tàn bạo của địch yêu cầu vũ trang chống khủng bố ngày càng trở nên bức bách nhằm đưa cách mạng miền Nam vượt qua khó khăn, thử thách.

Tháng 8/1956, qua tổng kết thực tiễn cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Duẩn soạn thảo bản Đề cương cách mạng miền Nam. Đề cương vạch rõ ngày 20/7/1956 đã không có tổng tuyển cử như Hiệp định Giơ ne vợ quy định, ách áp bức, bóc lột, tù đày, chém giết man rợ của chế độ thực dân mới, phát xít độc tài Mỹ- Diệm buộc nhân dân ở miền Nam phải vùng dậy đập tan chế độ Mỹ - Diệm để cứu nước, cứu mình. Ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác.

Sau khi nhận được Đề cương cách mạng miền Nam, đối chiếu với thực tế phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi, Tỉnh uỷ xác định nhiệm vụ của Quảng Ngãi là ra sức xây dựng thực lực, xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị tiến hành vũ trang khởi nghĩa. Ở miền núi Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân dựa vào thế núi rừng hiểm trở, sử dụng các hình thức vũ trang tự vệ xoá bỏ chính quyền địch, xây dựng chính quyền tự quản của nhân dân. Giữa năm 1958, hội nghị Liên khu uỷ đã đánh giá từ sau ngày ký kết Hiệp định Giơ ne vợ, cán bộ, đảng viên đã nêu cao tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất, bám sát quần chúng, được quần chúng che chở, bảo vệ. Tuy vậy, sự chỉ đạo

của các cấp đã phạm một số khuyết điểm, nhận định tình hình còn đơn giản, đánh giá thấp âm mưu và lực lượng địch, ý lại tính pháp lý của hiệp định Giơ ne vơ, không kịp thời củng cố tổ chức theo phương châm “tinh, gọn, bí mật” và thiếu kết hợp sử dụng các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ trong lãnh đạo đấu tranh.

Các nhận định tình hình và chủ trương trên của Đảng đã soi đường cho cuộc đấu tranh chống quân xâm lược và bè lũ tay sai của nhân dân Đức Phổ trong các giai đoạn lịch sử tiếp theo.

3/ Sử dụng đấu tranh vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, chuyển phong trào lên thế tiến công.

Đầu năm 1959, Mỹ -Diệm tăng cường đánh phá cách mạng miền Nam, dẫn sâu vào con đường phản dân, hại nước. Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”, ra đạo luật phát xít 10/59, lập toà án quân sự đặc biệt có quyền đưa người bị bắt ra xét xử và có quyền bắn tại chỗ. Đây là đỉnh cao hành động phát xít của Mỹ- Diệm, tiếp tục gây đau thương, tang tóc cho đồng bào miền Nam. Những ngày đó ở nhiều xã trong huyện Đức Phổ không ngày nào là không có người bị Mỹ-Diệm giết hại.

Tháng 1/1959, Hội nghị lần thứ 15 của Ban chấp hành Trung ương đã ra Nghị quyết khẳng định: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân ...Con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền

thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"⁽¹⁾.

Nghị quyết 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, làm xoay chuyển tình thế, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên. Nghị quyết đã đáp ứng nhu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam lúc ấy, cứu lấy cách mạng miền Nam trong cơn nguy biến, đáp ứng nguyện vọng tha thiết, nóng bỏng của quần chúng vùng dậy đập tan xiềng xích nô lệ, từng bước giành quyền làm chủ, tạo những bước phát triển chuyển tiếp ngày càng to lớn hơn.

Được Nghị quyết 15 soi sáng, Đảng bộ Quảng Ngãi đã lãnh đạo nhân dân làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thắng lợi (28/8/1959). Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cùng với đồng khởi Bến Tre đã mở đầu cho cao trào đồng khởi ở miền Nam.

Ở Đức Phổ, cuối năm 1959 Huyện uỷ tổ chức hội nghị triển khai thực hiện Nghị quyết 15 cho tất cả cán bộ thoát ly trong huyện. Đồng chí Tám Tú (Nguyễn Quang Lâm), Bí thư Tỉnh uỷ và đồng chí Nguyễn Phú Soại, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về dự, trực tiếp truyền đạt và chỉ đạo hội nghị. Hội nghị nhất trí đề ra nhiệm vụ trước mắt là: thành lập các đội vũ trang công tác và du kích mật, tiến hành vũ trang tuyên truyền và xây dựng cơ sở, đẩy mạnh đấu tranh chính trị; dựa vào những đảng viên cũ được thử thách trong phong trào cách mạng để tích cực xây dựng tổ chức Đảng, phát triển cơ sở và những người trung kiên trong quần chúng làm hạt nhân của,

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập II (1954-1975), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, trang 102.

lực lượng chính trị; tiến hành thanh khiết địa bàn, động viên nhân tài vật lực phục vụ nhu cầu lực lượng chính trị, quân sự trong huyện và đáp ứng nhu cầu của tỉnh.

Nghị quyết 15 đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ. Tháng 8/1959, đội vũ trang công tác đầu tiên của huyện được thành lập. Đội có 9 đội viên, hoạt động theo từng tổ. Đến tháng 11/1959, quân số tăng lên 52 người, trong đó có 2 đảng viên, được trang bị 10 khẩu súng và 25 quả lựu đạn. Đơn vị được lấy phiên hiệu là đơn vị 615, tổ chức thành 2 trung đội, một trung đội hoạt động ở phía nam và một trung đội hoạt động ở phía bắc huyện. Cuối năm 1959, nhiều xã trong huyện cũng thành lập đội vũ trang công tác, mỗi đội khoảng 5 người, do đồng chí bí thư chi bộ hoặc đảng viên làm đội trưởng.

Cùng với xây dựng lực lượng vũ trang, vấn đề bảo đảm nhu cầu vật chất cho kháng chiến được đặt ra hết sức cấp bách. Từ năm 1959, khi căn cứ địa miền Tây của tỉnh đã được xây dựng, Huyện uỷ tích cực đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp cách mạng của tỉnh. Hàng trăm thanh niên được động viên vào lực lượng vũ trang, vào các cơ quan, các trại sản xuất của huyện, tỉnh và huyện Mộ Đức, Nghĩa Hành. Nhân dân trong huyện đã đóng góp và chuyển lên căn cứ của tỉnh hàng ngàn ang lúa, hàng chục tấn mắm, muối, nông cụ, thuốc chữa bệnh, văn phòng phẩm, quần áo, vải, ni lon, máy đánh chữ, máy in rô-nê.

Sau khi có Nghị quyết 15, công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều kết quả. Đầu năm 1959, đồng chí Đoàn Nhật Nam được Tỉnh uỷ chỉ định làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Võ Bán, một cán bộ tập kết được Trung ương điều động về làm Phó Bí



Đồng chí
ĐOÀN NHẬT NAM
Bí thư Huyện ủy 1959 - 1962, 1967

thư Huyện uỷ và một số đồng chí khác được cơ cấu vào cấp uỷ. Qua đợt củng cố này, Huyện uỷ có 8 uỷ viên, trong đó có 3 đồng chí uỷ viên Ban Thường vụ.

*

* *

Thời kỳ 1954-1959 là thời kỳ có những bước ngoặt lớn trong phong trào cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi nói chung, Đức Phổ nói riêng. Đó là thời kỳ Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ kiên trì cuộc đấu tranh đòi chế độ Mỹ- Diệm thi hành Hiệp định Giơ ne vơ, chống “tố cộng”, “diệt cộng”, giữ gìn lực lượng và chuẩn bị tiến công địch, mở hướng phát triển mới cho phong trào cách mạng của huyện nhà. Đảng bộ đã tiến hành và thực hiện tốt công tác chuyển hướng hoạt động ngay sau khi có Hiệp định Giơ ne vơ, chuyển quân tập kết, đưa được một số cán bộ đảng viên và quần chúng cốt cán vào hoạt động trong bộ máy của địch. Dù phải chịu đựng muôn vàn gian khổ, hy sinh, phần lớn cán bộ, đảng viên của Đảng bộ được phân công ở lại vẫn trung thành với lý tưởng, mục tiêu của Đảng, bám sát cơ sở, liên hệ mật thiết với quần chúng để tuyên truyền, vận động nhân dân đoàn kết đấu tranh chống sự khủng bố tàn bạo của kẻ thù.

Tuy nhiên, trong thời kỳ này cũng như toàn miền “ta có sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, chỉ đấu tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân”.

Từ khi có Nghị quyết 15 ra đời, Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ bước vào thời kỳ mới, cùng với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Chương VIII

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐỨC PHỔ TRONG GIAI ĐOẠN CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1960-1965)

1/Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang giành quyền làm chủ nhiều thôn, xã trong huyện.

Sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cùng với thắng lợi trong phong trào đồng khởi của nhân dân miền Nam, cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công, đẩy chính quyền Diệm lâm vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng.

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của nguy quyền Sài Gòn, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Mục tiêu của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam là dập tắt phong trào đồng khởi, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng với lực lượng quân nguy do Mỹ trang bị và cố vấn Mỹ chỉ huy, sử dụng chiến thuật cơ động bằng trực thăng và thiết giáp để tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng; gom dân, lập ấp chiến lược để ngăn cản phong trào nổi dậy của nhân dân ta; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho phong trào cách mạng của miền Nam.

Ở Quảng Ngãi, sau những thất bại liên tiếp ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi và nhiều nơi khác, Mỹ -Diệm ráo riết tiến hành các cuộc khủng bố, đàn áp tàn bạo nhất để chống phá phong trào cách mạng trong tỉnh, siết chặt ách kìm kẹp của chúng.

Cũng như các huyện khác trong tỉnh, Mỹ - Diệm thực hiện chủ trương điều chỉnh khu vực hành chính - quân sự ở Đức Phổ. Chúng lập thêm 1 xã mới, chia xã Phổ Thạnh thành 2 xã và đặt tên mới cho tất cả các xã⁽¹⁾. Mục đích của chúng là thủ tiêu mọi thành quả cách mạng, dập tắt truyền thống yêu nước của nhân dân. Chúng xây dựng ở Đức Phổ các cứ điểm quân sự, tăng cường quân chủ lực và bọn địa phương quân, bảo an, dân vệ. Hệ thống thông tin được trang bị thiết bị hiện đại, mở rộng đến tận ấp. Bộ máy gián điệp phát triển mạnh với nhiều loại như tình báo, đặc vụ, tâm lý chiến.

Để cắt đứt mối liên hệ giữa cán bộ và đội viên các đội vũ trang với nhân dân, Mỹ - Diệm chủ trương xây dựng ấp chiến lược. Ấp chiến lược được bao quanh bằng rào, thành đất và hào có cắm chông, gài mìn, có đèn thấp sáng vào ban đêm. Mỗi ấp chiến lược có từ 2 đến 4 cổng ra vào, có dân vệ canh gác. Thực chất ấp chiến lược là một trại tập trung trá hình của địch nhằm cách ly nhân dân với cán bộ bên ngoài, làm cho nhân dân mất người lãnh đạo, tổ chức, Đảng mất nguồn sức mạnh trong quần chúng. Đó là thủ đoạn “tát nước bắt cá” của địch, là biện pháp mà Mỹ ngụy coi là để “cứu nông thôn”. Đến cuối năm 1961, toàn huyện Đức Phổ có 92 ấp thôn, Mỹ ngụy đã xây dựng được 61 ấp chiến lược, trong đó có 14 ấp

⁽¹⁾ Tên và địa phận các xã như sau: Phổ Nghĩa (Phổ Phong), Phổ Long (Phổ Thuận), Phổ Hưng (Phổ Văn), Phổ Xuân (Phổ Quang), Phổ Lợi (Phổ An), Phổ Phước (Phổ Nhơn), Phổ Bình (Phổ Ninh), Phổ Thành (Phổ Vinh), Phổ Tân (Phổ Minh), Phổ Đại (Phổ Hoà), Phổ Trang (Phổ Cường), Phổ Trung (Phổ Khánh), Phổ Thạch (bắc Phổ Thạnh), Phổ Châu (nam Phổ Thạnh), Phổ Hiệp (gồm một số thôn của 2 xã Phổ Khánh và Phổ Cường).

kiên cố⁽¹⁾, 47 ấp thường. Việc Mỹ nguy xây dựng ấp chiến lược gây cho ta không ít khó khăn, phức tạp mới. Cán bộ ra vào ấp hoặc đi từ xã này sang xã khác phải có quần chúng được bố trí từ trước (trong số những người canh gác ấp chiến lược) giúp đỡ, không để lại dấu vết.

Để bảo vệ thành quả cách mạng, đưa phong trào cách mạng tiếp tục phát triển, từ ngày 20 đến ngày 28/2/1960, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (trong kháng chiến chống Mỹ) được tổ chức tại Di Ngâu, Trà Trung, Trà Bồng. Đại hội đề ra nhiệm vụ: Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh hoạt động du kích, vũ trang tuyên truyền thọc sâu trong lòng địch, diệt ác ôn, phá lỏng thế kìm kẹp, phá khu tập trung dân, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành lại nông thôn.

Thực hiện chủ trương của Đại hội, Huyện uỷ Đức Phổ tập trung củng cố các đội vũ trang công tác của huyện. Ngày 2/9/1961, đơn vị 615 của huyện được đổi phiên hiệu thành đại đội 219. Quân số đại đội lúc này là 72 người, trong đó có 9 đảng viên. Quân số các đội công tác vũ trang ở xã cũng tăng lên mỗi đội có trên 10 người, có xã còn tổ chức đội du kích mật. Ban chỉ huy quân sự huyện được thành lập do đồng chí Phan Minh Nga làm chỉ huy trưởng, đồng chí Hồ Tài làm chính trị viên.

Các đội vũ trang được thành lập đã hỗ trợ tích cực trong việc diệt ác, bảo vệ phong trào cách mạng. Đêm 29/4/1960, trận diệt ác đầu tiên ở Đức Phổ được tiến hành. Tên dân vệ

⁽¹⁾ Ấp kiên cố còn gọi là ấp “hai sông ba núi”, có hào sâu xen giữa ba thành đất dày bao vây quanh ấp.

ngoan cố ở thôn Vĩnh Xuân (Phổ Phong) bị tiêu diệt. Sau đó, tên Khinh - một tên công an lưu động gian ác, chuyên phá hoại phong trào cách mạng ở Phổ Khánh cũng đến tội. Lần lượt sau đó, nhiều tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân ở Phổ Phong, Phổ Vinh, Phổ Quang, Phổ Minh bị trừng trị. Những trận diệt ác làm cho bọn nguy quyền, ác ôn hoang mang, lo sợ, quần chúng phấn khởi, tin tưởng. Phong trào cách mạng nhờ đó dần dần khôi phục, nhiều thanh niên hăng hái tham gia hoạt động trong các tổ chức cách mạng.

Tháng 9/1961, lực lượng vũ trang huyện gồm 11 chiến sỹ được trang bị dao phay, được nội ứng đưa vào tập kích một trung đội dân vệ ở xã Phổ Thạnh, diệt 3 tên, làm bị thương 3 tên, thu 3 súng. Tiếp đó, đơn vị 219 tiêu diệt một trung đội dân vệ ở dốc Trạm (Xuân Thành, Phổ Cường).

Được sự hỗ trợ của đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị diễn ra sôi nổi và thu được nhiều thắng lợi. Năm 1961, 37 gia đình sống bên ngoài ấp Thanh Lâm (Phổ Ninh) kéo lên quận, đòi bỏ lệnh bắt họ dỡ nhà dời vào ấp. Quận trưởng buộc phải chấp nhận. Đây là cuộc đấu tranh chính trị chống chính sách lập ấp chiến lược thắng lợi, được công nhận là có ý nghĩa trong toàn khu. Cuối năm 1961, trong đợt thi điểm mở phong trào xuống đồng bằng, ở hàng chục thôn xóm phía tây huyện, các đội công tác phát động nhân dân đốt rào vi, tiêu diệt và khống chế ác ôn, làm lỏng ách kìm kẹp của Mỹ nguy.

Cùng với tăng cường xây dựng lực lượng, việc tiếp tế lương thực, thực phẩm phục vụ chiến đấu cũng được Huyện uỷ quan tâm. Năm 1961, huyện quyền góp, mua sắm và cử hai trung

đội chuyển nguyên, vật liệu lên căn cứ xây dựng xưởng sản xuất giấy. Ngoài ra, huyện còn chi viện sức người, sức của giúp đỡ Đảng bộ và nhân dân Mộ Đức, một số tỉnh Tây Nguyên.

Tháng 2/1962, Huyện uỷ Đức Phổ tổ chức hội nghị tại xã Ba Khám (Ba Tơ). Tham dự hội nghị có các đồng chí phụ trách các xã và đội trưởng các đội công tác. Đồng chí Nguyễn Phú Soại, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về truyền đạt chủ trương của Tỉnh uỷ. Hội nghị quyết định phát động quần chúng nổi dậy, có sự hỗ trợ của các đội vũ trang công tác và đại đội 219 của huyện, giành quyền làm chủ thôn xã.

Đêm 22/3/1962, được sự chi viện của một đại đội vũ trang tỉnh, quân và dân 8 xã ở Đức Phổ đồng loạt nổi trống mõ, đốt đèn đuốc phá ấp chiến lược, lùng bắt ác ôn, vận động nhân dân xé cờ nguy, đốt ảnh Diệm. Tại Phổ Nhơn, lực lượng vũ trang tỉnh tiến công quân nguy ở thôn Bích Chiểu, hỗ trợ nhân dân nổi dậy làm chủ xóm làng. Ở Phổ Cường, bằng công tác binh vận, nhân dân làm tan rã bọn dân vệ, đốt 2.000 mét rào vi ở thôn Bàn Thạch và giành quyền làm chủ 2 thôn Xuân Thành, Thanh Sơn. Ở Phổ Khánh, truyền đơn được rải ở nhiều nơi, nhân dân tháo tà vẹt, lãn đá chặn quốc lộ I, bắt ác ôn. Ở Phổ Ninh, du kích tiêu diệt và làm tan rã 1 trung đội dân vệ. Cầu Mang Găng trên quốc lộ I và 3 cầu trên đường đi Phổ Nhơn bị đốt cháy. Nhân dân các xã Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Hiệp nổi dậy bắt ác ôn, tề nguy. Sau khi nổi dậy làm tê liệt và tan rã bộ máy kìm kẹp của địch, nhân dân tổ chức mít tinh, tuyên bố xoá bỏ chính quyền địch, ban bố các chính sách của cách mạng, thành lập uỷ ban tự quản, tổ chức xét xử bọn phản động, cảnh cáo hoặc đưa lên căn cứ để cải tạo.

Tháng 4/1962 các xã phía nam huyện nổi dậy giành quyền làm chủ nhiều thôn ở Phổ Thạnh, một số thôn ở Phổ Châu.

Trong quá trình nổi dậy, mũi tiến công chính trị và binh vận phát huy tác dụng mạnh mẽ. Ở thôn An Tây (Phổ Nhơn), nhân dân vận động một trung đội dân vệ bỏ hàng ngũ địch, gia nhập du kích. Dưới hình thức đấu tranh hợp pháp, 70 quần chúng trong thôn kéo xuống quận “tố cáo” quốc gia bất lực, để cho Việt cộng chiếm mất xóm làng. Ở Phổ Ninh, cơ sở binh vận và quần chúng lấy súng đạn và xe gắn máy của bọn lính đóng trong nhà dân đem giấu, sau đó lấy danh nghĩa Mặt trận tuyên bố tịch thu vũ khí, còn tài sản riêng được trả lại. Ở Phổ Thạnh, Phổ Châu, ta vận động cả hội đồng xã, lính dân vệ, cảnh sát về với cách mạng.

Phấn khởi trước những thắng lợi đạt được, nhân dân trong huyện sôi nổi tham gia đóng góp hàng nghìn ang lúa cho cách mạng. Hàng trăm thanh niên tình nguyện thoát ly tham gia kháng chiến.

Đến tháng 4/1962, lực lượng cách mạng làm chủ gần 20 thôn trong toàn huyện. Trong đó, có một nửa số thôn giành thắng lợi bằng lực lượng tại chỗ do đội công tác lãnh đạo mà không có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang của trên. Trong báo cáo về tình hình quận Đức Phổ gửi cho Ngô Đình Diệm, tỉnh trưởng Quảng Ngãi nhận xét có 3 xã “bất an ninh” là Phổ Nhơn, Phổ Cường, Phổ Thạch, 8 xã “kém an ninh” là Phổ An, Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Hoà, Phổ Khánh, Phổ Hiệp, Phổ Châu. Thực tế là, ngay cả những xã được cho là an ninh, nhưng phong trào cách mạng của quần chúng phát triển rất mạnh mẽ như Phổ Phong.

Phong trào đồng khởi diễn ra rất mạnh mẽ, chính quyền địch ở cơ sở bị đánh đổ từng phần. Địch điên cuồng đánh phá ác liệt, hòng lập lại ách kìm kẹp của chúng. Một mặt, chúng ra sức xây dựng lại những ấp chiến lược đã bị phá, làm thêm những ấp mới, mặt khác chúng tăng cường mở các đợt càn quét, đánh phá phong trào cách mạng của quần chúng. Cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra ngày càng gay go, quyết liệt. Chỉ trong 3 tháng kể từ khi phong trào đồng khởi nổ ra, trong toàn huyện địch đã lập 67 ấp chiến lược.

Thanh Lâm là ấp chiến lược thuộc vào loại kiên cố nhất, địch chọn làm thí điểm và tập trung lực lượng để xây dựng. Quận trưởng Đức Phổ giao cho chi cảnh sát trực tiếp phụ trách. Để xây dựng ấp Thanh Lâm, địch đã bắt dân phải nộp hàng triệu cây tre và gốc tre, hàng chục vạn cây rừng, hàng nghìn gánh cành gai, hàng chục vạn cây chông... và phải lao động hàng chục vạn ngày. Sau hơn một tháng, ấp chiến lược Thanh Lâm hoàn thành ngày 7/7/1962. Nhưng ngay trong đêm 7/7/1962, sau khi địch tổ chức lễ khánh thành, đại đội 219 đánh tan rã trung đội dân vệ giữ ấp. Nhân dân Phổ Ninh nổi dậy phá tan ấp. Sau Thanh Lâm, phong trào phá ấp chiến lược kết hợp với diệt ác ôn lan rộng khắp nơi trong huyện.

Trong các tháng 7, 8, 9/1962 phong trào lan rộng ở các thôn miền tây xã Phổ Thuận và ven biển các xã Phổ An, Phổ Quang. Ở Phổ An, lực lượng vũ trang được quần chúng hỗ trợ tiến công hội đồng xã diệt 6 ác ôn, thu 17 súng, địch phản ứng giết 4 quần chúng cách mạng.

Đấu tranh quân sự ngày càng có một vị trí quan trọng, chống lại các cuộc càn quét của địch, bảo vệ vùng giải phóng.

đánh thiệt hại nặng một đại đội địch trên quốc lộ 1. Ngày 26-10-1962, du kích Phổ Châu chặn đánh một đại đội địch đi càn quét ở thôn Đồng Đế, diệt 1 tên cố vấn Mỹ, làm bị thương 1 tên Mỹ khác. Đây là những tên xâm lược Mỹ đầu tiên bị trừng trị trên chiến trường huyện nhà. Trong trận này còn có 5 tên địch sập hầm chông của du kích. Trong tháng 11-1962, du kích Phổ Nhơn dựa vào làng chiến đấu đánh nhau với một đại đội địch đi càn ở thôn An Tây.

Đại đội 219 và du kích các xã trong huyện liên tục tổ chức các cuộc phục kích, chặn đánh quân địch càn quét, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đảng bộ Đức Phổ luôn xác định đấu tranh vũ trang giữ vai trò quyết định trong việc đánh tiêu diệt nguy quân, nguy quyền, hỗ trợ cho quần chúng diệt ác phá kềm, phá đồn, đấu tranh chính trị, binh địch vận.

Cùng với đấu tranh vũ trang, Đảng bộ huyện tiếp tục vận động nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chính trị, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, tạo thành sức mạnh tổng hợp liên tục tiến công địch. Nổi bật nhất trong giai đoạn này là cuộc đấu tranh của hàng nghìn quần chúng xã Phổ Khánh. Tại đây quần chúng bao vây một đại đội và nhiều xe cơ giới của địch trên quốc lộ I, thuộc thôn Chí Trung, làm cho giao thông tắc nghẽn nhiều giờ. Địch phải điều 1 đại đội với 6 xe tăng yểm trợ mới giải toả được. Nhân dân Phổ Vinh và Phổ Cường đấu tranh chính trị và binh vận, cô lập bọn lính đóng ở 2 đồn Eo Gió và núi Dâu, buộc chúng phải hứa không bắn pháo vào làng. Ngoài ra nhân dân còn kéo lên xã, lên quận, vào đồn đấu tranh trực diện, đòi địch không được bắn phá

xóm làng, không cưỡng bức dân vào ấp chiến lược, bồi thường thiệt hại do địch bắn phá. Lực lượng binh vận dùng cả loa gọi vào đồn, treo khẩu hiệu, treo cờ Mặt trận giải phóng, đốt hình nộm Diệm, Trần Lệ Xuân, thả chó chạy rông mang biển ghi tên Diệm, Nhu.

Đến cuối năm 1962, ta đã làm tan rã chính quyền địch ở 21 thôn, làm thanh khiết 22 thôn. Như vậy, quân và dân Đức Phổ đã làm chủ ở những mức độ khác nhau ở 43 thôn (trong tổng số 92 thôn), giải phóng 5 vạn dân (trong tổng số 9 vạn dân). Ở những xã do ta làm chủ, chính quyền cách mạng được thành lập dưới hình thức uỷ ban tự quản. So với các huyện trong tỉnh, Đức Phổ được đánh giá là huyện có phong trào mạnh nhất năm 1962⁽¹⁾. Tính đến cuối năm 1962, nhân dân trong huyện được chia 705 mẫu đất công điền và ruộng vắng chủ, được giảm tô và xoá nợ nông tín cuộc, đòi địch trả lại được hơn 3 triệu đồng tiền tín dụng mà nhân dân bị bắt buộc phải đóng trước đây.

Cùng với khôi phục và phát triển phong trào đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ và tay sai, Huyện uỷ tập trung đẩy mạnh sản xuất. Riêng năm 1962, các cơ quan và lực lượng vũ trang huyện đã tự sản xuất và thu hoạch được 2.600 ang lúa, 200 ang bắp, 30 vạn gốc mỳ. Thương nghiệp huyện đã mua được 50.000 ang lúa và nhiều nhu yếu phẩm cung cấp cho cán bộ, chiến sĩ. Huyện đã cử 136 chiến sỹ lực lượng vũ trang tăng cường cho các đội công tác và bổ sung vào lực lượng vũ trang của tỉnh. Tuy đã chi viện cho lực lượng vũ trang của

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945-1975), Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, 1999, trang 188

tỉnh, nhưng quân số đại đội 219 lên đến 126 người, số lượng du kích thoát ly chỉ tính riêng 7 xã đã có 390 người, du kích mật ở 12 xã là 290 người.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Nếu như tháng 10/1960, toàn huyện Đức Phổ có 22 chi bộ thôn, 98 đảng viên, thì đến cuối năm 1962 tổng số chi bộ trong huyện là 29 và 198 đảng viên. Đồng chí Võ Bân được cử làm Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Đoàn Nhật Nam được chuyển về tỉnh công tác.

2/ Chiến dịch 40 và đẩy mạnh chiến tranh cách mạng.

Bước vào năm 1963, Mỹ nguy đẩy mạnh kế hoạch Stalây-Tâylo – xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

Ở Đức Phổ, Mỹ- nguy tăng cường quân chủ lực, bảo an, dân vệ, biệt kích... mở các cuộc càn quét, thường xuyên sử dụng pháo kích, bom xăng đánh phá các địa phương trong huyện. Chúng tập trung đẩy nhanh việc xây dựng áp chiến lược bằng cách mở các cuộc càn quét, gom dân, dùng dây kẽm gai, cọc sắt thay thế cho tre, gỗ. Cũng vì địch tăng cường đánh phá, nên phong trào cách mạng trong tỉnh gặp nhiều khó khăn hơn trước, vùng giải phóng bị thu hẹp.

Mặc dù bị địch đánh phá ác liệt, nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, quân và dân Đức Phổ vẫn kiên cường bám trụ, đẩy mạnh tiến công địch, vận động nhân dân nổi dậy phá áp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng. Tháng 4/1963, Tỉnh uỷ chủ trương mở chiến dịch 40 mà trọng điểm hoạt động là vùng đông bắc huyện Đức Phổ, nam huyện Mộ Đức, nhằm phá thế kìm kẹp của địch ở các xã ven biển và dọc quốc lộ I, mở rộng vùng giải phóng, tăng cường thực lực, tạo thế đi lên cho phong

trào. Chọn vùng đông bắc Đức Phổ làm trọng điểm, mặc dù địch có một số lợi thế về địa hình, hỏa lực và sức cơ động, nhưng ưu thế của ta là các xã vùng đông bắc của huyện như Phổ An, Phổ Quang và các xã phía nam huyện Mộ Đức nối liền hoàn ven biển nên dễ phối hợp tác chiến. Hơn nữa lòng dân và ý chí quyết tâm tiêu diệt địch của quân và dân trong huyện đang lên cao.

Thực hiện chiến dịch 40 của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ phân công các đồng chí Lý Phận, Hồng Sơn, Phạm Hồng An... trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Được tỉnh tăng cường một đại đội, quân và dân trong huyện tập trung đánh vào khu vực trọng điểm là Phổ An và Phổ Quang, điểm phối hợp là Phổ Vinh, Phổ Minh, Phổ Hoà. Khẩu hiệu thể hiện quyết tâm của quân và dân Đức Phổ trước khi bước vào chiến dịch là: “ Bứt dây vông, rời khỏi núi, có lệnh đi, không có lệnh không về, đánh đâu giữ đấy”.

Chiến dịch bắt đầu diễn ra vào đêm 23/4/1963. Lực lượng vũ trang và du kích tập trung hỏa lực tấn công và nhanh chóng làm tan rã lực lượng vũ trang và bộ máy kìm kẹp của địch ở Phổ Quang, Phổ An. Riêng Phổ An, ta thu được 70 súng của bọn bảo an. Quân chúng ở hai xã nổi dậy giành quyền làm chủ. Ở Phổ Hoà, lực lượng vũ trang quân khu tiến công áp Nho Lâm. Ở Phổ Thuận, được sự hỗ trợ của du kích, quân chúng vùng 5 giải tán 1 trung đội dân vệ, thu 11 súng. Sáng 24/4 quân chúng các xã phía tây quốc lộ I nổi dậy biểu tình, ủng hộ các xã phía đông giành quyền làm chủ. Địch phản ứng rất quyết liệt, chúng huy động hàng nghìn tên có xe M.113 hỗ trợ, kết hợp với bọn bảo an huyện kéo xuống hai xã trọng điểm Phổ Quang, Phổ An đàn áp cuộc nổi dậy của quân và

dân ta. Quân và dân ta chiến đấu rất ngoan cường. Ở Phổ An, đồng chí Nguyễn Cảnh dũng cầm trèo lên xe tăng địch, mở nắp xe, ném lựu đạn vào bên trong. Tuy nhiên, do lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, tiến công quân sự của lực lượng vũ trang quân khu không đạt yêu cầu phân tán địch, nên phần lớn chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện và toàn bộ đội công tác Phổ An đã hy sinh, trong đó có đồng chí Lê Đẩu là huyện ủy viên, phụ trách xã. Địch bắt đưa về huyện hơn 200 đồng bào.

Nhân dân hết lòng giúp đỡ lực lượng vũ trang, tiếp tế lương thực, cứu chữa và đưa thương binh về phía sau, đồng thời đấu tranh chính trị chống địch khủng bố, đòi thả những người bị bắt. Sau 4 ngày, lực lượng cơ động của địch rút đi, tình hình ở hai xã ổn định dần.

Trước sự tiến công mạnh mẽ của quân và dân huyện Đức Phổ, địch liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, triệt hạ nhiều thôn, xóm. Tháng 5/1963, chúng đốt hơn 300 ngôi nhà ở thôn An Tây (Phổ Nhơn) và nhiều nhà khác ở Phổ Ninh, Phổ Cường, Phổ Hiệp, Phổ Thạnh.

Chính sách khủng bố, đàn áp dã man và tàn bạo của kẻ thù đã gây tâm lý lo ngại trong một bộ phận đảng viên và quần chúng trước sức mạnh quân sự, nhất là phương tiện cơ giới của địch, thiếu tin vào khả năng đấu tranh chính trị của quần chúng. Trước tình hình đó, Huyện ủy đã có nhiều biện pháp giáo dục chính trị tư tưởng, củng cố niềm tin trong đội ngũ cán bộ đảng viên và quần chúng. Huyện tổ chức việc cứu trợ nhân dân những vùng bị địch càn quét, chỉ đạo đấu tranh chính trị, chống địch khủng bố, giữ thế hợp pháp cho quần chúng.

Từ mùa thu năm 1963, phong trào phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp của địch lại phát triển mạnh. Ấp Lộ Bàn (xã Phổ Ninh) bị phá đi phá lại hàng chục lần, ấp Thanh Lâm bị phá 20 lần chỉ trong vòng sáu tháng cuối năm 1963.

Thất bại trong thực hiện chính sách càn quét và lập ấp chiến lược làm cho mâu thuẫn giữa giới cầm quyền Mỹ và chế độ độc tài, tay sai Ngô Đình Diệm ngày càng trầm trọng. Ngày 1/11/1963, Mỹ quyết định làm cuộc đảo chính quân sự, giết chết anh em Diệm – Nhu, đưa Dương Văn Minh lên cầm quyền.

Lợi dụng Diệm – Nhu bị lật đổ, ở Đức Phổ mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền tay sai nổi lên, khiến tên quận trưởng phải chạy trốn. Nguy quân, nguy quyền hoang mang, lo sợ. Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ phát động nhân dân đồng loạt nổi dậy tiến công địch. Những nơi có phong trào mạnh nhất là các xã Phổ Thạnh, Phổ Vinh, Phổ Khánh, Phổ Cường, Phổ Hiệp, Phổ Thuận, Phổ An. Với quyết tâm “đánh đổ bè lũ Ngô Đình Diệm”, nhân dân tiến công tiêu diệt và lật đổ bọn tay sai Mỹ, bất kể là bọn chống Diệm hay ủng hộ Diệm. Ở Phổ Thạnh, du kích hỗ trợ 300 đồng bào kéo đến hội đồng xã đòi phá ấp chiến lược, trừng trị bọn ác ôn, thả những người bị địch giam giữ, đòi trả lại ruộng đất bị tay sai Diệm chiếm đoạt. Địch từ Sa Huỳnh kéo lên Long Thạnh đàn áp, bị du kích chặn đánh. Ở Phổ Vinh, hàng ngàn quần chúng và một số binh lính địch kéo lên xã và huyện đòi quận trưởng tuyên bố không đàn áp nhân dân phá ấp chiến lược. Ở Phổ Khánh, 2000 đồng bào được vũ trang bằng gậy gộc, cuốc, cào đuổi đánh một trung đội dân vệ. Địch phải huy động một tiểu

đoàn và xe M.113 để bảo vệ. Cũng ở Phổ Khánh, nhân dân khiêng người bị địch giết chết lên đôn Núi Dầu đấu tranh, sau đó khiêng lên quận đòi quận trưởng đưa những tên giết người ra cho dân trị tội. Quận trưởng phải chấp nhận yêu sách, hứa giải quyết, nhân dân mới chịu ra về.

Cùng với những thắng lợi trên mặt trận đấu tranh quân sự, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, tháng 10/1963, 100 đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân trong huyện đã về dự đại hội thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng huyện. Đại hội hoan nghênh và ủng hộ Tuyên ngôn, Chương trình hành động của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và đề ra chương trình công tác nhằm đoàn kết, tập hợp tất cả các lực lượng yêu nước trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai. Đại hội bầu ông Phạm Đình Tùng (quê làng An Lạc, Phổ Hoà) - một nhân sỹ trong phong trào cách mạng quốc gia tỉnh Quảng Ngãi đã được giác ngộ - làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Đức Phổ.

Cuối năm 1963, Đại hội liên hoan các lực lượng vũ trang và chính trị huyện Đức Phổ được tổ chức. Nhiều điển hình xuất sắc của thời kỳ đồng khởi được biểu dương tại Đại hội. Đặc biệt, xã 223 (Phổ Hiệp) không chỉ là xã tiêu biểu trong phong trào đấu tranh chính trị ở Đức Phổ, mà còn là tiêu biểu của toàn tỉnh Quảng Ngãi .

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, phong trào đấu tranh của nhân dân tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Đến cuối năm 1963, toàn huyện Đức Phổ có 30 thôn thuộc 8 xã với 33.600 dân được giải phóng. Lực lượng vũ trang huyện đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.067 tên địch, du kích bắn hỏng 3 máy

bay. Quần chúng nhân dân dấy lên phong trào đánh địch bằng chiến thuật “Mô, miệng, giấy, chông, lửa, đạn” (đánh mô, tuyên truyền, rải truyền đơn trong đấu tranh chính trị, bình vận, cắm chông, đốt phá ấp chiến lược, vũ trang đánh địch). Cũng trong năm 1963, toàn huyện có 30.447 lượt người tham gia đấu tranh chính trị. Bằng nhiều hình thức vận động khôn khéo, nhân dân đã vận động 7 trung đội địch làm binh biến ở các xã Phổ Thuận, Phổ An, Phổ Văn, Phổ Quang, thu 122 súng, diệt nhiều tên ác ôn, răn đe, giáo dục hàng chục nhân viên chính quyền địch. Công tác bố phòng có bước phát triển mới, các xã vùng giáp ranh đã đào 425 hầm chông, 100 hầm bí mật, 57 ổ tác chiến, cắm 106.460 cây chông, đào 2.300 mét giao thông hào.

Đánh giá phong trào cách mạng huyện Đức Phổ trong những năm 1962-1963, báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (trong kháng chiến chống Mỹ) khẳng định: “Thắng lợi của phong trào Đức Phổ trong thời kỳ này có một ý nghĩa quan trọng, nó củng cố tư tưởng cán bộ..., nó là một nguồn cổ vũ cho toàn tỉnh”⁽¹⁾

3/ Liên tục tiến công và nổi dậy, phối hợp với toàn tỉnh giải phóng hầu hết vùng nông thôn đồng bằng trong huyện.

Sau những thất bại nặng nề trong thực hiện kế hoạch Xtalây-Taylor, Mỹ - nguy buộc phải co cụm, thực hiện “bình định” có trọng điểm. Chúng tăng cường lập các tuyến phòng thủ quanh thị xã, thị trấn và các đường giao thông quan trọng. Đồng thời chúng đẩy mạnh càn quét cố giành lại những vùng

⁽¹⁾ Trích báo cáo tổng kết của Tỉnh ủy tại Đại hội lần thứ III của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi

đã mất, thực hiện gom dân, lập “ấp tân sinh” (thực chất là áp chiến lược trá hình) và dùng các thủ đoạn mị dân, mua chuộc như lập “Hiệp hội nông dân”, “Cộng đồng tái thiết quốc gia” nhằm bình định miền Nam trong vòng 2 năm (1964-1965).

Tháng 5/1964, địch điều thêm một tiểu đoàn chốt giữ Đức Phổ, tăng tổng số các cuộc hành quân càn quét năm 1964 lên 200 cuộc, gần bằng 2 lần năm 1963, 4 lần năm 1962. Chúng tăng cường kìm kẹp nhân dân trong vùng chúng kiểm soát, sử dụng ngày càng nhiều các biện pháp chiến tranh gián điệp, tuyên truyền kích động tư tưởng chống phá cách mạng.

Để làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn mới của Mỹ - ngụy, tháng 12/1963, Trung ương tổ chức Hội nghị lần thứ 9 và đề ra chủ trương: kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều đóng vai trò rất cơ bản và quyết định, nhưng đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh tan lực lượng quân sự của địch, chỗ dựa của nền thống trị của chúng, làm cho cách mạng thắng lợi.

Chấp hành chủ trương của Trung ương, tại hội nghị tháng 6/1964, Tỉnh uỷ quyết định phát động cuộc nổi dậy lần thứ 2 ở đồng bằng từ tháng 7 đến hết năm 1964 nhằm đạt mục tiêu là phá áp chiến lược, phá ách kìm kẹp của địch giành quyền làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng; tiêu hao sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân địch; củng cố và phát triển thực lực cách mạng.

Mở đầu là cuộc tiến công và nổi dậy ngày 8/8. Lực lượng đặc công tỉnh tiến công căn cứ Núi Sắn (Phổ Khánh). Tiếp đó lực lượng vũ trang và nhân dân Phổ Quang, Phổ An phối hợp với nhân dân xã Đức Phong (Mộ Đức) nổi dậy phá áp chiến

lược, giành quyền làm chủ. Nhiều xã phát huy tấm gương tiêu biểu trong đấu tranh chính trị của xã Phổ Hiệp đã tổ chức các cuộc đấu tranh trực diện với địch. Trong đó, nổi bật là cuộc biểu tình ngày 20/8/1964 của hàng vạn đồng bào các xã Phổ An, Phổ Văn, Phổ Thuận kéo về thị trấn Đức Phổ. Mặc dù địch đóng ở ngã ba Cây Phượng xả súng bắn, làm chết 27 người, nhưng đoàn biểu tình không nao núng vẫn tiến về quận lỵ trong sự hoang mang, lo sợ của kẻ thù.

Tháng 10/1964, trận lụt lịch sử đã xảy ra, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản của nhân dân trong huyện và các huyện trong tỉnh. Bị thiệt hại nặng nhất là các xã trong lưu vực sông Trà Câu. Riêng thôn Bích Chiêu có 24 người chết, nhà cửa 40 gia đình bị nước cuốn trôi. Vượt lên sự nguy hiểm của thiên tai, địch họa, nhân dân các xã phía đông huyện đã vượt hàng trăm người và gia súc bị lũ cuốn trôi, đem lương thực, thực phẩm cứu trợ những người bị nạn. Ủy ban tự quản và Ủy ban Mặt trận các cấp vận động nhân dân tương trợ, giúp đỡ nhau khắc phục hậu quả lũ lụt, ổn định cuộc sống và khôi phục sản xuất.

Cuối năm 1964, bằng tiến công vũ trang kết hợp với các cuộc đấu tranh chính trị, nhân dân Đức Phổ đã tiêu diệt và bức địch rút khỏi Chợ Chiêu (Phổ Thuận), Trà Câu (Phổ Văn), cây số 7 (Phổ Phong), Núi Bé (Phổ Cường), Eo Gió (Phổ Nhơn)⁽¹⁾. Ở Phổ Châu, đồng chí bí thư chi bộ kiêm xã đội

⁽¹⁾ Lúc này hầu hết các xã trong huyện đã được giải phóng, chỉ còn một số thôn ở vùng lõm, dọc quốc lộ số 1 do địch chiếm đóng như: Vùng 4, vùng 5. An Định (Phổ Thuận), Gia An (Phổ Phong), Mỹ Trang bắc (Phổ Cường), Thành Hiệu, Lâm Bình (Phổ Vinh), Trường Sanh (Phổ Minh), Chợ Chiêu (Phổ Khánh), Sa Huỳnh, Thạnh Đức 2 (Phổ Thạnh), Châu Me (Phổ Châu)

trường đã dùng cảm phục kích địch, tiêu diệt gần 30 tên, bắn rơi một máy bay trực thăng. Ở Phổ Nhơn, nhân dân sử dụng hình thức đấu tranh hợp pháp phá khu đồn khá hiệu quả, bằng cách làm đơn xin phép, nhưng không đợi địch cho phép mà cứ dựng trại, làm chuồng trâu, chuồng bò trên vườn cũ để làm ăn. Khi địch cần quét thì đồng bào vào khu đồn, khi địch rút lại trở ra khiến nguy quyền phải bất lực.

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, tháng 3/1965 đế quốc Mỹ đưa quân vào miền Nam nhằm trấn an tinh thần nguy quân, nguy quyền đang hoang mang, lo sợ tột độ, đồng thời sẵn sàng đối phó với phong trào cách mạng của nhân dân ta nếu quân nguy bị tan rã.

Thực hiện chỉ thị của Quân uỷ Trung ương, Khu uỷ quyết định mở đợt hoạt động hè 1965, mang tên “chiến dịch Lê Độ” nhằm tiếp tục tiêu diệt một bộ phận quân nguy, phá áp chiến lược, giành lại phần lớn nông thôn đồng bằng, mở rộng vùng giải phóng, đồng thời sẵn sàng đánh phủ đầu quân Mỹ.

Phối hợp thực hiện chủ trương chung của tỉnh, đêm 7/2/1965 đại đội 219 của huyện tiến công địch ở Quán Vịt và Trà Câu, tiêu diệt một trung đội dân vệ. Tiếp đó, lực lượng vũ trang huyện tiến công đánh hỏng 6 chiếc thuyền thuộc đội hải thuyền bảo vệ cửa biển Sa Huỳnh. Du kích các xã cắt đứt quốc lộ I và quốc lộ 24, hỗ trợ các cuộc đấu tranh chính trị làm tê liệt bộ máy thôn, xã của nguy quyền. Nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Ty (1965), lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng vận động hàng trăm binh sỹ nguy về quê ăn tết và không trở lại hàng ngũ địch, hàng chục nhân viên nguy quyền không trở lại nơi làm việc.

Trong khí thế của những thắng lợi trên các mặt trận, tháng 3/1965 Đảng bộ huyện Đức Phổ tổ chức đại hội lần thứ nhất (trong kháng chiến chống Mỹ). Đồng chí Trần Kiên, Bí thư Tỉnh uỷ về dự và chỉ đạo đại hội. Đại hội tập trung tổng kết tình hình, phân tích, đánh giá phong trào cách mạng của huyện trong mấy năm qua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho thời gian tới, nhất là trong phong trào chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, phá ấp, dành dân, củng cố chính quyền, đoàn thể, vận động thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang, vận động các tầng lớp nhân dân phát triển sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp cách mạng.

Về công tác xây dựng Đảng, đại hội khẳng định: Sau thời kỳ khó khăn, bị tổn thất nặng do chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” của Mỹ - nguy, các tổ chức Đảng trong huyện đã từng bước được khôi phục và phát triển mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của phong trào cách mạng trong huyện. Đến thời điểm diễn ra đại hội, Đảng bộ Đức Phổ có 665 đảng viên (chưa kể những đảng viên hoạt động đơn tuyến), sinh hoạt ở 75 chi bộ thôn, chi bộ cơ quan, đơn vị. Đa số đảng viên của Đảng bộ được tôi luyện trong chiến tranh ác liệt, luôn giữ vững niềm tin và ý chí cách mạng, gương mẫu trong công tác, được nhân dân tin tưởng, yêu mến. Đạt được những kết quả đó là nhờ Đảng bộ thường xuyên chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhất là năm 1964, toàn thể cán bộ trong và ngoài Đảng, đảng viên và chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện được chỉn huấn về tình hình và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, tình hình thế giới và phong trào cộng sản quốc tế...



Đồng chí
PHAN MINH NGA
Bí thư Huyện ủy 1965

Về nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của Đảng bộ, Đại hội nêu rõ là kiên quyết khắc phục tư tưởng hữu khuynh, thoả mãn với những thắng lợi đã giành được, động viên toàn Đảng bộ và nhân dân nỗ lực vượt qua gian khổ, hy sinh, giữ vững thành quả đã giành được, bảo vệ vùng giải phóng, tăng cường thực lực cách mạng, chuẩn bị giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong đợt hoạt động Xuân 1965 và những đợt hoạt động tiếp theo. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 đồng chí, trong đó có một đồng chí hoạt động hợp pháp. Đồng chí Phan Minh Nga được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Phát huy thắng lợi của đại hội, đêm 29/5/1965 Đảng bộ đã phát động nhân dân trong huyện đổ ra đường phá quốc lộ I từ Thạch Trụ đến Bình Đê, để phối hợp lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh mở chiến dịch Ba Gia (phía tây Sơn Tịnh). Theo sự phân công phối hợp chung của tỉnh, sáng 31/5/1965, Đảng bộ đã huy động hàng vạn quần chúng biểu tình tuần hành trên quốc lộ I, rồi kéo về thị trấn Đức Phổ chào mừng chiến thắng Ba Gia, đòi ngụy quyền phải bồi thường cho các gia đình có con em chết trận ở Ba Gia, bồi thường thiệt hại ở những nơi bị càn quét, đòi trừng trị ác ôn. Nhân dân vùng tranh chấp, được lực lượng vũ trang hỗ trợ, nhân cơ hội đó cũng nổi dậy phá ấp chiến lược, diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ.

Tính chung trong dịp này, toàn huyện Đức Phổ căn bản được giải phóng. Chín xã không còn quân địch gồm: Phổ An, Phổ Quang, Phổ Thuận, Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Văn, Phổ Vinh, Phổ Hiệp, Phổ Châu. Sáu xã còn lại có nhiều thôn được giải phóng hoặc là vùng tranh chấp giữa ta và địch. Toàn

huyện chỉ còn 8 thôn do địch kiểm soát (chiếm 8% số thôn, 9% dân số) là: Thọ Lạc, An Thường (Phổ Hoà), Vĩnh Lạc, Vĩnh Bình (Phổ Ninh), một nửa thôn Mỹ Trang và Thủy Thạch (Phổ Cường)⁽¹⁾, Thạch Bi (Phổ Thạnh) và 1/3 thôn Trường Sanh (Phổ Minh).

Thắng lợi trong đợt hoạt động Xuân-Hè 1965 ở Đức Phổ là thắng lợi toàn diện cả về tiêu diệt và tan rã phần lớn quân địch, giải phóng phần lớn nông thôn đồng bằng. Thắng lợi đó đã làm cho lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trong huyện giành thế chủ động trên chiến trường, cùng với nhân dân các huyện trong toàn tỉnh góp phần làm thất bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Trong những năm đồng khởi, chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ đã liên tiếp đánh bại các cuộc càn quét của địch, giữ vững vùng giải phóng, tích cực chi viện sức người, sức của cho các chiến trường trong tỉnh, góp phần cùng với lực lượng vũ trang giải phóng huyện Nghĩa Hành, đặc biệt là góp phần làm nên chiến thắng Ba Gia vang dội. Lực lượng vũ trang của huyện không ngừng phát triển. Đại đội 219 đã trở thành lực lượng nòng cốt, chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng trong huyện. Nhiều xã trong huyện có một, hai trung đội du kích. Nhiều thôn có từ 2 đến 4 tiểu đội du kích. Lực lượng du kích toàn huyện lên đến 3.600 đồng chí, trong đó du kích thôn là 3.000 đồng chí, du kích xã là 450 đồng chí, du kích mật là 150 đồng chí.

Thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng được củng cố. Các xã, thôn được giải phóng đến đâu thì làng chiến đấu được

⁽¹⁾ Thời điểm ấy thôn Thủy Thạch thuộc xã Phổ Hiệp.

xây dựng đến đó. Các ấp chiến lược được cải tạo thành thôn chiến đấu. Toàn huyện đã hình thành được làng chiến đấu ở thể liên hoàn, từ trong từng thôn, từng xã đến cụm xã. Năm 1965, nhân dân trong huyện đã đào thêm 2.000 mét địa đạo, 30.000 mét giao thông hào, rào và cải tạo gần 100.000 mét rào, cấm hàng chục vạn cây chông, sửa chữa và làm mới hàng trăm mang cung, bẫy đập, hầm chống tăng. Thế và lực của ta trên chiến trường ngày càng vững. Năm 1965, lực lượng vũ trang toàn huyện đánh địch trên 400 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 2400 tên địch, riêng du kích xã đã tiêu diệt 528 tên, làm bị thương 400 tên, bắt sống 62 tên, bắn cháy 10 máy bay, đánh hỏng 11 xe M.113. Lực lượng vũ trang huyện phối hợp với du kích đánh nhiều trận xuất sắc, gây tiếng vang lớn. Trong trận đánh địch ở Quay Mỏ (Phổ Cường) quân và dân Đức Phổ đã gây thiệt hại nặng 1 đại đội địch, bắt 60 tù binh. Trận chống càn ở Thủy Triều (Phổ Văn) tháng 8/1965, ta đánh lui 2 tiểu đoàn địch.

Cũng trong quá trình phát triển của phong trào cách mạng, ngành an ninh nhân dân được xây dựng và trưởng thành, góp phần quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ diệt ác, phá kìm, thanh khiết địa bàn, chống chiến tranh gián điệp của địch, bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ và mở rộng quyền làm chủ của nhân dân.

Với phương châm kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tạo thành sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân chống “chiến tranh đặc biệt”, Đảng bộ Đức Phổ tích cực vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh chính trị. Năm 1965, các cuộc đấu tranh chính trị trong toàn huyện đã thu hút hơn 10 vạn lượt

người tham gia, trong đó có 2 vạn người tham gia những cuộc đấu tranh chính trị kéo về thị xã Quảng Ngãi và thị trấn Đức Phổ. Lực lượng đấu tranh chính trị được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống từ xã đến huyện, có bộ phận trinh sát, liên lạc, cứu thương. Bộ phận nòng cốt trong đấu tranh chính trị toàn huyện có hơn 3.000 người, được tổ chức thành 330 tiểu đội, trong mỗi tiểu đội có các thành phần: ngòi pháo, đấu lý, tranh thủ, bạo lực.

Quán triệt quan điểm giành chính quyền phải đi đôi với xây dựng và bảo vệ chính quyền, trong những năm chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, Đảng bộ Đức Phổ chú trọng xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng. Tất cả các xã trong huyện đều có Ủy ban Hành chính kháng chiến⁽¹⁾, phần lớn các thôn đã tổ chức đại hội nhân dân bầu ra Ban tự quản thôn. Ở những nơi có chính quyền, cấp uỷ chỉ đạo thực hiện việc tạm cấp công điền và ruộng đất vắng chủ cho nông dân. Năm 1964, nông dân vùng giải phóng được chính quyền cách mạng cấp 1.160 mẫu công điền, 372 mẫu ruộng vắng chủ. Năm 1965, tá điền được hưởng 1.254 ang lúa giảm tô. Dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền, nông hội đã thực hiện tốt chính sách ruộng đất, nên phần lớn nông dân trong huyện đã tích cực khai hoang, phục hoá, lập tổ đổi công, đoàn kết hợp tác trong sản xuất, trong ổn định cuộc sống và phục vụ kháng chiến. Qua các phong trào hành động cách mạng, các hội đoàn thể tăng cường kết nạp hội viên. Đến cuối năm 1965, hội nông dân giải phóng huyện có 11.800 hội viên, hội liên

⁽¹⁾ Cuối năm 1963 đầu năm 1964, chính quyền cấp xã gọi là Ủy ban Nhân dân tự quản. Cuối năm 1964, đầu năm 1965 vùng giải phóng được mở rộng, nhiều xã được giải phóng, ta thành lập Ủy ban Hành chính kháng chiến.

hiệp phụ nữ giải phóng có 11.200 hội viên. Các hội viên hội nông dân giải phóng, phụ nữ giải phóng, hội mẹ chiến sỹ là lực lượng nòng cốt đi đầu trong các cuộc đấu tranh chính trị, binh địch vận, đặc biệt là trong công tác nuôi quân, tiếp tế vật chất cho kháng chiến.

Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng là đội hậu bị của Đảng, lực lượng cơ bản tham gia các phong trào cách mạng ở các địa phương. Năm 1965, toàn huyện Đức Phổ có 1.400 đoàn viên, trong đó có 1/3 là nữ, sinh hoạt ở 19 chi đoàn. Đa số đoàn viên trực tiếp cầm súng chiến đấu. Hội liên hiệp thanh niên giải phóng huyện có 6.000 hội viên. Các đội thanh niên xung phong có 900 đội viên. Đoàn viên thanh niên, hội viên hội liên hiệp thanh niên, thanh niên xung phong đều nhận trách nhiệm hướng dẫn đội viên thiếu niên tham gia các công tác kháng chiến như đấu tranh chính trị, vào du kích mật, đào hầm, canh gác, liên lạc, lập mưu lầy vũ khí địch.v.v..

Mặc dù, phải tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là tổ chức, động viên các tầng lớp nhân dân đánh giặc, nhưng cấp uỷ và chính quyền tự quản các thôn, xã trong huyện vẫn quan tâm đến phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, huy động nhân tài, vật lực phục vụ kháng chiến.

Năm học 1965-1966, toàn huyện có 3.000 học sinh lớp vỡ lòng, 7.000 học sinh cấp I, 400 học sinh cấp II. Hầu hết các xã đều có trường cấp I. Đội ngũ giáo viên toàn huyện có 41 giáo viên lớp vỡ lòng, 205 giáo viên cấp I, 9 giáo viên cấp II. Ngoài ra, huyện còn duy trì thường xuyên các lớp bình dân với 3.000 học viên.

Văn hoá, văn nghệ là nhu cầu tinh thần không thể thiếu trong kháng chiến. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, nhưng

các hoạt động văn hoá, văn nghệ vẫn phát triển. Hàng trăm vở kịch, bài hát, điệu múa..., phần lớn là tự biên, tự diễn đã được sáng tác phục vụ hàng chục nghìn lượt người xem. Toàn huyện có 60 tổ văn nghệ từ huyện đến cơ sở. Về cơ bản các hoạt động văn hoá, văn nghệ đã đáp ứng được yêu cầu của cán bộ, đảng viên và quần chúng, góp phần động viên phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân.

Trong kháng chiến, việc động viên thanh niên tham gia vào lực lượng vũ trang là hết sức quan trọng. Trong những năm chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, Đảng bộ Đức Phổ vận động 2.000 thanh niên trong huyện tòng quân, 1.700 thanh niên xung phong đi phục vụ chiến trường. Riêng năm 1965, toàn huyện có 750 thanh niên đăng ký tòng quân, 1.000 thanh niên đăng ký đi thanh niên xung phong. Ngoài ra, toàn huyện còn có 35 nữ thanh, thiếu niên được điều động lên tỉnh, khu nhận nhiệm vụ đặc biệt trong lòng địch, hoặc làm cơ sở hợp pháp. Cùng với động viên thanh niên tòng quân, năm 1965 các địa phương trong huyện đã huy động hàng nghìn lượt người đi dân công hoả tuyến, đóng góp hàng chục nghìn lượt ngày công.

Việc sản xuất tự cấp tự túc lương thực được xem là một yêu cầu không thể thiếu trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Từ năm 1962 đến năm 1965, các cơ quan và đơn vị trong huyện đã sản xuất tự túc được 30.000 ang lúa, trong đó có 13.000 ang được sản xuất năm 1965. Tuy nhiên, phần lớn lương thực, thực phẩm trong kháng chiến chủ yếu vẫn dựa vào quỹ động viên nuôi quân (hay đảm phụ kháng chiến). Kết quả trong các năm 1962, 1963 và 1965, nhân dân trong huyện đã đóng góp 32.000 ang và 920 tấn lúa, 5.660.000 đồng, trong đó năm 1965



Đồng chí
MAI XUÂN BA
Bí thư Huyện ủy 1966

là 920 tấn lúa và 5.500.000 đồng. Để động viên nhân dân tự nguyện đóng góp, huyện chủ trương kêu gọi tinh thần xung phong của nhân dân trong các cuộc hội nghị hoặc động viên từng người. Mức động viên cũng rất linh hoạt theo khả năng thu nhập và sự tự nguyện của nhân dân từng nơi. Năm 1965, mức trung bình của huyện đề ra tính thành tiền là 100 đồng/người (giá gạo lúc bấy giờ là 15 đồng/kg). Những nơi có điều kiện thì huy động đóng góp bằng lúa. Tỷ lệ huy động chung toàn huyện là 15 % sản lượng.

Ở những vùng địch tạm chiếm, nhân dân cũng hăng hái đóng góp vào quỹ động viên nuôi quân. Trong hoàn cảnh bị địch kiểm soát gắt gao, nhân dân phải giấu lúa ngoài đồng, hoặc che giấu cẩn thận chờ khi có dịp thuận lợi thì bí mật vận chuyển đóng góp vào quỹ động viên nuôi quân. Xã Phổ Văn và Phổ Thuận là 2 xã có thành tích đóng góp nhiều lương thực nhất trong huyện. Ở nhiều thôn, xã xuất hiện nhiều tấm gương của các mẹ, các chị phụ nữ xuất sắc trong công tác đảm phụ kháng chiến thời gian này.

Ngoài phần lương thực, thực phẩm do nhân dân tự nguyện đóng góp, ngành thương nghiệp huyện còn tổ chức thu mua lương thực ở các cửa khẩu, kể cả các cửa khẩu vùng địch kiểm soát. Trong 3 năm từ 1962 đến 1965, ngành thương nghiệp huyện đã mua được 60.000 ang lúa, 150 tấn muối, trong đó có mua ở các cửa khẩu Phổ Thạnh, Phổ Cường, Phổ Ninh, Phổ Nhơn, Phổ Phong.

*

* *

Năm năm (1960-1965) được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ và khu uỷ khu V, Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ đã kết

hợp chặt chẽ phương châm “2 chân, 3 mũi giáp công” chuyển mạnh phong trào đấu tranh từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công tiêu diệt địch, diệt ác, phá kìm, phá ấp chiến lược, đánh bại các cuộc hành quân càn quét của địch, mở rộng vùng giải phóng, đóng góp nhân tài, vật lực cho kháng chiến, góp phần cùng cả nước đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ-ngụy.

Tuy nhiên, trước những âm mưu và thủ đoạn thâm độc của Mỹ - ngụy, trong những năm chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, có những lúc, những thời điểm Đảng bộ thiếu nhạy bén trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng. Mặc dù, lực lượng vũ trang và quần chúng nổi dậy tiến công địch, phá banh ấp chiến lược, giành quyền làm chủ, nhưng do tương quan lực lượng giữa ta và địch, việc củng cố lực lượng để bảo vệ thành quả đã giành được lại không được quan tâm chỉ đạo sâu sát nên dẫn đến tình trạng nhiều nơi địch chiếm đi, chiếm lại nhiều lần và bao giờ cũng vậy cứ mỗi lần tái chiếm, chúng lại sử dụng nhiều biện pháp đàn áp, kìm kẹp nhân dân khốc liệt hơn. Việc kết hợp giữa đấu tranh chính trị, binh địch vận và đấu tranh vũ trang chưa đồng bộ, nên có những lúc phong trào cách mạng bị địch đàn áp, chịu nhiều tổn thất lớn.

Những thiếu sót đó là bài học kinh nghiệm quý giá để Đảng bộ có biện pháp khắc phục, tiếp tục chỉ đạo phong trào cách mạng của nhân dân trong huyện phát triển đúng hướng trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ những năm 1965 – 1968.

Chương IX

PHÁT HUY THỂ MẠNH CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

1/ Chiến thắng oanh liệt trong trận đầu trực tiếp chiến đấu với quân Mỹ trong chiến dịch phản công mùa khô lần thứ nhất (1965 – 1966), đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, đưa phong trào cách mạng tiếp tục tiến lên.

Sau 5 năm tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, nhất là sau những thất bại nặng nề ở Bình Giả (12/1964), Ba Gia (5/1965), Đồng Xoài (6/1965), đế quốc Mỹ phải cay đắng thừa nhận sự thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của nguy quân, nguy quyền Sài Gòn, đế quốc Mỹ quyết định chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam, ném bom miền Bắc. Mục tiêu của đế quốc Mỹ là tiêu diệt chủ lực của quân giải phóng, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Để thực hiện mục tiêu trên, đế quốc Mỹ tiến hành kế hoạch “tìm và diệt” của Oét mo len - Tư lệnh Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam - ồ ạt đưa 184.000 quân Mỹ, 20.000 quân chư hầu, kết hợp với 500.000 quân nguy và nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại, trực tiếp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam - một cuộc chiến tranh tàn bạo nhất trong lịch sử loài người.

Trước tình hình đó, tháng 3/1965 Ban Chấp hành Trung ương tổ chức Hội nghị lần thứ 11 để đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ cơ bản cho cách mạng miền Nam. Hội nghị khẳng định: “ Cần ra sức xây dựng tư tưởng phấn khởi và tin tưởng, quyết chiến, quyết thắng đế quốc Mỹ và tay sai; sẵn sàng chiến đấu và công tác bất cứ nơi nào theo tiếng gọi của Đảng và Tổ quốc; sẵn sàng đánh bất cứ loại chiến tranh nào của địch; sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn, gian khổ; sẵn sàng chiến đấu lâu dài với tinh thần tự lực cánh sinh cao. Chống tư tưởng sợ Mỹ, đánh giá địch quá cao, hoặc chủ quan khinh địch”⁽¹⁾

Quán triệt chủ trương của Trung ương, Thường vụ khu uỷ và Tỉnh uỷ Quảng Ngãi ban hành chỉ thị hướng dẫn cấp uỷ các cấp, các đoàn thể quần chúng và cán bộ, đảng viên triển khai mạnh mẽ công tác giáo dục tư tưởng, động viên mọi người nâng cao trình độ nhận thức về tính chất và nhiệm vụ của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sẵn sàng vượt qua gian khổ, hy sinh quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Khu uỷ và Uỷ ban Mặt trận dân tộc giải phóng Nam Trung bộ mở cuộc vận động “Nhà nhà đón thư Đảng, bàn việc đánh Mỹ, cứu nước, cứu nhà”.

Tháng 5/1965, ở phía bắc tỉnh Quảng Ngãi, Mỹ ngay đã tập trung một lực lượng quân Mỹ và chư hầu. Chúng lần lượt biến các xã Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Chánh (Bình Sơn) thành vành đai trắng, gây nhiều tội ác đối với đồng bào ta ở những nơi này.

⁽¹⁾ Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 11 (khoá III), tháng 3/1965.

Không thể ngồi yên mặc cho giặc Mỹ gây tội ác, tiểu đội “quyết tử diệt Mỹ” ở Bình Đông (Bình Sơn) đã chặn đánh ca nô Mỹ ở bến Tân Hy, diệt 7 lính Mỹ, thu 1 súng tiểu liên. Đây là trận đầu đánh Mỹ thắng lợi, làm nức lòng quân và dân toàn tỉnh. Nhiều nơi, trong đó có cả Đức Phổ đưa lực lượng về Bình Sơn học tập và tham gia đánh Mỹ. Phong trào thi đua diệt Mỹ, diệt nguy diễn ra sôi nổi khắp nơi. Đặc biệt, ngày 18/8/1965, quân và dân Quảng Ngãi phối hợp với chủ lực quân khu đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân lớn mang tên “Ánh sáng sao” của Mỹ, làm nên chiến thắng Vạn Tường oanh liệt.

Chiến thắng Vạn Tường đã góp phần giải đáp những thắc mắc, băn khoăn của nhiều người, giải tỏa tâm lý sợ Mỹ, không dám đánh Mỹ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng trong huyện. Quyết tâm chính trị được khẳng định về khả năng quân và dân ta sẽ đánh bại hoàn toàn quân xâm lược Mỹ, dù chúng có ưu thế về số quân và phương tiện chiến tranh.

Trong thời điểm đó, quân và dân Đức Phổ đã được chuẩn bị tốt về tư tưởng tinh thần để bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Khắp nơi trong huyện tràn ngập không khí khẩn trương chuẩn bị chiến đấu. Cán bộ huyện xuống cơ sở hướng dẫn nhân dân xây dựng và củng cố làng chiến đấu, cụm chiến đấu. Ở các xã phía bắc huyện, chỉ trong 2 giờ phát động, 8.000 đồng bào đã tham gia làm 7.000 mét rào, cắm 14 vạn cây chông. Ở Phổ Minh, chỉ trong một đêm du kích và nhân dân đã đào được 1000 mét giao thông hào, rào 3.000 mét rào. Lực lượng vũ trang huyện được củng cố. Du kích xã tổ chức thành các đội chuyên bắn máy bay. Trong thời điểm ấy, chiến

thắng vang dội của quân và dân ta ở Vạn Tường đã khích lệ tinh thần quyết đánh và quyết thắng Mỹ của quân và dân Đức Phổ bằng khẩu hiệu: “Bình Sơn đánh được Mỹ thì Đức Phổ cũng đánh được Mỹ”.

Cuối năm 1965, đầu năm 1966, đế quốc Mỹ tập trung lực lượng cơ động, mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất, với mục tiêu diệt một bộ phận quan trọng chủ lực quân giải phóng, phá căn cứ du kích, kho tàng, hành lang của ta nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường, mở rộng và củng cố sự chiếm đóng của chúng, khai thông các tuyến giao thông chiến lược, chặn đứng sự sụp đổ của nguy quyền Sài Gòn và sự tan rã của quân nguy. Trọng điểm của địch là đánh phá miền Đông Nam bộ và Khu V.

Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất, Mỹ - nguy mở chiến dịch “Điều hâu đôi” với quân số tham chiến là 5 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ, 8 tiểu đoàn quân chủ lực nguy, tập trung đánh vào 4 huyện: Đức Phổ, Ba Tư, Mộ Đức và Nghĩa Hành, trong đó trọng tâm là Đức Phổ.

Ngày 28/1/1966, Mỹ - nguy đưa 1 vạn tên, với sự yểm trợ của 100 lượt máy bay lên thẳng, 50 xe bọc thép và trọng pháo, đổ bộ vào Đức Phổ và các huyện Ba Tư, Mộ Đức. Với lợi thế về quân số, hỏa lực và sức cơ động, chúng chiếm lĩnh Rẫy Đá (Phổ Quang), từ đó đưa quân càn quét An Thổ (Phổ An), đốc Bà Trường (Phổ Cường) và một số nơi của huyện Ba Tư, Mộ Đức... Lực lượng đối phó của ta lúc này chỉ có lực lượng vũ trang địa phương và du kích xã, thôn. Sau 22 ngày (từ 28/1 đến 19/2/1966) dũng cảm chiến đấu, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữa tập kích,

phục kích, quấy rối, tiêu hao, tiêu diệt từng tiểu đội, trung đội Mỹ - nguy, quân và dân Đức Phổ đã góp phần đánh bại một trong những cuộc hành quân lớn nhất của địch ở miền Nam vào thời điểm ấy, loại khỏi vòng chiến đấu 1.000 tên địch, trong đó có 780 tên Mỹ, bắn rơi, bắn hỏng 28 máy bay, phá huỷ hàng chục xe quân sự của địch.

Trong thành tích đó quân và dân các xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Thuận lập công xuất sắc nhất. Ngày 28/1/1966, du kích Phổ Quang diệt 12 tên Mỹ khi chúng vừa vừa đổ quân xuống. Du kích Phổ An đánh địch ở An Thạch diệt 9 tên Mỹ, làm bị thương 4 tên, thu 1 máy PRC25, 30 quả lựu đạn. Ngày 31/1/1966, du kích xã Phổ Nhơn, Phổ Phong chặn đánh quân Mỹ ở Nhơn Phước, Vĩnh Xuân diệt 18 tên. Lính Mỹ hốt hoảng bỏ chạy, du kích đuổi theo diệt thêm 3 tên nữa. Ngày 2/2/1966, 11 chiến sỹ đại đội 219 và 20 du kích Phổ An đánh địch 6 giờ liền diệt 106 tên Mỹ, bắn rơi 5 máy bay. Ngày 3/2/1966 lính Mỹ dùng hàng chục máy bay trực thăng đổ 1 tiểu đoàn xuống dốc Bà Trường, phía tây nam xã Phổ Cường hòng chặn đánh quân chủ lực của ta từ Hoài Nhơn (Bình Định) tiến ra. Xã đội trưởng Phổ Cường và 8 du kích mưu trí lợi dụng địa hình, tiến công tiêu diệt 57 tên, buộc lính Mỹ phải bỏ dở cuộc hành quân. Ngày hôm sau 4/2/1966, địch tiếp tục cho 12 máy bay lên thẳng đổ quân xuống đèo Mỹ Trang. Đồng chí thôn đội trưởng và du kích xã Phổ Cường mai phục và dùng lựu đạn ném vào máy bay Mỹ đang đổ quân, máy bay cháy, toàn bộ quân Mỹ trong máy bay bị tiêu diệt. Ngày 5/2/1966, một trung đội của đại đội 219 phục kích ở xã Phổ An diệt 59 tên Mỹ. Ngày 12,13/2/1966 du kích Phổ Minh

chống càn, diệt 64 tên địch, trong đó có 13 tên sập hầm chông. Trong một trận đánh khác, em Việt (Phổ Minh), một mình phụ trách 114 hầm chông, đã mưu trí làm 4 tên Mỹ sập hầm .v.v..

Với những chiến công đặc biệt xuất sắc đó, tỉnh đã tuyên dương quân và dân huyện Đức Phổ danh hiệu “Lá cờ đầu chống Mỹ”. Lực lượng vũ trang huyện vinh dự được giữ lá cờ luân lưu của tỉnh. Xã Phổ Cường được tặng danh hiệu xã “Kiên cường”. 15 xã trong huyện đã được quân khu V công nhận là đơn vị “Anh hùng diệt Mỹ”.

Cùng với những thành tích trong chiến đấu chống quân xâm lược, cuối năm 1966, Huyện uỷ Đức Phổ mở cuộc vận động “4 tốt” (Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xây dựng lập trường tư tưởng tốt, làm tốt công tác vận động quần chúng, tiến hành tốt công tác xây dựng Đảng). Tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập, quán triệt Nghị quyết hội nghị Trung ương 12, bài viết của đồng chí Trường Sơn về kinh nghiệm sau một năm đánh Mỹ và nhất là lời Kêu gọi chống Mỹ cứu nước của Hồ Chủ tịch ngày 17/7/1966...Những đợt sinh hoạt chính trị nói trên đã góp phần xây dựng và củng cố tinh thần quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của quân và dân Đức Phổ, đồng thời khắc phục tư tưởng ngại khó, ngại khổ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Sau một năm trực tiếp chiến đấu với quân Mỹ, đặc biệt là bề gãy cuộc hành quân của địch trong chiến dịch “Điều hâu đôi”, quân và dân Đức Phổ đã có những hiểu biết hơn về khả năng, quy luật hoạt động của quân Mỹ, rút ra được những kinh nghiệm tác chiến chống lại đội quân xâm lược mạnh hơn

hiều lần về quân số và phương tiện chiến tranh. Đó là những cơ sở hết sức quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ tiếp tục giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2/ Góp phần đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1966 – 1967).

Bị thất bại nặng nề về sinh lực, phương tiện chiến tranh trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965-1966), Mỹ - nguy ráo riết chuẩn bị lại lực lượng chuẩn bị mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966-1967). Trong đợt phản công này, Mỹ - nguy thực hiện chiến lược hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” hồng giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Quảng Ngãi là trọng điểm “bình định” của Mỹ - nguy ở khu V. Chúng tập trung ở Quảng Ngãi 12.000 quân tinh nhuệ của Mỹ và Nam Triều Tiên, trong đó chủ yếu ở Bình Sơn và Đức Phổ. Đối tượng mà Mỹ “tìm diệt” bao gồm bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương, du kích và cán bộ. Đối tượng mà Mỹ “bình định” là đánh vào đời sống nhân dân, làm cho nhân dân mất hết phương tiện trụ bám, phải rời bỏ xóm làng tập trung vào các khu đồn, mất hết khả năng che chở, ủng hộ bộ đội và du kích chiến đấu.

Để thực hiện có hiệu quả hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, Mỹ - nguy sử dụng tối đa sức mạnh của không quân, xe cơ giới, pháo binh, tận dụng khả năng cơ động nhanh bằng các chiến thuật “bủa lưới, phóng lao”, thọc sâu, đánh nhanh bằng xe bọc thép, không vận và các chiến thuật biệt kích, tập kích, đi đôi với chiến tranh gián điệp, tâm lý.

Chỉ trong vòng 6 tháng đầu năm 1966, ở Đức Phổ địch đã tiến hành 448 cuộc càn quét, có ngày chúng tiến hành 5 lần càn quét vào một thôn. Tất cả các phương tiện chiến tranh hiện đại được Mỹ - ngụy huy động vào càn quét. Máy bay HU1A, tàu rọ dùng để bắn giết, bắt cóc cán bộ, đảng viên, xúc dân vào khu đồn, máy bay B52, B57 ném bom, xe tăng, máy ủi hạng nặng cày ủi xóm làng, pháo kích từ biển hoặc từ trận địa pháo ở các điểm cao vào những nơi chúng nghi ta đóng quân. Chúng rải chất độc hoá học xuống vùng giải phóng, thậm chí chúng bỏ cả vào giếng nước như ở Phổ An.

Từ tháng 12/1966 đến tháng 4/1967, quân Mỹ liên tiếp mở các cuộc hành quân Liên kết 78, Đắc - hao 6, Liên kết 82, Ma lơ. Chúng đưa vào chiến trường Đức Phổ đủ các binh chủng như bộ binh nhẹ, lính dù, thuỷ quân lục chiến, kỵ binh không vận. Chúng xây dựng căn cứ quân sự Gò Hội gồm sân bay và khu hậu cần phục vụ cho căn cứ; xây dựng khu hậu cần cơ chiến đoàn ở Núi Cửa (Phổ Vinh), căn cứ núi Chớp Vung (Phổ Thuận), các căn cứ ở Sa Huỳnh, Núi Dâu, mở các con đường nối liền căn cứ với quốc lộ số 1, đường từ Vinh Hiến đi căn cứ núi Chớp Vung (gọi là đường mới), từ quận lỵ đi căn cứ hậu cần ở Phổ Vinh, sửa chữa những đoạn quốc lộ 1 bị hư hỏng nặng.

Sức mạnh của quân Mỹ đã tăng lên nhiều lần, nhưng quân và dân Đức Phổ đã sẵn sàng chờ giặc đến để tiêu diệt. Liên tiếp từ tháng 1 đến tháng 3/1967, lực lượng vũ trang huyện và du kích đã tiến công tiêu diệt địch ở nhiều nơi trong huyện như Phổ Minh, Phổ An, Phổ Thạnh, Phổ Phong, Phổ Quang, diệt 4.000 tên địch, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh

hiện đại. Trong đó nổi bật là các trận đánh của lực lượng vũ trang huyện và du kích Phổ Minh diệt một đại đội Mỹ ở đồi Sa Bình; du kích Phổ Ninh tiêu diệt 360 tên Mỹ, thu 12 súng; đêm 18/3/1967 bộ đội đặc công tập kích tiêu diệt đại đội bảo an số 425 tại Đá Heo; tiểu đoàn 83 tiêu diệt 6 xe tăng địch đang càn quét tại Phổ An. Đặc biệt là cơ sở của ta đã đột nhập vào khu hậu cần Phổ Vinh, đốt cháy hàng trăm tấn xăng dầu, hàng trăm nhà bạt chứa bom đạn, phá huỷ hai tàu địch, hàng trăm tên địch trong khu hậu cần và trên tàu bị chết. Tiếng bom nổ kéo dài tới 2 ngày đêm làm rung động nhà cửa tận thị trấn.

Đồng thời với đấu tranh vũ trang, quần chúng nhân dân trong huyện cũng tích cực phối hợp với lực lượng vũ trang, du kích đánh địch. Bà con nông dân đi làm đồng theo dõi tình hình địch, tìm chỗ ở, làm hầm tránh pháo, hầm bí mật cho lực lượng vũ trang và du kích trú quân. Chị em phụ nữ, các em thiếu nhi cũng lập công xuất sắc, giúp chiến sĩ, du kích đánh giặc. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng nổ ra đòi quân Mỹ không được đốt phá nhà cửa, giết hại nhân dân. Nổi bật nhất là cuộc đấu tranh của 23.000 đồng bào kéo vào quận lỵ tố cáo bọn chư hầu Nam Triều Tiên giết hại 400 dân thường ở Bình Hoà (Bình Sơn).

Mặc dù, Mỹ - nguy không đạt được mục tiêu “bình định” và “tìm diệt” như chúng mong muốn, nhưng các cuộc càn quét, bắn phá liên miên của chúng đã gây nhiều thiệt hại cho đời sống và sản xuất của nhân dân. Nhiều làng xóm bị xe tăng, máy bay và các cuộc càn quét của địch san thành bình địa, ruộng đồng bị bom đạn cày xới khiến cho nhiều người

phải bỏ quê hương, tản cư đến những vùng ít ác liệt. Đến giữa năm 1967, 45.000 đồng bào trong huyện đã phải rời vùng giải phóng để đến nơi khác hoặc phải vào các khu dồn do địch lập ra.

Chiến tranh lan tràn khắp mọi nơi, chị em phụ nữ trở thành người gánh vác mọi công việc: đóng góp lương thực, đi dân công, du kích, thay nam giới chăm lo việc gia đình. Để tiếp tục giữ vững và phát huy phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong huyện, đồng viên mọi người đoàn kết, đấu tranh chống quân xâm lược Mỹ và tay sai, Huyện uỷ xác định nhiệm vụ trọng tâm trong những năm trước mắt là đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, trong đó đặt lên hàng đầu là công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trên cơ sở đó, tiến hành đồng bộ 3 mặt công tác: công tác Đảng, công tác quần chúng, công tác quân sự, triệt để thực hiện phương châm “3 bám” (cán bộ bám dân, dân bám đất, du kích bám địch).

Đảng bộ lấy cuộc vận động “4 tốt” trong Đảng làm nhiệm vụ trọng tâm. Thực hiện tốt nhiệm vụ người đảng viên là phải bám dân làm công tác vận động nhân dân, cùng nhân dân bám làng, bám địch. Đảng viên rèn luyện tư tưởng tốt là kiên địch lập trường kháng chiến, nhất trí với đường lối của Đảng, nắm vững phương châm phương pháp đấu tranh, không hữu khuynh, dao động...Đảng bộ thường xuyên tiến hành các đợt học tập, chỉnh huấn các chủ trương của Trung ương, Khu uỷ, Tỉnh uỷ; tổng kết, phổ biến kinh nghiệm đánh địch, biểu dương những cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu; nâng cao năng lực công tác, kỹ-chiến thuật quân sự, phát động căm thù, phát động phong trào hành động cách mạng.

Được cán bộ, đảng viên đi sâu sát, vận động, nhân dân khắp nơi trong huyện đã vượt qua nhiều gian khổ, hy sinh vùng lên chống quân xâm lược Mỹ. Nhân dân các xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Thuận, Phổ Hiệp nắm tay nhau, giằng co không cho địch bắt về các khu đồn. Nhân dân trong các khu đồn đấu tranh đòi địch cho ra ngoài để làm ăn. Du kích và cán bộ xây dựng công sự ven núi hoặc nằm hầm bí mật trong vùng tranh chấp, trụ bám hoạt động. Nhờ tiến hành đồng bộ các biện pháp giành dân, bám đất, sau một thời gian bị địch đánh phá ác liệt, nhân dân đã trở về quê hương sinh sống, tiếp tục đấu tranh. Đến cuối năm 1967, riêng ở phía bắc huyện đã có 15.000 dân trở về vùng giải phóng.

Cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ hai của Mỹ - nguy bị thất bại thảm hại, buộc chúng phải chấm dứt vào giữa tháng 5/1967. Từ thế phản công, địch chuyển sang thế phòng ngự.

3/ Tiến công và nổi dậy, góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Bị thất bại trong 2 cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, Mỹ - nguy gặp nhiều khó khăn không chỉ trên các chiến trường mà ngay ở trong lòng nước Mỹ. Vì vậy, Bộ Chính trị chủ trương động viên sự nỗ lực cao nhất của quân và dân hai miền Nam Bắc, chuyển cách mạng miền Nam sang giai đoạn mới - giai đoạn giành thắng lợi quyết định.

Thực hiện được quyết tâm chiến lược đó, toàn quân, toàn dân ta mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt khắp nông thôn và đô thị, đưa cuộc chiến tranh vào tận sào huyệt

của địch, tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận nguy quân, đánh đổ nguy quyền, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam nước ta.

Quán triệt chủ trương của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi ra Nghị quyết nêu rõ: Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ của cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên các chiến trường bằng 3 mũi giáp công, phối hợp toàn khu, toàn miền khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, du kích xã, thôn, du kích mật và hợp pháp, các đội quyết tử cả về số lượng và chất lượng, đáo ứng kịp thời cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt vào Tết Mậu Thân, năm 1968.

Công tác chuẩn bị cho tổng tiến công và nổi dậy được tiến hành một cách khẩn trương⁽¹⁾. Huyện uỷ tổ chức chỉ huy huấn cho cán bộ, đảng viên và chiến sỹ lực lượng vũ trang và tổ chức cho nhân dân học tập tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị, tạo sự thống nhất trong Đảng và trong nhân dân.

Cùng với chỉ huy huấn, Huyện uỷ tập trung củng cố lực lượng vũ trang theo hướng tinh gọn, có chất lượng chiến đấu cao, có khả năng tiêu diệt địch nhanh chóng. Đồng thời, huyện cũng sắp xếp lại lực lượng chính trị thành 2 thê đội. Thê đội chiếm lĩnh (còn gọi là thê đội 1) và thê đội tiến công (còn gọi là thê đội 2). Thê đội chiếm lĩnh có nhiệm vụ giành chính quyền ở thị xã, thị trấn, sau khi lực lượng vũ trang đã đập tan lực lượng

⁽¹⁾ Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ được truyền đạt đến lãnh đạo huyện tháng 12/1967. Kế hoạch tiến công và nổi dậy được phổ biến trước 1 tuần lễ. giờ hành động được phổ biến trước 1 ngày.

địch. Thế đội tiến công có nhiệm vụ cùng du kích thôn, xã giành chính quyền ở cơ sở. Toàn bộ lực lượng chính trị của huyện là 11.000 người, được tổ chức thành các tiểu đội đến tiểu đoàn. Trong từng đơn vị có lực lượng trung kiên làm nòng cốt. Đây là những người tự nguyện, được tuyển chọn, được tập dượt và rèn luyện trong các cuộc đấu tranh chính trị. Các lực lượng hoạt động trong thị trấn và trong hàng ngũ địch được rà soát lại. Tổ chức bộ máy chỉ đạo huyện tạm thời cũng được quy định lại. Hai cơ quan chỉ đạo cao nhất là cơ quan chỉ đạo tiền phương và cơ quan tổng động viên. Cơ quan chỉ đạo tiền phương do đồng chí bí thư Huyện uỷ đứng đầu.

Để kiểm tra sự chuẩn bị của lực lượng chính trị, ngày 27/12/1967, 3.000 đồng bào các xã ven thị trấn Đức Phổ tổ chức một cuộc tập dượt quy mô lớn. Ngày 10/1/1968, huyện lại tổ chức tiếp một cuộc đấu tranh với hơn 5.000 người trong các ô, ấp, khu dồn đòi trở về làng cũ. Nhìn chung công tác chuẩn bị tổng tiến công và nổi dậy đã được tiến hành rất khẩn trương, chu đáo. Lương thực, thực phẩm, vũ khí đều đã sẵn sàng.

Đúng 2 giờ 30 phút ngày 31/1/1968⁽¹⁾, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt nổ ra ở tất cả các nơi trong tỉnh. Ở thị xã Quảng Ngãi, các cơ quan đầu não của địch bị tấn công như: bộ tư lệnh sư đoàn 2 nguy, toà hành chính tỉnh, sân bay... Ba vạn quần chúng từ các huyện ồ ạt kéo về thị xã, phối hợp với

⁽¹⁾ Trong năm này, theo âm lịch Tết Nguyên đán ở hai miền có sự khác nhau. Ở miền Bắc, ngày mồng 1 Tết là ngày 30/1/1968, ở miền Nam chậm hơn 1 ngày, tức là ngày 31/1/1968. Vì lẽ đó và cũng vì thông tin liên lạc, điều kiện chuẩn bị nên giờ bắt đầu tổng tiến công ấn định cho toàn miền Nam là "Giao thừa năm Mậu Thân" được hiểu và thực hiện khác nhau ở các địa phương.

quần chúng nội thị nổi dậy phá nhà lao, khu đồn, diệt ác ôn. Mỹ - nguy bị đánh từ nhiều nơi, tổn thất rất nặng. Tuy nhiên, cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta không giành được thắng lợi dứt điểm như mục tiêu đề ra.

Ở Đức Phổ, đêm 30/1/1968 ở Phổ Cường hàng nghìn quần chúng trang bị bằng vũ khí thô sơ, với các đơn vị đấu tranh chính trị thuộc thê đội 1 làm nòng cốt kéo đến ấp Mỹ Trang, chuẩn bị giành chính quyền. Tại thời điểm này, trong huyện chưa có tiến công quân sự, địch xả súng bắn chết 5 người, bị thương 8 người. Ở Phổ Châu, lực lượng chính trị và quần chúng rầm rộ xuống đường tuần hành, kéo qua đồn bót Mỹ. Trong quần chúng có người cải trang thành ni cô, một số người ăn mặc theo kiểu cao bồi. Linh Mỹ không đàn áp. Sáng 31/1 (tức mùng một Tết Mậu Thân, theo lịch miền Nam), tại bắc Phổ Thạnh, du kích giả làm người đi chúc tết, đến ngang đồn Đá Heo bất ngờ tiến công đồn. Cùng lúc 1.500 quần chúng kéo vào ấp Thạch Bi (Sa Huỳnh) kết hợp với quần chúng bên trong nổi dậy lùng bắt ác ôn. Địch từ Đá Heo bắn vào ấp, sau đó kéo vào ấp, vây bắt những người tham gia cuộc nổi dậy tra hỏi để truy cán bộ. Quần chúng đấu tranh trực diện với địch, phân hoá địch, giành lại những người bị bắt. Cơ sở bên trong dùng xe máy đưa cán bộ hoạt động bất hợp pháp ra ngoài. Để hỗ trợ đồng bào trong ấp, quần chúng bên ngoài đấu tranh chính trị, ngăn cản được 2 trung đội địch trên đường kéo về ấp đàn áp nhân dân.

Cũng trong sáng 31/1/1968, lực lượng vũ trang và du kích tiến công địch ở sân bay Gò Hội, phá huỷ 8 máy bay, 13 xe cơ giới của địch. Căn cứ Mồ Côi (Phổ Minh) cũng bị lực lượng vũ

trang tấn công, phá huỷ 8 khẩu pháo. Ở thị trấn, lực lượng vũ trang tiến công tiêu diệt một số ác ôn, lực lượng chính trị lọt vào cơ sở bên trong phát động quần chúng nổi dậy phá khu đồn. Trước đó, ngày 29/1/1968. đồng bào 5 xã Phổ Văn, Phổ An, Phổ Quang, Phổ Thuận, Phổ Phong gồm 4.000 người đợi sẵn từ hôm trước, khi du kích đánh chốt đầu cầu Trà Câu, liền tiến thẳng vào chiếm lĩnh đồn Trà Câu. Tuy nhiên, cuộc đánh chốt đầu cầu không hiệu quả, trong khi mục tiêu chính là đồn Trà Câu không có tiến công quân sự. Địch trong đồn xả súng bắn vào quần chúng, người trước ngã, người sau tiến lên, đội quân chính trị không lùi bước. Trong đợt cuộc đấu tranh này ta hy sinh 30 người, bị thương hàng trăm người, bị giam cầm, tra tấn 500 người khác.

Theo kế hoạch, cuộc khởi nghĩa ở thôn, xã được tiến hành trong điều kiện cuộc tiến công và nổi dậy ở thị xã, thị trấn giành thắng lợi. Nhưng điều kiện đó đã không thực hiện được. Nguyên nhân là sự phối hợp tiến công giữa lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị chưa chặt chẽ, lực lượng vũ trang chưa đủ sức tiến công đè bẹp lực lượng địch ở các trọng điểm, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Do đó, du kích không đánh được các chốt điểm mà chỉ cùng quần chúng phá ấp và trụ sở của nguy quyền và diệt ác ôn. Khởi nghĩa chỉ giành được thắng lợi ở một số thôn xã.

Trong ngày đầu của cuộc nổi dậy, bọn địch rất hoang mang, chúng co thủ, đề phòng, máy bay địch cũng ít hoạt động. Quần chúng trong các khu đồn nổi dậy trở về làng cũ mà không bị địch ngăn cản.

Ngày 31/1/1968, theo kế hoạch của tỉnh, lực lượng chính trị của huyện gồm hàng nghìn người ở các xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Thuận và nhân dân các xã phía đông Mộ Đức trưng băng, cờ, khẩu hiệu theo ven biển tiến về thị xã. Nhưng đến Nghĩa Dũng được tin cuộc tiến công quân sự của ta vào thị xã không đạt được mục đích đề ra, đồng bào phải phân tán lực lượng, trở về an toàn.

Ngày 7/2/1968, 2.600 quân chúng nổi dậy kéo vào quận lỵ đấu tranh, bị địch xả súng bắn phải chịu thương vong lớn. Ngày 11/2/1968, một cuộc biểu tình của 2.750 người kéo vào quận lỵ đòi thả những người bị địch bắt. Ngày 25/2/1968, lại có cuộc nhập thị nữa của 1.350 người.

Trong cuộc tiến công thứ 3 của toàn tỉnh, lực lượng vũ trang tiến công địch ở 5 mục tiêu thuộc căn cứ Gò Hội và căn cứ chợ Chiêu (Phổ Khánh). Ở Gò Hội, lực lượng vũ trang tiến công phá huỷ 2 trạm phát điện, 2 kho xăng dầu, làm nổ 2 kho bom đạn, đốt cháy hàng triệu đô la của Mỹ. Đặc biệt, 7 chiến sỹ đơn vị 120 của huyện tiến công vào câu lạc bộ Mỹ, tiêu diệt 120 tên địch.

Tuy không đạt được mục đích đề ra, nhưng cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, năm 1968 ở Đức Phổ nói riêng, toàn miền Nam nói chung đã làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của Mỹ - ngụy, buộc chúng phải từ bỏ chiến lược “tìm diệt” và “bình định”, thay vào đó là chiến lược “quét và giữ”. Nó chứng tỏ khả năng chỉ đạo chiến lược, chỉ đạo chiến tranh sắc bén của Đảng. Tuy vậy, trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy, ta cũng có những thiếu sót là đã đề ra mục tiêu quá cao so với

điều kiện thực tế, trong khi đó việc vạch kế hoạch và làm công tác tư tưởng lại đơn giản, chỉ tính đến khả năng đạt thắng lợi như mong muốn, nên kết quả chung bị hạn chế. Một số nơi lực lượng cách mạng bị tổn thất đáng kể có thể tránh được.

Sau đợt tổng tiến công mùa xuân năm 1968, Tỉnh uỷ triệu tập hội nghị mở rộng, tổng kết giai đoạn đầu của cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Căn cứ vào tổng kết của Tỉnh uỷ và tình hình thực tiễn phong trào cách mạng ở Đức Phổ, Huyện uỷ tổ chức chỉnh huấn cho toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng. Huyện uỷ cũng tổ chức các hội nghị chuyên đề về đấu tranh chính trị. Các cuộc sinh hoạt này góp phần giải quyết những thắc mắc và tâm lý hoài nghi xuất hiện trong quá trình tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.

Vào thời điểm đó, trong một cuộc càn quét, giải toả vùng ven thị xã Quảng Ngãi, ngày 16/3/1968, lính Mỹ gây ra vụ thảm sát man rợ, giết chết cùng một lúc 504 đồng bào ở Sơn Mỹ (Sơn Tịnh). Biến cố này thành hành động, cùng với quân và dân trong tỉnh, quân và dân Đức Phổ mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt 2 và 3 (tức chiến dịch Hè - Thu năm 1968).

Yêu cầu của đợt tiến công này là: tiếp tục tiến công vào thị xã, thị trấn, quận lỵ, tiêu diệt một số mục tiêu quan trọng thuộc các cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy, tiêu diệt bọn ác ôn, cảnh sát, binh lính, gián điệp, chiếm lĩnh chốt lại một số nơi, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy phá ách kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ, giải phóng toàn bộ vùng ven thị xã, thị trấn, phá toàn bộ khu đồn, khu tập trung, đánh phá một số cầu lớn, trong đó có cầu Trà Câu.

Mở đầu chiến dịch, trong nửa đầu tháng 4/1968, lực lượng vũ trang, du kích và nhân dân các xã trong huyện đồng loạt tiến công địch. Kết quả, trong đợt tiến công này, lực lượng vũ trang đã tiêu diệt 75 tên địch, phá huỷ hàng chục xe cơ giới. Ngày 12/4/1968, khoảng 1.200 đồng bào kéo vào quận lỵ, chợ Cung, Thạch Bi đưa đơn đòi chấm dứt càn quét, cướp bóc.

Nhìn chung qua 3 đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, quân và dân Đức Phổ đã giành được nhiều thắng lợi to lớn và toàn diện, loại khỏi vòng chiến đấu 3.500 tên địch, trong đó có 1.700 tên Mỹ. Nhiều thôn, xã ta đã phá rã, phá lỏng ách kìm kẹp của địch.

Sau 3 đợt tổng tiến công và nổi dậy, Mỹ - nguy tuy bị tổn thất nặng nề, nhưng bộ máy nguy quyền chưa bị tan rã và đảo lộn lớn. Chính quyền nguy ở huyện về cơ bản vẫn còn. Đó là điều kiện để chúng củng cố và tăng cường lực lượng, liên tiếp phản kích, đánh phá phong trào cách mạng của nhân dân huyện nhà. Về phía ta, tuy giành được ưu thế trên chiến trường, nhưng do phải tập trung lực lượng đánh vào thị xã, thị trấn, nên địch lợi dụng cơ hội đó đẩy mạnh “bình định cấp tốc” vùng nông thôn. Ở các xã ven biển, chúng dùng tàu chiến vây bắt ngư dân đánh cá, đốt nhà và phương tiện hành nghề. Trước tình hình đó, Huyện uỷ phát động nhân dân nổi dậy đấu tranh đòi Mỹ - nguy chấm dứt càn quét, cướp bóc. Đặc biệt, trong tháng 10/1968, nhân dân Thạch Bi kéo đến đồn Mỹ đòi bồi thường ghe mành bị chúng đốt phá, đòi chấm dứt việc phong toả mặt biển và kéo đến hội đồng xã đấu tranh chống bọn nguy quyền không cho ngư dân làm ăn, đòi cách chức ấp trưởng Thạch Bi. Cuộc đấu tranh thắng lợi, các chủ

202

tàu lớn hứa bán đồ nghề, áp trường Thạch Bi bị cách chức. Nhân dân các xã Phổ Hiệp, Phổ Khánh cũng nổi dậy đấu tranh chống địch đốt phá, cướp bóc, đòi tự do làm ăn. Địch phải nhượng bộ.

Sau 3 năm liên tục tiến công địch, đến cuối năm 1968, 40.000 dân trong huyện được giải phóng và giành quyền làm chủ (bằng một nửa dân số lúc bấy giờ của huyện Đức Phổ), 12.000 người ở trong vùng tranh chấp, 17.600 người còn bị địch kìm kẹp ở những mức độ khác nhau. Tuy bị tổn thất lớn, nhưng lực lượng vũ trang huyện vẫn duy trì ở số lượng 153 cán bộ, chiến sỹ. Lực lượng du kích, tuy giảm về số lượng, nhưng chất lượng chiến đấu được nâng cao. Đến tháng 11/1968, du kích xã trong toàn huyện có 400 người, du kích thôn có 820 người.

Chính quyền cách mạng được củng cố. Từ các Ủy ban nhân dân tự quản trong thời kỳ chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đến cuối năm 1968, 10 xã trong huyện đã bầu cử Hội đồng Nhân dân giải phóng bằng phiếu và thành lập Ủy ban Nhân dân giải phóng. Trong các cuộc bầu cử, 98% cử tri đã đi bỏ phiếu. Các xã như Phổ Hòa, Phổ Minh, Phổ Ninh, Phổ Nhơn, Phổ Thạnh đã có Ủy ban Nhân dân giải phóng lâm thời. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giải phóng huyện cũng được thành lập thông qua bầu cử. Đồng chí Lê Thuyên, phó bí thư Huyện ủy được bầu làm chủ tịch Ủy ban nhân dân giải phóng huyện.

Đến cuối năm 1968, toàn huyện có 4.500 hội viên nông hội, 5.500 hội viên phụ nữ. So với năm 1967, tổng số hội viên nông hội và hội phụ nữ có cao hơn, nhưng chỉ bằng ½ năm

1966. Số hội viên Hội liên hiệp thanh niên giải phóng năm 1966 là 6.000 hội viên, nhưng cuối năm 1968 chỉ còn 1.000 hội viên. Tuy số người trong tổ chức giảm, nhưng quần chúng rất hăng hái tham gia công tác và đóng góp cho kháng chiến.

Tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất, năm 1967 chính quyền cách mạng trong huyện đã tạm cấp thêm 75 mẫu ruộng vắng chủ cho nông dân nghèo, năm 1968 cấp 156 mẫu công điền, 193 mẫu công bản và 393 mẫu ruộng vắng chủ. Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể đã tích cực lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch để giữ vững sản xuất, bảo vệ hoa màu, khôi phục các hình thức hợp tác được xây dựng từ năm 1962.

Công tác động viên nhân tài, vật lực đạt được nhiều kết quả, đáp ứng nhu cầu kháng chiến trong huyện và góp phần phục vụ yêu cầu của tỉnh và khu. Huyện đã động viên cho quỹ đảm phụ kháng chiến năm 1966 là 990 tấn lúa và 783.000 đồng, năm 1967 là 462 tấn lúa và 1.900.000 đồng, năm 1968 là 440 tấn gạo, 6.744.000 đồng và 110 chỉ vàng. Riêng đồng bào trong vùng địch kiểm soát đã làm nghĩa vụ kháng chiến được 1,2 triệu đồng. Ban kinh tài của huyện tổ chức thu mua trong vùng giải phóng và vùng địch kiểm soát được 277 tấn gạo.

Mặc dù điều kiện chiến tranh ác liệt, các hoạt động văn hoá giáo dục, y tế, xã hội vẫn được duy trì. Năm 1967, phần lớn số trường học trong huyện bị địch đốt phá. Sang năm 1968, nhiều trường học được phục hồi. Trong vùng giải phóng của huyện duy trì thường xuyên 100 lớp học, với 3.000 học sinh.

* * *

Bốn năm chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, quân và dân Đức Phổ đã lần lượt đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967 và đỉnh cao là cùng với quân và dân trong tỉnh tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968, góp phần cùng quân và dân cả nước đánh bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Thắng lợi đó có ý nghĩa rất to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Bởi vì, mục tiêu của đế quốc Mỹ trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” là tiêu diệt chủ lực quân giải phóng, bình định miền Nam. Do đó, chúng đã tập trung thực hiện mục tiêu đó bằng một bộ máy chiến tranh khổng lồ, với hàng chục vạn quân Mỹ và chư hầu, được trang bị vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại chưa từng có trong lịch sử chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Nhưng, đế quốc Mỹ đã thất bại. Mặc dù vậy, với bản chất của một tên đế quốc hung hãn, đế quốc Mỹ vẫn không chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta nói chung, nhân dân Đức Phổ nói riêng bước vào một thời kỳ mới vô cùng gian khổ khó khăn, nhưng nhất định thắng lợi.

**GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC
“VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH”
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969-1972)**

1/ Đánh bại kế hoạch “bình định cấp tốc” của Mỹ-ngụy.

Sau thất bại của chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ II. Trước sức ép của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới phản đối chiến tranh Việt Nam, đế quốc Mỹ buộc phải đề ra chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Thực chất chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” là Mỹ tiếp tục sử dụng quân đội Mỹ làm chỗ dựa cho học thuyết “dùng người Việt đánh người Việt” bằng tiền bạc, vũ khí Mỹ. Mục tiêu của chiến lược này là từng bước rút dần quân viễn chinh Mỹ về nước, đồng thời nâng dần khả năng chiến đấu của quân ngụy, vừa xuống thang chiến tranh, vừa phản công quyết liệt để chống lại phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” là một chiến lược hết sức thâm độc. Nhưng như Nghị quyết của Bộ Chính trị, tháng 4/1969 nhận định: chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ra đời trong thế thua, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, nhưng lại muốn xuống thang trên thế mạnh; phải rút quân Mỹ ra mà lại muốn quân ngụy mạnh lên; muốn giảm thương vong và chi phí cho chiến tranh, nhưng lại buộc phải rút quân nhỏ giọt, kéo dài và mở rộng chiến tranh; muốn xoa

địa sự chống đối ở trong nước và dư luận thế giới, nhưng không che giấu được sự tàn bạo của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Đó là mâu thuẫn cơ bản và là chỗ yếu trong chiến lược chiến tranh mới của đế quốc Mỹ.

Thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, ở Quảng Ngãi, Mỹ - nguy liên tiếp mở các cuộc hành quân “bình định nông thôn”, lấn chiếm vùng giải phóng. Chúng coi “bình định” là biện pháp quyết định sự thành bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Đi đôi với “bình định nông thôn”, Mỹ - nguy củng cố lại hệ thống nguy quyền ở các thị xã, thị trấn. Chúng chia lại các khu phố, ấp, khóm để dễ quản lý, mỗi liên gia gồm 5 gia đình, chúng gọi là “ngũ gia liên bảo” để dễ kiểm soát lẫn nhau.

Trong bối cảnh đó, tháng 1/1969, Đảng bộ huyện Đức Phổ tổ chức Đại hội lần thứ II (trong kháng chiến chống Mỹ). Đại hội kiểm điểm tình hình phong trào cách mạng của nhân dân Đức Phổ từ khi bắt đầu tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhất là trong thời kỳ 1965 - 1968, rút ra bài học kinh nghiệm để tiếp tục đưa phong trào cách mạng của nhân dân huyện nhà phát triển trong giai đoạn mới.

Đại hội biểu dương những thành tích đã đạt được của Đảng bộ và nhân dân huyện nhà trong 7 năm, góp phần cùng cả nước đánh bại 2 chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trong 7 năm đương đầu với một tên đế quốc hùng mạnh nhất thế giới, lực lượng vũ trang và nhân dân Đức Phổ đã đánh gần 3.500 trận, loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục tên địch, bắn rơi và phá huỷ 278 máy bay địch, phá huỷ 335 xe quân sự, thu 600 súng các loại. Lực lượng chính trị đã tiến hành hơn 8.000

cuộc đấu tranh với quy mô khác nhau, thu hút gần nửa triệu lượt người tham gia. Lực lượng binh vận đã làm tan rã và gọi hàng 4.500 binh sỹ địch.

Từ năm 1959 đến năm 1968, nhân dân Đức Phổ đã có 2.660 lượt người tham gia thanh niên xung phong phục vụ ở các chiến trường, mỗi đợt 4 tháng trở lên; 920 lượt người đi dân công hỏa tuyến với tổng số 21 vạn ngày công, ngoài ra nhân dân còn tham gia đi dân công phục vụ chiến đấu ở các vùng trong huyện. Tất cả các xã trong huyện đều lập công xuất sắc. Các giới đồng bào đều hăng hái tham gia kháng chiến, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Tuổi trẻ huyện nhà xứng đáng là lực lượng đi đầu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đa số đoàn viên thanh niên trực tiếp cầm súng chiến đấu. Hàng nghìn thiếu niên trong huyện tham gia thiếu niên quân.

Với những thành tích đã đạt được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, tháng 3/1968 tuyên dương vì đã lập công xuất sắc góp phần làm thất bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất của Mỹ - ngụy (1965 - 1966); giữ vững liên tục phong trào đấu tranh chính trị trong 3 năm chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ - ngụy và thành tích đặc biệt xuất sắc của thiếu niên trong huyện.

Đại hội cũng đánh giá cao thành tích xuất sắc của Đảng bộ huyện trong công tác xây dựng Đảng. Trong nhiệm kỳ gần 4 năm (1965 - 1968), Đảng bộ đã kết nạp được 1.385 đảng viên. Tổng số đảng viên trong Đảng bộ vào thời điểm tổ chức Đại

208



Đồng chí
ĐINH TRỌNG TÂN
Bí thư Huyện ủy 1969 - 1973

hội là 1.040 đồng chí, tăng 375 đồng chí so với đại hội trước. Trong nhiệm kỳ 1965 - 1968, toàn Đảng bộ có 430 cán bộ, đảng viên hy sinh, hơn 500 đồng chí được điều động nhận nhiệm vụ mới ở ngoài huyện. Cũng trong nhiệm kỳ, do nhu cầu công tác, nên đã có 4 lần thay đổi bí thư Huyện uỷ, đó là các đồng chí Phan Minh Nga, Mai Xuân Ba, Đoàn Nhật Nam và Nguyễn Thế Tấu. Trong công tác xây dựng Đảng, đại hội đặc biệt nhấn mạnh thành tích của Đảng bộ về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng lòng tin tuyệt đối vào đường lối, chủ trương của Đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân; nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên. Đồng thời đi liền với công tác tư tưởng, Đảng bộ hết sức coi trọng giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, bảo đảm sự đoàn kết, nhất trí cao trong các tổ chức Đảng và các ngành quân - dân - chính. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhân tố quyết định sự thắng lợi của phong trào cách mạng của nhân dân Đức Phổ trong những năm chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 23 uỷ viên chính thức. Đồng chí Đinh Trọng Tân được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Thành công của đại hội đã tạo ra những thuận lợi cơ bản để Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ bước vào cuộc đấu tranh mới, góp phần cùng với cả nước đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

Thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, đầu năm 1969, đế quốc Mỹ tiến hành kế hoạch “bình định cấp

tốc” ở Đức Phổ, với mục tiêu “bình định” thêm 17 ấp mới, ngoài những ấp do chúng đang kiểm soát. Để thực hiện mục tiêu đó, Mỹ - ngụy tập trung một lực lượng lớn gồm 5 tiểu đoàn, khoảng 3.500 tên Mỹ. Kể cả lực lượng quân ngụy, thì lực lượng địch tương đương 1 sư đoàn và 200 máy bay, xe tăng, pháo hạng nặng. Về chiến thuật, Mỹ sử dụng thủ đoạn “tam giác chiến” (chiến tranh du kích, chiến tranh tâm lý - gián điệp, chiến tranh kinh tế). Chúng dùng đủ các loại quân, thám báo, biệt kích, cảnh sát, lập các đoàn “bình định” do Mỹ chỉ huy để càn quét, gom dân vào ấp chiến lược.

Với lực lượng quân sự đông gấp 10 lần lực lượng vũ trang huyện Đức Phổ lúc đó, Mỹ - ngụy điên cuồng đánh phá khắp nơi trong huyện. Chúng kết hợp các thủ đoạn càn quét, đánh phá huỷ diệt môi trường sống, đổ quân bất ngờ, phục kích khắp nơi để truy quét lực lượng kháng chiến.

Bọn “cóc lết” tăng cường càn đi, quét lại. Bọn ác ôn là người địa phương đi theo chúng để nhận mặt cán bộ, đảng viên, bắt tra tấn và giết ngay tại chỗ, hòng làm cho nhân dân khiếp sợ phải bỏ làng vào khu đồn. Chúng đốt nhà, đặt mìn đánh sập hầm, lấp giếng nước, phá hoại hoa màu, đốt cháy hàng trăm mẫu mía, nhổ hàng trăm mẫu lúa đang lên xanh tốt. Độc ác hơn, chúng đợi nhân dân đi gặt lúa để cướp lúa ngay trên đồng. Trong nhiều trận càn, lính Mỹ thẳng tay cướp bóc của cải, hãm hiếp phụ nữ, bắt tất cả mọi người đẩy lên xe, máy bay lên thẳng đổ xuống các khu đồn. Trong quý III/1969, ở thôn Hiệp An (Phổ Phong), địch đốt 80 ngôi nhà chỉ trong một trận càn. Nhiều thôn ở xã Phổ Cường, Phổ Thạnh có tới 80% nhà cửa của nhân dân bị địch đốt phá. Ở

Phổ Thuận, chúng đặt mìn phá đập Liên Chiêu. Ở các xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Thuận, địch dùng hàng chục xe tăng, xe ủi cày xới, biến các xã này thành vành đai trắng. Dọc quốc số I, trong phạm vi từ 200 đến 500 mét, chúng dùng xe phun lửa đốt sạch cả các bụi cây nhỏ. Ở các xã ven biển, chúng nã pháo từ tàu chiến neo đậu ngoài biển, dùng máy bay B52, B57 ném bom. Có đêm xã Phổ An phải hứng chịu 5 trận đánh phá bằng máy bay của địch. Thôn Phần Thất (Phổ Quang) có ngày bị máy bay đánh phá 8 lần. Đầu năm 1969, máy bay Mỹ ném bom xã Phổ Hiệp làm cháy gần 100 ngôi nhà, làm chết và bị thương 15 người. Tháng 1/1970, Mỹ thả xuống xã Phổ Vinh 50 thùng thuốc độc. Tính chung, toàn huyện có 47 thôn trong tổng số 92 thôn bị bom đạn Mỹ tàn phá mang tính chất huỷ diệt.

Mặc dù Mỹ - nguy dùng các phương tiện chiến tranh hiện đại để huỷ diệt môi trường sống, nhưng chúng vẫn không huỷ diệt được quyết tâm bám trụ của nhân dân Đức Phổ. Vì vậy, trong những vùng trắng, bọn “Mỹ lết” vẫn ngày đêm mai phục, tàn sát cán bộ, du kích về bắt liên lạc với nhân dân hoặc bắt những người trở về làng cũ.

Đối với những vùng do địch kiểm soát, chúng tăng cường sử dụng những thủ đoạn kinh tế và gián điệp nhằm khuất phục nhân dân. Một mặt, chúng bày trò “cải cách nông thôn”, “cải cách điền địa”, cho dân vay tiền mua máy móc, mua heo con, dùng vải, gạo, bột mì... mua chuộc quần chúng. Mặt khác tổ chức phân loại, “thanh lọc” nhân dân để phát hiện cơ sở cốt cán, gia đình có liên quan với cách mạng.

Sự đánh phá tàn bạo của Mỹ- nguy đã gây nhiều tổn thất cho phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện

Đức Phổ. Tư tưởng hoang mang, dao động, ngại hy sinh, gian khổ xuất hiện trong một số cán bộ, đảng viên. Trong thời điểm đó, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Đức Phổ đã tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, động viên cán bộ, đảng viên chịu đựng khó khăn, gian khổ, bám dân, bám cơ sở, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Về công tác tổ chức, Đảng bộ chú trọng xây dựng lực lượng trong vùng địch kiểm soát, đặc biệt là xây dựng “chi bộ 2”, gồm những đảng viên hoạt động trong quần chúng xã, thôn mình bị địch xức tát vào khu đồn.

Với việc giải quyết kịp thời về mặt tư tưởng và tổ chức, quân và dân Đức Phổ biến cảm thù thành hành động cách mạng, đã vùng lên, thi đua giết giặc lập công. Đêm 25/2/1969, 12 chiến sỹ đặc công tập kích cứ điểm Xương Rồng diệt 105 tên Mỹ. Đêm hôm sau, ta lại tiến công tiếp vào sở chỉ huy Mỹ ở Gò Hội. Cũng thời gian trên, du kích xã Phổ Vinh dùng chất nổ đánh vào khu hậu cần của Mỹ tại Núi Cửa, đốt cháy kho nguyên liệu, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng. Ngày 26/2/1969, đại đội 219 đánh vào quận lỵ và doanh trại lính bảo an, diệt nhiều tên địch. Các khu đồn dân ở Thạch Bi, Xóm Bảy, Chợ Cung, Mỹ Trang, Thanh Lâm, Trà Câu đều bị lực lượng vũ trang tấn công, tạo đà cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Đêm 22/3/1969, lực lượng vũ trang tỉnh tiến công cứ điểm núi Chớp Vung, tiêu diệt 80 tên địch, phá huỷ 3 khẩu pháo 105 ly. Nhân cơ hội đó, lực lượng vũ trang huyện tiến công vào hầu hết các chốt điểm của địch trong huyện. Hàng ngàn đồng bào đổ ra đường đào hào, chôn cọc sắt, làm tê liệt giao thông trên quốc lộ I. Nhân dân trong vùng địch kiểm soát nổi dậy diệt ác, xoá bỏ tàn tích của địch.

Phản kích lại cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân ta, địch mở cuộc càn quét vào phía tây và phía bắc huyện. Chung bắn chết 30 người ở An Tây (Phổ Nhơn), 19 người ở vùng 5 (Phổ Thuận). Căm phẫn trước những hành động tàn bạo của quân thù, đồng bào 2 xã lập bàn thờ, kéo về quận lý biểu tình, buộc quân Mỹ phải ký vào giấy công nhận đã tàn sát và gây thiệt hại cho nhân dân. Trong các cuộc chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ, các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân đã sáng tạo ra nhiều cách đánh địch, phối hợp nhịp nhàng giữa lực lượng đánh địch tại chỗ với đánh địch càn quét từ bên ngoài, giữa phục kích diệt xe cơ giới với triệt phá đường giao thông ... nên đã gây cho Mỹ - nguy nhiều thiệt hại nặng nề.

Giữa lúc quân và dân hai miền Nam Bắc đang đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thì ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho đồng bào và chiến sỹ cả nước. Huyện uỷ và các cấp uỷ trong huyện tổ chức lễ truy điệu Người ở khắp các thôn, xã trong vùng giải phóng. Hơn 5.000 đồng bào trong vùng địch kiểm soát, bằng nhiều hình thức khác nhau đã làm lễ tưởng niệm Bác. Biến đau thương thành hành động cách mạng, theo chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ mở đợt sinh hoạt chính trị "học tập và làm theo Di chúc của Bác nhằm xây dựng quyết tâm khắc phục khó khăn, tập trung sức đánh bại kế hoạch "bình định cấp tốc", tiến tới đánh bại hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Khẩu hiệu "trụ bám" của Đảng đã đi vào cuộc chiến đấu của quân và dân Đức Phổ một cách sinh động. Ở hai xã Phổ An và Phổ Quang, nơi làng xóm bị Mỹ tàn phá nặng nề nhất, nhưng Mỹ - nguy cày ủi

trước thì nhân dân dựng lại lều trại sau, địch càn quét, tàn phá làng khác thì nhân dân lại trở về dựng lều, đào hầm trụ bám. Nhân dân ở khu đồn Quán Vịt (Phổ Thuận) tẩy chay thủ đoạn dụ dỗ của địch, hất đổ cả bột mì và bắp mà chúng “cứu trợ”. Ở những khu đồn khác, nhân dân đấu tranh bằng cách làm mất trật tự, mất vệ sinh, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi trở về nơi ở cũ. Tổ chức Đảng trong các khu đồn vừa lãnh đạo nhân dân đấu tranh, vừa xây dựng lực lượng cách mạng với những mức độ khác nhau.

Tuy vậy, trong thời gian này do địch đàn áp khốc liệt, phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ cũng gặp không ít khó khăn, phức tạp. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch là một cuộc chiến không cân sức, lại ở trong một thời gian dài, sự chi viện của tỉnh, khu gặp nhiều khó khăn, do đó lực lượng vũ trang huyện bị tổn thất lớn. Tính đến đầu năm 1970, lực lượng du kích các xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Vinh, Phổ Khánh, Phổ Nhơn, mỗi xã chỉ còn từ 3 đến 5 đồng chí. Lực lượng vũ trang huyện chỉ còn 11 đồng chí. Để khắc phục tình trạng trên, Huyện uỷ chủ trương động viên cán bộ, đảng viên phát huy tinh thần gương mẫu, vượt qua gian khổ, khó khăn, với tinh thần “một tấc không đi, một ly không rời”, quyết tâm bám trụ địa bàn để xây dựng, củng cố, bổ sung lực lượng chiến đấu chống quân xâm lược, ra sức huấn luyện để tinh nhuệ hoá, đặc công hoá lực lượng vũ trang huyện và du kích, bù lại nhược điểm quân số ít, phát động phong trào tự tạo vũ khí, cho chiến sĩ và du kích tìm bom, đạn của địch để chế vũ khí tiêu diệt địch. Khắp nơi dấy lên phong trào tự tạo vũ khí giết giặc. Du kích Phổ Hoà mang cơm gói

lên núi cưa bom đạn của địch, tháo lầy thuốc nổ, cho vào ống đèn tuýp làm mìn tự tạo. Nhờ vũ khí tự tạo, du kích Phổ Hoà đã diệt 50 tên Mỹ. Du kích Phổ Văn tự làm bom bay, phóng vào đồn địch, gài chông, mìn quanh đồn địch, khiến bọn địch không dám ra khỏi đồn càn quét. Du kích và nhân dân Phổ Thuận đào hầm bí mật trên ruộng, đợi địch đến tiêu diệt. Ngay ở những nơi địch tìm kẹp chặt chẽ nhất như ô Lê Văn Duyệt, ấp Mỹ Trang, nhân dân cũng nổi dậy đấu tranh chính trị đòi địch bỏ thiết quân luật, đòi lấp hầm chông, phá rào của địch. Nhân dân thị trấn tố cáo tội ác của Mỹ - nguy ngay trước mặt quận trưởng trong cuộc mít tinh do chúng tổ chức. Càng về sau phong trào đấu tranh chính trị, binh địch vận càng phát triển mạnh mẽ, với nhiều hình thức phong phú, nhất là từ khi Mỹ bắt đầu rút quân, phái đoàn của Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam có mặt tại hội nghị Pa ri (25/1/1969). Tết Nguyên đán năm 1970, nhân dân thôn Thiệp Sơn (Phổ Thuận) “mời” lính Mỹ về nhà ăn Tết, nhân cơ hội đó, bà con vận động được lính Mỹ ở núi Chớp Vung không đi với lính nguy cớ lúa của bà con nông dân. Nhân dân ấp Chợ Chiểu (Phổ Khánh) đấu tranh, buộc địch phải cho tự do đi lại làm ăn. Nhân dân Phổ Thạnh buộc địch cho họp chợ Dốc (Phú Long, Phổ Khánh) là vùng giải phóng, mà không bị đánh phá.

Tháng 8/1970, Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội lần thứ III (trong kháng chiến chống Mỹ). Tham dự đại hội có 58 đại biểu chính thức. Đại hội đánh giá tình hình hoạt động của Đảng bộ và phong trào cách mạng trong huyện nhiệm kỳ qua (1/1969 - 8/1970). Các đại biểu dự đại hội nhất trí nhận định rằng: Sau 18 tháng đấu tranh gay go, quyết liệt với kẻ thù,

dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân trong huyện đã bẻ gãy âm mưu “bình định cấp tốc” của Mỹ - nguỵ, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của chúng, giữ gìn, bổ sung và củng cố lực lượng cách mạng, khôi phục và giữ vững địa bàn, giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân.

Lực lượng vũ trang huyện và du kích trong điều kiện quân số ít, vũ khí, trang bị thô sơ đã dũng cảm chiến đấu, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Lực lượng du kích được bổ sung, nâng tổng số du kích toàn huyện lên 380 người, chất lượng tiếp tục được nâng cao. Trong 18 tháng, quân và dân huyện nhà đã loại khỏi vòng chiến đấu 5.840 tên địch, trong đó có hàng trăm tên Mỹ, phá huỷ 167 xe quân sự, bắn rơi và bắn hỏng 31 máy bay địch.

Phong trào đấu tranh chính trị phát triển phù hợp với đặc điểm của thời kỳ chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Toàn huyện đã huy động được 5.700 lượt người đấu tranh quy mô lớn và 1 vạn lượt người đấu tranh trực diện quy mô nhỏ. Nhờ kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, nên ta đã giữ được hàng nghìn đồng bào khỏi bị bắt vào các khu đồn, đưa được 5.000 người từ các ô, ấp trở về, làm lung lay một phần ách kìm kẹp của địch trong các khu đồn còn lại. Với những kết quả đạt được, quân và dân Đức Phổ đã góp phần đánh bại thủ đoạn “bình định dồn dân” của địch.

Các mặt công tác khác cũng đạt được những kết quả quan trọng. Đến giữa năm 1970, toàn huyện có 2.970 hội viên nông hội, 3.200 hội viên phụ nữ. Chính quyền cách mạng đã quản lý nhân dân ở những mức độ khác nhau trong vùng giải

phóng, phục vụ tốt yêu cầu kháng chiến. Công tác y tế, văn hoá, an ninh, kinh tế đã vượt qua nhiều khó khăn, phục vụ nhiệm vụ trọng tâm là giành, giữ đất và chống “bình định” của địch.

Trong 1 năm rưỡi, Ban kinh tài huyện đã thu cho quỹ đảm phụ kháng chiến 470 tấn gạo và 9 triệu đồng, mua được 540 tấn gạo, phục vụ yêu cầu chiến đấu của quân và dân trong huyện và đóng góp một phần cho cấp trên. Các tầng lớp nhân dân trong huyện đã tham gia đóng góp 90.700 ngày công dân công các loại, trong đó có 38.000 công dân công hoả tuyến.

Công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác tư tưởng đạt được những kết quả tích cực. Ngăn ngừa có hiệu quả tâm lý ngại chiến tranh ác liệt, sợ hy sinh, gian khổ, cầu an, tiêu cực, trông chờ, ỷ lại cấp trên, đồng thời chống tác động của chiến tranh tâm lý, gián điệp của địch. Về công tác tổ chức, Huyện uỷ chú trọng nâng cao chất lượng các cấp uỷ Đảng cơ sở, lập các đoàn kiểm tra công tác phát triển Đảng, tích cực phát triển số lượng, đi đôi với nâng cao chất lượng đảng viên. Để phát huy tác dụng của các chi bộ và phù hợp với yêu cầu công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, Huyện uỷ đã chia nhỏ chi bộ và tổ Đảng, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng đảng viên. Đồng thời, Huyện uỷ chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ trong vùng địch kiểm soát, nâng số lượng đảng viên hoạt động đơn tuyến.

Tại thời điểm đại hội, toàn Đảng bộ có 639 đảng viên, trong đó có 198 đảng viên nữ, 446 đảng viên chính thức, 15 đồng chí hoạt động hợp pháp. So với đại hội trước, số lượng đảng viên giảm 40%, do hoàn cảnh chiến tranh ác liệt nên

hiều đảng viên hy sinh và công tác phát triển Đảng hết sức khó khăn. Toàn Đảng bộ có 42 chi bộ thôn, 10 chi bộ cơ quan, 2 chi bộ lực lượng vũ trang.

Đại hội bầu Ban chấp hành mới gồm 17 uỷ viên chính thức. Đồng chí Đinh Trọng Tân được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ.

2/ Đánh bại âm mưu “bình định tại chỗ” của địch.

Sau hơn một năm thực hiện kế hoạch “bình định cấp tốc”, đế quốc Mỹ vẫn chưa tạo được điều kiện cần thiết để quân nguy thay thế quân Mỹ. Trong khi đó sức ép dư luận tại nước Mỹ đòi rút quân về nước càng ngày càng dâng lên mạnh mẽ. Từ giữa năm 1970, ở Đức Phổ, Mỹ - nguy chuyển từ thủ đoạn “bình định cấp tốc” sang “bình định tại chỗ”. Thủ đoạn của địch là không đánh phá ô ạt trên quy mô lớn để xóc, tát dân vào các khu dồn mà đánh bật lực lượng cách mạng khỏi địa bàn dân cư, rồi kìm kẹp nhân dân tại chỗ. Cùng với kìm kẹp dân tại chỗ, địch củng cố các căn cứ, chốt điểm, xây dựng hệ thống phòng ngự song song với hệ thống kìm kẹp, dựa vào nhau để bảo vệ an toàn các căn cứ quân sự, bảo vệ quân lỵ, đường giao thông và những địa bàn quan trọng do chúng chiếm giữ.

Tháng 10/1970, Mỹ - nguy mở chiến dịch Bình Trảng, trọng điểm đánh phá là xã Phổ Cường. Trong 4 tháng liền, chúng sử dụng thường xuyên từ 1 đến 2 tiểu đoàn bao vây toàn xã. Lính cộng hoà chốt chặt các lối ra vào làng, canh gác trên các cánh đồng quanh làng. Lính bảo an, dân vệ và các đội “bình định” vào lục soát từng ngôi nhà để truy tìm cán bộ. Nhiều nơi trong huyện, Mỹ - nguy cũng thực hiện thủ đoạn “bình định tại chỗ”

như Phổ Cường, gây khó khăn cho phong trào cách mạng ở địa phương.

Trong lúc đó, tháng 3/1971 tại mặt trận đường 9 – Nam Lào, quân và dân ta phối hợp với quân, dân Lào đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mỹ - ngụy, tạo điều kiện cho khắp miền Nam đẩy mạnh cuộc tiến công tiêu diệt địch, đẩy quân địch vào thế bị động, lúng túng.

Ở Đức Phổ, lực lượng vũ trang tỉnh tiến công vào các chốt Núi Dâu (giữa hai xã Phổ Cường, Phổ Khánh), Núi Bé (Phổ Cường) và các chốt dọc quốc lộ số I. Nhân cơ hội đó, lực lượng vũ trang và nhân dân nhiều xã thôn trong huyện nổi dậy tiến công, tiêu diệt hàng loạt căn cứ, chốt điểm của địch, phá tan nhiều ô, ấp, khu đồn, giải phóng nhiều mảng rộng lớn nông thôn ở phía bắc và phía nam huyện. Nhiều người trong các khu đồn trở về làng cũ. Du kích các xã qua nhiều lần củng cố đã dày dạn hơn trong chiến đấu, đánh nhiều trận xuất sắc. Trong các trận chống càn, du kích Phổ Thuận, diệt 25 tên Mỹ, du kích Phổ Phong diệt 100 tên Mỹ - ngụy. Du kích Phổ Cường dùng B40 diệt 9 tên địch ở Nga Mân. Du kích Phổ Hoà và Phổ Nhơn dùng mìn tự tạo đánh máy bay đổ quân, phá huỷ 2 máy bay và diệt 40 tên Mỹ.

Tháng 8/1971, quân Mỹ lần lượt rút khỏi Đức Phổ. Trước đó, chúng đã huấn luyện cho quân ngụy lái máy bay, xe tăng, sử dụng pháo, tập luyện phòng thủ căn cứ, chuẩn bị thay thế quân Mỹ. Tuy vậy, khi quân Mỹ rút, tinh thần quân ngụy càng hoang mang, lo sợ. Chúng phải rút khỏi một số chốt điểm do quân Mỹ để lại.

Để cứu nguy cho quân nguy, trong quý III/1971 địch đưa đến Đức Phổ một tiểu đoàn quân chủ lực và bảo an dân vệ càn quét vùng Phổ Vinh để lập khu đồn Thanh Hiếu, nhằm bảo vệ vùng phía đông huyện lỵ. Chúng đốt 100 ngôi nhà, cướp trâu bò, tàn phá ruộng vườn, thả bom xăng đốt cháy núi Trà Phun, núi Làng và thôn Tân Khánh Nam (xã Phổ Vinh). Tháng 11/1971, chúng đưa một tiểu đoàn quân chủ lực đến Phổ Khánh phát quang, xây lô cốt, rào ô ở Phú Long, chuẩn bị dồn dân từ Xóm 7 và Chợ Chiều (Phổ Khánh) về lập ấp mới. Dù quân nguy dùng tất cả các thủ đoạn để càn quét, dồn dân, lập ấp, nhưng trong điều kiện lực lượng và phương tiện giảm sút, khí thế của quần chúng lên cao, nên mưu đồ lập khu đồn ở Thanh Hiếu và Phú Long đều thất bại. Âm mưu “bình định” thôn Vĩnh An (Phổ Hiệp) của chúng cũng không thể thực hiện được.

Tháng 3/1971, Huyện uỷ chủ trương điều đội du kích Phổ Vinh thành lập đơn vị mang tên Quyết Chiến, đội du kích xã Phổ Cường thành lập đơn vị Quyết Thắng, đội du kích xã Phổ An thành lập đơn vị Quyết Tâm⁽¹⁾.

Lúc này địch không lập được các khu đồn mới. Trong các ô, ấp cũ, lực lượng vũ trang và nhân dân liên tục tấn công. Đơn vị Quyết thắng của lực lượng vũ trang huyện – đơn vị mới thành lập - và du kích 2 xã Phổ Ninh và Phổ Nhơn tiến

⁽¹⁾ Do chiến tranh ác liệt, năm 1971 hai đại đội vũ trang của huyện chỉ còn 5-7 đồng chí, Huyện uỷ chủ trương sáp nhập, lấy tên đơn vị 195 và bổ sung quân số. Tháng 3/1971 thành lập đại đội Quyết tâm, đại đội Quyết Thắng, đại đội Quyết Chiến.

công vào ô Nhà Thương, ô Thất Cao Đài và ô Gò Chợ gần quận ly, tiêu diệt và làm tan rã hàng trăm tên địch, thu nhiều súng đạn, làm cho bọn ác ôn khiếp sợ.

Tháng 5/1971, 3.000 đồng bào tập trung kéo vào Chợ Cung (Phổ Cường) phản đối hành động bắn giết, cướp phá của địch. Ngày 3 và 4/12/1971, 5.000 đồng bào, trong đó có cả những hành khách đi xe trên quốc lộ I kéo vào thôn Thạch Bi (Sa Huỳnh) đấu tranh đòi trừng trị ác ôn, đòi bồi thường thiệt hại và giải quyết khó khăn về đời sống. Phong trào đấu tranh chính trị lôi cuốn cả học sinh, tín đồ Phật giáo và gia đình binh sỹ, nhân viên nguy quyền tham gia. Các cuộc đấu tranh chính trị trong năm 1971 đã cứu được 2.000 ngôi nhà khỏi bị giặc đốt, 47 cán bộ và nhân dân khỏi bị giặc bắt, hàng trăm chị em khỏi bị địch cưỡng hiếp.

Để kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ, tháng 5/1971, Bộ Chính trị chủ trương đẩy mạnh tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định, đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

Thực hiện chủ trương trên, tháng 1/1972, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi triệu tập hội nghị và ra Nghị quyết vạch rõ nhiệm vụ của quân và dân trong tỉnh là: “ Tranh thủ thời gian, nắm lấy thời cơ lớn, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ phát triển thế tiến công địch bằng 3 mũi giáp công trên cả 3 vùng, thực hiện cao trào mở mảng liên hoàn ở nông thôn, phát triển cao trào ở thành thị; phát động nhân dân nổi dậy, giành quyền làm chủ đều khắp, kiên quyết đánh bại về cơ bản kế hoạch “bình định

nông thôn” của địch ở địa phương, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ.”⁽¹⁾

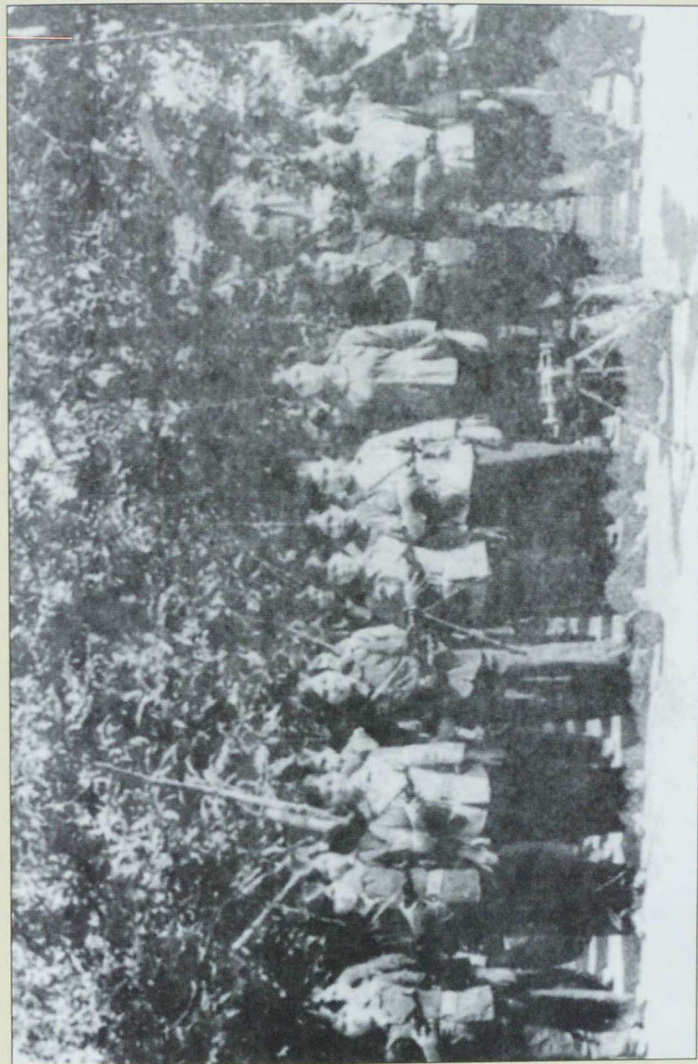
Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Đức Phổ tổ chức quán triệt trong cán bộ, đảng viên về tình hình mới và quyết tâm chiến lược của Đảng trong thời gian tới. Sau khi học tập, quán triệt, Huyện uỷ phát động phong trào thanh niên vùng địch kiểm soát lên đường tham gia cách mạng. Kết quả huyện đã vận động được 500 thanh niên nhập ngũ, 300 thanh niên tình nguyện làm nhiệm vụ theo yêu cầu của cách mạng. Trong vùng giải phóng, hầu hết thanh niên đều trực tiếp tham gia chiến đấu. Với lực lượng mới bổ sung, lực lượng vũ trang huyện được tổ chức thành 3 đại đội, với quân số 134 người.

Đặc biệt, tháng 12/1971, 30 nữ thanh niên từ 17 đến 18 tuổi, được điều động từ các cơ quan xung quanh huyện thành lập đơn vị vũ trang nữ đầu tiên của huyện Đức Phổ, mang tên Lê Thị Hồng Gấm. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đơn vị đã lập được nhiều chiến công xuất sắc, khiến quân thù phải khiếp sợ⁽²⁾.

Số lượng du kích xã, thôn đầu năm 1971 là 636 đồng chí. Du kích được huấn luyện chu đáo, theo chiến thuật “đặc công

⁽¹⁾ Nghị quyết của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi về kế hoạch tiến công mùa xuân năm 1972. Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

⁽²⁾ Trong 3 năm đơn vị đánh 200 trận, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.000 tên địch, thu hàng trăm súng các loại, đánh nhào 1 xe GMC của địch. Có chị diệt 16 tên địch trong 6 tháng. Trong một trận chiến đấu, chị Trần Thị Trung bị thương và lâm vào thế bị địch vây ép. Bắn hết đạn, chị tháo súng vùi xuống bùn mỗi nơi một bộ phận trước khi bị địch bắt. Địch đánh đập tàn nhẫn và giữ trò hãm hiếp, chị kiên quyết chống lại và bị chúng bắn chết ngay trên đồng. Với nhiều chiến công xuất sắc, đơn vị được Nhà nước tặng 3 huân chương chiến công hạng III.



Đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm thành lập mùa xuân 1972

hoá”. Đảng bộ cũng tích cực vận động nhân dân các xã Phổ An, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ Thuận bị dạt lên các xã phía tây trở về làng cũ, đẩy mạnh công tác bung dân các khu đồn trở về, tiếp tục sản xuất và chiến đấu. Đầu năm 1972, ở trong các khu đồn, ta đã có hàng trăm đảng viên và đoàn viên. Lực lượng du kích mật, an ninh, cơ sở bên trong và cán bộ chỉ huy đấu tranh chính trị có gần 450 đồng chí, lực lượng đấu tranh chính trị có gần 500 nòng cốt, gần 100 “ngòi pháo” và hơn 3.500 quần chúng được tổ chức thành đội ngũ. Lực lượng nội tuyến, mật báo có hàng trăm người.

Đồng thời, huyện cũng đã huy động được lực lượng vật chất gồm hàng ngàn tấn gạo được nhân dân đóng góp, cả trong vùng địch kiểm soát. Hàng vạn ngày công được huy động để mở con đường phía tây huyện từ Phổ Nhơn đến giáp Bình Định. Huyện uỷ chủ trương mở các cuộc hội nghị quân, dân, chính để xác định quyết tâm và thành lập uỷ ban khởi nghĩa các cấp.

Ngày 30/3/1972, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1972 trên toàn miền Nam bắt đầu. Sau 2 tháng tiến công, tiêu diệt địch, quân và dân ta đã tiêu diệt 11 vạn tên địch, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng ngự của Mỹ - ngụy trên chiến trường miền Nam.

Trong lúc đó ở Đức Phổ, từ đầu năm 1972 quân địch luôn luôn ở trong thế phòng thủ, tinh thần hoang mang, dao động. Tháng 3/1972, chấp hành chủ trương của cấp trên, Tỉnh uỷ đề ra nhiệm vụ trọng tâm là: “ nổi dậy giành dân, giành quyền làm chủ, phá sạch khu đồn, bung mạnh dân về vùng giải phóng, chứ không phải là chống “bình định”. Tỉnh uỷ cũng đề

ra 3 chiến dịch lớn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1972. Đó là chiến dịch Xuân-Hè (13/4-30/6/1972), chiến dịch Thu (10/7-2/9/1972), chiến dịch tổng hợp sau Thu (còn gọi là chiến dịch 73-61)⁽¹⁾.

Sau một thời gian chuẩn bị, đêm 12 rạng ngày 13/4/1972, chiến dịch Xuân – hè bắt đầu. Phối hợp với quân và dân các huyện bạn, sau 10 ngày tiến công tiêu diệt địch, quân và dân Đức Phổ đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 300 tên địch, buộc chúng phải tháo chạy khỏi 11 chốt điểm. Hơn 10.000 đồng bào bị địch kìm kẹp, nổi dậy giành quyền làm chủ, hoặc trở về làng cũ. Quốc lộ I bị cắt đứt ở phía bắc và phía nam quận lỵ. Trong lúc quân nguy đang trong cơn khốn quẫn, ngày 25/4, tiểu đoàn chủ lực nguy và 8 tên cố vấn Mỹ bị điều động ra chi viện chiến trường Quảng Nam. Quân và dân ta chớp thời cơ đó, liên tục mở các cuộc tiến công, vây ép địch trong nhiều chốt ở Quán Vịt (Phổ Thuận), An Sở (Phổ Văn), Núi Làng (Phổ Vinh), Xóm 7, Chợ Chiều (Phổ Khánh). Ở ấp Thạch Bi (Phổ Thạnh), 3.000 quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, trở về quê cũ. Quân địch ở thị trấn bị du kích các xã Phổ Hoà, Phổ Ninh bắn tã, phục kích chặn đánh trên các tuyến giao thông, khiến cho chúng không dám ứng cứu lẫn nhau.

Trong 90 ngày của chiến dịch Xuân – Hè, quân và dân trong huyện đã tiến công, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên địch, phá banh, phá lỏng hàng chục ấp, khu đồn, bức rút 10 chốt điểm, xoá bỏ tình trạng trắng dân ở 26 thôn, hình thành mảng giải phóng liên hoàn với hơn 25.000 dân ở phía bắc và phía nam huyện, đưa hàng chục ấp và một phần trong hàng

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1945-1975, Sdd, trang 369, 370, 381.

chục ấp khác từ thế bị kìm kẹp lên thế làm chủ hoặc lỏng kẹp. Thắng lợi trong chiến dịch Xuân – Hè ở huyện Đức Phổ là thắng lợi toàn diện về tiến công và nổi dậy, về tiêu diệt địch, giành quyền làm chủ và xây dựng thực lực cách mạng.

Sau chiến dịch Xuân – Hè kết thúc thắng lợi, ở Đức Phổ quân nguy chỉ còn 1.700 tên, một lực lượng rất nhỏ so với hàng chục vạn tên Mỹ - nguy trong những năm trước đó. Trong bối cảnh đó, Tỉnh uỷ lại phát động chiến dịch Thu, tiếp tục tiến công tiêu diệt địch, giành quyền làm chủ.

3/ Đánh bại thủ đoạn “Mỹ hoá” trở lại cuộc chiến tranh, tranh thủ thời cơ giải phóng gần toàn bộ huyện nhà.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1972 của quân và dân ta trên toàn miền Nam đã đẩy chế độ nguy quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình thế, tháng 4/1972 tổng thống Mỹ -Ních sơn- điên cuồng đưa trở lại chiến trường Việt Nam một lực lượng lớn không quân và hải quân, cố vấn Mỹ đánh phá quyết liệt phong trào cách mạng miền Nam.

Trước hành động hiếu chiến của đế quốc Mỹ, Bộ chính trị đề ra nhiệm vụ của quân và dân ta là tiếp tục đẩy mạnh cuộc tiến công chiến lược toàn diện trên chiến trường miền Nam. Ở Quảng Ngãi , Tỉnh uỷ quyết định mở chiến dịch Thu 1972. Trước khi toàn huyện Đức Phổ bước vào chiến dịch, Uỷ ban khởi nghĩa huyện công bố lời thề trước chiến sỹ, đồng bào: “Thề giữ vững truyền thống quê hương Nguyễn Nghiêm, đoàn kết, tin tưởng, đập bằng mọi trở lực, quyết tử cho tổ quốc quyết sinh, giải phóng hoàn toàn quê hương Đức Phổ. Quyết tâm làm mũi nhọn xung kích, đưa đội quân vũ trang khởi

ngĩa của huyện, cùng toàn tỉnh chiếm lĩnh thị xã Quảng Ngãi, giải phóng toàn tỉnh”⁽¹⁾.

Ngày 16/9 chiến dịch Thu bắt đầu. Ở phía bắc, kết hợp với tiến công và nổi dậy, lực lượng vũ trang và nhân dân trong huyện bức rút 14 chốt điểm, giải phóng một mảng liên hoàn từ cầu Nước Mặn đến sát ô Lê Văn Duyệt. Ở khu vực thị trấn, quân chủ lực cùng lực lượng vũ trang huyện siết chặt vòng vây quân địch ở quận lỵ.

Đúng vào thời điểm đó, thực hiện chủ trương “Mỹ hoá” trở lại cuộc chiến tranh, đế quốc Mỹ đưa đến Đức Phổ 3 tiểu đoàn biệt động, 17 khẩu pháo, 13 xe tăng, 5 trực thăng HU-1A. Tiếp đó, chúng tăng cường thêm tiểu đoàn 4, thuộc sư đoàn 2 và 3 chiến đoàn xe bọc thép. Dựa vào quân số đông, vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, quân nguy đánh chiếm các chốt điểm bị mất, nối lại giao thông trên quốc lộ I, cấm chốt, kẹp dân. Chúng dùng xe tăng, máy bay bắn phá, yểm trợ các cuộc hành quân càn quét, sửa lại cầu đường, dựng lại bộ máy tề nguy, tung tin lực lượng Mỹ trở lại, bắt nhân dân “học tập” tuyên bố của Nguyễn Văn Thiệu...

Với sự phối hợp của lực lượng vũ trang địa phương, bộ đội chủ lực tiến công vào quận lỵ, tiêu diệt 450 tên địch, cắt đứt đường giao thông, buộc chủ lực nguy từ phía nam huyện ra cứu nguy cho quận lỵ. Sự hỗ trợ kịp thời của bộ đội chủ lực đã tiếp thêm sinh lực cho lực lượng vũ trang và nhân dân huyện nhà tiến công và nổi dậy đánh phá đường giao thông, bức rút hơn 10 chốt điểm ở phía nam huyện, giải phóng phần lớn xã Phổ Cường, giành lại quyền làm chủ ở nhiều thôn, ấp phía

⁽¹⁾ Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Đức Phổ.

bắc huyện từ sông Trà Câu trở ra. Trong vùng địch kiểm soát, nhân dân tiếp tục nổi dậy đấu tranh. Một số nơi quân địch nổi dậy phản chiến.

Kết thúc chiến dịch Thu 1972, quân và dân Đức Phổ đã giải phóng trên 15.000 dân, mở rộng vùng giải phóng liên hoàn 8 xã phía bắc và 5 xã phía nam huyện. Đảng bộ, quân và dân trong huyện củng cố tổ chức, làm tốt công tác tư tưởng và sẵn sàng chiến đấu giành thắng lợi. Huyện cũng mở các cuộc sinh hoạt chính trị để đánh giá tình hình, phân tích những thắng lợi của quân và dân ta, nhận thức rõ âm mưu và thủ đoạn của địch, nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân và dân huyện nhà trong thời gian sắp đến.

Các chiến dịch tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1972 có tính chất liên tục, dài ngày, rộng khắp của quân và dân ta kể từ sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968. Với các chiến dịch này, cục diện chiến tranh ở miền Nam nói chung, Quảng Ngãi và Đức Phổ nói riêng đã có những chuyển biến căn bản, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pa ri, lập lại hoà bình ở Việt Nam, tạo bước ngoặt về thế và lực có lợi cho phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Trước ngày Hiệp định Pa ri được ký tắt (23/1/1973), quân và dân Đức Phổ mở cuộc tiến công các mục tiêu quan trọng từ Trà Câu đến Thạch Trụ, cắt đứt và làm chủ nhiều đoạn trên quốc lộ 1, làm tan rã một số đông dân vệ, phòng vệ dân sự, giải phóng hầu hết các thôn, xã phía bắc huyện. Ở các xã phía nam, bộ đội chủ lực và du kích đánh thiệt hại nặng 2 đại đội của liên đoàn biệt động 37 nguy, diệt và làm tan rã phần lớn tề điệp, ác ôn, tiêu diệt và bức rút 8 chốt điểm, thu nhiều vũ

khí, trong đó có 2 khẩu pháo 105 mm, giải phóng hoàn toàn khu vực từ Núi Dầu đến đèo Bình Đê, trong đó có cả cửa biển Sa Huỳnh.

Việc quân và dân ta giải phóng các xã phía nam huyện và Sa Huỳnh, cửa biển yết hầu trên quốc lộ 1, đã làm cho Mỹ - ngụy choáng váng và lo sợ. Tính đến trước ngày ký kết Hiệp định Pa ri, toàn huyện Đức Phổ đã giải phóng 81 thôn trong tổng số 92 thôn lúc đó. Vùng giải phóng liên hoàn bao vây tất cả bốn phía vùng quân địch đang tạm thời kiểm soát ở quận lỵ.

Trong 4 năm chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, quân và dân huyện Đức Phổ đã loại khỏi vòng chiến đấu 10.000 tên địch, trong đó có 2.780 tên Mỹ, diệt 58 tên ác ôn. Bằng các cuộc đấu tranh chính trị và binh vận, quân và dân huyện Đức Phổ đã làm tan rã 800 binh sỹ ngụy, vô hiệu hoá 8 đồn bót và 8 trung đội địch. Toàn huyện có 12 vạn lượt nhân dân tham gia các cuộc đấu tranh chính trị quy mô lớn và hàng chục vạn lượt người đấu tranh trực diện trong vùng địch kiểm soát.

Cùng với những thắng lợi đạt được trong chiến đấu, quân và dân huyện Đức Phổ đã đánh bại thủ đoạn bao vây, phá hoại kinh tế của địch, giữ vững sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, đóng góp một phần quan trọng nhu cầu vật chất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở địa phương. Trong bốn năm, nhân dân đã đóng góp 2.970 tấn gạo, 31 triệu đồng và giúp mua cho cách mạng cả trong vùng địch kiểm soát 5.000 tấn lương thực. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, các tầng lớp nhân dân trong huyện đã nỗ lực vượt qua nhiều

khó khăn, gian khổ, hy sinh, vận động, giúp đỡ lẫn nhau đấu tranh chống sự đánh phá của địch, bảo vệ sản xuất, duy trì quan hệ kinh tế và giao lưu giữa vùng giải phóng và vùng tạm thời do địch kiểm soát. Các hoạt động văn hoá, xã hội phục vụ kháng chiến vẫn được duy trì, góp phần vào thắng lợi chung của quân và dân trong huyện. Trong kháng chiến gian khổ, ác liệt, trạm xá của huyện và các xã vẫn duy trì hoạt động thường xuyên, góp phần cứu chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cán bộ, chiến sĩ, du kích và đồng bào trong huyện. Đội văn nghệ huyện vẫn duy trì được quân số 12 đồng chí, thường xuyên biểu diễn, động viên cán bộ, chiến sĩ và đồng bào thi đua giết giặc, lập công. Mặc dù, trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, địch liên tục đánh phá, nhưng sự nghiệp giáo dục của huyện vẫn phát triển. Năm học 1972 – 1973, trong vùng giải phóng có 156 lớp học từ vỡ lòng đến lớp 4, với 4.000 học sinh. Các lớp bổ túc văn hóa vẫn được duy trì.

Công tác phát triển hội viên, đoàn viên các đoàn thể quần chúng trong 4 năm chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” có những chuyển biến tích cực. Số lượng hội viên các đoàn thể tăng trở lại từ đầu năm 1971. Cuối năm 1972, toàn huyện có 5.500 hội viên nông hội, 6.300 hội viên phụ nữ, 1.400 đoàn viên công đoàn, 1.000 hội viên thanh niên giải phóng. Năm 1972, nhiều thôn ở xã Phổ Cường và một số xã khác tổ chức đại hội nông dân, bình nghị cấp ruộng đất cho những hộ nghèo khó.

Để phục vụ yêu cầu của tiền tuyến, trong những năm 1969 – 1972, nhân dân huyện Đức Phổ đã đóng góp 36 vạn ngày công phục vụ tiền tuyến. Hàng năm có hàng ngàn thanh niên,

kể cả thanh niên trong vùng địch kiểm soát lên đường tòng quân cứu nước.

*

* *

Thắng lợi của quân và dân Đức Phổ trong những năm chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ, nhất là thắng lợi của cuộc tổng tiến công chiến lược năm 1972 đã góp phần cùng với quân và dân trong tỉnh và toàn miền Nam làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo ra thế và lực mới để quân và dân ta tiếp tục tiến lên giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa. Thắng lợi đó đã tạo bước ngoặt cơ bản, góp phần quyết định buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pa ri, rút hết quân Mỹ khỏi miền Nam.

Với tất cả những thắng lợi đã đạt được trong cuộc đấu tranh làm thất bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ vững tin bước vào cuộc đấu tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chương XI

TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN HUYỆN ĐỨC PHỔ, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH, TOÀN MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1973 - 1975)

1/ Đấu tranh đòi địch thực hiện Hiệp định Pa ri, chống chính sách “tràn ngập lãnh thổ” của ngụy quyền Sài Gòn, xây dựng và phát triển thực lực cách mạng.

Ngày 27/1/1973, chính quyền Ních sơn buộc phải ký Hiệp định Pa ri, với nội dung căn bản là chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Theo Hiệp định, Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt Nam, cam kết tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam, chấm dứt sự dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

Tuy nhiên, Mỹ - ngụy vẫn không từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Chúng chủ trương kéo dài chiến tranh bằng cách sử dụng quân đội Sài Gòn do Mỹ tổ chức, trang bị, huấn luyện và trực tiếp chỉ huy thông qua hệ thống cố vấn. Thủ đoạn chiến tranh mới của chúng chủ yếu là lấn chiếm và bình định.

Ở Đức Phổ, ngày 2 tháng 2 năm 1973, Mỹ - ngụy điều động hai trung đoàn chủ lực, 3 liên đoàn biệt động, hai tiểu đoàn bảo an, tất cả tương đương 17 tiểu đoàn, chưa kể cảnh sát, dân

vệ cùng với 40 xe tăng, 39 khẩu pháo, với sự yểm trợ của máy bay và pháo hạm ô ạt đánh chiếm vùng giải phóng trong huyện. Nguyễn Văn Thiệu đích thân đến Sa Huỳnh đốc thúc binh lính càn quét các xã phía nam, chiếm lại cửa biển Sa Huỳnh, cấm lại 56 chốt, khai thông quốc lộ 1. Chiến tranh tàn khốc hơn cả nhiều thời kỳ trước khi có Hiệp định Pa ri. Lấn chiếm đến đâu chúng bắt dân lấp hố bom, cấm cờ “ba que” hoặc vẽ cờ “ba que” ngay trên mái nhà (lợp tôn) để giành đất. Kẻ địch gieo rắc đau thương ở mọi nơi chúng lấn chiếm. Chỉ trong một tháng rưỡi từ khi có Hiệp định, địch bắn hơn 200.000 quả đạn pháo, ném 3.500 quả bom xuống vùng giải phóng, giết hơn 300 người, đốt cháy và san bằng hơn 4.000 ngôi nhà, bắn giết và bắt đi nhiều trâu bò, lợn, gà. Riêng về vàng chúng đã cướp và thiêu huỷ 4.800 lạng.

Đồng bào các xã phía nam, nhiều nhất là các xã Phổ Khánh và Phổ Thạnh, chạy dạt đi các nơi. Riêng đồng bào chạy vào huyện Hoài Nhơn (Bình Định) hơn 5.000 người.

Trước những tội ác của nguy quân, nguy quyền Sài Gòn, lực lượng vũ trang của ta đánh trả quyết liệt. Tại Phổ Cường, chỉ trong 3 ngày lực lượng vũ trang tỉnh diệt và làm bị thương 112 tên. Đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm, lực lượng vũ trang huyện và du kích Phổ Ninh liên tục bám đánh một đại đội địch có xe tăng và phi pháo yểm trợ, diệt 46 tên, làm bị thương 16 tên. Đơn vị 120 của huyện chiến đấu suốt 20 ngày ở Núi Dâu, trong điều kiện lực lượng so sánh nghiêng hẳn về phía địch. Đội quân chính trị vừa đấu tranh chống địch, vừa hỗ trợ lực lượng vũ trang chiến đấu. Nhiều gương chiến đấu dũng cảm, chống quân địch lấn chiếm vùng giải phóng xuất hiện.



Du kích xã Phổ Phong chuẩn bị ra quân với quyết tâm
“Thề quyết tử, giữ gìn quê hương” (Sau Hiệp định Paris 1973)

Có cụ già ở Phổ Cường bị địch bắn chết vì kiên quyết không cho địch hạ lá cờ tổ quốc trong vùng giải phóng. Có thiếu niên ở Phổ Văn cũng bị địch sát hại vì em không chịu gờ cờ tổ quốc theo lệnh của chúng. Có cụ già ở Phổ Thạnh giấu 11 thương binh trong vùng địch tạm chiếm và chuyển về nơi an toàn. Chị em phụ nữ Tân Diêm bắt chập bom đạn, bám sát chiến trường làm trinh sát, tiếp tế, cứu thương, chôn cất liệt sỹ. Ở Sa Huỳnh, nhân dân ứng đối trực tiếp với Nguyễn Văn Thiệu, tố cáo nguy quyền vi phạm Hiệp định. Đặc biệt là tại Phổ Phong, cán bộ và nhân dân đã tố cáo trước tổ công tác của Ban Liên hợp và Ủy ban quốc tế về những vi phạm Hiệp định của chính quyền Sài Gòn⁽¹⁾. Với những bằng chứng cụ thể, tổ công tác của Ban Liên hợp quân sự 4 bên, Ủy ban quốc tế và đại diện Mỹ xác nhận sự thật về những vi phạm của quân đội Sài Gòn, buộc đại diện của chúng phải thừa nhận.

Trong những ngày đầu thi hành Hiệp định, quân và dân Đức Phổ đã ngoan cường đấu tranh gìn giữ từng tấc đất vùng giải phóng, ngăn chặn chính sách “tràn ngập lãnh thổ” của địch. Tuy nhiên, do nguy quyền Sài Gòn có âm mưu từ trước, ta lại không đánh giá đúng tình hình, nên phong trào cách mạng chịu không ít tổn thất.

Trong thời điểm khó khăn, phức tạp đó, tháng 3/1973 Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội lần thứ IV. Vào thời điểm diễn ra Đại hội, Đảng bộ huyện có 849 đảng viên, sinh hoạt ở 65 chi

⁽¹⁾ Tổ công tác của Ban Liên hợp quân sự 4 bên (Việt Nam ĐCCH, Cộng hoà miền Nam VN, Hoa Kỳ, VNCH) có đồng chí Phạm Trang (quê Đức Phổ). Đại diện của các nước Ba Lan, Hung Ga Ri, Ca Na Đa, Ấnônêxia có trong Ủy ban Quốc tế.

bộ thôn, 10 chi bộ cơ quan, 5 chi bộ lực lượng vũ trang⁽¹⁾. Tại đại hội, các đại biểu đã tập trung đánh giá, kiểm điểm tình hình công tác xây dựng Đảng, mà trọng tâm là phục vụ nhiệm vụ chiến đấu. Đại hội khẳng định, trong nhiệm kỳ qua, công tác xây dựng Đảng đã có những bước phát triển mới. Huyện uỷ quan tâm đến củng cố các chi bộ yếu, phân công cho từng đồng chí huyện uỷ viên phụ trách chi bộ. Các đồng chí huyện uỷ viên và các đồng chí xã uỷ đi sát từng chi bộ, cùng các chi uỷ vạch kế hoạch bồi dưỡng cho từng đảng viên. Các đoàn công tác ở khu và tỉnh cũng cùng huyện uỷ đi làm công tác xây dựng Đảng ở cơ sở. Cùng với củng cố về tổ chức, Huyện uỷ coi trọng việc đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nét mới trong công tác tư tưởng là Đảng bộ đã gắn việc giáo dục tư tưởng với ôn lại truyền thống, nâng cao tình cảm cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Trong nhiệm kỳ qua, Đảng bộ đã chú trọng công tác Đoàn, cố gắng phát triển Đoàn trong điều kiện số lượng thanh niên còn lại trong huyện rất ít. Cuối năm 1971, ở vùng giải phóng có 201 đoàn viên, trong đó có 84 đoàn viên nữ, ở vùng địch kiểm soát có 71 đoàn viên, trong đó có 44 đoàn viên nữ. Năm 1972, riêng vùng giải phóng có 618 đoàn viên, tăng 3 lần so với năm 1971. Để tăng cường lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trung tâm, Huyện uỷ phân công một đồng chí uỷ viên thường vụ và 4 đồng chí huyện uỷ viên công tác trong lực lượng vũ trang.

Những cố gắng trong công tác xây dựng Đảng đã góp phần làm xoay chuyển tình hình, nhất là ở những nơi phong trào có

⁽¹⁾ Tổng số đảng viên mới toàn huyện kết nạp qua các năm là: năm 1971, kết nạp 128 đồng chí, năm 1972, kết nạp 256 đồng chí.

nhieu khó khăn, những nơi nhân dân chạy dạt trong ô, ấp, khu đồn.

Đại hội bầu Ban chấp hành mới của Đảng bộ gồm 21 uỷ viên chính thức và 4 uỷ viên dự khuyết. Trong đó có 6 đồng chí huyện uỷ viên là nữ. Đồng chí Đỗ Tiến Cửa (quê ở xã Phổ Cường) được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Tháng 3/1973, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi tổ chức hội nghị lần thứ 7 và ra Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ chung của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh là đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định Pa ri. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của lực lượng vũ trang là tranh thủ củng cố, xây dựng và giữ vững vị trí chiến đấu, kiên quyết đánh bại các cuộc phản kích lấn chiếm của địch, giữ vững vùng giải phóng, làm hậu thuẫn cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Việc quán triệt Nghị quyết của Tỉnh uỷ giúp cho Đảng bộ, quân và dân trong huyện bước đầu nhận thức được thực chất của tình hình và phương hướng giành thắng lợi trong thời kỳ mới, khắc phục một bước tư tưởng hữu khuynh, sợ vi phạm hiệp định, phá vỡ hoà bình, đồng thời khắc phục tư tưởng hoài nghi đối với thắng lợi to lớn đã giành được, không thấy hết giá trị của Hiệp định Pa ri.

Về phía địch, sau những đợt tiến công lấn chiếm ô ạt ở phía nam và phía tây huyện, chúng tiếp tục mở rộng đánh chiếm ra toàn huyện, tập trung đánh phá ác liệt các xã ven biển, xúc dân ở đây lên quốc lộ 1. Lấn chiếm đến đâu, địch cướp bóc, khủng bố, xây dựng bộ máy nguy quyền kìm kẹp nhân dân và tiếp tục lấn chiếm nơi khác. Ở những nơi lấn chiếm được, địch tiến hành “thanh lọc” quần chúng, khủng bố những người có

quan hệ với cách mạng, bắt họ làm giấy cam đoan không theo cộng sản. Địch còn bắt nhân dân kê khai tài sản, hoa màu ngoài đồng, tịch thu tài sản, hoa màu của những gia đình có người thoát ly. Dã man hơn, địch còn gài mìn trên ruộng lúa đã chín, làm cho nhiều thửa ruộng phải bỏ rụng. Binh lính nguy tập bắn máy bay, đánh xe tăng, tung tin thất thiệt, gây hoài nghi trong nhân dân đối với những thắng lợi của ta. Tuy vậy, âm mưu xấu xa của bọn chóp bu ở Sài Gòn không được sự đồng tình của số đông binh sỹ và nhân viên nguy quyền.

Ngày 29/3/1973, những tên lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam. Sự kiện này mặc dù đã được nguy quyền Sài Gòn chuẩn bị từ trước, nhưng vẫn gây hoang mang dao động về tư tưởng, rệu rã về tổ chức trong phần lớn nguy quân, nguy quyền ở miền Nam nói chung, Đức Phổ nói riêng. Đối với quân và dân ta, sự kiện này càng khích lệ tinh thần chiến đấu, quyết tâm giải phóng quê hương.

Trong bối cảnh đó, ngày 26/3/1973, du kích Phổ Phong phối hợp với lực lượng vũ trang huyện đánh hai tiểu đoàn địch có xe tăng yểm trợ đi lấn chiếm, diệt 175 tên, đánh cháy 4 xe quân sự, trong đó có 2 xe tăng. Ngày 19/5, du kích Phổ An phối hợp với đơn vị 219 lực lượng vũ trang huyện chống càn ở An Thổ, diệt gọn một trung đội, với 20 tên địch.

Ở nhiều nơi địch lấn chiếm, đảng viên và du kích cùng nhân dân trụ bám xóm làng, không vào khu đồn khi quá bức xúc. Quần chúng tạm lánh đi thì đảng viên cùng đi với quần chúng giải quyết tư tưởng, cứu đói, cứu đau, lãnh đạo quần chúng trở về quê cũ khi điều kiện cho phép.

Lực lượng binh vận dùng loa phóng thanh tới binh lính trong chốt, điểm và binh lính dã ngoại. Cơ sở binh vận và



Đồng chí
ĐỖ TIẾN CỬA
Bí thư Huyện ủy 1973 - 1975

quần chúng tuyên truyền trong binh sĩ và gia đình họ nội dung Hiệp định Pa ri, đường lối hoà bình, hoà hợp của ta, vạch trần chính sách hiếu chiến của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Nhiều binh sĩ ngụy nhận ra sự thật, một số người có cảm tình với nhân dân. Nhờ sự vận dụng khéo léo 3 mũi giáp công, quân và dân ta hạn chế được hành động đánh phá của địch, làm cho tình hình ở một số nơi giảm bớt căng thẳng, có lợi cho nhân dân. Một số trung đội và đại đội địch thương lượng với ta hoặc án binh bất động. Nhiều binh sĩ địch sợ hãi, hoang mang khi phải đi hành quân, càn quét. Một số người trong nguy quyền xã, ấp thanh minh với nhân dân. Nguy quyền các xã Phổ Hoà, Phổ Ninh, Phổ Thuận, Phổ Văn không ngăn cản nhân dân trong vùng chúng kiểm soát trở về vùng giải phóng làm ăn. Một số tề xã cùng với nhân dân ký đơn đưa lên quận lý kiện bọn lính ngụy càn quét, cướp phá, buộc địch phải bồi thường cho nhân dân tài sản bị thiệt hại.

Đi đôi với động viên và tổ chức nhân dân đấu tranh, Đảng bộ kịp thời giải quyết những vấn đề cấp thiết về đời sống của nhân dân. Trong 3 tháng đầu năm, huyện đã chi 23 tấn gạo và 65.000 đồng cứu đói, cứu đau ở những nơi chiến sự ác liệt.

Công tác động viên nhân dân đóng góp sức người, sức của phục vụ kháng chiến được Đảng bộ quan tâm, trong đó có một công tác mới là trao trả tù binh cho địch và đón nhận đồng chí, đồng bào bị địch bắt nay trao trả theo Hiệp định Pari⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Việc đón tiếp cán bộ, chiến sỹ và nhân dân do địch trao trả, huyện đã chuẩn bị nhà ăn, trạm xá, nơi giải trí đủ cho hàng ngàn người, nhưng do địch gian lận, không trao trả tù chính trị và tù binh, mà đánh tráo tù thường nên ta không chấp nhận.

Đến giữa năm 1973, tuy tình hình vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng thế và lực của phong trào cách mạng trong huyện đã nhanh chóng được khôi phục.

2/ Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn huyện Đức Phổ, góp phần giải phóng toàn tỉnh, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau Hội nghị 21 của Ban chấp hành Trung ương, Tỉnh uỷ nghiêm khắc kiểm điểm rút kinh nghiệm vì đã phạm những sai lầm, hữu khuynh khi thi hành Hiệp định, chưa kiên quyết đấu tranh chống địch lấn chiếm vùng giải phóng, khiến cho ta bị mất đất, mất dân, phong trào cách mạng một số nơi lâm vào tình thế nghiêm trọng. Vì vậy, nhiệm vụ cấp bách lúc này là kiên quyết khắc phục tư tưởng hữu khuynh, chuyển cuộc đấu tranh lên một thế mới, chủ động tiến công và phản công địch lấn chiếm vùng giải phóng và vùng do nhân dân làm chủ, tiến công địch ở những nơi tranh chấp và vùng chúng kiểm soát.

Ở Đức Phổ, từ giữa năm 1973 đến năm 1974, địch vẫn tiếp tục đẩy mạnh đánh phá. Trọng điểm là vùng đông bắc của huyện và các xã ở phía đông quốc lộ 1. Ở những nơi không lấn chiếm bình định được thì chúng đánh trắng để tạt dân vào khu dồn hay trên quốc lộ 1. Để phối hợp và hỗ trợ cho các cuộc càn quét và ngăn cản các cuộc tiến công của quân và dân ta, địch tăng cường đánh phá bằng phi pháo và tung biệt kích vào vùng giải phóng, tiến hành trinh sát bằng máy bay do thám và gián điệp mặt đất. Mùa mưa năm 1973, địch huy động 2 tiểu đoàn và 13 xe tăng yểm trợ, mở đợt càn quét vào 4 xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Thuận. Chúng lợi

dụng lữ lụt để càn quét hồng khuất phục ý chí quyết tâm của quân và dân ta. Trong đợt càn quét này, chúng đã chôn sống 7 em thiếu niên ở xã Phổ An.

Tính từ tháng 3/1973 đến tháng 12/1974, ở Đức Phổ, địch đã sát hại 1.124 người, làm bị thương 1.400 người, đánh đập 4.000 người, đánh bom, cày ủi, đốt cháy 8.300 ngôi nhà, lều, đốt và cướp 600 ang lúa, 27 ngàn ang gạo, ủi phá 4.000 mẫu hoa màu.

Trong vùng địch kiểm soát, chúng tăng cường bố phòng, trang bị rốc két cho các chốt điểm, gài mìn, phát quang địa bàn, thường xuyên đổi quân để đề phòng bị lực lượng binh vận tác động làm rã ngũ, bắt những người “tình nghi” vào ngũ trong chốt, tăng cường hoạt động gián điệp. Chúng mở những chiến dịch chiêu hồi, chiêu hàng với khẩu hiệu “tìm về tổ ấm”, dùng “sinh ly kế” và những thủ đoạn hèn hạ khác để lôi kéo những người kháng chiến. Chúng thực hiện cảnh sát hoá bộ máy hành chính, quân sự hoá thanh niên, quân sự hoá học đường, đoàn ngũ hoá nhân dân, đưa sĩ quan và nhân viên cảnh sát nắm các chức vụ trong chính quyền xã, thôn, đưa nhiều loại cảnh sát về quận, xã, lập đoàn thanh niên Nguyễn Văn Thiệu, Hội phụ nữ vùng lên, hội đồng nhân sĩ trí thức, đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức chính trị phản động: Dân chủ Đảng, Nhân xã Đảng, Quốc dân Đảng. Chúng ráo riết bắt lính, dùng lực lượng hành chính, quân sự, cảnh sát để vây bắt thanh niên cả ban đêm, ngoài đường, trên sông, biển. Những hành động cướp bóc của lính nguy, hậu quả của chính sách “đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo” của Nguyễn Văn Thiệu ngày càng trắng trợn. Chúng thường

xuyên tổ chức các cuộc cướp lúa của nông dân. Tệ hại hơn chúng cướp cả lúa của gia đình binh sỹ nguy. Chúng mua vét lúa gạo, kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, vận chuyển lương thực, quy định mỗi máy xay xát chỉ được chạy 2 ngày trong tuần lễ.

Ngày 25/7/1973, lực lượng vũ trang tỉnh tiêu diệt 2 đại đội địch, làm nên chiến thắng núi Tròn (Sơn Tịnh), chủ động phản công và tiến công địch trên chiến trường toàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết 21 của Trung ương và của Tỉnh uỷ, quân và dân Đức Phổ vừa củng cố lực lượng vừa ra sức tiến công địch bảo vệ vùng giải phóng. Du kích xã Phổ Thạnh chặn đánh một đoàn xe địch khi chúng đi càn quét, diệt 54 tên, phá huỷ 3 xe cơ giới. Nhân dân phấn khởi, bọn tề nguy trong xã run sợ. Du kích Phổ Vinh phối hợp với lực lượng vũ trang huyện trong 2 tuần lễ chống địch lấn chiếm tiêu diệt 172 tên, làm bị thương 100 tên. Lực lượng vũ trang huyện và du kích Phổ An đánh bại cuộc càn quét của địch quy mô cấp tiểu đoàn, có xe tăng yểm trợ. Một số hình thức đánh địch táo bạo dũng cảm cũng xuất hiện trong thời gian này. Đồng chí Nguyễn Văn Tròn⁽¹⁾, xã đội trưởng Phổ Thuận, giả đóng vai một sỹ quan nguy, đồng chí Bình, du kích xã vai lính nguy, đi trên một chiếc xe Jeep, diệt tên phó chủ tịch hội đồng xã khét tiếng gian ác và một cảnh sát, hai lính nguy. Du kích Phổ Thạnh cải trang thành lính nguy đi chợ, rồi tiến công thẳng vào đồn địch...Các cuộc đấu tranh trực diện với địch của đồng bào các xã, thôn trong huyện cũng diễn ra sôi nổi.

⁽¹⁾ Đồng chí Nguyễn Văn Tròn được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong bối cảnh đó, tháng 12/1973 Huyện uỷ tổ chức hội nghị và nhận định rằng: trước mắt địch vẫn còn những điểm mạnh tạm thời, chúng còn khả năng tiếp tục “ bình định lấn chiếm ” trong huyện, nhưng diễn biến tình hình cho thấy chúng đang đứng trước nguy cơ tan rã, chúng càng điên cuồng đánh phá, càng chứng tỏ tư tưởng bi quan, hoang mang, dao động cực độ, lực lượng của chúng ngày càng bị căng mỏng do bung ra lấn chiếm, mâu thuẫn giữa bọn cộng hoà đi lấn chiếm với bọn tề xã, áp ngày càng gay gắt, do bị địch đánh phá ác liệt, nên lực lượng vũ trang, du kích có bị tổn thất, nhưng thế trận đang từng bước được khôi phục. Trên cơ sở những nhận định đó, hội nghị chủ trương động viên quân và dân toàn huyện phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự, đẩy lùi một bước kế hoạch “ bình định ” lấn chiếm của địch, củng cố xây dựng vùng giải phóng, đáp ứng nhu cầu kháng chiến; đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, kết hợp với đấu tranh vũ trang làm rối loạn hậu phương địch, chuẩn bị lực lượng, nhất là lực lượng lãnh đạo trong vùng địch kiểm soát để huy động nhân dân nổi dậy làm chủ khi thời cơ đến.

Hội nghị quyết định những nội dung và chỉ tiêu cụ thể về xây dựng và huấn luyện đối với các đơn vị lực lượng vũ trang huyện và du kích xã; thôn, những chỉ tiêu về diệt địch, xoá chốt điểm địch và chỉ tiêu về phá ấp, giành dân cho từng địa phương.

Sau hội nghị, Huyện uỷ tổ chức hai đợt chỉnh huấn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, phát động quân và dân trong huyện thi đua lập công chào mừng kỷ niệm 29 năm khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945-11/3/1974).

Nghị quyết của hội nghị Huyện uỷ về kế hoạch hoạt động 6 tháng đầu năm 1974 được triển khai thực hiện trong điều kiện địch đang trên đà đẩy mạnh “bình định lấn chiếm” với quy mô lớn trong huyện. Trong vòng hơn 2 tháng, từ tháng 2 đến 20/4/1974, chúng lập nhiều khu đồn mới và cắm thêm 71 chốt mới. Trong toàn huyện lúc này có 12 khu đồn và 179 chốt điểm. Đây là mức cao nhất từ trước đến nay. Kế hoạch đẩy lùi một bước mức độ lấn chiếm của địch do hội nghị Huyện uỷ tháng 12-1973 đề ra chưa thực hiện được.

Tháng 4/1974, Huyện uỷ thông qua chiến dịch Hè năm 1974. Kết thúc chiến dịch, lực lượng vũ trang huyện loại khỏi vòng chiến đấu 700 tên địch, tiêu diệt và vây ép buộc địch rút bỏ 31 chốt điểm. Đặc biệt quân và dân huyện nhà đã tập kích khu đồn Lê Văn Duyệt ngay sát quận lỵ và đánh sập trụ sở Hội đồng xã Phổ Văn, diệt 32 tên ác ôn. Phong trào đấu tranh chính trị trong vùng địch kiểm soát phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Phát huy thắng lợi của chiến dịch Hè, Huyện uỷ quyết định mở chiến dịch Thu năm 1974 nhằm mở rộng vùng giải phóng liên hoàn, đưa dân về vùng trắng, thu hẹp và làm rối loạn vùng địch kiểm soát, đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng về mọi mặt. Để đảm bảo thắng lợi của chiến dịch, Huyện uỷ tổ chức một đợt sinh hoạt ngắn ngày cho cán bộ, đảng viên và lực lượng vũ trang. Lực lượng vũ trang huyện, du kích xã và các lực lượng hoạt động bí mật được huấn luyện và trang bị phương tiện phục vụ chiến đấu thích hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Lực lượng bạo lực chính trị của quần chúng được củng cố và trang bị vũ khí thô sơ. Các đội công tác địch hậu, các ban

242

khởi nghĩa, ban phá đồn, ban đưa dân về được tăng cường. Hầu hết số uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ và cán bộ cấp huyện đi cơ sở trực tiếp chỉ đạo thực hiện phương án của chiến dịch.

Trước khi quân và dân Đức Phổ bước vào chiến dịch, quân và dân Quảng Ngãi đã chủ động tiến công địch giải phóng huyện Minh Long, tiêu diệt chi khu Giá Vụt, giải phóng huyện Sông Hre. Những sự kiện đó đã tạo khí thế cho lực lượng vũ trang và nhân dân trong huyện lập công xuất sắc. Trong 1 tháng, du kích Phổ Văn, Phổ An, Phổ Quang bao vây, bức rút 20 chốt của địch. Lực lượng vũ trang huyện 5 lần bắn pháo vào khu trung tâm huyện lỵ, phá sập trụ sở làm việc chi cảnh sát. Trong quý III/1974, quân và dân Đức Phổ tổ chức 58 lần phá đường, làm chướng ngại vật trên quốc lộ I, cắt đứt hoàn toàn quăng đường qua Phổ Châu, tạo điều kiện cho quân và dân các xã, thôn tiến công địch, nổi dậy giành quyền làm chủ.

Trong chiến dịch Thu, hình thức chủ yếu để xoá bỏ chốt điểm của địch là sử dụng phối hợp 2 chân (quân sự và chính trị), 3 mũi (chính trị, quân sự, binh vận). Du kích bao vây, bắn tỉa, cắm chông, gài mìn chung quanh chốt, vây hãm địch ở bên trong. Lực lượng binh vận dùng loa tố cáo tội ác của địch ở các chốt điểm và giải thích chính sách của chính quyền cách mạng, kêu gọi binh lính bỏ hàng ngũ địch trở về với nhân dân, lực lượng quần chúng tổ chức các cuộc đấu tranh chính trị áp đảo tinh thần địch.

Những bản tin, cáo trạng, quân lệnh, truyền đơn in chính sách của Mặt trận đối với tù, hàng binh, thư tranh thủ và giấy

thông hành gửi đến sỹ quan, binh sỹ và nhân viên nguy quyền gây tác động mạnh trong hàng ngũ địch. Cơ sở binh vận nội tuyến phối hợp với lực lượng bên ngoài tổ chức những cuộc diệt ác, binh biến. Ngành binh vận thông qua gia đình binh sỹ làm công tác vận động chồng, con, em họ trong hàng ngũ địch. Ngành binh tề vận của huyện tổ chức các cuộc tuyên truyền, vận động các gia đình binh sỹ, nhân viên nguy quyền và tề xã, tề ấp, dân vệ. Đối với những người bỏ hàng ngũ trở về với nhân dân, chính quyền và nhân dân tạo điều kiện thuận lợi cho những người muốn ở lại trong huyện làm ăn sinh sống, cấp cho ruộng đất và cho mượn dụng cụ để sản xuất, giúp họ xây dựng gia đình. Với những người muốn trở về quê hương ở ngoài huyện, chính quyền giúp họ đi về được an toàn. Những người quê ở xa, chưa thể trở về được, chính quyền nuôi dưỡng tử tế trong khi chờ đợi.

Phối hợp với các cuộc tiến công từ bên ngoài vào, quần chúng trong các ô. ấp, khu đồn nổi dậy đập tan ách kìm kẹp của địch, trở về làng cũ. Nhiều đồng bào bị địch tát hay chạy dạt từ nhiều năm trước, lần này cũng vùng lên với quyết tâm trút bỏ vĩnh viễn cuộc sống khổ nhục.

Ở nhiều nơi trong vùng địch kiểm soát, nhân dân biến các cuộc mít tinh do bọn tâm lý chiến tổ chức thành những cuộc tố cáo chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định. 400 học sinh trung học Đức Phổ đấu tranh không đi biểu tình theo lệnh của địch và lên án Nguyễn Văn Thiệu hiếu chiến ngay trước mặt bọn sỹ quan tâm lý chiến. 30 em học sinh trong khu đồn Du Quang (Phổ Quang) đồng thanh hát bài “kết đoàn” để trả lời bọn địch bắt các em hát những bài có nội dung uỷ mị, phản động. Quần chúng dùng đòn gánh, cào cuốc chống lại bọn

cướp cá, trộm khoai, gặt cướp lúa. Nhân dân sử dụng hình thức đấu tranh hợp pháp đòi nguy quyền đưa gạo về bán, đòi giúp đỡ khôi phục sản xuất, đòi về làng cũ làm ăn và được quan hệ bình thường giữa hai vùng. Thanh niên tìm mọi cách để trốn lính. Lực lượng vũ trang tiến công bọn đi bắt lính. Có nơi ta lợi dụng Hội đồng nhân sĩ, trí thức. một tổ chức do địch lập ra, để đấu tranh hợp pháp chống bắt lính. Trước cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân có tổ chức và lãnh đạo, nhiều cuộc bắt lính của địch bị thất bại. Có khi cả tiểu đoàn cảnh sát dã chiến lùng soát một tuần lễ mà không bắt được lính. Trong thế bí, chúng bắt cả dân vệ và tề vào lính.

Cao trào tiến công bằng “ 2 chân”, “ 3 mũi” tiếp diễn trong mùa đông năm 1974. Trong 4 tháng cuối năm, quân và dân trong huyện loại khỏi vòng chiến đấu 1.030 tên địch, trong đó 700 tên địch bị tiêu diệt, bức rút 20 chốt. Số chốt điểm của địch từ 179 chốt chỉ còn 105 chốt. Trên quốc lộ 1, lực lượng vũ trang, du kích tổ chức phá cầu 8 lần, phá cống 18 lần, phá huỷ và phá hỏng 9 xe quân sự địch. Có lần giao thông trên quốc lộ I bị cắt đứt 10 ngày liền.

Trước phong trào đấu tranh của nhân dân lên cao, những điểm yếu của địch ngày càng trầm trọng. Quân số các đơn vị đều thiếu, chỉ có trên danh nghĩa. Lực lượng làm nhiệm vụ giải toả không đủ sức đối phó với ta trên các vùng chúng kiểm soát và không bảo vệ nổi quốc lộ 1. Các chốt điểm lấn chiếm vùng giải phóng bị cô lập, có nguy cơ bị tiêu diệt. Tiếp tế bằng máy bay rất hạn chế, tiếp tế bằng đường bộ rất khó khăn. Tình hình đó làm cho địch càng hoang mang, rệu rã, hễ bị vây là tìm đường trốn, bị đánh là tìm đường chạy. Mâu thuẫn giữa binh lính với tề ấp càng ngày càng diễn ra sâu sắc.

Từ ngày 30/9 đến 8/10/1974, Bộ Chính trị mở hội nghị đánh giá tương quan lực lượng trên các chiến trường miền Nam và hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975, 1976. Cùng với quân và dân Quảng Ngãi, quân và dân huyện Đức Phổ tích cực chuẩn bị tinh thần và lực lượng, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu cuối cùng giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Huyện thành lập 2 ban khởi nghĩa, 6 ban bao vây và 2 ban đưa dân về. Các đội công tác, an ninh mật, các cơ sở an ninh, cơ sở đấu tranh chính trị trong vùng địch kiểm soát được kiểm tra và củng cố. Công tác xây dựng làng chiến đấu, bố phòng vùng giải phóng được tiến hành song song với nhiệm vụ đánh địch.

Theo yêu cầu của cấp trên, quân và dân trong huyện đã đóng góp 18.000 ngày công mở đường ô tô dài 25 km từ cây số 7, trên quốc lộ 24 đến đèo Ái (Phổ Cường). Với tinh thần “tất cả vì thắng lợi đông-xuân”, chỉ trong 7 ngày đêm, quân và dân trong huyện đã hoàn thành nhiệm vụ, vượt mức thời gian 3 ngày so với kế hoạch được giao.

Trước lúc bước vào cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân - 1975, Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội lần thứ V, Đại hội cuối cùng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Về dự đại hội có 82 đại biểu chính thức, trong đó có 17 đại biểu nữ, thay mặt 1.032 đảng viên thuộc 87 chi bộ trong toàn huyện. Đại hội đánh giá tình hình, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ trên tất cả các mặt công tác trong nhiệm kỳ từ tháng 3/1973 đến tháng 12/1974.

Trong 2 năm chống địch “ bình định lấn chiếm”, quân và dân trong huyện đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 7.000 tên

địch, phá huỷ và làm hỏng 60 xe quân sự, thu 377 súng các loại, tiêu diệt và bức rút hơn 80 chốt điểm, phá hàng chục khu đồn, giải phóng hàng vạn dân cư. Phong trào đấu tranh chính trị phát triển mạnh mẽ, sử dụng linh hoạt các hình thức và biện pháp đấu tranh bảo vệ hoà bình, hoà hợp dân tộc, chống âm mưu và hành động phá hoại Hiệp định, lấn chiếm vùng giải phóng. Các lực lượng trong vùng địch kiểm soát mưu trí, dũng cảm đấu tranh, góp phần quan trọng tiêu diệt sinh lực địch, làm rối loạn hậu phương địch, phát động nhân dân nổi dậy phá ách kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ.

Năm 1974, Hội nông dân giải phóng có 3.660 hội viên ở vùng giải phóng và 370 hội viên ở vùng địch kiểm soát. Hội phụ nữ giải phóng huyện có 4.500 hội viên, riêng ở vùng địch kiểm soát có 770 hội viên. Số hội viên thanh niên giải phóng cuối năm 1974 là 535 hội viên, tăng 47 hội viên so với cuối năm 1973, trong đó có 213 hội viên nữ, trong vùng địch kiểm soát có 137 hội viên. Trong 2 năm 1973-1974, toàn huyện có 228 thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang huyện, tỉnh và khu. Thanh niên trong vùng địch kiểm soát thoát ly tham gia kháng chiến là 288 người. Đội viên thiếu niên vùng giải phóng và vùng địch kiểm soát được tuyên truyền học tập gương các thiếu niên dũng cảm đánh giặc, hăng hái tham gia cách mạng. Đoàn viên công đoàn giải phóng trong toàn huyện có 144 người.

Ở vùng giải phóng, ngành an ninh có nhiệm vụ trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, thực hiện quy ước nông thôn, bảo đảm an ninh trật tự. Mạng lưới an ninh nhân dân được xây dựng làm tai mắt cho lực lượng an ninh

chuyên môn, thực hiện khẩu hiệu “ Mỗi người dân là một an ninh viên”. Ở vùng địch kiểm soát, lực lượng an ninh mật tiêu diệt ác ôn, phản động, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng.

Hệ thống chính quyền trong vùng giải phóng không ngừng được củng cố. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cách mạng huyện và 15 xã đã tích cực hoạt động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ phát triển của cách mạng. Chính quyền đã vận động nhân dân bám đất, bám làng, duy trì và phát triển sản xuất, đóng góp, ủng hộ cách mạng. Trong 2 năm 1973-1974, ngành ngân tín huyện cho nhân dân vay 11.400.000 đồng mua trâu bò, nông - ngư cụ và phương tiện phục vụ sản xuất.

Trong 2 năm 1973-1974, chính quyền cách mạng đã động viên nhân dân đóng góp 218 tấn lương thực(cả gạo và lúa quy gạo) và 12 triệu đồng, thu được gần 1 triệu đồng tiền thuế công thương và lâm sản. Ngoài đóng góp theo nghĩa vụ, nhân dân còn đóng góp để nuôi du kích, thương binh, giúp đỡ bộ đội, làm quà cho thiếu nhi, hỗ trợ cho ngân sách hàng chục tấn gạo, khoai, đỗ và hàng triệu đồng.

Ngành thương nghiệp mua được 1.560 tấn gạo, xây dựng được một cơ sở xay xát cơ giới, xay xát được 200 tấn gạo. Huyện đã huy động nhân dân đóng góp 136.000 ngày công đi dân công phục vụ ở các địa phương và trên các chiến trường ngoài huyện.

Đoàn công tác phòng bệnh của huyện được thành lập do đồng chí phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng phụ trách. Hội đồng bảo trợ thương binh và gia đình liệt sỹ của huyện có

248

7 thành viên. Ở các xã có cán bộ chuyên trách công tác thương binh, liệt sỹ. Việc tổ chức mai táng, truy điệu liệt sỹ, việc điều dưỡng thương binh, giúp đỡ gia đình liệt sỹ được chính quyền đoàn thể và quần chúng thực hiện chu đáo.

Ngành y tế chú ý xây dựng phong trào vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch. Bệnh xá huyện được mở rộng, trong 2 năm đã chữa bệnh cho 1.000 lượt người bị thương và bị bệnh. Ban y tế huyện tổ chức các phòng khám và lập các đoàn y tế lưu động khám bệnh, khám thai, tiêm thuốc cho nhân dân.

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ được duy trì thường xuyên. Huyện thành lập mới đội chiếu phim. Trong 2 năm, ngành văn hoá, văn nghệ đã phục vụ cho 8 vạn lượt người xem, góp phần cổ vũ, động viên quân và dân trong huyện vượt qua gian khổ, khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Mặc dù bị địch càn quét, đánh phá quyết liệt vùng giải phóng, nhưng hoạt động của sự nghiệp giáo dục vẫn không ngừng phát triển. Huyện tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp cấp I cho 32 học sinh, duy trì 71 lớp cấp I với 3.340 học sinh, 3 lớp cấp II với 84 học sinh. Trường bổ túc văn hoá huyện mở 2 khoá bồi dưỡng cho 88 cán bộ huyện và các xã, duy trì 7 lớp bổ túc với 40 cán bộ, nhân viên các cơ quan huyện tham gia. Ngoài ra, huyện còn mở được 12 lớp học bình dân với 120 người tham gia học tập. Trong đó, xã Phổ Phong có 14 người được tỉnh cấp giấy chứng nhận đã xoá mù chữ.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Huyện uỷ chú trọng cải tiến lề lối làm việc, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, sâu sát trong lãnh đạo. Vì vậy, trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, địch liên tục đánh phá các cơ sở cách mạng, nhưng Đảng bộ vẫn

khẳng định được vai trò lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ vẫn luôn luôn là lực lượng nòng cốt đi đầu trong các phong trào cách mạng. Cấp uỷ các xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Vinh, Phổ Hiệp là những điển hình về phát huy vai trò lãnh đạo, tác phong sâu sát, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Do đó, từ việc đề ra chủ trương, đến tổ chức xây dựng và thực hiện phương án đều thông suốt, tạo được sự nhất trí cao trong Đảng bộ, đưa đường lối của Đảng vào thực tiễn của phong trào cách mạng.

Vào thời điểm đại hội, Đảng bộ huyện Đức Phổ có 1.032 đảng viên, gần đạt con số đảng viên cao nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Qua tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1974, trong khối các Đảng bộ xã, tỷ lệ đảng viên phần đấu tốt chiếm 65%, đảng viên trung bình chiếm 24%, đảng viên yếu chiếm 11%. Trong khối cơ quan tỷ lệ đảng viên phần đấu tốt chiếm 69%, đảng viên trung bình chiếm 25% và đảng viên yếu chiếm 6%.

Số đoàn viên trong vùng giải phóng có 452 đoàn viên, ở vùng địch kiểm soát có 44 đoàn viên, trong đó có 38 nữ, 6 nam. Sở dĩ, số lượng đoàn viên ít hơn đảng viên là do đa số đoàn viên đã vào Đảng và đi thoát ly.

Trong 2 năm, trường Đảng huyện đã đào tạo được 210 cán bộ gồm 89 tổ trưởng Đảng, 67 chi uỷ viên, 42 xã uỷ viên, 12 cơ sở trong vùng địch kiểm soát. Huyện uỷ đã giới thiệu một số đồng chí đi học trường Đảng của cấp trên. Nhiều lớp học với nhiều khoá đã được mở để đào tạo cán bộ chuyên môn các ngành y tế, an ninh, tuyên huấn, phụ vận, nông vận, giao bưu, giáo dục, lương thực.

Đại hội bầu Ban chấp hành mới gồm 21 uỷ viên chính thức, trong đó có 6 đồng chí là nữ và 4 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ gồm 7 đồng chí trong đó có 1 đồng chí nữ. Đồng chí Đỗ Tiến Cửa được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ.

*

* *

Từ 8/12/1974 đến 7/1/1975, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta lúc này là: Nắm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận đánh quyết định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất tổ quốc..., tiến tới tổng tiến công và nổi dậy, thắng địch tại sào huyệt quan trọng nhất của chúng là Sài Gòn.⁽¹⁾ Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng phương án quân sự giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975, 1976, mở đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên, trong đó lấy trận tiến công Buôn Ma Thuột làm trận then chốt.

Trên cơ sở Nghị quyết của Bộ Chính trị, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Đức Phổ xây dựng kế hoạch hành động năm 1975. Huyện uỷ giao nhiệm vụ và chỉ tiêu cho từng khu vực chiến đấu, từng đơn vị vũ trang và từng xã, thôn. Không khí chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy được tiến hành hết sức khẩn trương.

Trong thời điểm đó, trên chiến trường toàn huyện, toàn bộ lực lượng của địch có 2.744 tên, trong đó có 4 tiểu đoàn bảo an (khoảng 1.000 tên), 1 tiểu đoàn pháo với 8 khẩu 105 ly,

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 2, Sdd, Trang 651.

còn lại là dân vệ và thanh niên tân trang. Nhân viên nguy quyền huyện và các xã có tất cả 500 tên. Số phần tử trong các đảng phái của địch là 2000 tên. Trong toàn huyện có 105 chốt điểm, 6 khu đồn, 12 ấp. Địch còn kìm kẹp 27.000 dân, nhưng tinh thần chiến đấu suy sụp, hoang mang cực độ.

Lực lượng vũ trang của huyện có 4 đại đội, trong đó có một trung đội cối 60 và 82 mm của đại đội Chiến Thắng, với quân số 127 người.⁽¹⁾ Kể cả du kích, quân số trong toàn huyện có 1.684 người. Lực lượng đấu tranh chính trị rất hùng hậu, có giác ngộ chính trị cao và được tổ chức chặt chẽ, gồm đảng viên, đoàn viên và đông đảo quần chúng nhân dân, cả những người trong vùng địch kiểm soát đều sẵn sàng bước vào chiến dịch. Lực lượng chính trị và vũ trang của ta được bố trí hợp lý trên toàn địa bàn huyện, có khả năng phối hợp đấu tranh chặt chẽ.

Như vậy, về tương quan lực lượng, địch mạnh hơn ta về quân số và vũ khí, ta hơn địch về tinh thần và tính ưu việt của nghệ thuật chiến tranh nhân dân. Quá trình chiến tranh của ta là quá trình biến ưu thế về chính trị- tinh thần và sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân thành ưu thế toàn diện về chính trị và quân sự, đánh bại hoàn toàn lực lượng quân sự và chính trị của kẻ thù. Quá trình này đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định, đó là sự tổ chức và chỉ đạo đúng đắn của cơ quan lãnh đạo và một điều kiện mà từ trước đến nay, trong cuộc chống Mỹ cứu nước ta chưa có như lần này là thời cơ chiến lược của sự nghiệp giải phóng miền Nam.

⁽¹⁾ Đó là các đại đội 120, 219, Chiến thắng, Lê Thị Hồng Gấm.

Từ đầu năm 1975, trong khi chờ đợi và đề phòng ta tiến công, địch tổ chức những đợt càn quét nhỏ để củng cố thế phòng thủ, đồng thời tiến hành những hoạt động biệt kích, thám báo để thăm dò sự chuẩn bị của ta, theo dõi các cuộc họp của quần chúng để tìm hiểu chủ trương của ta. Lực lượng địch trong huyện bố trí ở 3 khu vực chính: vùng thị trấn và ven thị trấn, nơi tập trung bọn đầu sỏ nguy quyền phản động, nhiều khu đồn, ô, ấp và chốt điểm, trong đó có căn cứ Gò Hội; phía nam huyện có nhiều ấp và chốt điểm dày đặc, có cửa biển Sa Huỳnh; vùng Phổ An, Phổ Quang, ở đông bắc có 4 khu đồn, bằng 2/3 tổng số khu đồn toàn huyện và lực lượng quân sự bảo vệ khu đồn. Ngoài 3 khu vực trên, quốc lộ 1 là con đường huyết mạch cũng được chúng ưu tiên phòng thủ.

Thực hiện kế hoạch của tỉnh, từ tháng 3/1975, quân và dân trong tỉnh tiến công các chốt điểm ngoài các khu vực phòng thủ của địch, diệt ác, làm rối loạn hậu phương của chúng, đồng thời đẩy mạnh đánh phá giao thông trên quốc lộ 1. Những hoạt động trên cho thấy những chỗ yếu của địch càng bộc lộ. Thế tiến công của ta thuận lợi ngay từ khi chưa có chủ trương giành thắng lợi hoàn toàn trong mùa xuân 1975.

Ngày 11/3/1975, ta giải phóng Buôn Ma Thuột. Ngày 13/3/1975, quân và dân Quảng Ngãi tiến công, phá vỡ tuyến phòng ngự của địch ở phía tây - bắc thị xã Quảng Ngãi. Quân và dân Đức Phổ đồng loạt tiến công các chốt, điểm của địch ở 8 xã: Phổ An, Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Phong, Phổ Ninh, Phổ Vinh, Phổ Cường, Phổ Thạnh, đồng thời đánh phá đường giao thông, thực hiện bao vây chia cắt địch. Trước sự tấn công mãnh liệt của quân và dân ta, địch phải bỏ nhiều chốt điểm,

rút chạy. Ngày 21/3, ta giải phóng hoàn toàn 2 xã Phổ An và Phổ Quang, trọng điểm phòng thủ của địch ở phía bắc huyện.

Ngày 17/3/1975, Bộ Chính trị quyết định đẩy mạnh tổng công kích, tổng tiến công, giải phóng miền Nam trong năm 1975. Ngày 23/3/1975, Tỉnh uỷ ra chỉ thị: “ Đẩy mạnh công kích và khởi nghĩa toàn tỉnh, đánh đổ toàn bộ địch, giải phóng toàn bộ nông thôn, giải phóng thị trấn, thị xã, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử giải phóng toàn tỉnh ”

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ hạ quyết tâm phát động cuộc tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn huyện nhà đúng kế hoạch của tỉnh. Ngay chiều 23/3, đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm, lực lượng vũ trang huyện và du kích 2 xã Phổ Ninh và Phổ Nhơn, tiến xuống núi Giàng Thượng, tiến vào ô Ga, dồn ép địch ở phía tây thị trấn xuống khu Lê Văn Duyệt. Cùng thời gian, du kích Phổ Cường và lực lượng vũ trang huyện tiến công chốt điểm Mỹ Trang, uy hiếp địch ở Hoà Thịnh và An Thường, cửa ngõ phía nam thị trấn. Lực lượng vũ trang huyện và du kích Phổ An, Phổ Văn án ngữ cửa biển Mỹ Á, chặn đường tháo chạy ra biển của địch. Trong toàn huyện, lực lượng đấu tranh chính trị và nhân dân nổi dậy vây bắt ác ôn, phản động, tàn binh địch, giải tán dân vệ, giải thích chính sách của chính quyền cách mạng cho những binh sĩ muốn rời bỏ hàng ngũ địch nhưng còn do dự, hướng dẫn họ trình diện, nộp vũ khí. Lực lượng kìm kẹp của địch bị xoá bỏ trong hàng loạt thôn, xã phía bắc và phía tây huyện.

Quân địch từ các xã Phổ Thạnh, Phổ Khánh, Phổ Vinh, Phổ Ninh bỏ căn cứ, chốt điểm, rút chạy về thị trấn, cụm lại phía

đông quận ly. Các xã này được giải phóng. Trước tình thế thị trấn đang bị vây hãm, bọn địch tiếp tục theo quốc lộ 1 chạy ra phía bắc. Chúng bị đơn vị 120 lực lượng vũ trang huyện và du kích 2 xã Phổ Thuận, Phổ Văn chặn đánh ở đoạn đường An Sơ – Trà Câu. Một số bị tiêu diệt, một số quay lại thị trấn, số còn lại tan rã. Địch hoảng loạn, bọn bảo an, dân vệ vùng Phổ Văn, Phổ Thuận tan rã. Tối 23/3, ta hoàn toàn làm chủ quốc lộ 1 đoạn chạy qua huyện. Đến lúc này, toàn bộ dân vệ và các loại phụ quân cùng bộ máy nguy quyền địch ở cơ sở đã hoàn toàn tê liệt và tan rã.

Trong huyện, lúc 7 giờ tối ngày 23/3/1975 lực lượng vũ trang cách mạng tiến vào chiếm lĩnh khu quận ly, thị trấn được giải phóng.

Ở thị xã Quảng Ngãi chiến trường quyết định của toàn tỉnh, xe tăng, pháo binh và bộ binh ta tiến công giải phóng thị xã, quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Hồi 20 giờ, ngày 24/3 cờ giải phóng đã được cắm trên nóc toà nhà hành chính tỉnh, báo hiệu thời khắc lịch sử tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn toàn giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân Quảng Ngãi đã thắng lợi hoàn toàn.

Tin thị xã thất thủ, 3 tiểu đoàn và một đại đội địch đang tập trung trong ô Lê Văn Duyệt và căn cứ Gò Hội hốt hoảng tháo chạy về hướng đông với hy vọng thoát ra biển bằng tàu thủy. Trên đường rút chạy, chúng bị lực lượng vũ trang huyện, du kích và nhân dân các xã tiến công bằng chính trị- quân sự- binh vận, một bộ phận nguy quân, nguy quyền quan trọng đầu hàng và tan rã ở các xã Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Quang, một

số chạy được tới Phổ An mới bị bắt, một số chạy về cửa biển Mỹ Á. Ở Phổ Minh, toàn bộ một tiểu đoàn gồm 179 binh sỹ hạ vũ khí đầu hàng. Cuộc vây bắt tàn binh địch ở Mỹ Á khá căng thẳng. Địch cụm lại ở đây tương đối đông, chúng không chịu đầu hàng, tranh nhau bám vào dây leo ra tàu, ta dùng súng cối và trọng liên uy hiếp. Bọn lính trên tàu cắt dây, lính trên dây rơi xuống biển. Một máy bay địch tìm chỗ thả người xuống tàu, bị hoả lực của đơn vị Chiến thắng bắn rơi.

Ngày 25/3, tất cả hơn 2000 nguy quân, nhân viên nguy quyền, những người thuộc các tổ chức chính trị của chế độ Sài Gòn ra hàng. Chính quyền cách mạng nhanh chóng giải quyết theo chủ trương hoà hợp dân tộc. Cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 ở Đức Phổ đã kết thúc thắng lợi. Quân và dân trong huyện đã loại khỏi vòng chiến đấu 3.200 tên địch, riêng số bị tiêu diệt là 265 tên, thu 12 khẩu pháo 105 ly, 1.486 súng các loại, hơn 50 xe quân sự, trong đó có 40 xe ở căn cứ Gò Hội chất đầy quân trang, quân dụng do địch chuẩn bị, nhưng chưa kịp tháo chạy.

Sau giải phóng, cùng với việc giải quyết những hậu quả do chiến tranh để lại, Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ động viên các lực lượng vũ trang, thanh niên tham gia cuộc tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng toàn tỉnh, giải phóng các tỉnh phía nam, giải phóng Sài Gòn, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc.

Ngày 4/4/1975, hơn 3000 đồng bào trong huyện hân hoan, phấn khởi tham dự lễ mừng chiến thắng được tổ chức trọng thể tại Phổ Ninh. Đồng chí Nguyễn Đức Lợi, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng đọc diễn văn chào mừng thắng lợi của

256

sự nghiệp giải phóng huyện nhà, kêu gọi đồng bào đoàn kết xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

*

* *

Trải qua 21 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã vượt qua nhiều gian nan, thử thách, giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở địa phương.

Tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ là một thử thách cực kỳ gay go đối với nhân dân ta, song nhờ có đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự chỉ đạo kịp thời của Khu uỷ khu V, của Tỉnh uỷ và đặc biệt là sự vận dụng sáng tạo, đúng đắn của Đảng bộ, quân và dân trong huyện, đã tô đậm truyền thống quê hương Đức Phổ anh hùng trong cuộc kháng chiến cứu nước lâu dài, gian khổ và ác liệt nhất trong lịch sử chống quân xâm lược của nhân dân huyện nhà.

Với chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, cùng với nhân dân trong cả nước, nhân dân Đức Phổ bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

KẾT LUẬN

Đảng bộ huyện Đức Phổ là một bộ phận của Đảng cộng sản Việt Nam. Trải qua 45 năm lãnh đạo nhân dân huyện nhà hoàn thành các nhiệm vụ lịch sử, đánh bại các kẻ thù xâm lược, xây dựng chính quyền dân chủ, nhân dân, Đảng bộ đã góp phần xứng đáng vào lịch sử đấu tranh oanh liệt, thắng lợi vẻ vang của Đảng và của dân tộc.

Là một Đảng bộ ra đời sớm (4/1930), ngay từ khi mới thành lập đã được Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chọn là nơi diễn ra phong trào chia lửa với Nghệ - Tĩnh trong cao trào 1930 - 1931. Suốt 15 năm sau đó, Đảng bộ Đức Phổ đã chiến đấu ngoan cường, dũng cảm, tích cực tham gia vào cuộc vận động giải phóng dân tộc, giành thắng lợi trọn vẹn trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng bộ và chính quyền nhân dân đã hết lòng chăm lo xây dựng chế độ mới, xây dựng Đức Phổ trở thành hậu phương vững chắc, cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ bất chấp sự khủng bố dã man, tàn bạo của đế quốc Mỹ và tay sai, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của chúng, cuối cùng kết thúc bằng chiến thắng ngày 23/3/1975, giải phóng huyện nhà, góp phần vào thắng lợi chung của quân và dân cả nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Góp phần vào chiến thắng chung của dân tộc, biết bao cán bộ, đảng viên, đồng chí, đồng bào của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã sẵn sàng hy sinh để giành độc lập tự do cho đất nước. Đó là xương máu, công sức của 6.584 liệt sỹ, 3.002 thương binh, 292 bệnh binh, 431 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 3.287 người hoạt động kháng chiến, 1.426 chiến sỹ cách mạng bị địch bắt, tù đày, hàng ngàn đồng bào bị địch giết hại, bị nhiễm chất độc hoá học.

Sự đóng góp của Đức Phổ cũng đã được Đảng, nhà nước ta trân trọng ghi nhận. Quân và dân huyện Đức Phổ, các xã Phổ Cường, Phổ Châu, Phổ Minh, Phổ Ninh, Phổ Thuận, Phổ Thạnh, Phổ Phong, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ Vinh, Phổ Nhơn, Phổ An, Phổ Khánh và Ban an ninh huyện Đức Phổ, Ban an ninh xã Phổ Văn và 8 cán bộ, chiến sỹ có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Nhiều tập thể và cá nhân được tặng huân, huy chương Thành đồng, huân, huy chương Giải phóng, huân huy, chương Quyết thắng.

Thử thách và rèn luyện trong phong trào cách mạng của nhân dân huyện nhà, nhiều đảng viên của Đảng bộ đã trở thành những tấm gương tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất, dũng cảm trước quân thù. Những con người đó đã đi vào lịch sử, trở thành hồn thiêng sông núi, đời đời bất diệt. Đó là các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Phạm Xuân Hoà..., và biết bao đồng chí, đồng bào, những người con của quê hương Đức Phổ anh hùng.

Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thực tiễn 45 năm lãnh đạo phong trào cách mạng của Đảng bộ Đức Phổ (1930 - 1975)

vẫn còn nguyên giá trị cho công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới hiện nay. Đó là:

1/ Tin tưởng tuyệt đối và chấp hành triệt để đường lối, chính sách của Đảng và vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào tình hình thực tiễn của phong trào cách mạng ở địa phương.

Đây là nhân tố quyết định sự thắng lợi của phong trào cách mạng trong bất kỳ tình huống nào, đặc biệt là những lúc phong trào cách mạng gặp khó khăn, đứng trước những bước ngoặt lớn của lịch sử. Đó là kiên định chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là chủ trương, chính sách, phương pháp cách mạng qua từng thời kỳ, từng giai đoạn lịch sử, phù hợp với đặc điểm tình hình của từng địa phương cụ thể.

Do hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, địch khủng bố gắt gao, lại xa sự chỉ đạo của Trung ương, của xứ uỷ, nhưng Đức Phổ là địa bàn hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, là địa phương được chọn là nơi nổ ra nhiều phong trào đấu tranh lớn. Do đó, cũng như các địa phương khác trong tỉnh, Đảng bộ Đức Phổ đã tỏ rõ tinh thần trách nhiệm cao trước Trung ương và Tỉnh uỷ trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng. Nổi bật là:

Trong lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng bộ đã phát động và lãnh đạo nhân dân tham gia cuộc biểu tình ngày 8/10/1930, ủng hộ cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh; tổ chức các phong trào đấu tranh công khai những năm 1936 - 1939; khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, nhờ quán triệt sâu sắc đường lối kháng chiến của Đảng, Đảng bộ đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối của Đảng vào tình hình thực tiễn của địa phương, giành thắng lợi rất quan trọng trong xây dựng, củng cố chính quyền, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội, xây dựng Đức Phổ trở thành hậu phương vững chắc, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Những năm sau ngày Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, Đảng bộ đã nghiêm chỉnh chấp hành việc chuyển quân tập kết, đấu tranh đòi Mỹ Diệm thi hành Hiệp định, chống “tố cộng”, “diệt cộng”. Mặc dù bị địch đánh phá ác liệt, phong trào cách mạng bị tổn thất nặng nề, nhưng Đảng bộ vẫn kiên trì thực hiện chủ trương của Trung ương, của Tỉnh uỷ. Khi có Nghị quyết 15 của Trung ương, Đảng bộ đã nhanh chóng chuyển hướng chỉ đạo, thực hiện “hai chân”, “ba mũi” giáp công, lập công xuất sắc, góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử giải phóng huyện nhà ngày 23/3/1975.

Niềm tin và sự kiên định với lý tưởng cách mạng đã trở thành nguồn động lực to lớn, thôi thúc Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ đạp bằng mọi trở lực, quyết chiến, quyết thắng quân xâm lược.

2/ Tin vào dân, dựa vào nhân dân, tổ chức, lãnh đạo và cùng với nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trong các giai đoạn cách mạng.

Thấm nhuần quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, ngay từ khi mới thành lập và trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, Đảng bộ Đức Phổ luôn

luôn tin tưởng ở sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, dựa vào nhân dân, tin tưởng và gắn bó mật thiết với nhân dân.

Tuyệt đại bộ phận nhân dân Đức Phổ đều mang trong mình truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng, cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động sản xuất, anh dũng, kiên cường trong chiến đấu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các tầng lớp nhân dân Đức Phổ bao gồm nông dân, công nhân, thợ thủ công, các nhà tư sản dân tộc, nhân sỹ, trí thức đã tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất tham gia đánh giặc, cứu nước. Mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, phong trào cách mạng có những nhiệm vụ khác nhau, do đó có những phương pháp vận động, tập hợp quần chúng khác nhau. Nhưng ở Đức Phổ có một đặc điểm chung, xuyên suốt quá trình vận động của phong trào cách mạng là hình thành được Mặt trận đấu tranh chính trị rộng lớn, luôn luôn là ngòi nổ của mọi cuộc đấu tranh, từ cao trào 1930 - 1931, 1936 - 1939, khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 đến hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Chính sức mạnh của nhân dân, của trận địa lòng dân đã làm cho phong trào cách mạng ở Đức Phổ liên tục diễn ra sôi nổi, quyết liệt trong tất cả các thời kỳ lịch sử.

Đảng vì dân, dân tin Đảng, đó là cội nguồn của sức mạnh, là nhân tố làm nên chiến thắng. 45 năm tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đầy khó khăn, thử thách, có những lúc tưởng chừng như không thể vượt qua được, nhưng nhờ sự gắn bó giữa Đảng với dân, Đảng bộ Đức Phổ ngày càng lớn mạnh, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của phong trào cách mạng ở Đức Phổ. Những năm tháng ấy, cán bộ, đảng viên dựa vào dân để đánh giặc, dựa vào dân để diệt ác, trừ

gian, vận động dân ủng hộ kháng chiến, động viên, khích lệ, giáo dục nhân dân tinh thần yêu nước. Chính vì vậy, cuộc chiến tranh giải phóng mà Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ tiến hành là một cuộc chiến tranh của toàn dân tham gia, diễn ra ở mọi nơi, mọi lúc và ngay cả trong chiến tuyến của quân thù. Đó là một cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại, không một sức mạnh nào của vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại có thể khuất phục được.

3/ Xây dựng Đảng bộ trở thành hạt nhân lãnh đạo chính trị, gắn bó máu thịt với nhân dân.

Lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh chống đế quốc, thực dân xâm lược, giành chính quyền và xây dựng chế độ mới đòi hỏi không chỉ là một khoa học mà còn là một nghệ thuật lãnh đạo của Đảng. Là một Đảng bộ ra đời sớm, lại có một thời gian dài là chỗ dựa của Đảng bộ và phong trào cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi, do đó ngay từ khi mới ra đời, Đảng bộ Đức Phổ đã đặt lên hàng đầu công tác xây dựng Đảng. Trong đó, vấn đề then chốt nhất là xây dựng Đảng bộ vững mạnh về tư tưởng, đoàn kết nhất trí, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của cấp trên.

Thực tiễn 45 năm lãnh đạo phong trào cách mạng, nét nổi bật trong công tác tư tưởng của Đảng bộ huyện Đức Phổ là trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đặt lên hàng đầu nhiệm vụ quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, xây dựng và giữ vững ý chí chiến đấu, kiên cường bất khuất trong mọi hoàn cảnh, kiên trì chịu đựng gian khổ, hy sinh, chống bị quan, thoả hiệp, ngại gian khổ, đồng thời chống tư tưởng thoả mãn, chủ quan, khinh địch.

Cùng với việc đặt lên hàng đầu công tác tư tưởng, Đảng bộ Đức Phổ luôn luôn có quyết tâm cao trong công tác tổ chức thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng. Trong tất cả các thời kỳ cách mạng, Đảng bộ luôn coi trọng công tác xây dựng lực lượng cách mạng, bảo đảm trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng bộ cũng lãnh đạo được lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị đấu tranh chống quân xâm lược và bè lũ tay sai. Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện đường lối của cấp trên, nét đặc sắc của Đảng bộ là kiên trì thực hiện triệt để việc bám đất, bám dân, dù phải hy sinh cũng không được xa rời dân, xa rời cơ sở cách mạng. Đó là bí quyết của cuộc chiến tranh nhân dân, là điều kiện để phong trào cách mạng tồn tại ngay cả trong sào huyệt của địch, trong hậu phương của địch.

Bám dân, bám đất gắn liền với củng cố và phát triển Đảng. Hai nhiệm vụ đó được tiến hành đồng thời và là điều kiện để Đảng tồn tại và phát triển. Đây cũng là một kinh nghiệm trong kháng chiến mà Đảng bộ Đức Phổ tích lũy được trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Tuy có lúc Đảng bộ mắc phải thiếu sót, phát triển đảng viên một cách ồ ạt như thời kỳ năm 1949 hoặc chỉ chú trọng phát triển số lượng, ít quan tâm đến chất lượng đảng viên, nhưng nhìn chung trong 45 năm chiến đấu chống quân xâm lược, Đảng bộ đã thực hiện một cách xuất sắc công tác phát triển đảng viên, rèn luyện các thế hệ cách mạng kế tiếp có đủ bản lĩnh và phẩm chất cách mạng tiếp tục tiến hành sự nghiệp kháng chiến chống quân xâm lược đến thắng lợi hoàn toàn. Từ chỗ chỉ có 11 đảng viên trong ngày đầu thành lập - 45 năm sau - năm 1975, trong hoàn cảnh chiến tranh hết sức khốc liệt, toàn



Hội nghị Ban thường vụ Huyện ủy thông qua bản thảo tập sách
“Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ (1930 - 1975)” xuất bản 1995



Toạ đàm góp ý nội dung bản thảo tập sách tái bản năm 2005

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM



Hội nghị Ban thường vụ Huyện ủy thông qua bản thảo tái bản tập sách năm 2005

Đảng bộ đã phát triển được một đội ngũ đông đảo với 1.032 đảng viên, là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong phong trào cách mạng của nhân dân huyện nhà.

Nhờ quan tâm sâu sắc đến công tác tư tưởng và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ bất chấp gian khổ, hiểm nguy, người trước hy sinh, người sau tiếp tục chiến đấu bền bỉ, hết thế hệ này đến thế hệ khác, ròng rã gần nửa thế kỷ chống quân xâm lược.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, phát triển đảng viên, củng cố tổ chức Đảng chính là nhằm xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ. Đặc biệt là những lúc phong trào cách mạng ở địa phương gặp khó khăn hoặc đứng trước những thử thách hiểm nghèo do địch đánh phá ác liệt, đảng viên bị bắt, cơ sở Đảng bị phá vỡ thì sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ càng có ý nghĩa sống còn đối với phong trào cách mạng. Những năm sau cao trào 1930 - 1931, những năm địch “tố cộng”, “diệt cộng” ác liệt, những năm sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968... là thời kỳ khó khăn nhất, nhưng nhờ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, nên phong trào cách mạng của nhân dân Đức Phổ tiếp tục được giữ vững và phát triển.

Lịch sử là một dòng chảy liên tục của thời gian. Tất cả những kinh nghiệm lịch sử mà Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ tích lũy được trong những năm 1930 - 1975 sẽ là tài sản vô cùng quý báu, bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương Đức Phổ anh hùng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH HỘI VIÊN HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN Ở ĐỨC PHỐ⁽¹⁾ (*Kể cả chính thức và dự bị*)

1/ Nguyễn Nghiêm	Phổ Phong
2/ Võ Trung	“
3/ Huỳnh Long Thành	“
4/ Huỳnh Thanh	“
5/ Nguyễn Khiết	“
6/ Mai Xuân Thượng	“
7/ Mai Thí	“
8/ Trần Kha	“
9/ Phạm Mâu	“
10/ Huỳnh Toàn Cầu	“
11/ Nguyễn Cư	“
12/ Nguyễn Suyền	“
13/ Huỳnh Chư	Phổ Văn
14/ Đặng Dụng Phu	“
15/ Nguyễn Du	“
16/ Trần Lãm (Trần Ruộng)	“

⁽¹⁾ Danh sách hội viên chưa được thống kê đầy đủ. Chúng tôi đang tiếp tục sưu tầm, bổ sung.

17/ Nguyễn Tuyên	“
18/ Huỳnh Quang Du	“
19/ Huỳnh Đăng Thuật	“
20/ Võ Ngọc Oanh	“
21/ Trần Ngọc Diệp	“
22/ Huỳnh Tấn Ích	“
23/ Trần Quán	“
24/ Cao Luân	Phổ Nhơn
25/ Nguyễn Kinh	“
26/ Trần Kỳ	Phổ Thuận
27/ Nguyễn Lượng	“
28/ Huỳnh Thí	Phổ Minh
29/ Nguyễn Hiền	“
30/ Trương Quang Tuyển	“
31/ Võ Thị Cơ	“
32/ Nguyễn Khánh	Phổ An
33/ Nguyễn Hỷ	“

**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC PHONG TẶNG
DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN**

T T	Họ và tên	Quê quán	Ngày ký Q.định
1.	Phạm Đình Nghiệp	Xã Phổ Cường	17/09/1967
2.	Liệt sĩ Lê Văn Cao	Xã Phổ Cường	20/12/1969
3.	Võ Duy Chín	Xã Phổ Châu	20/10/1976
4.	Liệt sỹ Châu Thọ Chín	Xã Phổ Cường	06/11/1978
5.	Liệt sỹ Nguyễn Bá	Xã Phổ Thạnh	06/11/1978
6.	Nguyễn Văn Tròn	Xã Phổ Thuận	06/11/1978
7.	Liệt sỹ Trần Luân	Xã Phổ Thạnh	20/12/1994
8.	Liệt sỹ Võ Tiến Sỹ	Xã Phổ Minh	22/07/1998

**DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHONG
TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN**

(Ghi theo thứ tự thời gian được phong tặng)

TT	Tên địa phương, đơn vị	Ngày ký Quyết định
1	Xã Phổ Cường.	20/12/1972
2	Huyện Đức Phổ.	06/01/1978
3	Xã Phổ Châu.	06/01/1978
4	Xã Phổ Minh.	20/12/1994
5	Xã Phổ An.	30/08/1995
6	Xã Phổ Thạnh.	29/01/1996
7	Xã Phổ Văn.	29/01/1996
8	Ban An ninh huyện Đức Phổ.	22/07/1998
9	Ban An ninh xã Phổ Văn.	22/07/1998
10	Xã Phổ Phong.	11/06/1999
11	Xã Phổ Thuận.	11/06/1999
12	Xã Phổ Ninh.	11/06/1999
13	Xã Phổ Quang.	29/04/2000
14	Xã Phổ Khánh.	29/04/2000
15	Xã Phổ Vinh.	29/04/2000
16	Xã Phổ Nhơn.	15/08/2003

DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY
(*Giai đoạn 1930 - 1975*)

TT	Họ và tên	Quê quán	Thời kỳ làm Bí thư	Ghi chú
1.	Nguyễn Suyễn	Phổ Phong	Tháng 4/1930-10/1930	
2.	Huỳnh Toàn Cầu	Phổ Phong	11/1930-12/1931	
3.	Nguyễn Tuần	Phổ Ninh	1931	
4.	Huỳnh Toàn	Phổ Phong	Đầu 1932- giữa 1932	
5.	Phạm Quy	Phổ Hoà	Giữa năm 1932.	
6.	Phạm Xuân Hoà	Phổ Cường	Tháng 10/1933-1934	
7.	Tạ Mỹ Ban	Phổ Cường	1935	
8.	Nguyễn Ty	Phổ Thuận	1936 - 1939.	
9.	Trần Lãm	Phổ Văn	12/ 1944- 1945.	
10	Nguyễn Đình Thống (Chánh)	Phổ An	1945 - 1946	
11	Nguyễn Anh Hoài	Phổ Hoà	1946-1949	
12	Huỳnh Phước	Phổ An	1949	
13	Võ Trung Thành	Phổ Cường	1949	
14	Nguyễn Duân	Phổ Minh	1950	
15	Mai Xuân Đình	Phổ Khánh	1950	
16	Nguyễn Duy Ấn	Phổ Hoà	1951.	
17	Nguyễn Trực	Phổ Phong	1951-1952	
18	Lê Phó	Phổ Nhơn	1952-1955	
19	Đoàn Nhật Nam	Phổ Cường	1959, 1963, 1967	
20	Võ Bân	Phổ Minh	1962-1965	
21	Phan Minh Nga	Phổ Ninh	1965.	
22	Mai Xuân Ba	Phổ Khánh	1966	
23	Nguyễn Thế Tấu	Phổ Cường	1968	
24	Đình Trọng Tân	Phổ Nhơn	1969-1973	
25	Đỗ Tiến Cửa	Phổ Cường	1973-3/1975	

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU KHEN THƯỞNG VỀ THÀNH TÍCH TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN

1. Tổng số liệt sỹ : 6.584.
2. Tổng số thương binh : 3.002.
3. Tổng số bệnh binh : 292.
4. Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 431 (trong đó còn sống 77).

Trong đó:

- Số bà mẹ có 6 con là liệt sỹ: 2 bà mẹ

+ Mẹ Đồng Thị Minh (Phổ Quang)

+ Mẹ Nguyễn Thị Đổng (Phổ Khánh)

- Số bà mẹ có 5 con là liệt sỹ: 8 bà mẹ

+ Mẹ Đỗ Thị Ty (Phổ Văn)

+ Mẹ Đặng Thị Lương (Phổ Văn)

+ Mẹ Huỳnh Thị Đào (Phổ Văn)

+ Mẹ Mai Thị Phường (Thị trấn Đức Phổ)

+ Mẹ Phạm Thị Hợi (Phổ Quang)

+ Mẹ Trần Thị Lục (Phổ Cường)

+ Mẹ Lê Thị Chử (Phổ Vinh)

+ Mẹ Phạm Thị Lại (Phổ Văn)

5. Toàn huyện có 3.287 người hoạt động kháng chiến, 1.426 người bị địch bắt tù đày.

6. Toàn huyện được tặng thưởng 18.939 huân chương; 9.952 huy chương; 7.101 bằng khen.

(Tính đến ngày 16/4/2005).

CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ ĐÃ ĐƯỢC XẾP HẠNG

I/ Cấp quốc gia

1/ Di tích lịch sử:

- Huyện đường Đức Phổ (Thị trấn Đức Phổ)

2/ Di tích văn hoá:

- Di chỉ khảo cổ văn hoá Sa Huỳnh (xã Phổ Khánh)

II/ Cấp tỉnh

1/ Di tích lịch sử:

- Chiến thắng Quay Mỏ (xã Phổ Cường).
- Vụ thảm sát Thanh Sơn (xã Phổ Cường).
- Vụ thảm sát Bàn Thạch (xã Phổ Cường).
- Vụ thảm sát Hội An (xã Phổ An).
- Chiến thắng Phổ An (xã Phổ An).
- Vụ thảm sát Tập An Nam (xã Phổ Văn).
- Vụ thảm sát Vĩnh Bình (Thị trấn Đức Phổ).
- Vụ thảm sát Trà Câu (xã Phổ Văn).
- Núi Xương Rồng (xã Phổ Thuận).
- Vụ thảm sát Chợ Chiều, Giếng Thí (xã Phổ Khánh).
- Chiến thắng đèo Mỹ Trang (xã Phổ Cường).
- Chiến thắng Cầu Giác (xã Phổ Thuận).

2/ Di tích văn hoá:

- Liên Trì dục nguyệt (xã Phổ Thuận).

3/ Đền, chùa, miếu, lăng..

- Bi ký Chàm (xã Phổ Thạnh).

- Nhà thờ và mộ Trần Ngọc Trác (xã Phổ Văn).

- Nhà thờ và mộ Huỳnh Công Thiệu (xã Phổ Ninh).

- Nhà thờ và mộ Huỳnh Đăng Khoa (mộ ở xã Phổ Ninh, nhà thờ ở xã Phổ Văn).

Thơ văn cách mạng

Đâu đành nằm im

Nguyễn Nghiêm

*Tử sanh sanh tử là gì?
Dem thân ra trận mà thi mới hào.
Đền nợ nước, xối máu đào,
Đã vì nghiệp lớn, xá nào tình riêng!
Đời còn lắm nổi truân chuyên,
Nước nhà ly loạn đâu yên việc nhà!
Tình dân nghĩa nước bao la,
Phát cao cờ Đảng xông pha chiến trường,
Thân dù nát thịt tan xương,
Giống nòi sống mãi, non sông huy hoàng.
Lòng ta chan chứa nhiệt thành,
Dẫu rằng ngã xuống đâu đành nằm im,
Biến thành hồn nước thiêng liêng,
Hoà trong sóng cả xông lên diệt thù.
Đôi lời nhắn bạn chinh phu:
Tử sanh há để mờ lu chí hùng.*

Giờ nổi vùng lên ⁽¹⁾

Nguyễn Hữu Mô

Mười sáu tháng Tám.
Đêm thu trăng sáng,
Lúc canh hai đã thấp thoáng đông người.
Đến Gò Đa, Tân Hội,
Giục tiếng trống đầu tiên dữ dội,
Báo hiệu nhanh "giờ nổi vùng lên"
Hùng Nghĩa ba thôn
Văn Trường, Mỹ Thuận,
Trống mỗi phút, mỗi giây lan rộng
Khắp bầu trời ba tổng: Cẩm, Ca, Tri.
Chuẩn bị xong, người người kéo ra đi
Nào cơm gói,
Nào dùi dây,
Nào cờ cầm tay,
Nào băng, biểu ngữ.
Có toán phá ngõ,
Có toán vượt đồng,
Có toán phá đập,
Có toán băng sông
Tất cả về địa điểm tập trung.
Tại Lộ Bàn đám đất bên trường,
Một giờ sáng ba nghìn người có mặt,

Một đồng chí giả người ở Bắc,
Bước lên đài diễn thuyết mọi người nghe.

Đồng chí nói :

“Thưa toàn thể đồng bào thân mến,
Nước Việt Nam hơn bốn nghìn năm,
Đã từng chống giặc ngoại xâm,
Rạng trang lịch sử, tiếng tăm lẫy lừng.
Nào Phù Đổng, Bà Trưng, Bà Triệu,
Nào Lý, Ngô, Hưng Đạo, Úc Trai,
Đẹp thù trong, đuổi giặc ngoài.
Tây Sơn nối tiếp, thu hồi giang sơn.

Việc chẳng may, Gia Long phá nước,
Về giày mồ, chúng rước voi Tây,
Bán nước, cướp nước hai tay,
Triều đình với Pháp cả bầy hại dân.

Đồng bào chịu trăm phần khổ nhục,
Đồng đứng lên Nam Bắc một lòng.
Trương Định, Hoàng Thám, Phan Phùng,
Lê Đình, Mai Thưởng khắp vùng dâu dâu.

“Nay đến lượt đồng bào Nghệ Tĩnh.
Hàng vạn người sát cánh biểu tình.
Phong trào tiếp tục đấu tranh,
Xông lên, cương quyết hy sinh đòi quyền.

Ta chẳng lẽ ngồi yên, đứng ngó,
Để thực dân khùng bố giống nòi,
Đồng bào yêu nước ta ơi!
Quốc thù không thể một trời đội chung.

“Giờ có Đảng Đông Dương cộng sản.
Đảng dẫn đầu cách mạng chúng ta.
Đảng mưu độc lập nước nhà,
Tự do cơm áo, làm đà tiến lên.
Đảng kêu gọi công nông binh,
Cùng nhau xiết chặt, giành quyền lợi chung.
Đảng kêu cả nước anh hùng,
Phá tan nô lệ, quyết vùng đứng lên!”

*

* *

Lời vừa dứt, tiếng hô như sấm,
Người người tay đưa quả đấm lên cao,
Miệng hét to: “ - giảm thuế, giảm sưu!
- Chống khùng bố đồng bào Nghệ - Tĩnh!
- Đả đảo đế quốc!
- Đả đảo phong kiến!
- Độc lập tự do thực hiện.
- Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm!”

Nghe mối thù, càng thấm càng căm.
Nghe lời Đảng càng tin, càng quyết tới.

Hàng loạt truyền đơn,
Tuôn ra như xối.
Mọi người xem như cởi tấm lòng.
Mít tinh mọi việc vừa xong.
Lệnh chỉ huy gọi: đồng bào trật tự.
Đâu đó xếp thành hàng ngũ,
Thấy rập ràng rậm rộ bước chân đi.
Gió tung bay phấp phới ngọn hồng kỳ,
Chiếu liềm búa trắng khuya vàng rực rỡ.
Tiếng trống đánh trời long núi lở,
Giương cao băng, biểu ngữ chính tề.
Trống nhịp nhàng mà hùng tráng oai nghi.
Từng chặng một, đội chỉ huy cất tiếng:
“ Đi lên! Đi lên!
Mau lên! Tiến lên!
Chị em! Anh em!
Mau lên! Tiến lên!”
Muôn triệu người dân ta đứng lên!
Quyết đánh tan những loài đế quốc!
Quyết đánh tan những quân phong kiến!
“ Đi lên! Đi lên!
Mau lên! Tiến lên!
Chị em! Anh em!
Mau lên! Tiến lên!”
“ Chúng ta đi thị uy biểu tình.
Tổ một lòng cùng nhau đoàn kết.

*Thề một lòng cùng nhau sống chết,
Đạp cường quyền bước tới đấu tranh.
Lướt súng thù, vững bước đấu tranh.*

“ Đi lên! Đi lên!

Mau lên! Tiến lên!

Chị em! Anh em!

Mau lên! Tiến lên!”

*Quyết phen này giành quyền tự do,
Quyết phen này giành quyền độc lập.*

Quyết phen này xây nền hạnh phúc.

Quyết phen này cuộc đời ấm no.

Quyết phen này muôn thuở ấm no.

“ Đi lên! Đi lên!

Mau lên! Tiến lên!

Chị em! Anh em!

Mau lên! Tiến lên!”

Này! này! này! Đông Dương cộng sản.

Mừng trong lòng từ đây có Đảng,

Vững bước đường từ đây theo Đảng.

Nhắm cờ hồng ta hãy tiến lên!

Phát cờ hồng ta cứ kéo lên!

“ Ta hè tiến lên!

Tới! tới! tới!

Đoàn biểu tình trong lúc đi hăng hái,

Đội tự vệ nhiệm vụ lo xem lại,

Ai lười thôi cần phải nghiêm minh.

Đội phòng gian đi bắt những tên,
Phản động, cường hào, mấy quân tình báo.
Hoặc đưa ra cảnh cáo,
Hoặc bịt mắt dẫn theo.
Lo ngăn đường, phá cống dẫn cây.
Đội "phòng triệt" chặn lính Tây, cứu viện.
Đoàn biểu tình trên bước tiến,
Chốc chốc lại thêm đông.
Cuồn cuộn như sóng dâng,
Ào ào như bão táp.

Gần mờ sáng xông vào vây huyện lỵ.
Bọn quan lại khiếp vía, kinh hồn.
Miễn thoát thân, trời kệ nha môn.
Chúng bỏ huyện từ bao giờ, trốn mất.

Thù lâu đời chồng chất,
Khí thế dương bùng bùng,
Có toán xông vào trại,
Bẻ gông, phá cùm, giải phóng phạm nhân.
Có toán lên công đường, đập tan cửa kính.
Đập, đập, đập,
Ấn, dấu, súng,
Đèn huyền, ghế tựa.
Tủ thuế khoá sổ bộ,
Luật lệ, hồ sơ.

*Dem ra sân chất đồng đốt ra tro,
Tiêu tan áp bức!
Có toán xuống tư thất, đập va ly, trấp bạc.
Bạc tung ra, nhưng không mất một đồng.
Có chị nhìn xe kéo gọng đồng,
Miệng vừa nói : Đây là cửa bóc lột.
Dùi nơi tay chị đập gãy ngay.*

*Đất bờ thành: biểu ngữ, cờ, băng,
Đầy mặt đất rải truyền đơn bướm bướm.
Lá cờ Đảng,
Lá cờ đầu tiên, cờ chỉ huy to tướng,
Kéo hiên ngang, bay lượn trên không.
Chương trình xong, trời sắp chiếu tia hồng.
Lệnh tuyên bố: Cuộc biểu tình giải tán.*

*

* *

*Giờ giải tán đoàn quân gần nửa vạn,
Phấn khởi như thắng trận khải hoàn,
Từ đây thể đúc lá gan,
Dò lần theo Đảng lên đường đấu tranh...*

(1) Bài thơ trên được sáng tác tập thể do đồng chí Nguyễn Hữu Mô hiệu đính và cung cấp. Đầu đề bài thơ do Ban biên soạn đặt.

ĐIỀU VĂN CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI TRUY ĐIỆU ĐỒNG CHÍ NGUYỄN NGHIÊM

Sử nhân loại đầy những trang thảm khốc!
Yếu là thua mạnh là được, lẽ bất công do lũ cường quyền.
Dân Việt nam ta, qua bao cuộc đấu tranh, lớp trước hạ lớp
sau trời, lòng bất khuất trước quân tàn bạo.
Sống làm trâu; làm ngựa sống tôi đòi, sống rất nhục nhơ.
Chết vì nước, vì dân; chết khí tiết, chết càng oanh liệt.
Nhớ anh xưa
Dòng dõi khoa danh, con nhà cách mạng
Xa Nghiêm phụ từ khi thơ ấu,
Chân trời góc biển, ngóng Côn Sơn tấc dạ hiếu nhi;
Nương từ thân đến lúc trưởng thành,
Hận thù nhà, trong cảnh hướng đau lòng chí sỹ.
Vào Nam ra Bắc len lỏi tìm tòi,
Hội nọ, đảng kia tham gia bí mật.
Mừng gặp sóng công nông bên Trung Quốc tràn sang,
Cờ búa liềm từ Xô Nga phát tới,
Liếc mắt rõ ràng thời đại mới.
Bất liên lạc, cùng anh em tỉnh bạn tiếp thu chủ nghĩa Mác
Lênin,
Chen vai gánh vác địa phương nhà
Để điều dắt quần chúng nhân dân đảm đang trọng trách.
Tuyên truyền cổ vũ
Tổ chức dựng xây,
Ra sức hô hào,

Bắt tay hành động,
Treo cờ, rải giấy đầy khắp xóm làng,
Mít tinh, biểu tình xông vào phủ huyện.
Phong trào ô ạt, lũ thực dân phách lạc, hồn xiêu,
Khí phách lầy lừng, tội quan lại chuột lùi chó chạy,
Vừa nối tiếp Nghệ An - Hà Tĩnh,
Trải mấy phen tranh đấu, lấy tinh thần chống chọi súng
gươm;
Đã kết liên Nam Bắc hai kỳ,
Quyết một trận lớn lao, dốc lực lượng chuyển giao thời
cuộc.

*

* *

Không ngờ ngày mười tám tháng giêng anh bị giặc bắt!
Thời cơ còn đó sao anh vội đi đâu!
Công việc chữa thành, sao anh đành bỏ dở!
Vì đâu nên nổi?
Chém cha phường công rấn cắn gà nhà,
Tám kiếp lũ rước voi giày mả tổ.
Ngày 6/3 là ngày căm thù sâu sắc;
Quân dã man cướp sống bạn đồng tâm !
Năm 30-31, năm chiến đấu vẻ vang:
Đảng Cộng sản Đông Dương giương cao cờ quyết thắng !
Chúng lắm tướng giết anh là dập tắt phong trào.
Anh mỉm cười với chúng, càng nêu cao phẩm chất.
Nhớ lại lúc còn nằm trong ngục thất,
Vẫn tranh thủ tuyên truyền binh lính, nhắc nhở anh em.

Cho đến khi ra pháp trường vẫn ung dung đọc bài từ trần,
ngâm thơ giã bạn.

Nhiệm vụ nặng bản thân coi nhẹ, rất đáng kính yêu !

Giành sống chung, đành chịu thác riêng, vô cùng anh dũng.

Xác tuy chết, tinh thần không chết.

Chết đi theo Các Mác, Lê nin.

Người không còn danh tiếng vẫn còn, còn sống mãi với Trà
giang, Bút lĩnh.

Một người xương, ngàn vạn người tiếp ứng, quyết phục thù,
nổi chí ngày mai.

Một kẻ ngã, ức triệu người đứng lên, thề xẻ thịt, phanh
thây chúng nó !

Than ôi,

Hạc bay bổng lên non,

Ngọc chìm sâu xuống biển!

Gương sáng cố nhân để lại,

Chúng ta cương quyết noi theo.

Bánh xe lịch sử không lùi,

Cách mạng Việt Nam tấn tới.

Ngàn vạn quả tim sôi,

Một vài dòng máu nhỏ...

1931.

Tác giả diếu văn là đồng chí Trần Kinh Luân, quê ở xã Phổ Cường, huyện
Đức Phổ, tham gia cách mạng từ năm 1930 - 1931, nay đã mất.

QUYẾT NỐI CHÍ NGƯỜI ĐI TRƯỚC

Trần Toại

Tỉnh Quảng Nghĩa có triều tranh đấu mới.

Ai là người đề xướng đầu tiên?

Tân Hội thôn, đồng chí Nguyễn Nghiêm,

Thấy nòi giống lâm than mà cháy ruột !

Bấm đốt tay, tính từ ngày Pháp thuộc,

Bảy mươi năm, kiếp ngựa thân trâu.

Lũ quý tham tàn có kể chi đâu

Nào thuế, nào xâu ngày càng tăng mãi.

“Tinh vệ hậu, chí năng điền hải,

Ngu công thù hà nại di sơn”

Thương giống nòi, nào quản gian nan,

Vẫn giữ vững gan đồng dạ sắt.

Thay hình dạng vào Nam ra Bắc,

Nay công trường, mai đến thôn quê.

Mầm Cộng sản tìm kiếm đem về,

Lập tổ chức mọi người liên hiệp lại.

Đức Phổ huyện biểu tình kéo tới.

Quan văn thư thiêu huỷ sạch sành sanh.

Rồi Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành,

Cùng Mộ Đức nổi sóng triều dữ dội.

Nào có binh đoàn, pháo đội.

Hai tay không, nâng đỡ cả đất trời.

Thức tỉnh lòng người đứng dậy khắp nơi.

Chân lý gọi sáng ngời nhân thế !

“Tự cố hữu sinh, ung hữu tử”
Chết mà còn nòi giống ngày nay
Đường đấu tranh sinh tử có bao nài.
Người đã chết! Kẻ sống còn ghi nhớ.
Muốn thoát khỏi kiếp tù đầy, nô lệ
Phải biết đem máu đổ nhuộm non sông!
Anh chị em học sinh, binh lính, công nông
Hãy đứng dậy!
Phất cao cờ hồng nối chí người đi trước
Diệt sạch lũ ngoại xâm bạo ngược,
Cho tự do bừng sáng chí bình sinh,
Cho tuổi vàng thoả nguyện những vong linh,
Cùng nhân loại tiến lên đài hạnh phúc.

Phú Yên, 1931.

Thơ trong tù

Nguyễn Lưu

Làm trai quyết trả nợ tang bồng,
Gian khổ nào lay nổi chí hùng.
Lỡ vận sá gì thân các chậu,
Sa cơ chi kể phận chim lồng,
Tình nhà xin hẹn cùng trời đất,
Nợ nước lo đền với núi sông.
Chiến bại nay rồi mai chiến thắng,
Làm sao khỏi hổ giống Tiên Rồng.

1938

MỤC LỤC

Mở đầu: Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và truyền thống yêu nước.....	5
Phần thứ nhất: Quá trình ra đời và sự lãnh đạo của Đảng bộ trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1929-1945).....	16
<i>Chương I :</i>	
Đảng bộ huyện Đức Phổ ra đời và lãnh đạo nhân dân tham gia cao trào cách mạng 1930-1931.....	16
<i>Chương II:</i>	
Củng cố tổ chức Đảng và lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ (1932-1939).....	39
<i>Chương III:</i>	
Lãnh đạo cuộc vận động cứu quốc. Khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 (1939-1945).....	60
Phần thứ hai :	
Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954).....	79
<i>Chương IV:</i>	
Năm đầu xây dựng chế độ mới, tích cực chuẩn bị kháng chiến (1945-1946).....	79
<i>Chương V:</i>	
Ra sức xây dựng và bảo vệ hậu phương, đóng góp sức người sức của cho cuộc kháng chiến chống pháp (12/1946 – 12/1949).	91
<i>Chương VI:</i>	
Ổn định, phát triển sản xuất và đời sống, tích cực chi viện cho tiền tuyến, góp phần đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1950-1954).....	114

Phần thứ ba :

Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975).....138

Chương VII:

Đấu tranh đòi địch thi hành hiệp định Giơ ne vơ, chống chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” của địch, duy trì và phát triển lực lượng cách mạng (1954-1959).....138

Chương VIII:

Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ trong giai đoạn đấu tranh chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1960-1965).....158

Chương IX :

Phát huy thế mạnh của chiến tranh nhân dân, góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965-1968).....185

Chương X:

Góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969-1972).....206

Chương XI:

Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn huyện Đức Phổ góp phần giải phóng toàn tỉnh, giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc (1973-1975).231

Kết luận258

Phụ lục.....266

In 1.500 quyển, khổ 14,3 x 20,3cm, tại Công ty In – PHS và TB
Quảng Ngãi. Giấy phép xuất bản số: 43/GPXB-VHTT
do Sở Văn hóa – Thông tin Quảng Ngãi cấp ngày 27/9/ 2005.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2005.

**NÚI XƯƠNG RỒNG
NƠI HỌP HỘI NGHỊ
THÀNH LẬP TỔ CHỨC
DỰ BỊ CỘNG SẢN
TỈNH QUẢNG NGÃI
(THÁNG 7 - 1929)**

**THẮNG CẢNH
CỬA MỸ Á,
SÔNG TRÀ CẦU,
NƠI DIỄN RA CUỘC HỌP
THÀNH LẬP BAN
CÁN SỰ TRUNG - NAM
CỦA XỨ ỦY TRUNG KỲ
(THÁNG 4 - 1935)**

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000079

